

Jack London

TÁC PHẨM CHỌN LỌC



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

JACK LONDON

Tác phẩm chọn lọc

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
HÀ NỘI 2001**

SÔNG LỚN CANACA

Khi đôi vợ chồng Li Báctơn và Iđã bước ra khỏi phòng thay quần áo, đám phụ nữ Mỹ đang nghỉ ngơi dưới bóng rặng cây "hao" bao quanh bãi tắm của khách sạn Môn đều khẽ thốt lên "A"! Và họ tiếp tục tỏ thái độ như thế suốt trong lúc đôi vợ chồng Báctơn đi ngang qua chỗ họ nghỉ để ra phía bờ biển. Anh chồng chắc gì đã tạo cho họ ấn tượng mạnh đến như vậy. Những phụ nữ Mỹ nghỉ ở đây đều thuộc loại người phải thốt lên "A"! khi nhìn thấy một người đàn ông mặc đồ tắm biển, cho dù đây là một chàng trai tuyệt diệu, vạm vỡ và rắn rỏi đi nữa. Thật ra một thân thể hoàn chỉnh đến như thế sẽ phải làm cho bất kỳ huấn luyện viên bơi lội nào nhìn thấy cũng phải thở dài một cách hài lòng sâu sắc. Nhưng những huấn luyện viên ấy sẽ không kêu "A" lên như đám phụ nữ trên các bãi tắm, bởi vì những người phụ nữ này đã bị xúc phạm đến những tình cảm tốt đẹp nhất.

Chính chị vợ anh, Iđã Báctơn mới là người làm cho đám phụ nữ kia khó chịu và lo lắng. Họ dè bủu chị. Họ chê trách một cách dứt khoát, ngay từ khi mới

nhìn thấy chị lần đầu. Họ chính là những người có biệt tài tự lừa dối bản thân. Họ tưởng tượng ra rằng, bộ đồ tắm của chị làm họ chướng mắt. Nhưng Phrôido đã có lý khi ông quả quyết rằng, mỗi khi đụng đến vấn đề giới tính, con người ta dễ có chiều hướng dùng điều mình tưởng tượng ra thay thế cho điều có thật một cách vô tình, rồi lại đau khổ với cái điều do chính mình tưởng tượng ra, không kém so với trường hợp khi điều ấy là có thật.

Bộ đồ tắm biển của Ida Bacton rất hấp dẫn, đan bằng thứ sợi len màu đen rất mịn, đường viền và thắt lưng màu trắng, mở cổ không rộng, hai ống tay rất ngắn và váy cũng rất ngắn. Dù cho váy của chị có ngắn đến mấy đi nữa thì đồ lót dẹt kim bên trong vẫn cứ còn ngắn hơn. Tuy nhiên, ở bãi tắm cạnh đáy của Cầu lạc bộ Thuyền Buồm, và ở dải cát sát bờ biển có cả hàng chục phụ nữ ăn mặc còn táo bạo hơn, nhưng có khiến ai chú ý đến một cách đặc biệt như thế đâu. Đồ tắm của họ cũng ngắn cùn cùn và cũng ôm chặt lấy người như thế mà lại hoàn toàn không có ống tay, giống như áo tắm đàn ông. Còn cổ, lưng và nách của họ đều mở rất rộng, chúng tỏ họ nắm vững thời trang năm 1916.

Như vậy, 'không phải bộ đồ tắm của Ida làm đám phụ nữ kia khó chịu, mặc dù họ đinh ninh rằng đúng là như thế. Thật ra cái làm họ thấy chướng mắt lại chính là đôi chân của chị, hay nói cho đúng hơn, là

toàn bộ con người Ida, vẻ đẹp rực rỡ của tính nữ lộ lộ đầy quyến rũ và khiêu khích của chị. Từ những mệnh phụ tuổi tác và đáng kính đến những bà trung niên và những cô gái trẻ đều cảm thấy rõ ràng sự khiêu khích ấy. Họ là những người sợ nắng gió đang cố bảo vệ tấm thân yếu ớt, mềm nhéo và làn da mặt nhợt nhạt của họ khỏi bị mặt trời chiếu vào. Đúng, nhìn chị người ta thấy sự khiêu khích, sự thách thức lẫn sự khinh miệt đối với tất cả những nữ đối thủ trong cuộc giành giật nhỏ nhen và chính họ tự bày đặt ra rồi tiến hành với một niềm tin rằng nhất định họ phải thắng.

Nhưng đám phụ nữ kia không nói thẳng ra điều ấy. Thậm chí cả trong ý nghĩ họ cũng không tự cho phép được thú nhận điều ấy. Họ tưởng tượng ra rằng toàn bộ tội lỗi của cô gái kia là nằm trong bộ đồ tắm. Họ lên án nó, làm như thể họ không nhìn thấy hàng chục phụ nữ khác ăn mặc còn táo bạo hơn Ida, nhưng không đẹp đến mức nguy hiểm như chị.

Nếu có cách nào sàng lọc ý nghĩ của những vị bảo vệ đạo đức ấy được, thì sẽ động lại trên mặt sàng cái ý nghĩ ghen ghét thuần túy phụ nữ: "không thể cho phép một đứa con gái nào được xinh đẹp đến thế! Không thể cho phép nó tự do khoe khoang toàn bộ sắc đẹp của nó như thế được!". Để một đối thủ nguy hiểm như thế xuất hiện thì liệu còn người đàn ông nào ngớ ngàng đến họ nữa?

Họ nghĩ như thế là đúng. Bởi vì khi hai ông bà Páttecxon tắm xong, nằm nghỉ trên bãi cát bên cạnh con suối, nơi vợ chồng Li Bắctơn và Ida lội ngang qua để sang bãi tắm của Câu lạc bộ Thuyền Buồm, thì ông Atenli Páttecxon đã nói với vợ như sau:

- Ôi, lạy vị thánh bảo hộ nghệ thuật và bảo hộ các cô gái đẹp làm mẫu cho các họa sĩ! Bà nhìn kia, bà đã thấy một cô gái nào có đôi giò tuyệt diệu đến mức kia bao giờ chưa? Thon, chắc và cân đối kỳ lạ! Như hệt chân con trai vậy! Tôi chỉ mới được thấy một đôi giò như thế của một tay võ sĩ hạng nhẹ trên võ đài Quyền anh. Nhưng đây lại là đôi giò thuần túy của phái nữ! Vì chân phụ nữ có cái dáng khác hẳn chân đàn ông. Kia kia, đường cong phía trước của bắp đùi và ở phía sau lượn tròn vừa đủ mức cần thiết. Rồi hai đường cong ấy chụm lại chỗ đầu gối. Mà cái đầu gối mới đẹp làm sao! Tiếc mình không có sẵn đất sét ở đây mà nặn.

- Đầu gối cô ta tuyệt vời thật! - Bà vợ cũng thán phục không kém, vì bà cũng là một nghệ sĩ điêu khắc.

- Nhìn nhìn kia, các mỗm xương di động dưới làn da mới nhịp nhàng làm sao! Đầu gối cô ta lại không hề có lớp mỡ bao bọc! Lạ thật! - Bà thở dài, sức nghĩ đến hai đầu gối của bản thân. - Chà! Vừa cân đối, vừa đẹp lại vừa duyên dáng. Đây đúng là sự quyến rũ của da thịt. Cô ta là ai thế nhỉ?

Ông Xtenli Páttecxon, mắt không rời chị phụ nữ không quen biết kia, sôi nổi biểu diễn phần của mình trong bản song tấu gia đình:

- Bà thấy không? Chị ta không hề có bắp thịt dẹt ở phía bên trong đầu gối, những bắp thịt dẹt khiến cho hầu hết các bà các cô đều trở thành cong chân. Chính vì thế đôi giò của chị này y hệt giò con trai: rắn chắc, vững chãi...

- Nhưng lại vẫn là chân phụ nữ: tròn trịa, mềm mại, - bà vợ vội bổ sung. - Ông thử nhìn cô ta đi kia, Xtenli! Cô ta đặt mũi chân xuống trước cho nên đáng đi nhẹ như lông chim. Mỗi lần cất bước, cô ta chỉ khẽ nhấc chân lên khỏi mặt đất, tưởng chừng như cô ta bay cao dần lên, và chỉ lát nữa sẽ thoát khỏi mặt đất, bay bổng lên không trung.

Ông Xtenli Páttenxon và bà vợ thán phục đến như thế. Nhưng họ là nghệ sĩ. Mắt họ không giống như dàn pháo đại bác của những cặp mắt đang chĩa nòng về nơi Iđa đang sắp đặt chân tới, những cặp mắt từ trên hàng hiên của Câu lạc bộ Thuyền Buồm, từ dưới rặng cây hao bao quanh khách sạn Bờ Biển. Trong Câu lạc bộ Thuyền Buồm đa số không phải khách du lịch mà những vận động viên thể thao và những người dân đã sống lâu năm ở quần đảo Haoai. Nhưng ngay cả những người dân bản địa này cũng phải thốt lên "A"!

- Con bé chẳng lịch sự chút nào! - Bà Henli Bléch nói với chồng. Bà là một người đẹp đã hết thời chừng bốn chục xuân xanh, vốn sinh trưởng ở Haoai và thậm chí cũng chưa hề nghe thấy nói đến thành phố nghỉ mát Oxtendơ bao giờ.

Ông Henli Bléch đưa cặp mắt suy tư và tàn nhẫn liếc nhìn tấm thân sồ sề đến mức quái gở và bộ đồ tắm cổ lỗ của bà vợ, bộ đồ tắm mà đến các nữ tu sĩ chân chính ở miền Tây Anh Cát Lợi cũng chẳng ai buồn chê trách. Hai ông bà lấy nhau từ lâu lắm rồi, lâu đến nỗi bây giờ ông có thể nói toạc ra mọi điều suy nghĩ của mình mà không phải e dè gì hết.

- Nếu so sánh giữa bà với cô ấy thì chính bộ đồ tắm của bà mới không lịch sự. Tưởng chừng như bà quăn những mảnh vải dơ bẩn ấy vào người để che giấu một khuyết tật xấu xí gì bên trong vậy.

- Cô ta đi đứng y hệt một vũ nữ Tây Ban Nha! - Bà Páttecxơn nói với chồng. Để khỏi mất hút bóng dáng của cô gái đẹp kia, họ cũng lợi qua con suối đi theo.

- Đúng thế, - ông Xtenli Páttecxơn tán thành. - Tối cũng sực nhớ đến cô vũ nữ Extrêlia. Bộ ngực đầy đặn nhưng không to quá. Eo nhỏ nhưng không nhỏ quá, lại chắc nịch như bụng các nhà võ sĩ Quyền anh vậy. Nếu eo không như thế thì cô ta không thể đi đứng duyên dáng như vậy được. Mà bộ ngực với cái eo

sao lại cân xứng với các bắp thịt ở lưng đến thế. Bà có thấy đường cong ở sống lưng của chị ta không? Y hệt như lưng cô vũ nữ Extrêlia vậy.

- Ông đoán cô này cao bao nhiêu? - Bà vợ hỏi.

- Khó đoán lắm, - câu đáp có vẻ thận trọng. - Có thể là năm phút một inơ⁽¹⁾ mà cũng có thể hơn thế, đến bốn inơ không biết chừng. Kiểu đi của cô ta dễ làm ta lạc hướng lắm. Kiểu đi như bà vừa nói ấy. Đi mà giống như bay.

- Đúng, đúng, - Bà Páttecxon tán thành. - Trông cô ta lúc nào cũng như kiễng chân. Chúng tôi cô ta rất nhiều sức sống.

Ông Xtenli không đáp lại ngay.

- Bà nói đúng, - mãi sau này ông mới kết luận. - chị ta vóc người bé nhỏ. Chỉ đến năm phút hai inơ là cùng. Còn cân nặng, tôi đoán khoảng trăm mười hoặc trăm linh tám, cùng lắm là một trăm mười lăm pao⁽²⁾, không thể hơn được.

- Cô ta không nặng đến một trăm mười pao đâu, - bà vợ kiên quyết phản đối.

- Là tôi nói khi chị ta mặc đầy đủ quần áo, - ông Xtenli Páttecxon nói tiếp. - Với lại nhìn cách chị ta đi đứng (do dồi dào sức sống và mạnh mẽ ý chí) tôi tin

(1) (2): Đơn vị đo lường của Anh

rằng chị ta không thuộc loại người nhỏ bé đâu.

- Tôi biết loại con gái này, - bà vợ gật đầu. - Nhìn họ người ta có cảm tưởng họ không to lớn, nhưng dù sao cũng trên trung bình. Ông đoán cô ta bao nhiêu tuổi?

- Về tuổi thì chắc bà đoán giỏi hơn tôi, - ông chồng lảng tránh câu hỏi.

- Có thể hai mươi lăm mà cũng có thể là ba mươi tám.

Nhưng ông Xtenli, quên cả phép lịch sự, không nghe vợ nói.

- Mà không phải chỉ cặp giò! - Ông thét lên về thân phục. - Toàn bộ con người của chị ta là tuyệt vời. Bà nhìn kia: cánh tay! Từ bàn tay đến khuỷu tay thì thon nhỏ, lên gần vai lại thành tròn trĩnh. Bắp cơ hai đầu mới tuyệt vời làm sao! Tôi đánh cuộc rằng nếu chị ta lên gân, hai cái bắp ấy sẽ phình ra khá lớn cho mà xem!

Bất cứ một phụ nữ nào, nhất đây lại là Ida Bacton không thể không nhận thấy nỗi chấn động do mình gây ra trên bãi biển Waikiki. Nhưng điều ấy không hề làm chị thấy hãnh diện thêm mà trái lại còn làm chị khó chịu.

- Sao họ đề tiện đến thế nhỉ! - Chị cười nói với chồng. - Em vốn là người sinh trưởng ở nơi này, đã sống ở đây suốt soát một phần ba thế kỷ rồi. Ngày đó

con người ta đâu có lỗ bịch như bây giờ. Phải chăng vì ngày ấy chưa có ai đi du lịch đến đây. Ngày nhỏ em đã học bơi ở đúng chỗ này, ngay trước cái Cầu lạc bộ Thuyền Buồm kia. Em còn nhớ vào những dịp nghỉ hè hoặc chủ nhật, bố thường đưa em ra đây. Hai bố con nghỉ trong một túp lều lợp cọ. Túp lều ngày ấy nếu còn thì nằm ở đúng chỗ các bà ở Cầu lạc bộ Thuyền Buồm đang ngồi uống trà kia kia. Ban đêm lũ cuốn chiều lao xuống chỗ hai bố con nằm. Bố với em ăn sò huyết, ăn cá sống, suốt ngày bơi lội và đánh xá, không mặc quần áo gì hết. Mà bấy giờ đường sá từ thành phố đến đây có ra cái gì. Những hôm mưa to, đường ngập hết, hai bố con em phải về làng bằng thuyền, lượn lách qua những tảng đá ngầm rồi vào thẳng bến ngay giữa thành phố Hônôlulu ấy.

Li Bacton tiếp lời vợ:

- Em đừng quên rằng cũng chính vào thời gian ấy, thằng bé mà bây giờ là anh đây này, thằng bé ấy đã từng nằm lại đây liền mấy tuần lễ trong dịp đi chu du vòng quanh thế giới. Chắc chắn rằng bấy giờ anh đã nhìn thấy em trong đám trẻ con bơi lội ở đây như cá. Đến bây giờ anh còn nhớ, ở đây phụ nữ đã cưỡi ngựa như đàn ông, trong khi ở các xứ sở khác, mãi khá lâu sau này nữ giới mới khắc phục được thói ỷ mị và mới dám ngồi bô hai chân sang hai bên lưng ngựa. Bản thân anh cũng đã học bơi ở nơi này. Rất có thể hai chúng mình đã cùng tập cưỡi trên một con

sống, và không biết chừng đã có lúc anh té nước vào mặt em và để cảm ơn, em đã thè lưỡi ra với anh...

Vừa lúc ấy, một tiếng "A" rất to, giọng khó chịu cắt lời anh. Tiếng ấy thốt ra từ miệng một mụ gầy đét, có vẻ là một bà cô già, đang phơi nắng trên bãi cát trong bộ đồ tắm dị dạng. Và Li Báctơn cảm thấy vợ mình co rúm người lại như phải bỏng.

- Anh rất hài lòng, - anh nói, - Em như thế cũng là giỏi lắm rồi. Chẳng bao lâu nữa em sẽ trở thành gan lì cho mà xem. Cái thái độ vừa rồi đã làm em hơi khó chịu. Nhưng không sao, càng làm em tự tin hơn mà thôi. Chỉ có điều em phải thật vững.

Bởi vì, rồi bạn đọc sẽ thấy, Li Báctơn là một siêu nhân, và Ida cũng thế. Ít ra, đây cũng là cách xếp loại của những phóng viên mới vào nghề, những kẻ chuyên dập gót giày trên các sàn khách sạn và của những nhà phê bình uyên bác bị thiếu mất cơ quan sinh dục. Họ không có khả năng nhìn nhận ra những người hoàn chỉnh hơn họ ở nơi chân trời, đằng sau bình nguyên đơn điệu của cuộc sống của bản thân họ. Họ là những sinh vật tẻ nhạt, dư âm của quá khứ đã chết, là những kẻ đào huyệt tự phong của hiện tại và tương lai. Họ sống cuộc sống người khác và cũng giống như những hoạn quan, họ phục vụ cho nhục cảm của kẻ khác. Do bản thân họ cằn cỗi, do môi trường của họ và những cảm xúc tù mù của họ què

quật và thô bỉ, họ quả quyết rằng không một anh đàn ông nào, không một chị đàn bà nào vươn được lên trên sự què quặt và thô bỉ.

Trong bản thân con người của họ làm gì có vẻ đẹp và tầm cỡ. Vì vậy họ không công nhận rằng người nào đó lại có những phẩm chất ấy. Do quá hèn nhát, họ không dám làm việc gì táo bạo. Họ khẳng định rằng sự táo bạo đã không còn tồn tại trên cõi đời này, từ thời Trung thế kỷ kia, nếu không phải là từ trước nữa. Bản thân họ chỉ là những ngọn nến leo lắt, và cặp mắt bạc nhược của họ nhìn sao thấy nổi ngọn lửa chói loà trong tâm hồn người khác, và đang chiếu sáng bầu trời của họ. Sức lực trong thân thể họ chỉ vừa bằng sức lực của loài chim chích, và họ không thể biết được rằng lại có người khoẻ mạnh hơn họ. Đúng, thời xa xưa trên trái đất đã từng có những con người khổng lồ. Nhưng trong những cuốn sách cổ cũng lại có nói rằng đã lâu không còn những người khổng lồ nữa. Bây giờ chỉ còn sót lại xương cốt của họ. Những kẻ nhỏ mọn ấy không bao giờ nhìn thấy núi. Và như thế nghĩa là, đối với họ, chẳng làm gì có núi.

Nấp kín dưới đám bùn trong cái vũng nước đọng của bản thân họ định ninh rằng, những tráng sĩ hiên hách mang vầng trán cao với những bộ giáp trụ sáng loáng chỉ có trong truyện cổ tích, trong lịch sử xa xưa và trong những mê tín hoang đường của dân gian. Họ chưa bao giờ nhìn thấy tinh tú, cho nên họ phủ nhận

sự tồn tại của các tinh tú. Mắt họ không thấy được những con đường vinh quang, và cũng không thấy được những con đường bằng xương bằng thịt đi trên những con đường ấy. Vì vậy họ không công nhận cổ những con đường vinh quang và những con người dũng cảm. Cõi cặp mắt mờ của mình là trung tâm vũ trụ, họ tưởng như mọi vật đều được tạo thành theo mẫu của họ, và họ dùng nhân cách thẩm hại của họ làm thước để đo những tâm hồn khí phách rồi lên giọng chê trách: "Mọi tâm hồn đều chỉ bằng ngần này, không lớn hơn. Không thể có ở đâu những tâm hồn lớn hơn chúng tôi, mà các vị thần thánh của chúng tôi đã thừa biết là chúng tôi to lớn".

Nhưng khi Iđa đặt chân xuống nước, tất cả hoặc gần như tất cả những ai đang trên bờ đều tha thứ cho bộ đồ tắm của chị, chỗ tắm thân tuyệt diệu của chị. Đôi mắt chị ánh lên một vẻ mời mọc, bàn tay chị khẽ chạm vào tay chồng và họ chạy vài bước theo sát chân nhau, rồi cùng một lúc, đập mạnh xuống nền cát cứng dưới đáy nước, nhảy lên, tạo thành một đường vòng thấp bên trên mặt nước, rồi đâm đầu xuống nước.

Ở Vaikiki có hai loại sóng: sóng lớn, sóng bạc đầu Canaca tức là sóng Ông, lồng lộn tít tận ngoài khơi và sóng nhỏ gọi là sóng Vakhina, nghĩa là sóng Bà, vỗ nhẹ vào bờ. Dọc bờ biển là một dải nước nông khá rộng. Ở chỗ này có thể lội ra xa tới một trăm hoặc hai trăm *phút* vẫn chưa ngập đầu. Tuy nhiên nếu như

sóng Ông lồng lộn ngoài khơi thì sóng Bà cũng cao đến ba - bốn *phút*, cho nên ngay sát bờ, đáy nước có thể sâu từ ba in-sơ đến ba *phút*, nếu tính từ đáy lên đến đỉnh sóng ngầu bọt trắng xoá. Muốn nhảy vào đám bọt trắng ấy, nghĩa là lấy đà rồi đập mạnh xuống đáy cát, nhảy vọt lên không trung, xoay người cho chân chống lên trời, lao đầu xuống nước, cần hiểu rõ các đợt sóng và biết cách khéo lựa. Đó là một nghệ thuật phải tập dợt nhiều năm để lao đầu vào cái hiện tượng tự nhiên bất định ấy bằng một động tác dứt khoát và đẹp mắt mà lại không xuống sâu quá trong nước.

Cái tiết mục biểu diễn táo bạo, đẹp mắt và duyên dáng ấy không phải ai muốn làm là cũng làm được ngay. Cần tập luyện khá lâu. Một sự tập luyện kèm theo nhiều trận đập đầu xuống đáy cát, không phải chỉ đau có khi còn vỡ sọ hay vẹo cổ nữa. Ở ngay chính cái chỗ mà đôi vợ chồng trẻ Báctơn lao đầu xuống nước một cách ngon lành như vậy, trước đây hai ngày, một lực sĩ nói tiếng Mỹ đã bị vẹo cổ. Ông ta không biết ước tính sự dâng lên và hạ xuống của những đợt sóng Vakhina.

- Cô ta là tay bơi lội nhà nghề đấy mà, - bà Henli Bléch thốt lên khi theo dõi Iđa Báctơn.

- Chắc chắn đây là một diễn viên xiếc chuyên nhào lộn.

Đám phụ nữ ngồi dưới bóng cây đã dùng những

nhận xét như thế và tương tự như thế để an ủi nhau. Họ dùng phương pháp đơn giản là tự lừa dối. Họ để ra khoảng cách to lớn giữa những người làm nghề để kiếm sống với tầng lớp của họ, những người chẳng phải làm lụng gì mà cũng vẫn được ăn uống no nê.

Vào ngày hôm ấy, sóng ở Waikiki rất mạnh. Ngay sóng Bà cũng đã làm thoả mãn những tay bơi giỏi. Không có ai định ra đến chỗ sóng Ông Canaca. Chẳng phải vì những vận động viên bơi lội tụ tập trên bãi tắm sợ bị lạc ra, mà chỉ vì họ biết rằng, những đợt sóng khổng lồ cuộn xuống dưới đáy, dám nhận chìm cả những chiếc thuyền lớn nhất của họ, và sẽ lật úp bất cứ một tấm ván nào. Thật ra đa số trong bọn họ cũng có thể nhảy xuống nước để bơi, vì con người có thể bơi qua được những ngọn sóng mà thuyền mảng không thể theo nổi. Nhưng những chàng trai trẻ từ Hônôlulu đến đây đâu phải để làm như thế. Điều thích thú nhất của họ là đùa rồn trên ngọn sóng rồi đột nhiên rướn cả người lên khỏi mặt nước, bay cùng với đợt sóng vào bờ như một mũi tên.

Thuyền trưởng chiếc thuyền số chín, một trong những sáng lập viên của Câu-lạc-bộ Thuyền Buồm, đồng thời là quán quân nhiều lần về môn bơi cự ly dài, đã không nhìn thấy lúc đôi vợ chồng Bacton xuống nước. Và bây giờ khi ông nhìn thấy họ thì họ đã vượt ra xa ngoài cả sợi dây chằng để đánh dấu, cách tốp người bơi xa bờ nhất một quãng lớn. Từ lúc ấy,

đứng trên hàng hiên của Cầu lạc bộ, ông không rời mắt khỏi họ. Khi họ vượt qua đập chắn sóng bằng thép, cạnh đó chỉ có một vài vận động viên táo tợn nhất đang lặn hụp, thì người thuyền trưởng bực tức lắm lắm: "Đồ Malakhini quái quỷ!".

Tiếng Haoai "malakhini" nghĩa là lính mới, tập sự. Nhưng thuyền trưởng thuyền số chín, mặc dù nhìn thấy đôi trai gái kia bơi rất giỏi, biết rằng chỉ những kẻ "tập sự" mới không hiểu biết gì hết và liều lĩnh dám bơi ra đến dòng nước khủng khiếp sâu thẳm và chảy xiết ở ngoài đập chắn mà thôi. Điều đó làm ông bực tức. Ông bước xuống dưới bãi, khê ra lệnh cho một người nào đó trong số những tay chèo khoẻ nhất của ông, rồi quay lên hiên, đem theo chiếc ống nhòm. Sáu thuỷ thủ, cố không để ai chú ý đến họ, lặng lẽ khiêng chiếc thuyền số chín ra sát dìa nước. Họ kiểm tra lại các mái chèo và cọc chèo, rồi ngồi ngả nghiêng trên bãi cát, làm như kiểu thờ ơ. Nhìn họ không ai nghĩ rằng đang sắp xảy ra chuyện nguy cấp. Còn bản thân họ thì thỉnh thoảng ngược mắt lên nhìn người thuyền trưởng, và ông này thì vẫn dán mắt vào chiếc ống nhòm.

Độ sâu khủng khiếp ở bên ngoài đập chắn là do con suối từ trong đất liền chảy ra biển tạo thành. San hô không sống được ở nước ngọt. Còn dòng chảy xiết là do những đợt sóng lao quá mạnh vào bờ. Nước do những đợt sóng Canaca dữ tợn liên tiếp xô vào phía

bờ. Trong khi hạ xuống, chúng lại chảy ngược ra khỏi cùng với dòng chảy nói trên, lẫn xuống bên dưới những đợt sóng dữ tợn khác đang xô tiếp đến. Ngay cả ở chỗ này, nơi có dòng chảy, sóng cũng dâng lên rất cao, nhưng vẫn không ghê gớm bằng ở hai bên. Do đó, đúng chỗ dòng chảy, thuyền bè không gặp nguy hiểm gì đáng kể. Nhưng phải là loại thủy thủ có tay chèo thật khỏe mới cưỡng lại được với dòng nước chảy xiết. Chính vì vậy, thuyền trưởng thuyền số Chín tám chắc vị trí quan sát, miệng không ngớt cầu nhàu. Ông tin chắc rằng hai kẻ "lính mới" kia sẽ bắt ông phải hạ thủy con thuyền để bơi ra cứu, khi họ đã kiệt sức. Ngay bản thân ông, vào địa vị của họ, cũng sẽ bơi sang bên trái, về phía mỏm Kim Cương, và phó mặc cho sóng lớn Canaca đánh dạt vào bờ. Nhưng vì ông, chính là ông, một lực sĩ hai mươi hai tuổi với làn da đen cháy do phơi quá nhiều dưới ánh nắng mặt trời nhiệt đới và có màu như gỗ mun, với tấm thân và các bắp thịt cứng như của Đức Cahanômốc. Trong những cuộc bơi thi cự ly một trăm phút, người quán quân thế giới kia bao giờ cũng đến đích trước anh cả một giây đồng hồ. Nhưng khi bơi cự ly dài, anh ta bỏ rơi người quán quân kia khá xa.

Trong số mấy trăm người có mặt trên bãi tắm lúc bấy giờ, ngoài người thuyền trưởng và các thủy thủ của ông, không một ai biết rằng đôi vợ chồng trẻ Bacton đã bơi ra khỏi đập chắn. Tất cả những người

nhìn thấy họ bơi ra khỏi bờ đều định ninh rằng, họ đã cùng với những người khác, nhảy từ trên đập xuống.

Đột nhiên người thuyền trưởng nhảy phốc lên lan can hàng hiên rồi một tay bám chiếc cột, một tay hướng ống nhòm ra phía hai chấm đen phía xa kia. Dự đoán của ông đã chính xác. Hai kẻ ngu ngốc kia, thoát được ra khỏi dòng chảy, đã quay sang, bơi về phía mỏm Kim Cương. Muốn vào đến bờ, họ phải vượt qua những đợt sóng lớn Canaca. Nguy hiểm hơn nữa, có vẻ họ còn định bơi ngang qua những con sóng dữ tợn ấy.

Ông liếc nhanh xuống phía dưới. Nhưng đến khi các thủy thủ - đang giả vờ lim dim ngủ - đáp lại cái liếc mắt ấy, từ từ đứng dậy và chiếm lĩnh vị trí trên chiếc thuyền, thì người thuyền trưởng lại thay đổi ý kiến. Đôi nam nữ kia chắc chắn sẽ chết trước khi thuyền của ông kịp đến cứu. Thậm chí nếu thuyền cứu có đến kịp thì nó cũng sẽ bị lật chìm ngay lúc rời khỏi dòng chảy bơi vào vùng sóng lớn. Và những thủy thủ lành nghề nhất trong đội thuyền của ông chắc gì đã cứu sống được một người đã bị những ngọn sóng bạc đầu khủng khiếp và tàn nhẫn kia quật xuống đáy biển?

Người thuyền trưởng nhìn thấy, ở xa tít ngoài khơi, đằng sau hai chấm nhỏ xíu kia, ngọn sóng Canaca đầu tiên đang xô tới, ngọn sóng này khá lớn

nhưng chưa phải loại lớn nhất. Rồi ông nhìn thấy đôi nam nữ kia bơi trườn bên cạnh nhau, úp mặt xuống nước, vươn dài người, chân đập như chân vịt, tay sải dài về phía trước, cố theo kịp với tốc độ của ngọn sóng đang đuổi theo họ, để khi chạm vào sóng, họ không bị tụt lại phía sau, mà để nó cuốn họ theo. Đến lúc ấy, nếu như họ có đủ bình tĩnh và khôn ngoan để giữ vững mình trên ngọn sóng chứ không để cho nó cuốn đi rồi quật xuống đáy, thì họ cũng sẽ bị nó đẩy vào bờ, bằng sức của nó, chứ không còn bằng sức của bản thân họ nữa.

Và họ đã làm được đúng như thế. "Giỏi đấy!". Viên thuyền trưởng thuyền số Chín tự nhủ thầm như vậy. Nhưng ông vẫn không rời mắt khỏi chiếc ống nhòm. Vì tay bơi lội giỏi nhất cũng chỉ có thể bơi trên những ngọn sóng như thế được vài trăm *phút*. Còn hai người này? Nếu như họ không đuổi sức thì cũng chỉ vượt được một phần ba quãng đường mà họ đã tự ý lựa chọn. Và đúng như người thuyền trưởng dự đoán, chị phụ nữ gặp khó khăn trước. Vì phần nổi của cơ thể chị nhỏ hơn. Bơi được khoảng bảy chục *phút*, người thuyền trưởng thấy chị không giữ vững được nữa và chị biến mất. Cả một khối nước hàng mấy 'ấn trùn lên người chị. Rồi người đàn ông cũng biến mất. Nhưng lát sau cả hai lại hiện ra trên mặt nước, đằng sau ngọn sóng một quãng xa, ngọn sóng mà họ để tuột mất.

Đột sóng tiếp theo, người thuyền trưởng nhìn thấy trước họ. "Nếu như họ định bắt lấy ngọn sóng này nữa thì thế là hết!" - Ông rít lên qua kẽ răng. Ông biết rằng bất cứ ai táo tợn dám làm như thế thì sẽ nguy. Ngọn sóng này chiều dài chừng một dặm, chưa có bọt, nhưng nguy hiểm hơn mọi ngọn sóng bạc đầu. Nó đang dâng lên ở khá xa sau lưng họ, cao mãi, cao mãi rồi đến khi thành một bức tường lừng lững che lấp cả đường chân trời, mới bắt đầu xuất hiện một đường bọt trắng trên đỉnh, lúc đầu mảnh mai rồi sau mới to rộng.

Nhưng rõ ràng là đôi nam nữ kia rất thông thuộc biển cả. Đáng lẽ tránh ngọn sóng thì họ lại quay mặt về phía đó để đón đợi. Người thuyền trưởng thán thán phục họ. Một mình ông chứng kiến cảnh tượng này, và nhìn thấy hết sức rõ ràng bằng chiếc ống nhòm. Bức tường bằng nước nâng cao dần, và ở phía tít trên đỉnh, chỗ nước mỏng hơn, ánh hoàng hôn xuyên qua lớp nước xanh biếc. Màu xanh lục sáng dần rồi trở thành màu xanh lam. Và màu xanh lam này loé lên dưới ánh mặt trời thành muôn vàn tia lấp lánh màu hồng và màu kim tuyến. Cả một đám màu sắc dâng lên cao, cao nữa, đến tận đỉnh bạc đầu, lan toả mãi cho đến khi toàn thể ngọn sóng biến thành một khối loang loáng những ánh cầu vồng đủ mọi màu sắc.

Trên cái nền của ngọn sóng, hai cái đầu, một

nam, một nữ, biến thành hai chấm đen. Đó cũng là hai cái chấm lọt thỏm giữa sức mạnh mù quáng của thiên nhiên và đang thách thức với mãnh lực vô biên của đại dương. Sức nặng của con sóng cao vút, khi đổ xuống có thể đè bẹp người đàn ông, bẻ gãy xương cốt của người đàn bà. Viên thuyền trưởng số Chín bỗng nín thở lúc nào chính bản thân ông cũng không để ý thấy. Ông quên mất người đàn ông. Ông chỉ chăm chú vào người đàn bà. Chỉ cần chị ta luống cuống, hay hốt hoảng, hoặc làm một động tác kém chính xác một cái, là lập tức một sức mạnh khủng khiếp sẽ hất chị ra xa một trăm *phút*, đè bẹp rồi quật cái thân xác dúm dỏ kia xuống đáy san hô, để mặc cho dòng nước dưới sâu cuốn chị ta ra ngoài biển khơi làm mồi cho đàn cá mập háu đói, nhưng nhát gan, không dám tấn công những người đang còn sống.

Tại sao, viên thuyền trưởng tự hỏi, tại sao họ lại không lặn từ trước xuống sâu hơn một chút, mà lại đại dột đón đợi cái giây phút an toàn cuối cùng biến thành giây phút đầu tiên của nỗi hiểm nguy chết người kia? Ông nhìn thấy chị phụ nữ vừa cười vừa quay mặt sang phía anh đàn ông và anh chàng này cũng cười vang đáp lại. Ngọn sóng đã đang nâng họ lên trên cao, và phía trên nữa, đỉnh sóng màu trắng đục như sữa bật lên những đám bọt lấp lánh như vàng ngọc. Ngọn gió mát mẻ từ trong bờ thổi ra, hững hờ lấy những đám bọt trắng ấy, đưa chúng lên cao rồi tạt

chúng về phía sau. Đến đúng lúc ấy, vẫn giữ khoảng cách giữa họ sáu *phút*, đôi nam nữ đột nhiên cùng lặn xuống dưới đáy con sóng một lượt. Và cũng chính lúc ấy, ngọn sóng tan ra và hạ xuống. Đôi nam nữ biến mất hút như hai con côn trùng biến đi trong một giò phong lan khổng lồ. Còn ngọn sóng bạc đầu và đám bọt trắng xoá cùng những giọt nước bắn lên cao kia, tất cả đều âm âm đổ xuống vào đúng chỗ mà đôi nam nữ vừa ngụp xuống.

Cuối cùng, đôi nam nữ kia lại hiện ra ở phía sau lưng ngọn sóng. Họ vẫn giữ khoảng cách sáu *phút* giữa họ. Họ sải dài hai tay, bơi về phía bờ, luôn luôn sẵn sàng hoặc đón ngọn sóng tiếp theo, hoặc chờ nó đến để ngụp xuống dưới chân nó. Viên thuyền trưởng thuyền số Chín vẫy tay ra hiệu cho đội thủy thủ, ý nói họ có thể giải tán. Ông ngồi lên hàng lan can, cảm thấy một nỗi mệt mỏi khó tả, nhưng vẫn cầm ống nhòm theo dõi đôi nam nữ đang bơi.

- Họ là ai thế nhỉ? - Ông lẩm bẩm. - Có điều chắc chắn họ không phải là malakhini. Điều ấy thì mình dám khẳng định.

Sóng ở Vaikiki không phải thường xuyên lên đến độ cao. Thậm chí còn rất hiếm khi. Và mặc dù thời gian sau đó hai vợ chồng Bacton vẫn tiếp tục làm chèo các bà các cô đến đây nghỉ phải chú ý và khó chịu, nhưng các thuyền trưởng trong Câu lạc bộ Thuyền

Buồm thì thôi không lo lắng gì cho họ nữa. Những người thuyền trưởng này đã nhìn thấy đôi vợ chồng này bơi ra xa bờ, tan biến giữa làn nước xanh biếc rồi sau đấy vài tiếng đồng hồ, họ sẽ nhìn thấy hoặc không nhìn thấy hai người kia quay trở về. Các viên thuyền trưởng không lo lắng gì, vì họ **biết chắc** rằng đôi vợ chồng kia sẽ trở lại.

Bởi vì họ không phải là malakhini. Họ là dân bản địa. Nói cách khác, hay nói cho đúng hơn, có thể gọi họ theo tiếng Haoai: đấy là những *camaaina*. Những người dân địa phương đều còn nhớ cậu bé Li Bắctơn, khi cậu đúng còn là một malakhini, mặc dù còn rất nhỏ tuổi. Từ bấy đến nay, do hay đến nơi này và do ở đây lâu, cậu đã vinh dự được mọi người coi là một *camaaina*.

Còn Ida Bắctơn thì những phụ nữ bản địa trạc tuổi chị, mỗi khi gặp chị đều ôm hôn thăm thiết theo kiểu Haoai (trong bụng thầm ngạc nhiên làm sao chị lại giỏi giữ thân thể trẻ lâu như vậy). Các bà già thường mời chị uống trà và trò chuyện nhắc lại quá khứ trong những góc sân, những ngôi nhà trong ngõ hẻm, nơi khách du lịch không ai nhìn thấy bao giờ. Ngay sau hôm chị về đấy, chưa được một tuần lễ, bà hoàng già lụ khụ Liliucalani đã sai người tìm chị để mời đến chơi nhà và đã quở mắng đầy tớ về tội chưa tiếp đãi chị cho thật chu đáo. Còn những cụ già móm mém, ngồi trên những chiếc chiếu mát rượi và thờ

phức, thường kể chị nghe về ông nội của chị, thuyền trưởng Uynton. Bản thân họ chưa hề được gặp cụ nhưng lại thích gợi lại những kỷ niệm về cuộc đời phóng đảng, về những hành vi điên rồ của cụ, mà họ biết được do cha mẹ họ kể lại. Ông nội chị - thuyền trưởng Uynton-chính là Đêvít Uynton, cũng còn được gọi là "Người bách nghệ" - biệt danh do dân Haoai yêu mến đặt cho cụ thời bấy giờ. Cụ lúc đầu là người buôn bán ở vùng Tây Bắc hoang dã, về sau trở thành kẻ giang hồ, thuyền trưởng không có thuyền. Cũng chính cụ, năm 1820, đứng trên bờ biển Cailoa đã chào đón những nhà truyền giáo đầu tiên đến hòn đảo này trên chiếc thuyền buồm lớn "Tadêus", và sau đấy vài năm chính cụ đã quyến rũ được con gái của một trong những nhà truyền giáo kia, cưới cô làm vợ, trở nên người chín chắn rồi phục vụ một cách chăm chỉ và trung thành các vị vua Camêhamêha trong một thời gian dài với chức vụ Thượng thư Bộ tài chính và Giám đốc Nha thuế vụ, đồng thời đóng vai môi giới và hoà giải giữa một bên là những nhà truyền giáo, một bên là đám người phức tạp và luôn thay đổi, gồm những dân du thủ du thực, lái buôn và những tù trưởng Haoai.

Li Bắctơn cũng không thể có gì phải phàn nàn về sự lạnh nhạt của mọi người ở đây đối với anh. Mỗi khi nhân một dịp nào đó, dân ở đây tổ chức những cuộc vui chơi ngoài biển, nhảy múa hoặc những bữa

ăn uống, nhậu nhẹt theo kiểu dân tộc gọi là "Luao", các bè bạn cũ đều không quên kéo anh vào dự vui với họ. Đã có thời họ là những kẻ táo tợn, sống ngày nay không cần biết đến ngày mai. Bây giờ họ phát hiện ra rằng, thiên nhiên đã phú cho họ chức năng tiêu hoá và nhiều chức năng khác của cơ thể, thế là họ trở lại lành hiền, bớt cần quấy, tăng chơi quần ngựa và thường xuyên đến dự những cuộc đấu bóng. Những bè bạn cùng chơi bài Pôke với Li Báctơn cũng đã trải qua một cuộc biến hoá tương tự. Bây giờ họ hạ thấp mức tiền đặt cọc xuống rất nhiều, uống toàn nước suối và nước cam, kết thúc canh bạc trước mười hai giờ đêm.

Giữa lúc sôi nổi nhất của các cuộc vui chơi, trên sân khấu bỗng xuất hiện Xani Grendixơn, người gốc rể và đồng thời cũng là người hùng của quần đảo Haoai. Mới bốn mươi một tuổi anh đã có thể từ chối lời đề nghị anh làm chức thống đốc xứ sở này. Trước đây một phần tư thế kỷ, anh đã từng quảng cô bé Ida vào con sóng ở bờ biển Vaikiki. Còn trước đó thì trong khi nghỉ vụ hè ở trang trại chăn nuôi to lớn của cha anh trên đảo Lacanai, anh đã long trọng thu nạp cô bé Ida cùng vài cậu bé nữa từ năm đến bảy tuổi vào "băng" của mình mang tên là "Băng thợ săn đầu" hay còn gọi là "Bảo tố Lacanai". Còn trước đó nữa thì ông của anh và ông của Ida đã cùng cộng tác với nhau trong những hoạt động chính trị và kinh doanh.

Sau khi tốt nghiệp trường Đại học Haoađơ, anh

đã vừa chu du rất nhiều nơi, vừa nghiên cứu khoa học. Và đến mỗi nơi anh lại kết thân với những bạn bè mới. Anh đã phục vụ ở Philippin, đã tham gia một loạt đoàn khảo sát khoa học ở quần đảo Mailaia, châu Phi và châu Mỹ Latinh. Năm bốn mươi một tuổi, anh vẫn còn đứng trong biên chế của Học viện Xmitxon. Và bè bạn quả quyết với anh rằng, anh hiểu biết về loài sâu đục thân mía còn hơn những chuyên gia côn trùng học ở Trạm thực nghiệm do anh cùng những chủ đồn điền mía khác sáng lập nên. Ở quê hương, anh là nhân vật có tiếng tăm và cũng là người đại diện nổi tiếng nhất của dân Haoai ở nước ngoài. Những người Haoai đã du lịch ra nước ngoài đều đồng thanh công nhận rằng, bất cứ đến nơi nào trên trái đất, cứ hễ biết họ là dân Haoai, lập tức người ta hỏi ngay: "Vậy ông (hay bà) có biết Xani Grendixon không?".

Tóm lại, anh là con nhà giàu, lại là người đã đạt nhiều thành công lớn trong cuộc đời. Anh đã biến số tiền một triệu đô la thừa hưởng của cha thành mười triệu. Trong khi đó anh vẫn không giảm bớt những món tiền góp vào các hội từ thiện mà thuở sinh thời cụ vẫn thường góp, thậm chí còn tăng thêm.

Nhưng đây chưa phải toàn bộ những gì có thể kể về con người này. Cách đây mười năm, vợ anh đã qua đời. Hai người không có con. Và không một người đàn

ông nào trên khắp quần đảo Haoai lại được nhiều phụ nữ mơ ước được kết duyên như anh. Dáng người cao thon, bụng nhỏ như bụng lực sĩ, anh bao giờ cũng ăn mặc chỉnh tề, lịch sự. Tóc đen, nét mặt cương nghị, chỗ thái dương có ít sợi bạc, da mặt trẻ trung, nhẵn bóng, mắt sáng và linh lợi, anh nổi bật lên ở bất cứ nơi đông người nào. Tưởng chừng như toàn bộ thời giờ của anh đều bị cuốn vào những cuộc vui chơi phù phiếm, những cuộc họp của các uỷ ban, các ban quản trị và các hội nghị chính trị. Ngoài ra anh còn làm đội trưởng đội bóng pôlô đã nhiều lần đoạt giải. Và trên hòn đảo Lacana của mình, anh nuôi ngựa chuyên phục vụ cho môn thể thao pôlô. Và công việc kinh doanh này cũng thu lợi không kém gia đình Bônouyn trên đảo Maoi.

Khi trên sân khấu đã có mặt hai nhân vật mạnh mẽ và độc đáo - một đàn ông và một đàn bà - nay lại xuất hiện thêm nhân vật đàn ông thứ hai, cũng mạnh mẽ và độc đáo không kém, thì hầu như tất yếu sẽ phải tạo nên một bộ ba đầy bi kịch. Nếu dùng ngôn ngữ của những kẻ chuyên lê gót giày ở những nơi công cộng thì một bộ ba như thế có thể gọi là một bộ ba "siêu bi kịch" hoặc bộ ba "kinh thiên động địa". Người đầu tiên nhận ra được tình thế này tất nhiên phải là Xani Grendixơn, bởi vì toàn bộ câu chuyện bắt đầu từ ý định tảo hôn của anh. Hơn nữa, chắc gì trí thông

minh của anh, cho dù nhảy bém đến mấy đi nữa, có thể vượt được trực giác của một phụ nữ như Ida Bắctơn. Nhưng điều này thì rõ ràng: Li Bắctơn là người cuối cùng nhận ra. Và anh tìm cách biến mọi chuyện thành trò đùa cợt, trong khi chuyện ấy chẳng phải trò đùa chút nào.

Nhưng chẳng bao lâu anh nhận ra rằng, mình biết quá muộn, nghĩa là khi quá nửa số người mà anh đến thăm đã biết hết cả rồi ôn lại thời gian qua, anh nhận thấy rằng, đã từ lâu, bất cứ nơi nào vợ chồng anh được mời đến thì nơi ấy Xani Grendixơn cũng được mời đến. Vợ chồng anh đi đến đâu cũng có mặt Xani ở đó và là người thứ ba! Đám người vui vẻ kia đi bất cứ đâu, đến Cahuca, Haláyva, Ahuimana, hoặc thăm những khu vườn san hô ở Canêôhê, hoặc tắm ở mũi Côcô, cũng dẫn đến tình trạng Ida ngồi trong ô tô của Xani hoặc cả hai cùng ngồi trong xe của một người nào khác. Hai người ấy, Ida và Xani, gặp nhau trong các cuộc vũ hội, các bữa tiệc, các cuộc tham quan, trong các "luao", tóm lại, ở khắp mọi nơi.

Nhận xét được ra rồi, Li Bắctơn không thể không nhận thấy thêm nữa rằng, khi có mặt Xani Grendixơn, vợ anh tươi tỉnh hẳn lên. Chị vui lòng ngồi cùng xe ô tô với Xani, nhảy với anh ta hoặc sẵn lòng bỏ một điệu nhảy để trò chuyện với anh ta. Nhưng lộ liễu nhất là nét mặt của bản thân Xani. Bất chấp tuổi

tác, bất chấp tính điềm đạm và kinh nghiệm cuộc sống, nét mặt anh ta luôn luôn bộc lộ tình cảm một cách lộ liễu không kém gì một cậu con trai hai mươi tuổi. Tuổi đã trên bốn mươi, có nghị lực, từng trải, nhưng Xani Grendixơn vẫn chưa tập được cách che giấu xúc cảm đằng sau một chiếc mặt nạ lạnh lùng. Vì vậy, Li Báctơn vốn cùng tuổi, chẳng phải tốn công sức gì cũng nhìn thấy được rõ ràng ruột gan của Xani, như qua một tấm kính trong suốt. Và không phải chỉ một lần, trong khi Ida chuyện phiếm với những người phụ nữ khác, và khi câu chuyện đụng đến Xani, Li Báctơn đã nghe thấy vợ mình ca ngợi anh ta, hết lời ca tụng cách Xani chơi pôke, ca tụng các hoạt động xã hội và mọi ưu điểm khác của anh ta.

Thế là tâm trạng của Xani không còn có gì khó hiểu đối với Li Báctơn nữa. Và không phải chỉ với anh, mà đối với bất cứ ai. Nhưng còn Ida, người vợ mà anh đã cùng chung sống trong hạnh phúc hoàn toàn suốt mười hai năm trời, không một chút gợn, chị thì thế nào?

Anh thừa biết rằng phụ nữ là loại người khó hiểu. Họ rất biết cách giữ kín tình cảm thật. Thái độ thân mật một cách công khai với Xani Grendixơn phải chăng chỉ là do tình bạn thuở nhỏ? Hay thái độ ấy chính lại là tấm bình phong để che giấu một mối tình say đắm? Để che giấu một tình cảm đáp lại, biết

đâu còn mãnh liệt hơn cả tình cảm lồ lộ trên mặt Xani?

Li Báctơn rất buồn. Mười hai năm sống chung thuỷ và hợp pháp với vợ, anh thấy rõ rằng Ida là người phụ nữ duy nhất mà anh cần đến, rằng trên trái đất này không có một người phụ nữ nào có thể thay thế được vị trí của Ida trong tim và óc anh. Anh không thể tưởng tượng được ra một người phụ nữ nào lại có thể làm anh sao lãng được Ida, chứ chưa nói đến chuyện có thể vượt được chị trong việc làm vừa lòng anh mọi lúc và mọi nơi.

Anh hoảng hốt thầm tự hỏi mình, phải chăng giống như những người khác của dòng họ Bê-nê-dic, khi đang yêu, đây là "chuyện lãng mạn đầu tiên" của vợ anh chăng? Điều băn khoăn ấy dần vụt anh không nguôi. Và điều làm cho những bè bạn cùng chơi bài pô-ke với anh, những con người có tuổi và chín chắn, phải ngạc nhiên, cũng như làm cho những bà những cô theo dõi anh trong các bữa tiệc lấy làm mừng rỡ, là Báctơn bắt đầu dùng cô-nhắc thay cho nước cam, lớn tiếng tán thành việc tăng số tiền đặt cửa, chiều chiều phóng xe ô-tô như điên trên con đường ra mũi Kim Cương và ra bờ vực Pali, và trong bữa ăn, anh dùng nhiều rượu cốt-tên và Uyt-xki Xcôt-len hơn mức dùng cho một người bình thường.

Xưa nay Ida vẫn thường bỏ qua, không hề trách

cứ gì thói say mê cờ bạc của chồng. Qua bao năm chung sống với vợ, anh đã quen với thái độ dễ dãi ấy. Nhưng đến nay, khi mỗi hiềm nghi đã xuất hiện, anh có cảm giác như vợ anh chỉ mong cho anh đánh bạc thật nhiều. Hơn thế nữa, anh còn nhận xét thấy rằng, đã lâu Xani Grendixơn thôi không đến những nơi chơi bài pôke và britgiơ nữa. Người ta bảo anh ta rất bận. Nhưng trong khi Li Báctơn chơi bài thì Xani dùng thời gian ấy làm gì? Không thể lúc nào anh ta cũng họp với các hội đồng, các ban quản trị như thế được. Li Báctơn bèn thử đi điều tra. Chẳng vất vả gì anh cũng kết luận được rằng, trong những thời gian ấy, Xani đã tiêu khiển với Ida. Khi thì nhảy ở vũ hội, khi thì dự tiệc, khi thì tắm biển dưới ánh trăng, và cái hôm mà Xani, viện cớ có việc không thể trì hoãn được để không chơi bài britgiơ với Li Báctơn, Lenho Giôn-xơ và Giéch Hôn-xtây-nơ trong Câu lạc bộ Thái Bình Dương thì ra anh ta bận phải chơi bài, cũng là bài britgiơ, nhưng ở nhà bà Đôra Nailơơ cùng với ba người phụ nữ, trong số đó có Ida.

Một lần, sau khi đi kiểm tra việc xây dựng một ụ để tàu trên cạn, Li Báctơn từ Piơclơ Habơ trở về. Anh gài số ba cốt phóng xe thật nhanh để về đến nhà còn kịp thay quần áo trước khi ngồi vào bàn ăn bữa trưa. Hôm ấy xe anh đã vượt xe của Xani, và anh nhìn thấy trong xe của Xani chỉ có một người nữa là

Ida. Cách đây một tuần lễ, mà trong tuần ấy anh không hề ngồi vào chiếu bạc lần nào, sau khi dự bữa ăn độc thân ở Câu lạc bộ Đại học, mười một giờ khuya anh mới về đến nhà, thì liền sau đấy, vợ anh cũng về, Ida vừa ăn bữa tối và nhảy ở nhà ông bà Anxtơn xong. Người chở xe đưa chị về chính cũng lại là Xani Grendixơn. Họ nói rằng Xani đã phải đưa cả vợ chồng thiếu tá Phrenclin về Phoóc Sápơ ở tận đầu kia thành phố, cách trung tâm Vaikiki rất xa.

Li Báctơn cũng chỉ là một con người và anh rất đau khổ trong lòng, mặc dù trước mặt mọi người anh vẫn tỏ ra vô cùng thân ái với Xani. Ngay đến Ida cũng không biết chồng mình đang đau khổ, và chị vẫn hồn nhiên, vui vẻ không nghi ngờ gì cả, có chăng chị chỉ hơi ngạc nhiên đôi chút thấy gần đây chồng uống quá nhiều rượu trước các bữa ăn mà thôi.

Tưởng mọi sự vẫn y như trước, anh vẫn thổ lộ hết mọi điều với vợ. Nhưng thực ra anh giấu chị điều đau khổ và không cho chị biết chút nào về cuốn "sổ kế toán" mà anh tiến hành ghi trong óc, đêm cũng như ngày, cố mau chóng đạt đến một kết luận rõ ràng. Trong "cuốn sổ" ấy, một cột ghi tất cả những biểu hiện thực sự chân thành tình yêu của chị đối với anh: những sự chăm sóc, những lời an ủi, những lần hỏi ý kiến, và những việc chị đã làm để chiều ý chồng. Một cột khác ghi nhiều hơn, đó là những câu nói và thái độ

của chị mà anh cho là khả nghi. Những câu nói và thái độ ấy có thực lòng không? Hay có chứa đựng một chút giả dối, mặc dù giả dối không có dụng ý? Cột thứ ba, dài nhất và cũng quan trọng nhất theo quan điểm tâm hồn con người, ghi những điều có quan hệ trực tiếp hay gián tiếp đến vợ anh và Xani Grendixơn. Li Báctơn làm cuộc ghi chéo đều đặn vào "cuốn sổ" này không định nhằm một mưu đồ gì hết. Chỉ đơn giản là anh không thể không ghi. Nếu như có thể thôi được cái công việc này, thì anh sẽ vui vẻ mà chấm dứt nó ngay. Khốn nỗi anh đã nhiễm thói quen mọi thứ đều phải rành rọt. Và mọi điều anh nhận xét thấy đều cứ như tự chúng xếp vào từng cột một, ngoài ý muốn của anh.

Bây giờ mọi thứ anh đều nhìn một cách méo mó. Mỗi con ruồi anh đều nhìn thành con voi, mặc dù anh biết rõ đấy chỉ là con ruồi. Cuối cùng anh đã tìm đến Mắc Luây-nơ, người mà có lần anh đã giúp cho một việc khá lớn. Mắc Luây-nơ là Giám đốc Sở Cảnh sát, điều tra. Li Báctơn hỏi ông ta: "Xani Grendixơn có phải người đào hoa không?" - Người giám đốc cảnh sát không trả lời gì hết. Li Báctơn kết luận "Nghĩa là có chứ gì?". Nhưng ông ta cũng vẫn im lặng.

Sau đấy ít ngày, Li Báctơn nhận được một tờ giấy mật có chữ ký của Mắc Luây-nơ, và đọc xong anh vội huỷ ngay như huỷ một vật nhơ bẩn nguy hiểm.

Kết luận tổng quát là: Kể từ khi vợ qua đời đến nay, Xani Grendixơn đã sống không buông tuồng nhưng cũng không phải hoàn toàn đứng đắn. Cuộc hôn nhân giữa anh và vợ đã một thời từng là đề tài của miệng của giới thượng lưu ở Hônôlulu, vì họ yêu nhau say đắm, không phải chỉ trước khi cưới mà cả khi đã chung sống với nhau rồi, cho đến tận khi chị vợ anh chết một cách bí thảm cách đây đã mười năm, cả người lẫn ngựa đều tụt khỏi con đường mòn Nanieu và rơi xuống vực thẳm. Và theo như lời Mắc Luâyơ, trong một thời gian dài sau đó, Xani không hề chú ý đến người phụ nữ nào. Còn về sau thì nếu anh ta có quan hệ với người phụ nữ nào thì cũng hoàn toàn đứng đắn, không gây nên điều tiếng gì. Vì vậy mọi người cho đến nay vẫn tin rằng Xani Grendixơn là người chồng chung thủy và sẽ không bao giờ lấy ai nữa. Riêng vài cuộc tình thoáng qua mà Mắc Luâyơ kê ra trong mảnh giấy thì theo như ông ta nhận định, chính bản thân Xani cũng đinh ninh rằng chỉ những người trong cuộc biết mà thôi.

Li Bắctơn đọc lướt qua rất nhanh, tuồng như thẹn với chính bản thân mình, cái bản kê ngắn ngủi những tên phụ nữ và những ngày tháng. Và chính bản thân anh cũng phải ngạc nhiên trước khi đưa tờ giấy vào ngọn lửa. Đúng! Cái gì thì chưa biết, chứ thận trọng thì Xani có thừa. Nhìn mảnh giấy đã cháy thành than. Li bỗng chợt nghĩ rằng, không biết trong

số những chuyện tình thuở trẻ của mình, những chuyện nào đã vào hồ sơ mật của ông già Mắc Luâyơ kia. Và đột nhiên anh cảm thấy mặt nóng bừng. Sao anh ngốc thế! Nếu như Mắc Luâyơ đã biết rõ đời tư của bất kỳ người nào trong tầng lớp của họ đến như vậy thì cũng có nghĩa rằng bản thân anh, người chồng, người che chở cho Ida đã cung cấp cho ông ta một cái cớ để nghi ngờ vợ mình rồi còn gì.

- Không có chuyện gì lạ chứ? - Anh hỏi vợ vào đúng cái buổi tối hôm ấy, khi chị vừa mặc quần áo xong, còn anh thì đứng cạnh, cầm sẵn chiếc áo măng tô.

Câu hỏi hoàn toàn phù hợp với điều đã quy ước giữa hai vợ chồng, là không giấu giếm nhau điều gì hết. Và trong khi chờ đợi Ida trả lời, Li Bắctơn ân hận là đã không hỏi vợ câu ấy từ trước.

- Không - chị mỉm cười. - Không có chuyện gì lạ hết... Cũng có thể là để rồi lúc nào...

Chị soi gương, thoa phấn vào mũi, rồi lại lấy cái búp phẩy bột phấn đi. Sau đó chị nói tiếp:

- Anh thừa biết tính em như thế nào rồi. Em cần phải có thời gian để nhìn ra cho rõ. Và sau khi đã rõ rồi thì thế nào em cũng sẽ nói hết với anh. Chỉ có điều là nhiều khi chưa có điều gì đáng nói, cho nên cũng chưa muốn để anh phải nghĩ ngợi làm gì..

Chị giơ hai cánh tay ra phía sau, để anh khoác

áo măng-tô vào cho. Đôi cánh tay dửng dưng cảm và thông minh, khi vật lộn với sóng biển thì cứng như thép, đồng thời lại vẫn là cánh tay phụ nữ: tròn trĩnh, ấm áp, trắng ngần. Lớp da mịn màng phủ lên những bắp thịt tuyệt vời và ngoan ngoãn, sẵn sàng tuân theo sự điều khiển của chủ nhân.

Li Bắctơn ngấm vợ với lòng khâm phục. Anh vừa thoáng buồn lại vừa đau xót. Lúc này sao vợ anh mảnh mai, yếu đuối đến thế. Nhìn chị người ta có thể tưởng như bất cứ một người đàn ông khoẻ mạnh nào cũng có thể chỉ dùng một tay cũng nhấc bổng chị được.

- Nhanh lên, còn đi chứ, anh? - Chị kêu lên vì thấy chồng còn chần chừ, chưa khoác chiếc áo măng-tô ra ngoài chiếc áo dài tuyệt đẹp và mỏng dính của chị. - Trễ mất đấy. Nếu ở Nanu trời mưa thì lại phải lên lầu và vợ chồng mình sẽ không kịp tham gia điệu nhảy thứ hai đâu.

Anh quyết định sẽ phải xem cho kỹ được điệu vũ thứ hai vợ mình sẽ nhảy với ai. Và anh đi theo chị ra cửa, ngắm dáng đi của vợ, cái dáng đi mà anh vẫn thường thâm nhận xét rằng bao giờ cũng bộc lộ toàn bộ bản chất, cả tinh thần lẫn thể xác của chị.

- Em không giận khi thấy anh chơi bài pôke nhiều quá và bỏ mặc em đi một mình đấy chứ? - Lại một câu thăm dò nữa.

- Đây là quyền của anh! Với lại anh thừa biết rằng em tán thành để anh mê đánh bạc. Vì sự say mê ấy làm cho anh thoải mái hơn. Không những thế, mỗi khi anh đánh bài, anh trở nên rất đáng yêu. Mà hình như có lần nào anh chơi bài khuya quá, đến sau một giờ sáng thì phải.

Đến Nanu trời chưa mưa. Gió nhẹ và trời đầy sao. Họ đến kịp điệu nhảy thứ hai vì Li Bactơn nhìn thấy vợ mình bước vào sàn nhảy cùng với Xani Grendixơn. Chuyện này chẳng có gì đặc biệt, nhưng anh vẫn thầm ghi nó vào cuốn sổ kế toán nằm trong óc.

Một tiếng đồng hồ sau, bỗng nhiên anh thấy bồn chồn. Anh rời khỏi chiếu bạc Britgiơ, lách qua mấy người phụ nữ trẻ, bước ra ngoài vườn, đi lững thững. Bên kia ao có một rặng hoa quỳnh. Hoa quỳnh chỉ sống được có một đêm: khuya mới nở, và gần sáng đã tàn. Những bông hoa to, đường kính đến một *phút*, màu vàng nhạt, tựa như được làm bằng sáp ong, lấp lánh như những ngọn hải đăng trong đêm tối, tỏa hương thơm ngào ngạt và chúng đang cố tận hưởng mau kéo đã sắp phải tàn.

Nhưng trên con đường nhỏ dọc theo rặng hoa quỳnh, người đi dạo rất đông. Họ đi thành từng đôi, vào quãng thời gian giữa hai điệu nhảy, hoặc có khi họ bỏ một vài điệu nhảy để chuyện trò với nhau. Họ

nói rất khẽ, mắt như đăm đỗi ngắm nghía điều huyền diệu kia: cuộc sống tình ái của một loài hoa. Bản hợp xướng nam hát bài "Hanalâ" du dương văng từ trên sân nhà vọng xuống vườn. Li Bắctơn hơi nhớ lại một truyện ngắn hình như của Ghidơ Mốpaxăng nói về một thầy tu. Ông ta tin một cách thành kính, rằng mọi vật trên thế gian này đều do Chúa Trời tạo nên nhằm những mục đích mà chỉ có Ngài mới biết được. Nhưng đến khi phải dùng cái cách nhìn ấy để giải thích sự tồn tại của hiện tượng ban đêm, thì ông thầy tu kia cuối cùng đã hiểu được ra rằng, Chúa Trời sáng tạo ra ban đêm là để nhằm phục vụ cho tình yêu.

Thấy cả hoa lẫn người đều say đắm ban đêm, Li Bắctơn thấy đau xót. Anh quay bước, định trở vào nhà theo con đường ngoằn ngoèo dưới bóng những cây xiêm gai và dừa. Đến chỗ con đường ló ra khỏi bóng cây, anh nhìn thấy cách mình vài bước chân, trên một con đường nhỏ khác, một đôi trai gái đang hôn nhau trong bóng tối. Anh phát hiện ra họ, vì nghe thấy giọng thì thào tha thiết của người đàn ông. Nhưng cũng đúng lúc ấy, đôi trai gái nhìn thấy anh. Anh con trai ngừng bật, không nói nữa. Và cả hai cố giữ bất động hoàn toàn.

Anh bước chân tiếp, trong lòng xót xa với ý nghĩ rằng, bóng tối dưới các lùm cây chính là giai đoạn sẽ phải xảy tới với những người hiện còn đứng ngoài chỗ

trống, đang ca ngợi những đoá hoa quỳnh kia. Ôi, anh nhớ rất rõ cái thời mà chỉ cốt để được hưởng một phút yêu đương, anh sẵn sàng dối trá, sẵn sàng mưu mẹo, và chỉ mong được đứng dưới bóng lùm cây càng tối càng tốt. Người ta giống như những bông hoa. Trước khi quay trở về với cuộc sống quen thuộc nhưng giờ đây anh cảm thấy không chịu nổi nữa, anh dùng chân lại một lát ngoài vườn, lơ đãng ngắm nhìn khóm phù dung hoa kếp đang rực đỏ dưới luồng ánh sáng từ trên hiên nhà hắt xuống. Và bỗng nhiên tất cả những gì làm anh đau khổ, những gì anh vừa nhìn thấy và nghe thấy: những bông hoa quỳnh chỉ nở trong có một đêm, những lời thề thốt của những kẻ đang yêu và đôi trai gái hôn nhau vụng trộm như kẻ cắp, tất cả những thứ ấy hoà lẫn vào nhau tạo thành một câu chuyện ngụ ngôn về cuộc đời, được thể hiện trong những đoá phù dung mà anh đang ngắm nghía. Anh cảm thấy cuộc đời và khát vọng của con người cũng giống như những đoá hoa kia: khi nở ra lúc bình minh, chúng trắng như tuyết, gặp ánh nắng mặt trời, chúng chuyển màu hồng, đến tối, chúng đỏ rực và sau đó thì bắt đầu tàn, không sống nổi cho đến bình minh hôm sau!

Không biết còn những ý nghĩ so sánh nào nảy ra trong óc anh nữa, bởi vì từ phía sau lưng anh, nơi có những răng xiêm gai và dứa nước, chợt vọng đến một giọng cười quen thuộc, tiếng cười tươi vui và hồn

nhien của Ida. Sợ phải nhìn thấy vợ mình, anh không dám ngoái đầu lại, bước vội lên hiên nhà. Do luống cuống, chân anh dúi lại làm anh suýt ngã. Và mặc dầu anh thừa biết nếu quay lại anh sẽ nhìn thấy gì, nhưng anh cũng vẫn quay đầu lại, và nhìn thấy vợ anh và Xani vừa mới hôn vụng nhau trong bóng tối. Mắt anh hoa lên. Và anh phải vịn vào lan can mới đứng được vững, đôi mắt lơ đãng hướng về phía tốp nam trong dàn hợp xướng đang hát đoạn điệp khúc ngọt ngào "Hani Caua Nikiviki" trong cái đêm cũng ngọt ngào này.

Một lát sau, anh liếm môi, gắng lấy lại bình tĩnh và nói được một câu pha trò với nữ chủ nhân, bà Insokip. Nhưng không thể để chậm trễ được - hai kẻ tội lỗi kia đã đang bước lên những bậc lên hiên nhà rồi.

- Tôi khát cháy cả cổ, cứ như vừa vượt qua sa mạc Gôbi ấy, - anh nói - Phải uống ngay một cốc rượu, kẻo chết khát bây giờ.

Bà Insokip mỉm cười đưa tay trở về phía góc sân dành cho những người hút thuốc lá. Anh đến nơi thì cũng đúng lúc mọi người tản ra. Anh sôi nổi trò chuyện với mấy ông già về tình trạng sản xuất đường hiện nay.

Có mấy chiếc xe cùng đi về thành phố Vaikiki. Li Bắctơn phải nhận chở ông bà Bécxton và đôi vợ

chồng Lexli. Anh cũng vừa nhìn thấy Ida ngồi vào xe của Xani, ngay bên cạnh anh ta. Chị về đến nhà trước. Khi anh bước vào đã thấy chị đang chải tóc chuẩn bị đi ngủ. Hai vợ chồng tạm biệt nhau để đi nghỉ, như thường lệ. Anh cố làm ra vẻ tự nhiên, nhưng chợt nhớ rằng mỗi một kẻ khác đã chạm vào môi vợ mình, anh phải gắng hết sức mới không lộ vẻ gì khác thường. Gắng đến nỗi, anh tưởng chừng mình suýt ngất đi.

"Chẳng lẽ bản tính của phụ nữ đúng là vô đạo đức thật, như những triết gia yếm thế, bi quan chủ nghĩa Đức đã quả quyết?" - anh tự hỏi, không làm sao ngủ được, cũng không thể đọc nổi một cuốn sách nào. Trần trọc khoảng một tiếng đồng hồ, anh đành dậy, tìm trong tủ thuốc một liều thuốc ngủ tác động mạnh. Sau đây một tiếng vẫn không ngủ được, sợ không dám một mình suy nghĩ vẩn vơ, anh lại uống thêm một liều thuốc ngủ nữa. Anh còn uống thêm hai lần nữa, mỗi lần cách nhau một tiếng đồng hồ. Nhưng thuốc tác động quá chậm, nên đến khi anh ngủ thiếp đi được, thì bên ngoài trời đã bắt đầu rạng sáng. Đến bảy giờ anh lại thức giấc. Miệng đắng ngắt, mắt vẫn cay xè nhưng anh không làm sao ngủ lại được nữa. Đến khi thấy rõ ràng có cố cũng vô ích, anh gọi người phục vụ đem điếu tẩm vào, anh ăn ngay trên giường và đọc báo chí buổi sáng. Nhưng thuốc ngủ tiếp tục tác động và thỉnh thoảng anh lại ngủ thiếp đi vài

giây, ngay trong lúc vẫn đang đọc báo. Anh cứ trong tình trạng nửa thức nửa ngủ như thế cả trong lúc tắm và mặc quần áo. Và anh sung sướng thấy rằng, mặc dù thuốc không làm anh ngủ được ban đêm, nhưng cũng tạo được cho anh một cảm giác lơ mơ dễ chịu vào buổi sáng.

Mãi đến khi Ida trở dậy và bước vào phòng anh, trong chiếc áo choàng duyên dáng, miệng nở một nụ cười hóm hỉnh, và vẫn như mọi khi, tươi vui và thanh thản, anh mới cảm thấy chất thuốc phiện ngấm vào người. Bằng thái độ đơn giản và rõ ràng, chị nói để anh hiểu rằng, tuy hai vợ chồng đã thoả thuận với nhau từ lâu là phải nói thật và nói hết ra với nhau nhưng hôm nay chị cũng chưa có điều gì để nói với anh. Do thuốc ngủ tác động, Li Bacton bắt đầu nói dối. Khi Ida hỏi anh có ngủ ngon giấc không, anh đã trả lời:

- Rất không ngon. Đêm qua anh phải thức dậy hai lần vì bị chuột rút ở chân. Thậm chí lúc khỏi chuột rút, mãi vẫn không ngủ lại được. May về sau chuột không rút lần nào nữa. Nhưng chân vẫn nhức khiếp lên được.

- Năm ngoái anh cũng bị một lần đúng y như thế, - chị nhắc.

- Bệnh theo mùa ấy mà, - anh mỉm cười. -

Không nguy hiểm đâu, nhưng rất bực mình, khi thức dậy cả một cái chân tê buốt. Chắc từ giờ đến tối sẽ không xảy ra chuyện gì nữa đâu. Nhưng anh có cảm giác người đau như dằm.

Nhưng ngay hôm ấy, tất nhiên là sau đó một lúc, hai vợ chồng Li Báctơn và Ida đã lao đầu xuống nước chỗ khu vực nước nông cạnh Cầu lạc bộ Thuyền Buồm, rồi nhanh chóng vòng qua đập chắn, bơi ra xa, đến tận những ngọn sóng Canaca. Biển lặng đến nỗi khi quay vào phía hướng bờ, sau hai tiếng đồng hồ bơi lội, rồi từ tốn lướt qua những đợt sóng, họ chỉ còn hai người trên mặt nước. Sóng yếu quá chẳng khiến ai thích thú bơi thuyền hay mải, và mọi người đã lên bờ từ lâu.

Đột nhiên, Li Báctơn xoay người, chuyển sang bơi ngửa. - Anh làm sao thế? - Ida gọi chồng. Chị vẫn đang bơi cách anh khoảng hai chục *phút*.

- Chân lại bị chuột rút! - Anh khẽ trả lời, toàn thân ro rúm lại một cách khủng khiếp.

Chất thuốc phiện tiếp tục hiệu nghiệm khiến anh trong trạng thái nửa thức nửa ngủ. Nhìn vợ sai tay đều đặn, nhịp nhàng tiến về phía mình, anh thán phục sự bình tĩnh của chị. Nhưng lập tức anh thoáng có ý nghĩ nghi ngờ, chị bình thản phải chăng vì không yêu anh, hoặc nói khác đi, không yêu anh bằng yêu

Xani Grendixon.

- Anh bị chân nào? - Chị hỏi, chuyển sang bơi đứng.

- Chân trái... Ôi! Bây giờ thì sang cả chân phải nữa.

Anh làm như thể đầu gối bị quặp lại. Anh cố ngẩng đầu để vươn lên khỏi mặt nước, rồi liền sau đó chìm xuống dưới một làn sóng không lớn gì. Vài giây sau anh lại nhô đầu lên, khạc nước trong miệng ra và lại bơi ngửa. Anh như cố mỉm cười, nhưng nụ cười biến thành một sự nhăn nhó. Chân anh bị chuột rút thật, ít ra thì cũng là một chân và anh cảm thấy đau đớn thực sự.

- Bây giờ thì chân bên phải đau hơn, - anh nói, khi nhìn thấy vợ định xoa nắn cho mình. - Nhưng em đừng lại gần. Thứ này đối với anh là thường. Nếu khó chịu hơn, anh sẽ bám vào em.

Ida lấy tay nắn những bắp thịt bị chuột rút ở chân chồng và bắt đầu xoa nắn cho anh.

- Em lui ra! Anh tha thiết đề nghị em lui ra xa. - Anh rít lên qua kẽ răng. - Để anh nằm yên. Anh co duỗi các khớp xương một lúc là khỏi thôi. Anh biết cách chữa chuột rút mà.

Chị buông chồng ra nhưng vẫn bơi đứng bên

cạnh, mắt chăm chú nhìn mặt anh, cố đoán xem cách chữa của chồng có kết quả gì không. Còn anh thì cố tình gập đầu gối lại và căng bắp thịt để tăng thêm tình trạng co thắt. Năm ngoái đã một lần anh bị chuột rút như thế này. Anh đã tập được cách chữa. Anh nằm trên giường, tay cầm sách, buông lỏng các bắp thịt. Và trong khi chữa, anh vẫn không ngừng đọc. Còn bây giờ anh làm ngược lại, thậm thích thú cảm thấy sự co rút tăng thêm và chuyển sang cả bụng chân bên phải. Anh hét lên, làm bộ như hoảng hốt, cố nhào người lên khỏi mặt nước, rồi lại chìm ngấm xuống bên dưới một con sóng vừa xô tới.

Anh lại nhô lên, sặc sụa rồi bơi ngửa, duỗi hai tay ra. Lập tức những ngón tay mảnh dẻ nhưng cứng như sắt của Ida nắm chặt lấy bụng chân của chồng.

- Không sao đâu - chị nói, tay vẫn tiếp tục xoa nắn. - Kiểu chuột rút như thế này, không bao giờ kéo dài lâu đâu.

- Chưa bao giờ anh bị chuột rút mạnh như thế này. Anh rên rỉ.

- Chỉ mong nó không lan rộng lên những bắp thịt khác! Anh không thể cử động gì được nữa.

Đột nhiên anh bám cả hai tay vào vai Ida, như một kẻ chết đuối bám lấy chiếc mái chèo để tìm cách leo lên thuyền. Bị sức nặng của chồng kéo xuống, chị

chìm ngấm. Trong lúc anh ghìm không cho chị ngoi lên, chiếc mũ cao su trên đầu chị tuột ra, mấy chiếc cặp tóc rơi xuống. Và đến lúc chị gắng hết sức mới ngoi lên được trên mặt nước, miệng thở dốc ra, thì những sợi tóc loà xoà hết vào, che kín cả mắt, mũi. Anh đoán chắc rằng, do bị bất ngờ, chị đã uống khá nhiều nước mặn.

- Đã bảo em tránh ra kia mà, - anh nhắc chị và lại thông hai tay xuống, làm ra vẻ tuyệt vọng.

Nhưng những ngón tay của Ida đã lần được tới bụng chân bị co rút của chồng. Và anh không rõ chị đang trong trạng thái ngập ngừng hay hoảng hốt.

- Chuột rút lan cả lên phía trên nữa rồi, - anh thốt lên như thể không ghìm lại được.

Anh lên gân toàn bộ các bắp thịt bên chân phải, và tình trạng co rút thực sự tăng lên ở bụng chân, cả bắp thịt ở đùi cũng ngoan ngoãn tuân theo và co cứng lại, như thể chúng cũng bị chuột rút.

Chất nha phiến trong thuốc ngủ vẫn chưa tan hết, khiến Li Báctơn có thể cùng một lúc vừa tiến hành trò chơi độc ác, vừa thích thú nhận thấy ý chí mạnh mẽ hiện lên trên bộ mặt bơ phờ của vợ, và nỗi sợ hãi mà chị cố nén lại nhưng vẫn lộ ra trong cặp mắt. Và đằng sau tất cả những cái ấy, anh nhận thấy ở chị một tâm hồn vững chắc, không gì lay chuyển nổi

và một lòng quyết đoán đầy cương nghị.

Rõ ràng chị không chịu khuất phục với các chiêu bài rở tiền "em sẽ cùng chết với anh". Và Li Bắctơn cảm phục vợ vô cùng khi anh nghe thấy chị nói:

- Không sao! Anh cứ thả mình chìm thêm nữa cho khỏi mệt. Chỉ cần giữ miệng ở bên trên mặt nước, đủ để thở là được. Em sẽ đỡ cái đầu cho anh. Chuột rút không thể kéo dài vô cùng tận được đâu. Nếu ở trên cạn, không ai chết vì bị chuột rút bao giờ. Nghĩa là dưới nước, nếu bơi giỏi cũng không thể chết được. Các bắp thịt co rút đến một độ nào đấy sẽ phải ngừng. Cả hai vợ chồng mình đều bơi rất giỏi và lại cùng bình tĩnh.

Anh nhắm mắt làm như thể bị đau đớn cao độ, rồi nín vợ, kéo chị chìm xuống dưới nước. Nhưng đến khi ngoi được lên, chị vẫn ở bên cạnh chồng như cũ, vẫn bơi đứng, tay vẫn đỡ lấy đầu anh và miệng vẫn quả quyết:

- Anh cứ bình tĩnh! Tiếp tục buông thả các cơ bắp. Đầu đã có em đỡ cho rồi. Chịu khó một lúc nữa thôi. Sắp hết ngay bây giờ. Anh đừng cố quấy cựa. Đừng căng thẳng thần kinh thì thân thể sẽ không bị co cứng. Anh quên là chính anh đã từng dạy em cách buông thả mình trên mặt nước rồi à!

Một con sóng nữa, cao vọt vọt so với làn sóng yếu

lúc này, đang sắp ập tới. Li Báctơn túm lấy vai vợ và kéo chị chìm xuống dưới nước vào đúng lúc bọt trắng trên đỉnh con sóng cuộn lên rồi đổ xuống.

- Xin lỗi em! - Anh thều thào bằng một giọng đau đớn sau khi hít vội một hơi. - Buông anh ra - anh nói hồn hên, dần từng tiếng, giọng đau đớn. Tội gì để chết cả hai đứa. Anh không còn hy vọng gì nữa rồi. Chuột rút cả tay nữa thì anh sẽ không buông em ra được đâu. Van em, hãy để mặc anh. Hãy để một mình anh chết. Cuộc đời em còn đáng sống lắm.

Chị nhìn anh với cặp mắt đầy oán trách, và không còn chút nào vẻ sợ hãi nữa. Tuy không dùng lời, chị cũng vẫn diễn tả được đầy đủ ý nghĩ hiện lên trong khoé mắt: "Em sống làm gì nếu không phải để vì anh?".

Nghĩa là chị quý chồng hơn Xani! Li Báctơn cảm thấy sung sướng nhưng bỗng anh chợt nhớ lại rằng, Xani đã ôm hôn chị dưới bóng cây Xiêm gai, và anh thấy hành hạ vợ như thế vẫn còn chưa đủ. Có thể chất nha phiến trong thuốc ngủ đã đẩy anh sâu thêm vào tội lỗi. Chất nhựa cây quái ác kia như thì thầm: "Mi đã khởi đầu cuộc thử thách này thì phải đẩy nó đến độ cao nhất!"

Anh co chân, ngụp xuống rồi ngoi lên mặt nước, làm ra vẻ như cố duỗi chân nhưng không nổi. Chị vẫn

một mực bám sát bên chồng.

- Không. Anh không thể! - anh hét lên, giọng bi thảm. - Thế là hết! Không thoát nổi đâu! Em cố đến mấy cũng không cứu nổi anh đâu. Em tránh ra. Nhanh lên kéo chết cả hai bây giờ.

Nhưng chị không tránh. Chị quay đầu anh cho nước biển khỏi tràn vào miệng, rồi nói:

- Không sao đâu! Không sao đâu! Anh đừng lo. Chịu khó một lúc nữa là hết thôi.

Li Bắctơn thét lên, mặt co rúm lại, rồi túm lấy vợ, kéo tuột xuống dưới nước. Lần này suýt nữa thì anh chìm chị chết. Nghĩa là anh đã diễn lớp kịch này khéo đến quá mức. Vừa ngoi được lên mặt nước chị đã đỡ luôn lấy đầu chồng nâng lên, và trong khi đang còn thở hồng hộc, chị vẫn tiếp tục thì thào vào tai anh những lời động viên:

- Bình tĩnh! Anh hãy bình tĩnh... buông lỏng các cơ bắp... Thấy chưa? Anh đã đỡ đau rồi đấy... Chịu khó một chút nữa thôi... Không sao đâu... Sắp khỏi bây giờ... Anh đã cảm thấy hơi dễ chịu rồi chứ?

Còn anh vẫn tiếp tục nhận chìm và nhận chìm vợ xuống nước, lần sau phũ phàng hơn lần trước, bắt chị uống mãi nước biển. Trong đáy lòng, anh tin chắc rằng làm như thế vẫn chưa đến nỗi nguy hiểm cho

tính mạng của chị. Họ thoáng nhô lên trên mặt đại dương vàng nắng rồi lại chìm ngấm xuống. Và bọt trắng của những ngọn sóng trào qua đầu họ.

Chị vẫn kiên trì phấn đấu, cố thoát ra khỏi những ngón tay bấu chặt của chồng. Nhưng mỗi khi anh buông chị ra, ngoi lên được mặt nước, chị vẫn không chịu bơi ra xa. Sức chị kiệt dần, óc chị mụ đi nhưng chị vẫn cố giúp đỡ chồng. Cuối cùng, đến khi thấy đã trừng phạt vợ như thế là đủ, anh trở nên bình tĩnh hơn, thả hai tay ra và trải dài người trên mặt nước.

Anh thở phào về khoan khoái, rồi nói giọng dứt quãng, vừa nói vừa thở hỗn hển:

- Khỏi rồi! May quá. Ôi, anh uống nhiều nước biển quá. Nhưng bây giờ chuột không rút nữa. Anh thấy dễ chịu như đang trên thiên đường vậy!

Chị định đáp lời, nhưng mệt quá, không gắng được.

- Anh dễ chịu rồi, anh lặp lại. - Ta nghỉ ngơi một chút đã. Em cũng bơi ngựa cho đỡ mệt.

Họ nằm ngửa nửa giờ đồng hồ liền trên mặt sóng Canaca hiền lành. Đã đỡ mệt, Ida lên tiếng trước:

- Anh cảm thấy trong người thế nào, anh yêu

quý? - Chị hỏi.

- Như thế một cái xe lu vừa lăn trên người anh vậy. Còn em?

- Em thấy em là người phụ nữ hạnh phúc nhất trên đời này. Em sung sướng đến nỗi có thể khóc oà lên được. Nhưng em không muốn khóc. Anh làm em sợ quá. Có một lúc, em tưởng như sắp mất anh của em rồi.

Tim Li Bacton đập rộn ràng. Vợ anh không hề nói đến chuyện chính chị cũng có thể chết. Thì ra đây chính là tình yêu chân chính, tình yêu đã được thử thách, tình yêu lớn lao, khi con người ta quên đi bản thân, chỉ nghĩ đến người mình yêu.

- Còn anh thì là người đáng tự hào nhất trên trần gian, - anh nói, - bởi vì anh có người vợ dũng cảm nhất trên đời.

- Dũng cảm ư? - Chị phản đối. - Tại em yêu anh. Khi chưa có nguy cơ mất anh, em vẫn còn chưa biết em yêu anh đến mức nào. Bây giờ thì vợ chồng mình quay vào bờ đi. Em muốn được riêng một mình bên anh, để anh ôm em và em sẽ kể anh nghe, em yêu anh đến mức độ nào và sẽ mãi mãi yêu anh như thế.

Sau đây nửa tiếng đồng hồ, họ bơi một mạch vào đến bờ rồi bước trên mặt cát rắn và ẩm tiến vào

phòng thay quần áo, giữa đám người ăn không ngồi rồi đang trên bãi tắm.

- Hai anh chị làm cái trò gì ngoài ấy thế? - Một trong số thuyền trưởng của Câu lạc bộ hỏi đôi vợ chồng trẻ. - Chỉ đùa thôi chứ gì?

- Vâng, chúng tôi đùa đấy, - Ida mỉm cười trả lời.

- Các ông thừa biết vợ chồng tôi thích đùa rồi còn gì, - chồng chị phụ hoạ thêm với vợ.

Tối hôm ấy, bỏ cuộc đi dự tiệc thường lệ, họ ngồi ôm nhau trong chiếc ghế bành đặt trên sân trời nhà họ.

- Anh Xani sẽ đi khỏi đây ngày mai, lúc mười hai giờ trưa, - Ida nói, như câu chuyện không liên quan gì với những điều trước đây. - Anh ấy đi Malaixia, kiểm tra hoạt động của Công ty cao su và Công ty gỗ của anh ấy tại đó.

- Sao anh chưa nghe thấy ai nói gì về chuyện ấy nhỉ? - Li Bacton thốt lên khe khẽ, như thể ngạc nhiên.

- Em là người đầu tiên biết việc anh ấy đi khỏi đây, - Ida giải thích. - Anh ấy nói với em tối hôm qua.

- Lúc ở vũ hội?

Ida gật đầu.

- Anh ấy quyết định hơi đột ngột, có phải thế không?

- Đột ngột quá đi ấy chứ, - Ida nhích ra xa chồng rồi vươn vai trong chiếc ghế bành. - Em muốn kể anh nghe về Xani. Chưa bao giờ em giấu anh điều gì. Chỉ vì em chưa muốn kể anh nghe đấy thôi. Nhưng hôm nay, lúc vật lộn với những đợt sóng Canaca, em thoáng nghĩ, nếu như chúng mình chết, thì giữa hai vợ chồng vẫn còn một điều chưa nói ra được với nhau.

Chị dừng lại và anh linh cảm được điều gì vợ mình sắp nói ra. Anh không giục mà chỉ bóp chặt bàn tay của vợ.

- Anh ấy yêu em, - giọng chị run run. - Chắc hẳn anh cũng đã nhận thấy... Và tối hôm qua anh ấy đã rủ em cùng đi Malaixia với anh ấy... Nhưng em không hề tiếc chút nào...

Li Bacton lặng lẽ chờ đợi.

- Em chỉ ân hận, - chị nói tiếp. - Là em đã không nghiêm khắc trước mặt anh ấy. Em đã thấy rất buồn và rất thương hại anh ấy. Vì thực ra, ngay bản thân em cũng hơi... nói cho đúng ra, không phải chỉ hơi mà em có mến anh ấy thật. Chính vì thế mà tối hôm qua em đã dễ dãi với anh ấy. Em không ngu dốt gì. Em thừa biết chuyện gì có thể xảy ra. Em cũng vẫn là một phụ nữ ưa được chiều chuộng. Thấy một

người đàn ông như Xani yêu mình tha thiết, em cũng cảm thấy thích thú. Em đã không ngăn chặn ngay tình cảm của anh ấy. Em đã có lỗi. Nếu như em vững vàng thì sự việc tối hôm qua đã không xảy ra. Lỗi không phải ở anh ấy mà lỗi do em, trong việc anh ấy đã dám ngỏ lời rủ em đi khỏi đây với anh ấy. Nhưng em đã từ chối. Em chưa đến mức chiều anh ấy như thế được. Tại sao, thì anh thừa hiểu rồi. Em chẳng nhắc lại làm gì. Em đã dịu dàng với anh ấy. Rất dịu dàng nữa kia. Em đã để anh ấy ôm mà không đẩy anh ấy ra. Đây là lần đầu tiên nhưng cũng vì là lần cuối cùng. Em đã để cho anh ấy hôn, và cũng đã tự cho phép mình nhận cái hôn ấy. Em biết rằng anh sẽ hiểu, vì đó là cái hôn vĩnh biệt. Thực ra em không yêu anh ấy. Trước kia cũng như bây giờ, em chỉ yêu anh, chỉ yêu có mỗi một mình anh.

Chị ngừng bật. Và ngay lúc ấy, chị cảm thấy bàn tay chồng ôm lấy vai mình và khẽ kéo về phía anh.

- Đúng thế. Em đã làm cho anh nhiều lúc phải lo sợ, - anh thú nhận. - Có lần anh đã nghĩ rằng em sẽ bỏ anh. Và anh... - Anh không nói được nữa, rõ ràng anh đang xấu hổ. Sau đó, trấn tĩnh lại được, anh nói tiếp. - Em thừa biết rằng, anh chỉ biết có một mình em. Nhưng thế là đủ.

Đã móc túi chồng lấy ra bao diêm, rồi bật lửa

châm điều xì gà của anh đã tắt từ bao giờ.

- Đúng, - anh nói qua đám khói thuốc bao bọc lấy họ. - Do quá hiểu rõ em, anh chỉ có thể nói rằng, anh rất thương Xani, rất thương. Anh ấy đã mất mát nhiều. Nhưng anh lại mừng cho anh. Và... còn một điều này nữa... Sau đây năm năm anh sẽ kể em nghe một chuyện rất thú vị, rất nực cười, về bản thân anh và về những điều ngu ngốc nhất mà anh có thể làm được vì em. Năm năm nữa! Em chờ được chứ?

- Năm chục năm em cũng chờ được, - chị thở dài và nép chặt vào người chồng.

Golen Enlen, Caliphoócniá

17 tháng Tám năm 1916

VŨ DÌNH PHÒNG dịch

KHE NÚI TOÀN VÀNG

Dó là đáy xanh của khe núi, nơi những vách đá đẩy lùi cái nền cứng và làm giảm sự khắc nghiệt của các đường nét của mình bằng cách tạo nên một góc kín đáo tròn trịa và mềm mại, đầy ấp hương vị ngọt ngào. Ở đây mọi vật đều yên tĩnh. Ngay cả dòng suối hẹp cũng chảy chậm lại, và tràn ra thành một hồ nước yên lặng. Chú hươu đỏ đứng dưới suối, nước ngập đến đầu gối, cúi cái đầu nhiều nhánh gạc xuống, mắt nửa nhắm nửa mở, như đang ngủ gật.

Ở một phía hồ, bãi cỏ nhỏ chạy đến tận mép nước, một màu xanh tươi mát kéo dài đến tận chân những ngọn núi cau có. Bờ bên kia là sườn dốc thoải thoải chạy ngược lên, dựa vào bức tường đá. Cỏ tươi mịn phủ kín sườn dốc và trang điểm cho nó những dải hoa sắc sỡ màu da cam, đỏ tía và màu vàng. Phía dưới theo dòng chảy, khe núi bị che khuất, và xa hơn không nhìn thấy gì nữa. Các vách đá tựa vào nhau và khe núi được khép kín bằng một mớ hỗn độn những mỏm đá đầy rêu phủ ẩn sau tấm lá chắn màu xanh

của các dây leo, nho dại và bụi rậm. Phía trên khe núi là những ngọn đồi và đỉnh núi vươn cao: kéo dài mãi ra xa là những chân núi rộng mọc đầy thông. Ở đường chân trời, nơi dãy Siêra quanh năm tuyết phủ trang nghiêm phản chiếu những tia nắng mặt trời, là những ngọn tháp trắng giống như những đám mây tụ lại nơi cuối bầu trời.

Ở khe núi này không hề có bụi. Hoa lá đều sạch đến trong suốt; cỏ non trải ra êm mịn như nhung. Bên hồ nước, ba cây dương đánh rơi những nạm bông trắng như tuyết giập giòn trong không khí tĩnh mịch. Trên sườn đồi, những bụi cây Mancanita bị nho dại leo đầy vẫn toả ra hương vị mùa xuân, trong khi đó những tán lá từng trải của chúng đã xoắn lại để chống sự khô cằn của mùa hè đang tới. Ở những khoảng trống của sườn dốc, nơi mà ngay cả bóng cây mancanita lúc dài nhất cũng không chạm đến, là những cây loa kèn với tư thế đĩnh đạc, giống như đàn bướm có đôi cánh màu ngọc bích đột nhiên chững lại trong lúc đang bay, nhưng đã sẵn sàng vỗ cánh để run rẩy bay đi. Đây đó những cây Aelokin, vẫn chưa kịp chuyển màu xanh mờ nhạt của mình sang màu đỏ thiên thảo, đang nhả hương thơm từ các cụm hoa chuông như sáp của mình vào không khí - những cụm hoa chuông màu kem giống như hoa huệ ở thung lũng này, với mùi vị ngọt ngào như chính bản thân mùa xuân vậy.

Ngay cả hơi thở nhẹ của gió cũng không có ở khe núi này. Không khí cũng ngủ gà ngủ gật và nặng hương thơm. Đó là vị ngọt có thể trở nên chán ngấy, nếu không khí ẩm và nặng. Nhưng không khí lại không vì trong suốt đến mức tựa hồ ánh sáng của các vì sao hoà tan trong nó, được ánh mặt trời xuyên qua suối ấm và thấm đượm hơi thở ngọt ngào của ngàn hoa.

Con bướm cô đơn bay lượn từ chỗ tối qua chỗ sáng. Khắp nơi vang lên tiếng vo ve trầm và ngái ngủ của những con ong rùng rẩy mị chên lẫn nhau trong bữa tiệc hỗn độn nhưng vẫn giữ được sự lịch lãm của mình. Dòng suối nhỏ lặng lẽ chảy theo dòng chảy qua khe núi, chỉ hoạ hoằn mới phá vỡ sự yên tĩnh bằng tiếng róc rách rất nhỏ nhẹ. Tiếng róc rách của dòng suối giống như tiếng thì thầm mơ màng: Khi thì yên lặng chìm trong giấc ngủ, khi thì thủ thủ những lúc bừng tỉnh dậy.

Ở đáy khe núi này mọi vật đều như bay lượn: Những tia nắng và những con bướm bay lượn giữa các rừng cây: tiếng vo ve của đàn ong và tiếng thì thầm của dòng suối cũng là những âm thanh bay lượn. Sự bay lượn của các âm thanh và màu sắc đó quyện vào nhau, tạo thành cái gì đó bông bênh không sờ thấy được. Đó là tinh thần của khe núi này. Tinh thần thanh bình. Thanh bình - và không phải là sự chết chóc, mà là nhịp đập đều đều của sự sống; tinh thần

yên tĩnh - nhưng không phải là sự câm lặng: tinh thần chuyển động - nhưng không phải là sự hành động; tinh thần nghỉ ngơi tràn đầy sức sống, xa lạ với sự vật lộn mãnh liệt và sự lao động cực nhọc. Tinh thần của khe núi là tinh thần, thanh bình và yên tĩnh của sự sống mơ màng trong cái dịu dàng và bằng lòng với sự thịnh vượng. Nó không bị quấy phá bởi dư âm của các cuộc chiến tranh xa xưa.

Nhận thức được tinh thần đầy uy quyền đó của khe núi, chú hươu đỏ để nước ngập đến đầu gối và đứng ngủ gật dưới suối. Ngay cả những con ruồi để quấy rầy nó cũng không có; nó đứng đó, uể oải trong sự dịu dàng. Thỉnh thoảng đôi tai chú động dậy để nắm bắt tiếng thì thầm của dòng suối, mà cũng chỉ động dậy rất lừ đừ - chú hươu biết rằng đây chẳng qua là dòng suối thức dậy, và cầu nhàu vì đã ngủ thiếp đi.

Nhưng kìa, đôi tai chú hươu đã dựng đứng lên, căng ra, chăm chú lắng nghe tiếng động. Chú quay đầu nhìn vào chiều sâu khe núi. Hai lỗ mũi nhậy cảm của chú rung rung và khịt khịt hít không khí. Chú không nhìn xuyên qua được bức màn xanh um tùm mà dòng suối chảy khuất phía sau đó, nhưng đôi tai chú đã nghe thấy giọng nói của một người đàn ông - một giọng nói như hát, đều đều, đơn điệu. Sau đó, chú nghe thấy tiếng va chạm rất mạnh của kim loại đập

vào đá. Chú khịt khịt mũi và lao vút về phía trước, thoát một cái đã nhảy ra khỏi suối và đứng ở bãi cỏ bốn chân ngập trong lớp nhung mềm mại của cỏ non. Chú lại căng tai ra lắng nghe và khịt mũi hít không khí. Rồi chú rón rén cất bước đi qua bãi cỏ, thỉnh thoảng dừng lại, chú ý lắng nghe; sau đó chú biến mất vào chiều sâu khe núi như một bóng ma, nhẹ nhàng không tiếng động.

Đã có thể nghe thấy tiếng gót giày đóng đinh nện vào đá; tiếng người đàn ông đó nghe đã rõ hơn. Anh ta hát bài gì đó nghe như bài thánh ca, mỗi lúc một gần hơn, rõ hơn và đã có thể phân biệt rõ lời hát:

Hãy nhìn quanh và trước mặt anh

Núi đồi kiêu diễm thắm màu xanh

Thế lực tội lỗi anh nguyên rửa!

Hãy nhìn sang Đông và sang Tây

Quảng túi tội kia xuống đất này

Bình minh hứa hẹn anh gặp Chúa!

Tiếng hát vang lên cùng những âm thanh lộp cộp và tinh thần của khe núi cũng biến mất theo dấu chân chú hươu nhiều nhánh gác. Bức màn xanh bị vén lên, người đàn ông xuất hiện, đưa mắt nhìn bãi cỏ, hồ nước và sườn đá thoải thoải của ngọn đồi. Rõ ràng là người đàn ông đó không hề vội vã. Anh ta nhìn bao quát toàn cảnh bức tranh trước mặt, sau đó

đưa mắt quan sát từng chi tiết một tựa hồ để kiểm tra lại cảm giác ban đầu của mình. Chỉ sau đó anh ta mới bày tỏ sự tán thưởng một cách rõ ràng trịnh trọng:

- Cảnh huyền diệu của cuộc đời và vạc dầu của địa ngục! Kia, hãy chiêm ngưỡng đi! Nào rừng, nào nước, nào cỏ, nào đồi! Thật là thiên đường trên mặt đất! Một chỗ không tồi đối với những kẻ tìm vàng! Một màu xanh mát cho đôi mắt mỗi mệ! Có điều đây không phải là nơi an dưỡng! Bãi cỏ bí ẩn này là chỗ trú thân cho những người chịu khó, và là nơi nghỉ cho những con lừa thồ mệ nhọc. Khỉ thật!

Người đàn ông có bộ mặt màu đất, rất sinh động và hài hước. Mỗi một ý nghĩ, mỗi một biểu hiện của tâm hồn đều làm thay đổi nhanh chóng khuôn mặt năng động này. Tất cả những ý nghĩ đều hiện lên rõ như lòng bàn tay: chúng săn tìm nhau trên khuôn mặt ấy như những gợn sóng lẫn lẫn đuổi nhau trên mặt hồ. Những sợi tóc lưa thưa không được chải chuốt cũng xám bần như màu da của anh. Có lẽ tất cả những sắc khí mà thiên nhiên dành cho anh tập trung cả vào đôi mắt, bởi lẽ đôi mắt đó xanh biếc, luôn tươi cười, vui nhộn, và chứa đựng chất ngây thơ, ngạc nhiên của trẻ nhỏ. Ánh mắt của anh cũng tàng giấu sự tự tin và sức mạnh của ý chí được tạo nên từ kinh nghiệm của bản thân và kinh nghiệm của người

đời.

Người đàn ông đó lấy cuốc chim, xẻng và cái giần dãi vàng luôn qua bức màn dây leo và nho dại và ném chúng xuống bãi cỏ trước mặt. Sau đó anh trườn ra bãi trống. Anh mặc chiếc quần rộng thùng thình đã bạc phéch và chiếc áo vải màu đen, chân đi đôi giày thò có đóng đinh ở gót; đầu đội cái mũ bẩn thỉu và méo mó không ra hình thù gì nữa - chúng tỏ nó đã từng dãi nắng, dầm mưa, và ám khói lửa trại. Anh đứng thẳng người, phóng tầm mắt nhìn phong cảnh kỳ diệu đến bí ẩn và khoáng trá căng lồng ngực hít thở hơi ấm ngọt ngào của khe núi. Đôi mắt anh nheo lại tạo thành hai khe hở màu xanh tươi cười, khuôn mặt nhả lại một cách sung sướng, cái miệng cười nhếch anh kêu to lên:

- Cây bồ công anh nhảy nhót và những cây thực qui hạnh phúc! Các người thơm lắm. Hãy nói về tình dầu hoa hồng và nhà máy nước hoa của các người đi! Đào đâu ra những hương thơm như thế!

Anh có thói quen nói một mình. Khuôn mặt tỉnh nghịch, năng động của anh để lộ từng ý nghĩ, tình cảm, còn cái lưỡi đờng nhiên cũng cố gắng để không tụt lùi trong việc nói to ra những suy tư của chủ nhân nó.

Người đàn ông nằm sát mép hồ và uống nước ừng ực.

- Đối với tôi, nước ngon quá! - anh nói lúng búng. Sau đó anh ngẩng đầu, lấy mu bàn tay chùi mắt, đưa mắt nhìn ngọn đồi phía bên kia hồ nước. Ngọn đồi đó lôi cuốn sự chú ý của anh. Vẫn ở tư thế nằm sấp như cũ, anh nghiên cứu cấu tạo của quả đồi rất lâu và rất cẩn thận. Cái nhìn của đôi mắt từng trải ấy dán lên phía theo sườn dốc, đến bức tường hình lưỡi hái của khe núi, rồi lại quay xuống cho đến mép hồ. Anh đứng dậy và dùng mắt khảo sát quả đồi một lần nữa.

- Đối với tôi, như vậy là không đến nỗi tồi! - anh kết luận rồi cúi xuống lấy cước chim, xẻng và cái giỏ dãi vàng.

Anh xuống đoạn suối phía dưới, bước nhẹ nhàng từ hòn đá này sang hòn đá kia và vượt sang bờ đối diện. Ở chân dốc, nơi đồi tiếp giáp với nước, anh xúc đầy một xẻng đất và đổ vào giỏ, ấn phần nửa giỏ xuống nước để rồi bắt đầu dãi đất bằng những động tác xoay rất thuần thục. Những vật to và nhẹ nổi lên trên được anh nghiêng giỏ tống ra ngoài. Thỉnh thoảng, để công việc được nhanh hơn, anh đặt giỏ lên bờ và dùng tay nhặt những hòn đá dăm và sỏi vụn.

Giỏ vơi đi rất nhanh và cuối cùng chỉ còn lại những viên sỏi nhỏ và một lớp bùn mỏng. Lúc này, anh dãi thật chậm và cẩn thận. Đây là một công việc

tỉ mẩn, và anh làm việc mỗi lúc một thận trọng hơn, chăm chú hơn. Cuối cùng, ngoài nước ra, trong giần hầu như không còn gì nữa. Nhưng, bằng một động tác xoay rất nhanh, anh đã cho nước chảy tràn qua miệng giần, làm lộ ra một lớp mỏng cát đen dưới đáy. Mỏng đến nỗi trông giống như đáy giần được phết một lớp sơn đen. Anh nhìn rất lâu, rất kỹ màng đen ấy. Ở giữa lớp màng đen ánh lên một mảnh vụn vàng, nhỏ xíu. Nghiêng giần cho thêm một ít nước vào, anh lắc mạnh và nhanh cho nước chảy qua đáy giần: lại một mảnh vụn vàng nữa hiện ra để trả công lao động cho anh.

Lúc này anh đãi cát với sự cẩn thận vượt quá mức cần thiết cho công việc đãi cát tìm vàng thông thường. Từng phần nhỏ một, anh đãi số cát đen ấy, và luôn dán mắt vào quan sát kỹ từng hạt một trước khi cho chúng vượt qua miệng giần ra ngoài. Từng tí, từng tí một, với sự ghen tị anh để cho nước cuốn ra khỏi giần những hạt cát đen. Một hạt vàng không lớn hơn đầu mũi kim khâu xuất hiện ở miệng giần lập tức được anh cho quay trở lại đáy giần. Bằng cách đó, anh tìm thấy một hạt vàng nữa, rồi lại một hạt nữa. Sự quan tâm của anh đến những hạt vàng đó mới lớn làm sao! Giống như một người mục đồng, anh dồn những hạt vàng của mình lại thành đàn để cho không hạt nào bị lạc. Cuối cùng, trên đáy giần, ngoài vàng

ra không còn lại gì nữa. Anh đếm những hạt vàng đó, và sau bao nhiêu cố gắng tỉ mỉ - anh đổ chúng xuống suối bằng một động tác dứt khoát.

Nhưng ngọn lửa của lòng tham đã bùng cháy trong đôi mắt xanh biếc của anh khi anh đứng dậy.

- Bảy, - anh lúng búng trong mồm sau khi đếm số hạt vàng mà mình đã trả bằng bao công sức để rồi lại vút chúng đi một cách không thương tiếc. Bảy - anh nhấn mạnh lại, tựa hồ để ghi con số đó vào trí nhớ.

Anh đứng yên như vậy rất lâu để khảo sát sườn đồi. Trong ánh mắt anh là cả một sự tò mò mới mẻ và nóng bỏng. Anh run lên vì hồi hộp và sung sướng, cảnh giác như con thú dữ đánh hơi thấy mồi ngon.

Anh đi xuống phía dưới mấy bước dọc theo dòng suối và lại lấy đây một giân đất.

Lại bắt đầu công việc dãi rửa thận trọng lại đếm những hạt vàng một cách ghen tị và lại vút chúng xuống suối không chút do dự.

- Năm - anh lúng búng. Rồi nhắc lại: - Năm!

Dường như anh không thể không nhìn soát lại quả đồi trước khi đi tiếp xuống phía dưới dọc theo dòng suối và lại đổ đầy đất vào giân. Số lượng những hạt vàng mỗi lúc một giảm. "Bốn, ba, hai, một" - trí nhớ của anh ghi lại theo trình tự mỗi lần đi xuống

phía dưới dọc theo dòng suối. Đến lúc chỉ có một hạt vàng duy nhất xuất hiện để bù đắp cho công lao động của mình, anh ngừng tay và lấy những cành cây khô nhóm lên đồng lửa, rồi dút cái giần đãi vàng vào, đốt cho đến khi nó trở thành màu đen - xanh. Anh nhấc giần ra, giơ lên và căng mắt nhìn bốn phía chiếc giần đó, rồi gật đầu tán thưởng: trên cái nền màu đen xanh thế này không có hạt vàng nào, dù nhỏ đến đâu, có thể lọt qua mắt được.

Dọc theo dòng suối, xuống xa hơn nữa, anh lại lấy đất đổ đầy giần. Một hạt vàng duy nhất trả công cho anh. Lần đãi thử thứ ba không cho một hạt vàng nào cả. Không hài lòng với điều đó, anh đổ đất đầy giần ba lần nữa, mỗi chỗ lấy mẫu đất cách nhau trên một gang tay. Mỗi lần thử đều không có một tí vàng nào, nhưng anh vẫn không nản. Trái lại, hình như anh còn hả lòng với sự phát hiện của mình. Sau mỗi lần đãi thử không có kết quả, anh càng hồi hộp hơn, và cuối cùng anh đứng dậy reo lên:

- Trời cứ đánh vỡ đầu tôi ra, nếu cái mà tôi phát hiện ra đây không phải là cái mà tôi đang cần tìm!

Quay lại chỗ đãi thử đầu, anh tiếp tục công việc cũ và đi ngược lên theo dòng suối. Thoạt đầu, những hạt vàng của anh tăng dần, tăng nhanh khủng khiếp. "Mười bốn, mười tám, hai mươi một, hai mươi sáu". - anh đếm thầm trong đầu. Ở nơi nước tràn ra tạo

thành hồ, anh được một mẻ nhiều vàng nhất - ba mươi lăm hạt.

Gần như dừng lại cũng được rồi! anh nhận thấy với vẻ luyến tiếc khi để cho nước suối lấy đi những hạt vàng đó.

Mặt trời đã lên đến đỉnh đầu. Anh vẫn tiếp tục làm việc. Giản này tiếp giản kia, anh tiến ngược lên theo dòng suối. Nhưng lúc này thành quả lao động của anh liên tục giảm đi.

- Chúng ẩn náu kỹ đến thế là cùng! - anh hồi hộp kêu lên khi cả một xẻng đất đầy chỉ đem lại cho anh một hạt vàng duy nhất.

Đến khi một vài lần đãi thử liên tục không đem lại một hạt vàng nào, thì anh vươn thẳng người và ném một cái nhìn thoả mãn lên quả đồi.

- A ha, Ngài Hầu-bao! - anh kêu lên hồ như nói với một người vô hình nào đó ẩn náu dưới lòng đất của quả đồi.

- A ha, Ngài hầu - bao! Tôi-đi, tôi đi đến với Ngài đây, tôi sẽ đến được chỗ Ngài, Ngài cứ yên trí! Ngài có nghe thấy không, Ngài Hầu - bao? Xin thế rằng tôi sẽ chết nếu không đến được chỗ Ngài!

Anh quay lưng lại phía đồi và nhìn mặt trời đã lên tới đỉnh đầu trên bầu trời xanh biếc, không một gợn mây. Sau đó anh đi xuống phía dưới khe núi, dọc

theo những hồ đất mà anh vừa lấy để đãi thử, rồi vượt qua dòng suối ở phía dưới hồ nước và biến mất sau những rừng cây xanh. Nhưng tinh thần của khe núi, với sự yên tĩnh và thanh bình của nó vẫn chưa quay trở lại vì giọng ca vui vẻ của người đàn ông vang lên vẫn ngự trị ở vương quốc của nó.

Một chốc sau người đàn ông trở lại nện gót giày đóng đinh xuống những mỏm đá. Bức tường cây xanh bị quấy nhiễu ghê gớm, nó đứng đưa từ phía này sang phía khác tựa hồ đang cố sức chống chọi với một thế lực nào đó.

Tiếng lộp cộp rất to cùng với tiếng kim loại nghiêng vào đá vang lên. Giọng người đàn ông lúc này nghe mạnh và sắc như dao. Một con vật to nặng lao ra, thở hổn hển. Tiếng gầy răng rắc, tiếng xé xoàn xoạt, và giữa trận mưa lá cây như trút ấy, một con ngựa phóng ra. Trên lưng nó là cái bọc to mà từ đó những nhánh nho dại và dây leo lòng thông buông xuống. Con vật ngạc nhiên nhìn bãi cỏ trước mặt, rồi sau đó cúi đầu xuống và bắt đầu gặm cỏ mặt cách ngon lành. Tiếp sau đó, con ngựa thứ hai lao ra khỏi rừng cây. Bị trượt chân ở những hòn đá đầy rêu phủ, nó lấy lại được thăng bằng khi bốn vó đã ngập trong cỏ xanh hiếm khách của bãi cỏ. Mặc dù không có người cưỡi, trên lưng nó vẫn có chiếc yên Mếch xích có sừng cao, đã sờn rách và bạc phếch vì thời gian. Đi sau

cùng là người đàn ông. Anh ta ném cái bọc và yên ngựa xuống đất, đưa mắt tìm chỗ cắm lều và để cho những con vật đó tự do gặm cỏ. Anh mở cái bọc ra lấy lương thực, chiếc chảo rán và cái ấm pha cà phê. Sau đó anh nhặt một ôm củi khô và dùng mấy hòn đá tạo thành bếp nấu.

- Ái chà! - anh kêu lên - tôi mới đói làm sao! Hãy cho tôi dù chỉ là những thoi sắt và những chiếc đinh gỉ. Tôi chỉ còn biết cảm ơn bà chủ vì sự giúp đỡ trong chốc lát này.

Anh vươn thẳng người và trong khi lục túi quần để tìm diêm anh đưa mắt nhìn sườn đồi phía bên kia hồ nước. Những ngón tay của anh đã chạm vào bao diêm, nhưng lại buông xuống và anh rút tay ra khỏi túi quần. Rõ ràng là anh đang lưỡng lự. Anh nhìn những thứ chuẩn bị để nấu nướng rồi lại nhìn lên quả đồi.

- Phải đánh một đòn nữa, - anh quyết định và bắt đầu vượt qua suối - Tôi biết là không nghĩa lý gì - anh lúng búng như tự biện bạch cho bản thân mình. Ăn muện cũng không sao, không có hại gì cả.

Cách những hồ đất lúc đầu vài bước, anh bắt đầu đào hàng thứ hai. Mặt trời đi dần xuống phía Tây, bóng đã dài, nhưng anh vẫn tiếp tục làm việc. Anh bắt đầu đào hàng thứ ba. Ngược dần lên phía đỉnh đồi anh đào từng hàng nối tiếp nhau cắt ngang sườn dốc,

ở từng hàng, hố đất ở giữa giàu vàng nhất, trong khi đó những hố đất ở ta đầu lại không có một tí vàng nào. Càng gần đỉnh đồi những hàng hố đất càng ngắn lại. Chiều dài của chúng giảm dần, cho phép thấy trước được rằng ở một chỗ nào đó trên đầu dốc, hàng cuối cùng sẽ tụ lại hầu như thành một điểm. Dần dần một hình vẽ được tạo nên, trông giống như chữ V lộn ngược. Mép các hố đất của hình chữ V đó đánh dấu ranh giới của phần đất chứa vàng.

Đỉnh chữ V lộn ngược là mục tiêu của anh. Anh liên tục đưa mắt nhìn dọc theo hai cạnh của chữ V lên phía đỉnh đồi để xác định xem cái đỉnh chữ V đó sẽ ở chỗ nào. Đó cũng là chỗ kết thúc lớp đất chứa vàng. Chỗ ấy là nơi Ngài Hầu - bao đang ngự trị anh, gọi các điểm tưởng tượng ra ở phía trên sườn dốc như vậy. Anh kêu lên:

- Nào, hãy xuống đây, Ngài Hầu - bao! Xin Ngài làm ơn đi xuống đây với tôi!

- Thôi được, - anh nói thêm, giọng quả quyết. Thôi được, thưa Ngài Hầu-bao. Rõ rồi, tôi phải tự đi lên với Ngài và bắt các Ngài tại chỗ. Tôi sẽ làm được việc đó, tôi sẽ làm được việc đó! - sau một lát, với giọng đe dọa, anh nói thêm như vậy. Anh đem từng giân đầy đất xuống suối để đãi. Càng lên cao theo sườn dốc, số vàng tìm thấy càng nhiều, đến mức anh bắt đầu gom số vàng ấy lại để vào cái ống bơ đeo cầu

thả ở túi quần sau. Say mê làm việc đến nỗi anh ta không nhận ra bóng chạng vạng của hoàng hôn báo hiệu đêm tối sắp tới. Anh chỉ nhận ra điều đó sau khi cố nhìn mà không thấy hạt vàng nhỏ nào ở đáy giỏ. Anh vươn thẳng người đứng dậy. Sự sợ hãi giả vờ và sự kinh ngạc hiện trên nét mặt anh, khi anh nói rít qua kẽ răng:

- Đồ quỷ tha ma bắt! Có bữa ăn tối mà cũng quên mất!

Khập khà khập khiễng, anh vượt qua suối rồi nhóm lên đồng lửa muôn măn của mình. Món thịt thăn xông khói, bánh rán và đậu hầm nóng là nội dung bữa ăn tối của anh ta. Sau đó, bên đồng lửa tàn, anh đốt thuốc hút, lắng tai nghe tiếng thầm thì của màn đêm và ngắm nhìn ánh trăng toả sáng trên khe núi. Rồi anh dọn chỗ ngủ, tháo đôi giày nặng ra khỏi chân và kéo chăn lên tận cằm. Dưới ánh trăng, mặt anh trắng bệch như mặt một xác chết. Nhưng xác chết đó hồi sinh khá nhanh, và bất thần dùng khuỷu tay nâng người lên, anh nhìn sang quả đồi bên kia suối.

- Chúc Ngài ngủ ngon, Ngài Hầu-bao! - anh nói giọng buồn ngủ.

- Chúc ngủ ngon!

Anh ngủ rất say và chỉ thức dậy khi các tia nắng mặt trời rọi vào đôi mi mắt còn nhắm chặt. Anh rùng

mình mở mắt và nhìn thật lâu xung quanh, cho đến khi nổi lại được sợi dây liên lạc giữa ngày hôm qua và những phút anh đang tồn tại.

Quần áo không phải mặc lại, chỉ việc đi giày vào chân. Anh nhìn vào chỗ đốt lửa rồi nhìn sang phía quả đồi, do dự. Nhưng sau khi cưỡng lại dự định của mình anh bắt đầu nhóm lửa.

- Đừng vội, xin đừng vội: - anh tự nhủ - Vội vã để mà làm gì? Chỉ có nóng bức và mồ hôi thôi, lợi gì! Ngài Hầu-bao sẽ đợi mi, Ngài sẽ không chạy mất trong lúc mi ăn sáng đâu. Lúc này, Bìn ạ, cái mà mi cần là có chút gì đó cho vào bụng. Cho nên hãy làm đi, hành động đi. Ở chỗ, mép nước, anh cắt một cành cây, lấy từ trong túi ra một đoạn dây câu và con mồi nhân tạo.

- Có thể từ lúc tỉnh sương này cá sẽ cắn câu đây, - anh nói lúng búng khi thả dây câu xuống nước. Sau vài phút anh đã phấn khởi reo lên: - Tôi đã nói mà! tôi đã bảo mà!

Không có ống cuộn dây và cũng không muốn mất thì giờ, bằng một động tác nhanh và khéo léo, anh kéo lên bờ một con cá hồi dài mười inh⁽¹⁾. Sau đó, anh còn câu được liên tiếp ba con nữa, và thế là anh có được một bữa ăn sáng. Khi anh đi đến chỗ những

(1) Inh bằng 2,5 cm.

hòn đá để vượt qua suối sang bờ bên kia, một ý nghĩ bất chợt xuất hiện làm anh dừng lại.

- Có lẽ cũng nên đi dạo xuống phía dưới dòng suối xem sao, - anh lúng búng - Ai mà biết được, có khi lại có thằng cha nào đấy lảng vảng quanh đây cũng nên. - Nhưng anh lại bước qua những hòn đá và tiếp tục nói lúng búng: "Đúng là phải đi dạo quanh xem sao!". Song tất cả những ý nghĩ cảnh giác đó đã bay ra khỏi đầu, và anh lại bị cuốn hút vào công việc.

Anh vươn vai đứng dậy lúc trời sập tối. Lưng đau như vì làm việc lâu ở tư thế cúi gập người xuống. Dùng tay xoa bóp chỗ lưng đau, anh nói giọng gâm ghè:

- Quỉ thật, nói sao bây giờ nhỉ? Mình lại quên bữa ăn tối mất rồi! Không khéo mình sẽ trở thành một kẻ kỳ quặc làm quần quật từ sáng đến tối mất thôi!

Hầu-bao là cái đáng nguyên rủa nhất trên đời, nó làm cho ta quên hết thấy, - anh lý sự như vậy trong lúc chui vào khăn để ngủ. Và anh ta cũng không quên nói với quả đồi:

- Chúc ngủ ngon. Ngài Hầu-bao! Chúc ngủ ngon!

Thức dậy cùng với bình minh, ăn vội vàng bữa sáng xong, anh bắt tay ngay vào việc. Anh run lên như bị sốt, mà số vàng đếm được mỗi lúc một nhiều kia

cũng không làm giảm được cơn sốt đó. Hai má anh nóng ran - nhưng không phải là do nắng, mà là do nhiệt từ bên trong bốc ra - và anh không cảm thấy cái mệt mỏi trong người, cũng như không cảm thấy thời gian trôi nhanh ra sao. Sau khi đổ đất đầy giỏ, anh lại chạy xuống để đãi ở dưới suối, và ngay lập tức anh lại chạy ngược trở lại đồi để lấy giỏ đất khác miệng lăm bầm với giọng báng bổ.

Bây giờ anh đã cách dòng suối gần một trăm mét, và chữ V lộn ngược đã có hình thù rõ ràng. Chiều rộng của vùng đất chứa vàng liên tục giảm đi và anh đưa mắt ước lượng trong đầu cái điểm gặp nhau của hai cạnh chữ V đó. Đây là mục tiêu của anh - đỉnh chữ V - và anh đãi hết giỏ này đến giỏ khác để tiến đến tiếp điểm ấy.

- Cách bụi cây, Mansanita như vậy là hai thước về phía trên và một thước về phía tay phải - cuối cùng anh kết luận.

Lát sau, sự cám dỗ đã xâm chiếm anh - Thật đơn giản hơn cả việc sờ thấy sống mũi mình, - anh lăm bầm như vậy sau khi đã ngừng cái việc đãi lọc tỉ mỉ kia và leo lên đến đỉnh chữ V. Tại đó, anh đổ đầy một giỏ đất và đem xuống suối để đãi, vậy mà không tìm được một tí tẹo vàng nào. Anh đào nông đào sâu, đổ đầy và đãi giỏ này tiếp giỏ kia, song công sức bỏ ra không mang lại cho anh dù chỉ là một hạt vàng

nhỏ xiu. Anh nổi cáu vì đã bị cám dỗ và nguyên rủa bản thân một cách không thương tiếc. Rồi anh đi xuống theo sườn dốc và lại tiếp tục đào bới.

- Chậm nhưng mà chắc, Bin ạ. Chậm nhưng mà chắc, anh kéo dài giọng. Năm bắt được vận may đối với mi không dễ đâu. Mà đã đến lúc mi phải hiểu điều đó chứ. Hãy biết điều, chàng Bin ạ. Hãy biết điều. Chậm, nhưng mà chắc là chìa khoá của mi trong các cuộc chơi. Cho nên hãy tìm lấy nó và giữ nó đến cùng.

Khi chiều dài các đường cắt ngang sườn đồi càng giảm đi để cho hai cạnh của chữ V xích dần lại thành một điểm, thì chiều sâu của các hố đất càng tăng lên. Dấu vết của vàng đi sâu vào lòng đất. Bây giờ chỉ ở độ sâu ba mươi inch đất mới cho anh thấy vàng. Mẩu đất lấy ở độ sâu hai mươi lăm và ba mươi lăm inch không có một tí vàng nào. Ở chân chữ V lộn ngược gần bờ suối, anh tìm thấy vàng ở ngay nơi rễ cỏ, nhưng càng ngược lên phía đỉnh đồi thì vàng càng ẩn mình sâu trong lòng đất. Đào một hố sâu ba phút⁽¹⁾ chỉ để lấy một giân đất để đãi thử quả là một việc không nhè nhàng chút nào, mà trong khoảng cách giữa anh bây giờ và đỉnh chữ V còn phải đào biết bao nhiêu hố như thế nữa!

- Ai mà biết được các hố đó sẽ còn sâu đến đâu, -

(1) 1 phút bằng 30,480 cm.

anh thở dài nói, sau khi tạm ngồi tay để xoa bóp chỗ lưng đau.

Lưng mỗi dừ, các cơ bắp cứng đờ cả lại, nhưng do đã phát sốt lên vì lòng ham muốn, nên anh cần mẫn tiến dần lên phía trên quả đồi với những hố đất nâu mềm được đào bằng xẻng và cuốc chim.

Trước mặt anh là sườn đồi mịn như nhung được trang điểm bằng muôn ngàn bông hoa toả hương thơm ngát. Phía sau anh, đất nằm trơ trọi, tựa hồ những chiếc răng khấp khểnh góm ghiếc mọc trên lớp da mịn của quả đồi. Sự tiến lên từ từ của anh giống như một con sên làm hồng cả vẻ đẹp, và để lại những dấu vết kỳ dị.

Mặc dù vàng cứ đi sâu vào lòng đất, buộc anh phải làm việc căng hơn, nhưng anh lại được an ủi bằng sự gia tăng của số vàng sau mỗi lần dãi đất. Hai mươi xu, ba mươi xu, năm mươi xu, sáu mươi xu - đó là giá trị số vàng tìm được trong những lần dãi đất vừa rồi, và khi trời sắp tối, anh dãi được một giỏ kỷ lục: số vàng dãi được trị giá tới một đôla.

- Ta có linh cảm là sẽ có một thằng cha kỳ quặc nào đó xuất hiện chỗ khe núi này, anh nói lúng búng giọng buồn ngủ, và kéo chăn đắp kín tận cằm.

Đột nhiên anh ngồi bật dậy: - Bin, anh nói giạt giọng, - này, hãy nghe ta nói, Bin ạ! Mì có nghe thấy không ? Ngày mai có một việc không thừa là mì phải

lục lọi xung quanh đây xem thử có sự gì không. Mi hiểu chứ? Buổi sáng ngày mai, nhớ đấy!

Sau đó anh ngáp dài và nhìn sang phía quả đồi, rồi nói to:

- Chúc ngủ ngon, Ngài Hầu-bao!

Sáng hôm sau anh dậy sớm, trước lúc mặt trời mọc. Tia sáng đầu tiên rơi vào anh khi anh đã ăn xong bữa sáng và đang leo lên vách đá của khe núi, nơi có những phiến đá cho phép đặt chân đi qua. Lên đến đỉnh đồi, anh nhìn quanh và thấy mình cô đơn giữa chốn không người. Bốn xung quanh, nơi tầm nhìn của anh với tới, dãy núi này tiếp dãy núi kia vươn cao lên mãi. Về phía đông, cái nhìn của anh chuyển từ dãy núi này qua dãy núi nọ, qua nhiều dãy núi để rồi bắt gặp đỉnh Siêra trắng như tuyết - dãy núi chính tựa lưng vào bầu trời. Ở phía Bắc và phía Nam, anh còn nhìn rõ hơn nữa cả một hệ thống núi non đan chéo vào nhau và cũng đổ vào cái Đại dương núi bao la này. Về phía Tây, những làn sóng núi rơi thấp xuống, làn này tiếp làn kia nhập vào với những dãy đồi tròn trịa. Những dãy đồi đó tựa hồ tan ra, tạo thành một thung lũng lớn bằng phẳng khuất sau tầm mắt.

Trong khoảng không gian nguy nga của trời đất ấy không hề có dấu hiệu về sự có mặt của con người cũng như những công trình lao động của họ, không có

gì, ngoài quả đồi bị đào bới dưới chân anh.

Anh nhìn như vậy rất lâu và chăm chú. Có một lúc anh có cảm giác nhìn thấy một lần khói ở mãi sâu dưới khe núi. Anh nhìn lại một lần nữa và cuối cùng cho rằng đó chỉ là những búi sương mù lẫn quất giữa các mỏm đá của khe núi mà thôi.

- Này, Ngài Hầu-bao! - anh cúi gọi vọng xuống khe núi - Ngài hãy đứng dậy xem nào! Tôi sẽ đi xuống chỗ Ngài, hỡi Ngài Hầu-bao! Tôi sẽ xuống chỗ Ngài!

Đôi giày nặng chịch làm anh trở nên vụng về, vậy mà anh chạy từ độ cao chóng mặt ấy xuống dưới lại nhẹ nhàng, nhanh nhẹn như một chú dê rừng. Ở ngay rìa vách đá dưới chân anh, một hòn đá trượt đi nhưng không làm cho anh sợ. Rõ ràng là anh biết khá chính xác lúc nào có tai biến, và do đó đã kịp thời sử dụng ngay cả điểm tựa không chắc chắn nhất để chạm đất và đứng vững. Ở những chỗ sườn dốc dựng đứng mà anh không thể đứng thẳng dù trong giây lát, thì anh cũng không do dự: bàn chân anh chỉ chạm vào những chỗ đó, trong khoảnh khắc hiểm nghèo để rồi vượt nhanh lên phía trước. Còn ở những chỗ không thể chạm chân vào, dù trong khoảnh khắc, thì anh rung người lên phía trước, dùng tay vịn nhanh vào những mũi đá nhô ra, vào những vết nứt hoặc bụi cây mọc trên đá thô những cái rễ không chắc chắn ra

ngoài. Và cuối cùng, với tiếng kêu hoang dã, anh nhảy phắt một cái từ chỗ mỏm đá cheo leo xuống chỗ đất bị xói lộn, và kết thúc cuộc xuống dốc ở giữa đồng đất sỏi sục lở.

Giân đất đầu tiên đãi trong buổi sáng hôm ấy đem.... cho anh số vàng trị giá hai đô la. Đó là mẫu đất anh lấy ở giữa khu vực chữ V, còn ở bên trái và bên phải tâm điểm đó số lượng vàng giảm đi nhanh chóng. Chiều dài của các hàng lỗ mỗi lúc một ngắn lại, khoảng cách giữa hai vết sườn chữ V chỉ còn lại vài mét. Và điểm gặp nhau của hai vết đó cũng chỉ còn cách anh vài mét nữa thôi. Nhưng dấu vết của vàng thì mỗi lúc một nằm sâu hơn dưới lòng đất. Quá trưa, anh chỉ tìm thấy vàng trong những mẫu đất lấy từ độ sâu năm fút.

Nói đúng ra, dấu vết của vàng lúc này không chỉ đơn thuần là dấu vết, thực chất đó là cả một vỉa cát sỏi chứa vàng. Anh quyết định là sau khi tìm thấy mạch vàng, anh sẽ quay trở lại làm việc ở trên bề mặt sườn đồi. Nhưng số vàng gia tăng sau những lần đãi thử làm anh lo lắng. Đến chiều thì số vàng mỗi lần đãi được đã trị giá ba, bốn đô la. Anh bối rối gãi đầu và nhìn lên bụi cây Mansanita ở phía trên, cách đó mấy bước, là nơi mà đỉnh chữ V lộn ngược phải giao nối. Anh gật gật cái đầu và nói, giọng tiên đoán:

- Một trong hai cái, Bìn ạ, một trong hai cái.

Hoặc là Ngài Hầu-bao trút hết vàng của mình ở cái dốc này, hoặc là Ngài Hầu-bao giàu đến mức, thật là quý tha ma bắt, đến mức đã không đủ sức đem hết số của cải ấy đi. Cái đó sẽ là tai vạ, đúng không? - Và anh cười thầm khi nghĩ về vấn đề nan giải mà lại thú vị đó.

Bóng đêm bắt gặp anh ở bờ suối. Anh đang căng mắt ra chống chọi lại với bóng tối để đãi giần đất cuối cùng với số vàng thu được trị giá tới năm đô la.

- Giá có cái đèn pin để tiếp tục làm việc thì hay quá! - anh cầu nguyện.

Đêm đó anh trần trọc ngủ không được. Anh nằm thế này, rồi lại xoay thế kia, nhắm mắt lại để cho giấc ngủ thắng thế, nhưng lòng ham muốn tột độ làm máu anh sôi động và nhiều lần mở mắt nhìn vào bóng tối, anh lúng búng một cách mệt mỏi:

- Mong sao trời chóng sáng!

Cuối cùng giấc ngủ cũng đến với anh. Nhưng khi những ngôi sao vừa mới lấp lánh ánh sáng yếu ớt, anh đã lại mở mắt. Trong ánh sáng tờ mờ trước lúc bình minh, anh đã ăn xong bữa sáng và đã leo lên sườn đồi đi về hướng trú ngụ của Ngài Hầu-bao bí ẩn.

Ở hàng hố đầu tiên anh đào trong buổi sáng hôm ấy chỉ đủ chỗ cho ba hố - mạch vàng đã thu hẹp lại đến thế, và sau bốn ngày săn đuổi anh cũng đã tiến đến gần nguồn vàng đến thế.

- Hãy bình tĩnh, Bìn ạ, hãy bình tĩnh! - anh nhắc nhở bản thân, trong khi đào cái hố cuối cùng ở chỗ hai cạnh của chữ V lộn ngược hợp lại thành một điểm.

- Tôi đã tóm được cổ Ngài rồi, Ngài Hầu-bao ạ. Ngài không thể chạy thoát được nữa rồi, anh nhắc đi nhắc lại nhiều lần, trong khi tiếp tục đào cho hố sâu thêm, sâu thêm nữa.

Bốn phút, năm phút, sáu phút, anh đào sâu vào lòng đất. Việc đào bới mỗi lúc một khó khăn hơn. Cái cuốc chim va mạnh vào lớp đá cứng. Anh xem xét kỹ đáy hố.

- Thạch anh, - anh kết luận, và sau khi dùng xẻng hốt sạch đất vụn dưới đáy hố, anh tiến công vào lớp thạch anh, dùng cuốc chim đập vỡ lớp đá cứng ấy.

Anh cầm pháp lưới xẻng vào cái đồng vừa được đánh tơi ra. Có cái gì đó màu vàng ánh lên. Anh bỏ xẻng qua một bên và ngồi xổm xuống. Giống như người nông dân cày đất bám vào củ khoai tây mới đào lên, anh cạy đất ở miếng thạch anh đang cầm trong tay.

- Xacđanôpôlít đau-khổ!, - anh kêu lên. Này đây, đây mảnh vỡ và mảnh vụn!

Đây mảnh vỡ và mảnh vụn!

Cái mà anh đang cầm trong tay chỉ một nửa là

thạch anh, còn nửa kia là vàng nguyên chất. Anh bỏ nó vào trong giần và xem mảnh khác. Chỉ đôi chỗ có màu vàng. Nhưng với đôi bàn tay chắc khỏe, anh bóp nát số thạch anh vỡ vụn ấy cho đến khi trong lòng hai bàn tay chứa đầy màu vàng choé. Anh cạy sạch từng mảnh, từng mảnh một và quăng chúng vào chiếc giần đãi vàng. Đáy hố này tàng giấu cả một kho báu. Thạch anh đã bị rửa ra đến mức nó còn lại ít hơn vàng. Thỉnh thoảng anh lại bắt gặp những mảnh hoàn toàn không có đá bám vào đó là những cục vàng thiên nhiên. Ở chỗ chiếc cuốc chìm xuyên vào đúng tâm mạch vàng, lớp đất lấp lánh như một đồng đá quý màu vàng. Anh nghiêng đầu sang một bên, chậm rãi xoay mảnh vụn đó từ mặt này sang mặt kia và quan sát ánh sáng đang nhảy nhót trên bề mặt mảnh vụn ấy.

- Cứ nói về việc đào bới kiếm vàng của người nữa đi! - Anh khịt mũi khinh bỉ - trước cái mạch vàng này việc đào bới đó chỉ đáng ba mươi xu. Còn tìm vàng nguyên chất ở đâu nữa cơ chứ! Đồ quỷ sứ, từ nay ta đặt tên cho khe núi này là "Khe Núi Toàn Vàng"!

Vẫn ở tư thế ngồi xổm, anh tiếp tục xem xét những cục vàng thiên nhiên rồi ném chúng vào chiếc giần. Đột nhiên anh linh cảm thấy tai họa. Anh cảm thấy hình như có cái bóng nào đó đè lên người mình. Nhưng có cái bóng nào đâu? Tim anh giật thót, và nơi

cổ họng bị nghẹn tắc. Sau đó máu anh ngưuôi dần và anh nhận ra chiếc áo sơ mi ướt đẫm mồ hôi dán chặt vào da như lớp băng lạnh.

Anh không bật dậy và cũng không nhìn ra xung quanh. Anh đang xem xét bản chất của điều linh cảm vừa rồi, cố gắng để xác định cội nguồn của thế lực bí ẩn ấy và nắm bắt sự có mặt của cái vật vô hình đang đe dọa mình. Có sự thoảng qua của các thế lực thù địch tác động bằng những con đường bí hiểm mà anh cảm thấy, nhưng không biết được là cảm thấy bằng cách nào. Nó giống như đám mây bay lướt qua mặt trời. Hình như giữa anh và sự sống xuất hiện một cái gì đen tối, ngọt ngào và đe dọa.

Từng đường gân, thớ thịt trong người anh ra lệnh cho anh nhảy lên để giáp mặt với sự nguy hiểm vô hình kia, song lý trí của anh đã thắng nỗi kinh hoàng, và anh vẫn ngồi xồm ở đó, vẫn nắm trong tay một cục vàng. Anh không quay lại nhìn nhưng biết lúc này chắc chắn có một người nào đó ở phía sau trên miệng hố. Anh làm ra vẻ đang xem xét cục vàng thiên nhiên ấy. Anh ngắm nhìn cục vàng từ mọi phía, xoay qua, xoay lại và cạy cho sạch đất, và lúc nào anh cũng đinh ninh là có người nào đó ở phía sau đang nhìn cục vàng qua vai mình.

Tiếp tục làm ra vẻ đang để toàn tâm toàn ý đến cục vàng trong tay, anh đóng tai lắng nghe, và cuối

cùng đã nghe thấy hơi thở của ai đó phía sau mình.

Anh đưa mắt tìm vũ khí phía trước mặt, nhưng chỉ nhìn thấy những cục vàng đã được bôi lộn lên mà lúc này đây, khi đang gặp tai họa, không có giá trị gì cả. Kia là chiếc cuốc chim - một thứ vũ khí cầm tay khi cần thiết, nhưng không phải lúc này. Anh nhận thức rõ tình trạng nguy kịch của mình ở tư thế ngồi dưới đáy cái hố sâu bảy fút. Đầu anh không cao bằng miệng hố. Anh đang ở trong bẫy.

Vẫn tiếp tục ngồi xồm, vẫn bình tĩnh và tự chủ, nhưng khi tìm kiếm trong đầu các cách chống đối, thì anh chỉ càng cảm thấy rõ ràng hơn sự bất lực của mình. Anh tiếp tục cọ sạch những cục thạch anh và ném chúng vào chiếc giần. Anh không còn việc gì khác để làm lúc này. Nhưng dù sao anh cũng biết rằng sớm hay muộn cũng phải đứng dậy để mặt đối mặt với cái vật đang thở phía sau kia. Thời gian trôi, và cứ mỗi phút trôi qua, anh lại hiểu rõ hơn rằng đã sắp đến cái khoảnh khắc khi anh phải đứng bật dậy hay là... - Nghĩ đến đây, chiếc áo sơ mi ướt đầm lại dính chặt vào da thịt anh như lớp băng lạnh - hay là sẽ phải nhận lấy cái chết trong tư thế cúi xuống đồng vàng của mình như thế này.

Anh vẫn tiếp tục ngồi xồm, cạy đất ở các cục vàng và nghĩ mung lung xem phải đứng dậy như thế nào. Có thể đột nhiên đứng bật dậy, nhảy lên khỏi

miệng hố và đối đầu với cái đang đe dọa ở trên mặt đất bằng phẳng. Có thể từ từ đứng dậy thật tự nhiên và tỏ ra tình cờ phát hiện thấy địch thủ đang thỏ ở phía sau lưng. Bản năng của anh mỗi một thỏ thịt thêm khát giao chiến của anh, đều nghiêng về phía nhảy phắt ra khỏi hố. Lý trí của anh, với sự xảo quyết của nó, lại nghiêng về phía từ từ thận trọng trong việc gặp gỡ đối thủ không nhìn thấy và đang đe dọa ấy. Trong khi anh đang suy nghĩ mung lung như thế, thì một tiếng nổ vang lên phía dưới tai anh. Cùng lúc, anh ta cảm nhận được cú thúc mạnh như trời giáng ở phía bên trái lưng và từ chỗ đó một luồng nóng ran như lửa chạy khắp cơ thể. Anh bị hất tung lên, nhưng đến lưng chừng thì ngã gục xuống. Thân thể anh co rúm lại như tàu lá bị hơi lửa. Anh ngã xuống, ngực đè lên chiếc giân chứa vàng, mặt chúi vào lớp đất vữa đá vụn, hai chân co gập lại vì đáy hố quá hẹp. Rồi hai chân run rẩy một hồi. Toàn thân anh co giật. Hai lá phổi nở rộng để hít một hơi thở dài, rồi từ từ, rất từ từ - thải không khí ra ngoài. Và thân thể anh cũng từ từ bẹp xuống.

Phía trên, người lạ mặt ở mép hố, tay cầm khẩu súng lục. Gã nhìn rất lâu, nhìn chăm chập vào cái cơ thể nằm sóng soài bất động dưới hố. Sau đó gã ngồi xổm bên miệng hố và nhìn xuống đáy; khẩu súng lục được đặt lên đầu gối gã. Gã đút tay vào túi và lấy ra

một mẩu giấy màu nâu. Gã bỏ ít thuốc vụn vào mẩu giấy, cuộn một điếu thuốc lá ngắn, mập, bóp kín giấy ở hai đầu điếu thuốc. Nhìn không chớp mắt vào cái thân thể nằm dưới đáy hố, gã châm lửa và rít một hơi dài ngon lành. Gã hút chậm rãi, và khi lửa bị tắt gã lại châm lại, tiếp tục hút. Trong suốt thời gian ấy gã không rời mắt khỏi cái thân hình nằm bẹp dưới đáy hố.

Cuối cùng gã quẳng mẩu thuốc lá ra xa, đứng lên và tiến đến miệng hố. Tay phải cầm súng, gã chống hai tay xuống hai bên mép hố và thả mình xuống. Khi chân chưa chạm đáy hố, gã buông tay ra và rơi xuống.

Đúng lúc đó, bàn tay người tìm vàng giơ lên, nắm lấy và bóp mạnh chỗ mắt cá chân gã, quật gã ngã xuống. Trong lúc nhảy xuống hố, gã giơ khẩu súng lục cao quá đầu. Rồi cũng bằng một động tác mau lẹ như người tìm vàng đã tóm lấy chân gã, gã quay ngay nòng súng xuống. Gã bóp cò khi người gã vẫn chưa chạm đất. Tiếng nổ xé tai vang lên trong khoảng không gian chật hẹp. Khói mù mịt trong hố, không còn nhìn thấy gì nữa. Gã ngã ngửa xuống đáy hố. Như một con mèo, người tìm vàng chồm lên và dùng toàn thân mình đè gã xuống. Cũng trong khoảnh khắc ấy, gã hạ tay và bắn tiếp. Nhưng người tìm vàng đã dùng khuỷu tay đánh mạnh vào cổ tay gã. Nòng súng nảy bật chìa lên phía trên và viên đạn

cắm phập vào sườn hố.

Một tích tắc sau đó, gã cảm thấy cái bóp của người tìm vàng rất mạnh và đau ở nơi cổ tay gã. Hai bên vật lộn để đoạt lấy khẩu súng và cố sức để chia nó vào đối thủ của mình. Khói trong hố tan dần. Ở tư thế nằm ngửa, gã đã bắt đầu lơ mơ nhìn thấy, cái này, cái nọ. Nhưng, bất thần đối thủ của gã ném một nắm đất vào mắt gã, làm cho gã mù hắc. Bị cú sốc bất ngờ, bàn tay gã mềm ra, để rơi khẩu súng lục. Một giây sau, gã cảm thấy bóng đen đổ ập xuống đầu gã rồi nhanh chóng trùn lên hết thấy. Nhưng người tìm vàng vẫn tiếp tục bóp cò cho đến khi trong khẩu súng không còn lại viên đạn nào. Lúc đó anh mới vút khẩu súng sang một bên và thở dốc, ngồi lên chân xác chết.

Anh thở gấp, phì phò hít thở không khí.

- Quân chó đẻ! - anh nói không ra hơi - Hắc mò theo dấu vết của ta, đợi đến khi ta làm xong việc, rồi mới nhả đạn vào lưng!

Anh kiệt sức và tức giận đến phát khóc lên. Anh nhìn chăm chú vào mặt tử thi mà không nhận ra nổi những đường nét của nó vì nó bị đất, sỏi phủ đầy.

- Từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ chưa gặp nó lần nào, - người tìm vàng kết luận, sau khi đã nhìn kỹ lưỡng, - Một phường kẻ cướp như bao nhiêu thằng khác, thật đáng nguyên rủa. Mà nó còn bắn vào lưng ta nữa chứ! Bắn vào lưng ta nữa chứ!

Anh mở cúc áo, sờ ngực và sườn bên trái.

- Xuyên suốt, mà lại không hề gì! - anh sung sướng kêu lên, - Nó đã nhằm đúng chỗ cần bắn, mà tay lại rung lúc bóp cò, một thằng cha kỳ quặc! Nhưng, ta đã cho nó biết tay! Ta đã cho nó biết tay!

Anh dùng bàn tay sờ vào vết thương bên sườn, nét mặt lộ rõ nỗi hờn giận.

- Chỗ này rồi còn đau khủng khiếp đây, - anh lầu bàu - cần phải chạy chữa và rời khỏi nơi này, ngay lập tức.

Anh bò lên khỏi hố, đi theo sườn đồi xuống chỗ cắm lều của mình. Sau nửa giờ anh cùng với con ngựa thô quay trở lại. Phía trong chiếc áo sơ mi mở cúc lộ ra miếng giẻ anh dùng để bó vết thương. Cánh tay trái cử động khó nhọc và ngượng nghịu, nhưng nó vẫn phục vụ anh.

Dùng dây thừng buộc qua nách tử thi, anh kéo nó lên khỏi hố. Sau đó anh bắt đầu gom số vàng lại. Anh cần mẫn làm việc đó giờ này tiếp giờ kia, thỉnh thoảng lại ngừng việc để xoa bóp chỗ vai đau và kêu lên:

- Nó bắn vào lưng ta! Quân chó đẻ! Nó bắn vào lưng ta!

Sau khi đã chùi sạch và bọc những cục vàng thiên nhiên bằng những mảnh chăn thành từng gói chắc chắn, anh ước tính giá trị của chúng.

- Bốn trăm cân⁽¹⁾ là ít - Thì cứ cho là mất đi hai trăm cân thạch anh và đất - còn lại hai trăm cân vàng, Bìn ơi, tỉnh dậy đi! Hai trăm cân vàng! Bốn chục ngàn đô la! Và tất cả là của ta, của ta tất cả!

Anh xoa xoa đầu một cách thần phục, nhưng bất thần những ngón tay anh chạm phải một đường rãnh không quen thuộc. Anh sờ nắn cái rãnh có chiều dài mấy inch đó - vết xước trên cái sọ đầu anh ta do viên đạn thứ hai tạo nên.

Nổi giận anh tiến về phía xác chết.

- Mà có ấy không, có ấy không? - anh hét lên thách thức - mà có ấy không? Thôi được, đối với mày như thế là đủ rồi, bây giờ tao sẽ chôn cất mày chu đáo. Nếu tao chết thì chắc là mày không đối xử tốt như thế với tao đâu!

Anh kéo lê xác chết đến bên miệng hố và đẩy xuống. Cái xác chết vào đáy hố tạo nên một tiếng kêu khô khốc, ở tư thế nằm nghiêng, đầu ngoẹo đi để phơi mặt lên phía trên. Anh cúi nhìn tử thi.

- Vậy mà mày đã bắn vào lưng tao đấy! - Anh nói với giọng quả trách.

Sau khi dùng cuốc chích và xẻng lấp đất đầy lỗ, anh xếp những bọc vàng lên lưng ngựa. Những bọc vàng đó quá nặng đối với con ngựa thô, bởi thế khi

xuống đến chỗ cắm lều, anh chuyển một phần gánh nặng đó lên lưng con ngựa cưỡi. Nhưng ngay cả sau khi đã làm như vậy, anh vẫn buộc phải vứt bớt một số trang bị của mình - cái xẻng, cái cuốc chim, cái giần đãi vàng, một phần thức ăn, bát đĩa và những thứ lặt vặt khác

Mặt trời đã lên đến đỉnh đầu khi anh lừa hai con ngựa qua bức tường xanh của dây leo và nho dại. Để leo qua những mỏm đá lớn, những con vật đó phải chồm lên và vật lộn mò mẫm qua những bụi cây đan chéo vào nhau. Con ngựa cưỡi bị khuyu xuống. Anh phải đỡ gánh nặng trên lưng nó cho nó đứng lên. Khi chú ngựa lại tiếp tục hành trình, anh thò đầu qua những tán lá và ném cái nhìn cuối cùng lên sườn đồi.

- Quân chó đẻ! - anh nói rồi mất hút sau những lùm cây.

Từ những bụi cây vang lên tiếng gậy rắng rắc. Cây cối nghiêng ngả đánh dấu lối đi của các chú ngựa đang vượt lên. Lúc thì nghe thấy tiếng kim loại ở gót giày, lúc thì nghe thấy những mệnh lệnh thô thiển và những lời nguyện rửa tục tằn. Rồi anh cất cao giọng hát:

Hãy nhìn quanh và trước mặt anh

Núi đồi kiêu diễm thắm màu xanh

Thế lực tội lỗi anh nguyện rửa!

Hãy nhìn sang Đông và sang Tây

Quảng túi tội kia xuống đất này

Bình minh hứa hẹn anh gặp Chúa!

Giọng hát mỗi lúc một nhỏ dần, nhỏ dần. Và tinh thần của khe núi lại lặng lẽ trở về với vương quốc của nó. Dòng suối lại thì thầm, mơ màng. Tiếng vo ve ngái ngủ của những đàn ong núi lại vang lên. Những nạm bông trắng như tuyết của những cây dương chơi vơi trong bầu không khí ngát hương thơm. Những con bướm bay lượn giữa các bụi cây, và ánh sáng mặt trời lại thanh bình tràn trề trong khe núi. Chỉ dấu vết của những gót chân và những hỏm sâu trên sườn đồi là đánh dấu một cuộc sống dữ dội đã phá vỡ giấc ngủ thanh bình của nó.

NGUYỄN QUỐC VIỆT dịch

TÌNH YÊU CUỘC SỐNG

*Sẽ còn lại, trong tất cả, điều này
Họ đã sống và đã gieo mẫn cuộc:
Canh bạc đời chùng ấy - xem là được
Dù có mất đi vàng thoi sáu mặt thò lò.*

Họ hì hụi tập tễnh xuống bờ suối và có lần gã đi đầu trong số hai người loạn choạng giữa lớp đá lởm chởm. Họ mệt, yếu lử lả và mặt họ thuôn ra cái vẻ nhẵn nại do chịu đựng gian khổ đã lâu. Họ mang những bó nặng bọc mềm có quai đeo vào vai. Những bọc này còn có những đai đầu choàng qua trán cho đỡ nặng. Mỗi người mang một cây súng trường. Họ bước đi trong tư thế lom khom, vai cúi hằn về đằng trước, đầu còn nhô xa hơn, mắt cúi gầm xuống đất.

- Giá như chúng mình có độ hai viên đạn ở chỗ giấu của chúng mình, - người thứ hai nói.

Giọng gã hoàn toàn vô biểu cảm một cách buồn tẻ. Gã nói không chút hào hứng; và người đi đầu, trật trà

trật trường trong dòng suối trắng như sữa sủi bọt trên những mô đá, không buồn trả lời.

Gã kia theo sát gót hần ta. Họ không cởi giày, tất gì hết, mặc dầu nước lạnh giá - lạnh đến nỗi đau cả mắt cá và bàn chân tê cóng. Có những chỗ, nước xô vào đầu gối họ, và cả hai chệnh choạng quờ tìm chỗ đặt chân.

Gã đi sau trượt chân trên một phiến đá nhẵn lì, suýt ngã, nhưng hết sức cố gắng gượng dậy, đồng thời ré lên một tiếng kêu đau. Gã có vẻ lả đi, chóng mặt và trong khi lảo đảo, giờ bàn tay rảnh ra như muốn níu vào không khí. Khi đứng vững rồi, gã bước tiếp nhưng lại lảo đảo và suýt ngã lần nữa. Rồi gã đứng im và nhìn người kia, tay này không ngoảnh đầu lại lấy một lần.

Gã đứng im cả một phút như bàn luận với chính mình, rồi lên tiếng gọi:

- Nay Bil, mình bị treo mất cá rồi.

Bil vẫn ngật ngưỡng đi qua dòng nước trắng sữa. Hần không quay lại nhìn. Gã kia ngó theo hần đi và tuy mặt gã vẫn đờ đẫn như trước, nhưng cặp mắt thì lại như mắt một con nai bị thương.

Người nọ tập tễnh lên bờ bên kia và tiếp tục đi thẳng không nhìn lại. Gã ở giữa dòng ngó theo. Môi gã run rẩy khiến lớp lông nâu phủ bên trên động đập rõ rệt. Cả lưỡi gã cũng thè ra liếm môi.

- Bil! - gã gọi to.

Đó là tiếng kêu khẩn cầu của một người khoẻ

mạnh trong cơn quần bách, nhưng Bil không ngoái đầu lại. Gã kia nhìn theo hắn đi, tập tễnh đến tức cười và loạng quạng tiến dần từng bước theo bờ dốc thoải hướng tới nét lượn mềm in lên nền trời của trái đồi thấp. Gã nhìn theo cho đến khi Bil đi qua đỉnh đồi và biến mất. Rồi gã xoay hướng nhìn và từ từ đảo mắt vòng quanh thế giới còn lại với gã giờ đây khi Bil đã đi khỏi.

Gần chân trời, vầng dương thoi thóp mờ mờ, gần như bị những đám sương mù và hơi không ra hình thù gì che khuất, gây một cảm giác về tầng khối và đậm đặc không đường nét hoặc không cụ thể. Gã rút đồng hồ ra xem, dồn trọng lượng toàn thân trên một chân. Đã bốn giờ và vì đạn này đã gần cuối tháng Bảy hay đầu tháng Tám - trong vòng một, hai tuần nay, gã không còn nhớ đích xác ngày tháng gã biết là mặt trời lúc này ang ang chỉ hướng tây bắc. Gã nhìn về phía nam và biết rằng đầu đó bên kia những trái đồi heo hút này, là Hồ Gấu Lớn; gã cũng biết rằng ở phía ấy vòng tròn bắc cực cắt ngang vùng hoang địa Canada. Con suối mà gã đang đứng giữa dòng là một nguồn tiếp nước ra sông Mỏ Đồng, sông này lại chảy theo hướng bắc và đổ vào Vịnh Dăng Quang và Bắc Băng Dương. Gã chưa bao giờ tới đó, nhưng gã đã thấy nơi ấy một lần trên một tấm bản đồ của Công ty Vịnh Haxơ.

Một lần nữa, mắt gã lại đảo khắp một vòng cái thế giới quanh gã. Một quang cảnh không thấy gì làm phấn khởi. Đâu đâu cũng là đường chân trời mềm mại. Các

trái đồi đều thấp. Chẳng có cây to, cây nhỏ, cũng chẳng có cỏ - chẳng có gì ngoài một sự tiêu điều mênh mông và ghê gớm, khiến cái sợ mau chóng nhóm lên trong mắt gã.

- Bil! - Gã thì thào, một lần rồi hai lần! - Bil!

Gã co ro giữa dòng nước trắng sữa, như thể khoảng không rộng lớn đang ép lên gã với một sức mạnh áp đảo, đè dí gã một cách thô bạo với sự uy nghi đầy tự mãn của nó. Gã bắt đầu run như lên cơn sốt, cho đến khi cây súng rơi đánh tùm khối tay gã. Điều đó cổ tác dụng khuấy động gã. Gã đấu tranh với nỗi sợ và trấn tĩnh lại, mò xuống nước nhặt cây súng lên. Gã nhích cái bọc qua về phía vai trái, để chuyển bớt một phần trọng lượng khỏi đè lên phía mắt cá bị thương. Rồi gã từ từ và thận trọng tiến vào bờ, mặt nhăn nhó vì đau.

Gã không dừng lại. Với một sự tuyệt vọng như điên, bất kể đau, gã hổi hả lên dốc tới tận đỉnh đồi, nơi bạn gã đã đi khuất - dáng vẻ còn kỳ cục và tức cười hơn nhiều so với tay bạn tập tễnh, ngật ngưỡng nọ. Nhưng tới đỉnh, gã trông thấy một thung lũng nóng, trống vắng sự sống. Gã lại đấu tranh với cái sợ, vượt lên được, nhích thêm cái bọc qua nửa vòng phía vai trái và tiếp tục lao đảo xuống dốc.

Dãy thung lũng sưng nước được lớp rêu dày, tựa bọt biển, hút xâm xấp trên mặt. Nước ấy, cứ mỗi bước

lại bắn vọt từ dưới chân gã và mỗi lần gã nhấc chân lên, lại nghe kêu đánh cạp khi lớp rêu ướt miễn cưỡng nhả ra. Gã lách đường từ đám lầy này sang đám lầy khác và dò theo dấu chân của người kia, dọc, ngang những gờ đá lộ nhô như những hòn đảo nhỏ giữa biển rêu.

Tuy có một mình, nhưng gã không lạc. Gã biết đi quá nữa, gã sẽ đến chỗ có những cây vân sam và linh sam chết nhỏ xíu và quắt queo bên bờ một con hồ nhỏ, *Titsibisili*, tiếng địa phương nghĩa là "Vùng đất của những chiếc que nhỏ". Và chảy vào hồ ấy, là một con suối nhỏ, nước không lơ lơ màu trắng sữa. Trên bờ dòng suối này, có cỏ bắc - điều này gã nhớ rất rõ - nhưng không có cây to, và gã sẽ ngược theo nó đến đầu nguồn ở một đường phân thủy. Gã sẽ qua đường phân thủy đó, tới đầu nguồn một con suối khác chảy về phía tây và sẽ men theo nó đến chỗ nó chảy vào sông, ở đấy gã sẽ tìm thấy một chỗ cát giấu dưới một cái xuồng lật xấp, với nhiều phiến đá xấp chồng bên trên. Và trong chỗ cát giấu ấy, sẽ có đạn cho cây súng rỗng không của gã, lưỡi câu và dây câu, một cái lưới nhỏ - tất cả những thứ đó dùng cho việc giết và bẫy mỗi làm thức ăn. Gã cũng sẽ tìm thấy bột mì - không nhiều - một miếng thịt lợn và chút ít đậu.

Bil sẽ đợi gã ở đó và họ sẽ chèo xuồng xuôi về nam trên sông Đijơ đến Hồ Gấu Lớn. Và họ sẽ xuyên qua hồ về phía nam, cứ phía nam đi miết cho đến khi tới sông Mêckenji. Và lại hướng nam, vẫn hướng nam, họ sẽ tiếp

tục đi, trong khi mùa đông hoài công đuổi theo họ, băng đóng trong những xoáy nước, và ngày trở nên lạnh giá và hanh, cứ hướng nam mà tiến, đến một trạm ấm áp nào đó của Công ty Vịnh Haxơn, ở đó cây mọc cao và thoáng, ở đó có ê chề đồ ăn, thức uống.

Đó là những ý nghĩ của người đàn ông này, khi gã gắng sức dẫn bước. Nhưng dầu nỗ lực mấy về thể xác, gã cũng nỗ lực không kém về tinh thần, cố nghĩ rằng Bil không bỏ gã, rằng Bil chắc chắn sẽ chờ gã ở chỗ cất giấu. Gã buộc phải nghĩ vậy, nếu không thì việc gì phải ráng sức, cứ nằm xuống và chết cho rồi. Và trong khi mặt trời như quả cầu mờ từ từ lặn xuống mé tây bắc, gã điếm qua suối lượ - nhiều lần - từng phần một chặng đường trốn chạy xuống phía nam của gã và Bil trước khi mùa đông tới. Và gã đi xem xét lại trong đầu những đồ ăn ở nơi cất giấu và ở trạm của Công ty Vịnh Haxơn. Đã hai ngày, gã không ăn gì cả, trong một thời gian dài hơn thế nhiều, gã phải bóp miệng, không có đủ những gì gã muốn ăn. Nhiều lúc, gã cúi xuống nhặt những quả tái tái mọc ở đầm lầy, bỏ vào miệng nhai và nuốt. Đó là một tí hạt bọc trong một tí cùi nước. Bỏ vào mồm, cùi nước tan ra và hạt nhai gấn gắt, đắng nghét. Gã biết quả ấy chẳng bổ béo gì, song cứ kiên nhẫn nhai, với một hi vọng lớn hơn kiến thức và bất chấp kinh nghiệm.

Đến chín giờ, gã vấp ngón chân vào một mô đá và chỉ vì mệt và yếu, gã lão đảo, quỵ ngã. Gã nằm nghiêng

một lúc, không động cựa. Rồi gã rút tay ra khỏi quai đeo bọc và lóng ngóng gương ngời dậy. Trời chưa tối hẳn và trong ánh hoàng hôn còn vương lại, gã rờ rẫm quanh tìm những mảnh rêu khô giữa những phiến đá. Khi đã vun lại được một đống, gã đốt lên một ngọn lửa - một ngọn lửa lom rom, lem nhem - và đặt lên một bình thiếc đựng nước để đun sôi.

Gã mở cái bọc và việc đầu tiên là đếm các que diêm. Có sáu mươi bảy que. Gã đếm tới ba lần cho chắc. Gã chia làm nhiều phần, gói bằng giấy dầu, cất một bó vào cái túi đựng thuốc lá đã rỗng không, một bó khác vào đai trong của chiếc mũ nhàu nát, bó thứ ba vào dưới ngực áo sơ mi. Làm xong việc đó, gã chợt hoảng và giở tất cả ra đếm lại. Vẫn còn nguyên sáu mươi bảy que.

Gã hong giấy tất bên bếp lửa cho khô. Dôi giấy da đánh rách bươm, ướm sưng. Bít tất nhiều chỗ thủng, chân gã trầy da và rớm máu. Mắt cá gầy giat và gã xem xét kỹ chỗ đau. Nó đã sưng lên to bằng đầu gối. Gã xé ở một trong hai tấm mền ra một miếng dài và buộc chặt lấy mắt cá. Gã xé thêm nhiều dải khác buộc quanh hai chân thay cả giày lẫn tất. Rồi gã uống bình nước nóng bốc hơi, lên dây đồng hồ và bò vào giữa hai lớp mền chần.

Gã ngủ như chết. Bóng tối ngán ngủi vào khoảng nửa đêm, đến rồi đi. Mặt trời lên ở mạn đông bắc - chí ít là ngày đã rạng ở khu vực ấy, vì mặt trời bị những đám

mây xám che khuất.

Sáu giờ, gã thức giấc, nằm ngửa bình thản. Gã nhìn thẳng lên bầu trời xám và biết rằng mình đói. Khi chống khuỷu tay xoay người đi, gã giật mình vì một tiếng khịt to và trông thấy một con tuần lộc caribu đang nhìn gã với vẻ tò mò cảnh giác. Con vật cách gã không quá mười lăm phút⁽¹⁾ và lập tức trong óc gã, bật lên hình ảnh và vị thơm ngon của một miếng bít tết caribu rán xèo trên bếp lửa. Như cái máy, gã với tay ra lấy cây súng rồng không nhắm và bóp cò. Con tuần lộc khịt khịt và nhảy đi, móng nện lóc cóc khi chạy qua những mô đá.

Gã rửa một tiếng rồi quẳng cây súng rồng không khỏi mình. Gã rên to khi bắt đầu chồm người đứng dậy. Đó là một công việc chậm chạp và gay go. Các khớp xương của gã như những bản lề gỉ. Chúng ngúc ngắc khó khăn trong hốc xương vì cọ sát nhiều, và mỗi động tác gập vào hay duỗi ra đều chỉ thực hiện được với sự cố gắng ghê gớm. Cuối cùng, khi gã điều khiển được đôi chân, lại mất độ một phút nữa để đứng thẳng lên được, đứng như tư thế của một con người.

Gã bò lên một cái gò nhỏ và nhìn khắp xung

(1) : Đơn vị đo lường của Anh

quanh. Không có cây to, cũng chẳng có cây bụi, chẳng có gì ngoài một biển rêu xám, lác đác điểm tuyết bằng những tảng đá xám, những hồ nhỏ màu xám, những suối nhỏ màu xám. Bầu trời cũng xám. Không có nắng, cũng chẳng thấy dấu hiệu gì của mặt trời: gã không còn biết đâu là phương bắc và gã đã quên đêm qua gã đã đến chỗ này bằng cách nào. Nhưng gã không lạc. Điều đó thì gã biết. Chẳng bao lâu gã sẽ đến *Vùng đất của những chiếc que nhỏ*. Gã cảm thấy nó nằm bên trái đầu đây không xa - có thể ngay sau trái đồi thấp sắp tới.

Gã quay lại xếp cái bọc cho vuông vức để lên đường. Gã kiểm tra cho chắc chắn là vẫn còn ba gói diêm riêng rẽ, tuy nhiên gã không mất thì giờ đếm lại. Nhưng gã có lần chần cân nhắc về một cái túi da nai bè bè. Nó không to. Gã có thể che giấu nó dưới hai bàn tay mình. Gã biết nó nặng mười lăm "pao" - bằng phần còn lại của cái bọc - và nó làm gã băn khoăn. Cuối cùng, gã để nó sang một bên và cuộn cái bọc lại. Gã ngừng lại, dăm dăm nhìn cái túi da nai bè bè. Gã nhặt vội nó lên, đưa mắt nhìn quanh ra chiều thách thức, tựa hồ sự hoang sơ đang chực cướp nó đi vậy, và khi gã đứng dậy để loạng choạng đi vào ngày mới, thì nó đã được gói gọn trong cái bọc trên lưng.

Gã rẽ sang bên trái, thỉnh thoảng dừng lại để ăn những trái cây dầm lầy. Mắt cá gã đã cứng ngắc, bước

đi cà nhắc hơn, nhưng cái đau ấy hồ như chẳng thấm gì so với cái đau hành hạ dạ dày. Những cơn đói quặn thắt ruột thắt gan cứ nhay huỷ cho đến khi gã không thể giữ cho đầu óc tập trung vào lộ trình gã phải theo để tới *Vùng đất của những chiếc que nhỏ*. Những trái cây đầm lầy không sao làm giảm nhẹ được sự nhay nghiền ấy, mà chỉ làm cho lưỡi và vòm miệng gã đau rộp lên.

Gã tới một thung lũng, tại đó gà gô núi đá⁽¹⁾ vỗ cánh rào rào bay lên từ những gò đá và bãi lầy. "Kéc... kéc... kéc". chúng kêu vậy. Gã lấy đá ném nhưng không trúng con nào. Gã đặt cái bọc xuống đất và rón rén đến gần chúng như mèo định lén bắt chim sẻ. Đá nhọn cửa qua ống quần đến độ đầu gối gã để lại một vết máu. Nhưng cái đau ấy chìm trong cái đau đói bụng. Gã bò ngoằn ngoèo trên lớp rêu ướt, quần áo ướt đầm, người rét run; những cơn sốt cuồng đòi ăn quá lớn, khiến gã không còn biết đến cảm giác đó. Và lũ gà gô vẫn bay lên rào rào trước mặt gã, đến khi tiếng "kéc kéc" của chúng trở thành một sự trêu chọc đối với gã, và gã rửa chúng, quất ngấu lên với chúng.

Loại gà gô có bộ lông đổi màu theo mùa: mùa hè - màu đen hoặc xám; mùa đông màu trắng (N.D)

Một lần, gã bò tới một con, chắc đang ngủ. Mãi đến lúc nó vụt lên từ hốc đá ngay trước mặt gã, gã mới trông thấy nó. Gã chớp một cái, cũng bất thần như con gà gô bay lên, và trọng tay gã còn lại ba cái lông đuôi. Nhìn theo nó bay, gã thấy căm thù nó như thể nó đã hại gã một điều gì ghê gớm lắm. Rồi gã quay lại và khoác cái bọc lên vai.

Giờ này qua giờ khác gã đi vào những thung lũng hoặc những chỗ đất thấp lầy còn nhiều thú săn hơn nữa. Một đám tuần lộc caribu đi qua, có tới hơn hai chục con, ở trong tầm súng như trâu người. Gã cảm thấy một khao khát cuồng dại muốn đuổi theo chúng, tin chắc mình có thể bắt được chúng. Một con cáo đen tiến về phía gã, mồm ngậm một chú gà gô. Gã la lên. Đó là một tiếng kêu ghê sợ, nhưng con cáo hoảng hốt nhảy đi, không buông rơi con gà gô.

Xế chiều, gã lần theo một con suối, nước lơ lơ chất vôi, chảy qua những vạt cỏ bắc rải rác. Nắm chặt những bụi cỏ bắc ấy ở quãng gần rể, gã nhổ lên một cái gì tựa tựa một đọt hành non, không lớn hơn chiếc đinh ván. Nó mỏng mỏng và rỗng gã cắm ngập vào đó, gặm rau rầu tưởng chừng sẽ là món ăn tuyệt diệu. Nhưng thớ nó rắn các. Nó gồm những sợi dầm nước, như những trái cây bãi lầy nọ, và chẳng có chất dinh dưỡng gì. Gã quẳng cái bọc xuống và quỳ gối bò vào đám cỏ bắc, gặm và

nhai trệu trạo như trâu bò.

Gã rất mệt và nhiều lúc muốn nghỉ, nằm ềnh ra và ngủ; nhưng gã vẫn bị thôi thúc dần bước liên tục bởi cái đói hơn là bởi nỗi mong muốn tới được *Vùng đất của những chiếc que nhỏ*. Gã sục những vũng nước mò ếch nhái và lấy móng tay đào đất tìm giun, mặc dầu gã biết ở mạn cực bắc này chẳng làm gì có ếch nhái cũng như giun.

Gã hoài công soi mói từng vũng nước, cho đến khi hoàng hôn đến, gã mới phát hiện ra một con cá lẻ loi, bằng cỡ một con cá *tuế*, trong một cái vũng như vậy. Gã thực tay xuống nước đến tận vai, nhưng con cá lẩn thoát. Gã với cả hai tay ra chụp nó, khuấy tung lớp bùn đục lờ dưới đáy. Thế là nước đục ngầu lên khiến gã không thấy nó đâu nữa và buộc phải đợi cho bùn lắng xuống.

Cuộc săn bắt tiếp tục, cho đến khi nước lại đục ngầu lên. Nhưng gã không thể đợi được nữa. Gã tháo chiếc xô thiếc và bắt đầu tát nước. Thoạt đầu, gã tát như điên, bắn vung cả lên người, và hắt nước gần quá thành thử lại chảy về vũng. Rồi gã làm thận trọng hơn, cố gắng bình tĩnh, mặc dầu tim đập vào thành ngực thỉnh thoảng và hai tay run lên. Được nửa giờ, vũng nước gần cạn khô. Chỉ còn không đầy một cốc nước. Mà chẳng thấy cá đâu. Gã tìm ra một khe nứt giữa lớp đá,

nó đã chui qua đó trốn sang cái vũng bên cạnh to hơn - một cái vũng mà có bỏ cả một ngày, một đêm, gã cũng chẳng thể tát cạn. Nếu biết có cái khe nứt ấy thì gã ắt đã lấy một hòn đá bịt lại từ đầu và giờ đây con cá ắt đã là của gã.

Nghĩ thế, gã vật mình vật mảy trên nền đất ướt. Mới đầu gã khóc khe khẽ một mình, rồi khóc to tướng với cả cảnh hoang sơ vô tình bao quanh gã; và hồi lâu sau, người gã còn rung lên những tiếng nấc khan.

Gã đốt một đồng lửa, uống hàng ca nước nóng cho ấm người; và hạ trại trên một gò đá như đêm trước. Việc làm sau cùng của gã là lo cho số diêm thật khô ráo và lên dây đồng hồ. Những tấm mền thì ướt và dính nháp. Mất cá gã đau giần giật. Nhưng gã chỉ biết rằng gã đói và, qua giấc ngủ náo động, gã mơ thấy tiệc lớn, tiệc nhỏ và thức ăn bày la liệt theo đủ mọi cách có thể tưởng tượng được.

Gã thức dậy rét run và nôn nao. Không một chút nắng. Màu xám của đất và trời đã trở nên đậm hơn, sâu hơn. Một ngọn gió rét căm căm thổi vào những bông tuyết đầu tiên làm trắng xóa những đỉnh đồi. Không khí quanh gã dày đặc thêm và trắng dần trong khi gã đốt một đồng lửa và đun thêm nước. Tuyết ướt gần như mưa, và những bông tuyết vừa to vừa sưng nước. Thoạt đầu, mới chạm đất, chúng đã chảy liền, nhưng mỗi lúc

một xuống nhiều, phủ kín mặt đất, dập tắt lửa làm hỏng cả chỗ rêu dự trữ làm chất đốt của gã.

Điều đó thành một tín hiệu cho gã khoác cái bọc lên vai và ngật ngưỡng bước tiếp, không biết là đi đến đâu. Gã không bận tâm đến *Vùng đất của những chiếc que nhỏ*, cũng như đến Bil và chỗ cất giấu dưới cái xuống lật xếp bên bờ sông Dir nữa. Thống ngự gã lúc này là động từ "ăn". Gã đang đói điên người. Gã chẳng để ý gì đến hướng đường gã đang đi theo, chừng nào hướng ấy dẫn gã qua những bãi thấp. Gã dò dẫm qua tuyết ướt lặn tới những trái cây đầm lầy mọng nước và đi bằng cảm giác trong khi gã nhớ những rễ cỏ bắc. Nhưng cái món này thật vô vị không thoả mãn được gì cả. Gã tìm được một thứ cỏ có vị chua và kiếm được bao nhiêu cỏ ấy, gã ăn suốt, cũng chẳng nhiều nhận gì, vì nó là loại cây bò sát, dễ bị lấp dưới tuyết dày hàng mấy phân!

Đêm ấy, gã không có lửa, cũng không có nước nóng, gã chui vào chăn ngủ giấc ngủ đứt quãng vì đói. Tuyết chuyển thành mưa lạnh. Gã tỉnh dậy nhiều lần để cảm thấy nó rơi trên khuôn mặt úp sấp của mình. Ngày đến - một ngày đen xám và không có mặt trời. Mưa đã tạnh. Cái nhói buốt của cơn đói đã biến đi. Về sự háo hức muốn có cái ăn, mức nhạy cảm đã kiệt. Bụng gã âm ỉ một cái đau nặng trĩu, song nó không quấy rầy

gã như trước. Gã trở nên duy lý hơn, và một lần nữa, gã lại quan tâm chủ yếu đến *Vùng đất của những chiếc que nhỏ* và chỗ cất giấu ở bờ sông Dir.

Gã xé mảnh còn lại của một tấm mền thành từng dải để buộc đôi bàn chân tướt máu. Gã cũng nịt chặt lại chỗ mắt cá bị thương và chuẩn bị cho một ngày đường. Khi đụng đến cái bọc, gã ngừng lại hồi lâu suy tính về túi da nai bè bè, nhưng rồi cuộc, vẫn mang nó đi theo.

Dưới mưa, tuyết đã tan chảy và chỉ còn những đỉnh đồi là phô màu trắng. Mặt trời ló ra và gã định vị được các hướng địa bàn, mặc dầu giờ đây gã biết là mình đã lạc. Có lẽ, trong khi lang thang những hôm trước, gã đã quá lệch về bên trái. Giờ đây, gã ghé sang phải cho cân lại độ có thể sai trệch khỏi hướng chính gã cần đi theo.

Mặc dầu cái đói không còn hành hạ dữ dội như trước nữa, nhưng gã nhận biết rằng mình rất yếu, gã buộc phải dừng lại nghỉ luôn, để nhá những trái cây đầm lầy và những vạt cỏ bấc. Gã cảm thấy lưỡi mình khô và to tướng như mọc đầy một lớp bông nhỏ li ti và có vị đắng ngắt trong mồm. Tim gã làm rầy gã ghé góm. Đi được ít phút, nó đã bắt đầu nện không thương xót thành thạch, thành thạch, thành thạch, rồi nhẩy loạn xạ trong một thôi đập xao xuyến, đau đớn, khiến gã ghen thờ, lủ lủ và chóng cả mặt.

Đến giữa trưa, gã tìm được hai con cá *tuế* ở một cái vũng to. Không thể tát cạn nó được, nhưng bây giờ gã bình tĩnh hơn và xoay xở bắt được chúng vào trong cái xô thiếc. Chúng không dài hơn ngón tay út của gã, nhưng gã không đói lắm. Cái đau âm ỉ trong bụng gã đã lắng xuống và yếu đi. Như thế dạ dày gã đang ngủ gà ngủ gật vậy. Gã ăn cá sống, thận trọng nhai một cách vất vả, vì việc ăn là một hành động thuần túy lý trí. Tuy gã chả muốn ăn chút nào, nhưng gã biết mình phải ăn để mà sống.

Chiều đến, gã bắt được thêm ba con cá *tuế*, ăn hai con và để dành một con cho bữa điểm tâm, sáng hôm sau. Mặt trời đã sấy khô những mảng rêu rải rác và gã có thể sưởi ấm bằng nước nóng. Hôm ấy, gã không đi được quá mười dặm⁽¹⁾; và hôm sau, cất bước khi nào tìm gã cho phép, gã đi được không quá năm dặm. Nhưng dạ dày gã lại không hề làm gã khó chịu tí nào. Nó đã ngủ. Một điều nữa: gã đang ở một vùng đất lạ và tuần lộc caribu tại đây tăng nhiều hơn, cả sói nữa. Lắm lúc, tiếng hú của chúng vang qua cảnh tiêu điều, và một lần, gã trông thấy ba con lẩn tránh trước mặt gã, trên đường đi.

Lại một đêm nữa; và sáng hôm sau, duy lý hơn, gã

(1) Khoảng 18 km.

cởi dây da buộc cái túi da nai bè bè. Từ miệng túi đã mở chảy tuôn một dòng bụi vàng thô và quặng vàng. Gã chia đại khái số vàng ra làm hai phần, giấu một nửa vào một gờ đá nhô ra, gói nửa kia vào một mảnh chăn và bỏ trở vào túi. Gã cũng bắt đầu dùng những dải của cái chăn còn lại để buộc chân. Gã vẫn nín giữ cây súng vì ở chỗ cất giấu bên sông Đir có đạn.

Đó là một ngày đầy sương mù, và ngày hôm ấy, cái đói lại thức dậy trong gã. Gã rất yếu và bị chóng mặt đến nỗi đôi lúc hoa mắt không thấy gì. Bây giờ, đói với gã, vấp ngã không phải là chuyện không bình thường, và một lần bị vấp, gã ngã trúng giữa một tổ gà gô núi. Có bốn chú gà con mới nở được một ngày - những đốm sọc phập phồng, vừa một miếng, không hơn, và gã ăn chúng ngấu nghiến, nhét chúng vào mồm nhai sống nuốt tươi rầu rầu giữa hai hàm răng như nhai vỏ trứng. Gà gô mẹ lông lộn quanh gã, kêu râm rĩ. Gã dùng cây súng như một chiếc chùy để đánh nó, nhưng nó tránh xa khỏi tầm với. Gã ném ba hòn đá về phía nó và một hòn ngẫu nhiên trúng, làm gãy một bên cánh. Rồi nó chao chao chạy đi, kéo lê chiếc cánh gãy, gã đuổi theo sau.

Mấy chú gà con chỉ làm cho gã thêm háu đói. Gã nhảy loi choi một cách vụng về với vết thương mắt cá chân, chốc chốc lại ném đá và kêu la khàn giọng, lẩm

lúc lại lặng lẽ chạy lạt đà lạt dật, mỗi lần ngã lại hằm hằm bò dậy một cách kiên nhẫn, hoặc đưa tay lên rụi mắt khi cơn chóng mặt đe dọa quật ngã gã.

Cuộc săn đuổi đưa gã qua bãi đất lầy xuống đáy thung lũng và gã bắt gặp những vết chân trên lớp rêu sũng nước. Không phải vết chân gà - gã có thể thấy rõ là thế. Chắc là vết chân Bil. Song gã không thể dừng lại, vì con gà gô mẹ vẫn chạy tiếp. Gã sẽ bắt nó trước, rồi quay lại tìm dò điều tra sau.

Gã quần con gà gô mẹ kiệt sức; nhưng gã cũng tự làm mình kiệt sức. Con gà nằm nghiêng thở dốc. Gã cũng nằm nghiêng thở hồng hộc, chỉ cách nó khoảng ba, bốn mét mà không sao bò được tới nó. Và khi gã hồi tỉnh lại, nó cũng hồi sức, vỗ cánh chạy khỏi tầm với, khi gã vươn bàn tay đói lả về phía nó. Cuộc săn đuổi lại tiếp diễn. Đêm xuống hần và gà gô mẹ chạy thoát. Yếu ớt, gã loạng quạng vấp rúi và lao đầu ngã sấp mặt xuống, toạc cả má, chiếc bọc vẫn trên lưng. Hồi lâu, gã không động cựa; rồi gã xoay nghiêng người lên dây đồng hồ và nằm đó đến sáng.

Lại một ngày mù sương. Nửa cái màn cuối cùng đã xé ra để làm giẻ bọc chân. Gã không thấy lại được dấu chân Bil. Chẳng hề gì. Cái đói đang dồn thúc gã quá xá... có điều... có điều gã băn khoăn không biết Bil có lạc nốt không. Đến trưa, cái bọc trở nên quá nặng.

không chịu nổi. Gã lại chia đôi số vàng lần này thì đơn giản là độc toẹt một nửa xuống đất. Đến chiều, gã vút nốt số còn lại và gã chỉ còn độc nửa cái chần, cái xô thiếc và cây súng.

Một huyện cảm bắt đầu quấy rầy gã. Gã tin rằng mình còn một viên đạn. Nó nằm trong ổ nòng súng và gã đã quên bém mắt. Mặt khác, gã luôn biết rằng ổ đạn rỗng không. Thế nhưng huyện cảm ấy vẫn dai dẳng. Gã xua đuổi nó hàng giờ liền, rồi mở súng ra và thấy tận mắt là ổ đạn rỗng tuếch. Sự thất vọng cũng cay đắng như thể gã thực sự chờ đợi thấy viên đạn trong đó.

Gã lụi lụi đi tiếp được nửa giờ thì cơn huyện cảm lại nổi dậy lần nữa. Gã lại cố dẹp đi, mà nó vẫn dằng dai cho đến lúc gã mở súng tự thuyết phục là chẳng có gì. Đôi lúc, đầu óc gã phiêu diêu đi xa hơn, và gã lụi lụi đi như thằng người máy, với những ý nghĩ ngộ nghĩnh và ngông cuồng kỳ lạ gặm nhấm óc như những con sâu. Nhưng những cuộc du ngoạn khỏi thực tại ấy đến gần ngủ, vì bao giờ những dằn vặt của cái đói cào cấu cũng gọi gã trở lại. Một lần, đang phiêu du như vậy, thành linh gã bị kéo giật trở lại bởi một cảnh khiến gã xuýt ngất xỉu. Trước mặt gã sừng sững một con ngựa. Một con ngựa! Gã không thể tin ở mắt mình. Một màn sương dày rủ trong mắt gã, điểm những chấm sáng lấp lánh: Gã rụi mắt như điên để nhìn cho rõ và nhận ra không

phải một con ngựa mà là một con gấu lớn màu nâu. Con vật đang ngấm nghĩa gã với một vẻ tò mò hung hãn.

Gã đã nâng súng lên vai rồi mới nhớ ra là không có đạn. Gã hạ súng xuống và rút con dao sẵn ra khỏi vỏ bên hông. Trước mặt gã là thịt và sự sống. Gã lướt ngón tay cái trên lưỡi dao. Lưỡi sắc. Mũi nhọn. Gã sẽ lao cả người vào con gấu và giết chết nó. Nhưng tim gã bắt đầu báo động: thành thịch, thành thịch, thành thịch. Rồi tiếp theo là nhịp nhảy lên cuống loạn và sức nén ép như một vành đai sắt thít quanh trán, cơn chóng mặt len lõi bò vào trong đó.

Sự can đảm tuyệt vọng của gã bị một nỗi sợ dâng trào mãnh liệt đánh bật ra. Gã đang yếu thế này, nhờ con vật tấn công gã thì sao? Gã đứng thẳng lên trong tư thế hùng dũng nhất, nắm chặt con dao và nhìn chăm chăm vào con gấu. Con gấu vung về tiến lên vài bước, lùi lại và trút ra một tiếng gầm gừ thăm dò. Nếu con người chạy ắt nó sẽ đuổi theo; nhưng con người không chạy. Lúc này, trong gã dấy lên lòng can đảm của khiếp sợ. Gã cũng gầm gừ, man rợ, góm ghiếc thốt lên nỗi sợ vốn là thích hợp với sự sống và vốn xoắn xuýt quanh những rẽ sâu nhất của sự sống.

Con gấu né sang một bên lùi đi, gầm gừ đe dọa, bản thân nó cũng kinh hãi trước cái sinh vật bí ẩn hiên ngang thẳng đứng, không biết sợ ấy. Nhưng con người

không động dậy. Anh ta đứng sững như một pho tượng cho đến khi cơn nguy hiểm qua hẳn. bấy giờ mới chịu khuất phục run bắn lên một hồi và quy xuống lớp rêu ướt.

Gã định thân lại và đi tiếp, bây giờ lại sợ theo cách khác. Không phải là sợ sẽ chết một cách thụ động vì không có cái ăn, mà sợ sẽ bị tiêu diệt một cách cuồng bạo trước khi cái đói làm suy kiệt nốt chút xíu cố gắng cuối cùng trong gã nhằm vươn tới sống sót. Vùng này có chó sói. Suốt cảnh tiêu điều này, vắng tới vắng lui tiếng sói hú, dệt cả bầu không khí thành một tấm màn đe dọa có thể sờ mó thấy, đến độ gã bỗng giơ tay lên trời, đẩy không khí ra khỏi mình, như thể nó là thành vải của một cái lều bị gió thổi ép vào.

Thình thoảng, sói đi từng tốp hai hoặc ba con, kéo qua đường đi của gã. Nhưng chúng tránh gã. Chúng không đủ đông. vả lại, chúng đang săn tìm tuần lộc caribu, tụi này không đánh trả, trong khi cái sinh vật đi thẳng đứng này có thể vừa cào vừa cắn.

Xế chiều, gã bắt gặp những ống xương rải rác ở chỗ lữ sói đã giết một con thú. Đám xương tàn, trước đó một giờ, còn là một chú tuần lộc Caribu non kêu quang quác, chạy nhảy và đầy sức sống. Gã ngấm đống xương đã lóc sạch thịt và nhả bóng, với sinh bào hồng hồng bên trong còn chưa chết hẳn. Liệu có khả năng, gã cũng

có thể như thế trước khi ngày tàn không! Sự sống là thế ư? Một sự hảo huyền và thoáng qua. Chỉ có sống là đau đớn mà thôi. Chết thì chẳng đau gì hết. Chết là ngủ. Có nghĩa là thôi, là nghỉ ngơi. Thế thì tại sao gã lại không bằng lòng chết?

Nhưng gã không lý luận rộng dài. Gã đang ngồi xồm trên lớp rêu, với một cái xương trong miệng, mút mát những vụn sinh bào còn nhuốm hồng hồng chất xương. Cái vị thịt ngọt, loãng và thoáng thấy thoáng mát gần giống như một hồi ức làm gã tức điên. Gã ngọam hàm vào những đốt xương và nhai ràu rệu. Lúc thì xương gãy. Lúc thì răng gã gãy. Rồi gã bỏ xương vào giữa những hòn đá, nghiền nát như và nuốt chửng. Trong lúc vội vàng, gã giã cả vào ngón tay mình, và có lúc lại ngạc nhiên thấy những ngón tay không đau lắm khi bị kẹp vào đá.

Rồi đến những ngày tuyết xuống mưa rơi kinh khủng. Gã không còn biết mình hạ trại lúc nào, nhổ trại lúc nào. Gã đi ban đêm cũng nhiều bằng đi ban ngày. Gã nghỉ luôn ở bất kỳ chỗ nào gã ngã xuống, bò đi tiếp bất kỳ lúc nào ngọn lửa sống đang tàn trong gã bùng lên và đỡ mù mịt hơn. Với tư cách là một con người, gã thôi không ráng sức nữa. Chính là cái sinh lực trong gã không muốn chết, nó thôi thúc gã dần bước. Gã không đau đớn. Thần kinh gã đã cùn mòn, tê dại đi trong khi

đầu óc gã đầy viễn cảnh kỳ lạ và những giấc mơ thú vị.

Nhưng gã vẫn mút và nhai những đốt xương nát của con tuần lộc non, mà những dư tàn nhỏ nhất của nó đã vun vén lại và đã mang theo. Gã không vượt đồi, cũng chẳng qua những đường phân thủy nữa, mà cứ tự động theo một con suối lớn chảy qua một thung lũng rộng và nông. Gã không nhìn thấy con suối ấy cũng như thung lũng ấy. Gã không nhìn thấy gì ngoài những tấm ảnh. Hồn và xác, đi hoặc bò cạnh nhau, nhưng riêng rẽ, vì sợi dây buộc chúng lại với nhau quá mạnh.

Gã thức dậy minh mẫn, nằm ngủ trên một gò đá. Mặt trời chiếu rực rỡ và ấm áp. Xa xa, gã nghe thấy tiếng những con tuần lộc non kêu quang quác. Gã nhớ mang máng là đã có mưa, có gió, có tuyết rơi, nhưng còn về việc gã đã bị dãi gió dầm mưa hai ngày hay hai tuần, thì gã không biết.

Gã nằm gằn như không động dậy một lúc, ánh mặt trời hiền hoà chảy tràn trên gã và toả hơi ấm thấm đẫm cái thân hình khốn khổ của gã. Một ngày đẹp, gã nghĩ. Chưa chừng gã có thể xác định được mình đang ở đâu cũng nên. Bằng một cố gắng cực nhọc, gã xoay người nằm nghiêng. Phía dưới gã, một con sông rộng và lơ dờ chảy. Về lạ lắm không quen thuộc của nó khiến gã bối rối. Gã chậm rãi đưa mắt nhìn theo dòng sông uốn lượn thành những khúc rộng giữa những ngọn đồi trọc

đều hiu đều hiu hơn, trở trụi hơn và lún thấp hơn mọi trái đồi gã gặp cho đến nay. Chậm rãi, từ tốn, không chút kích động hoặc chỉ với sự quan tâm hết sức bình thường, gã theo dõi dòng chảy của con sông lạ về phía đường chân trời, và thấy nó đổ vào mọi vùng biển sáng lấp lánh. Gã vẫn không thấy náo nức gì. Thật khác thường, gã nghĩ một tấm ảnh hay một ảo giác- có vẻ là một tấm ảnh thì đúng hơn một trò ranh ma do tâm trí rối loạn của gã. Gã chắc chắn vậy khi nhìn thấy một con tàu nằm thả neo giữa vùng biển lấp lánh. Gã nhắm mắt một lát, rồi lại mở ra. Kỳ lạ thay, tấm ảnh ấy vẫn còn! Thế nhưng lại không kỳ lạ. Gã biết chẳng làm gì có biển hay tàu nào giữa vùng đất cần này, cũng như gã đã biết chẳng có viên đạn nào trong cây súng rỗng không.

Gã nghe thấy một tiếng khịt đằng sau mình - một tiếng thở dốc gần như bụ nhện hoặc một tiếng ho. Rất chậm chạp do quá yếu và người cứng đờ, gã xoay nghiêng mình sang mé kia. Gã không trông thấy gì gần kề, nhưng gã kiên nhẫn chờ. Lại thấy tiếng khịt và ho, vang bóng giữa hai tảng đá lởm chởm cách đó không đầy sáu mét, gã nhận ra cái đầu xám của một con sói. Hai cái tai nhọn không dựng hoắt lên như gã thường thấy ở những con sói khỏe đôi mắt mờ và vằn tia máu, cái đầu như gục xuống rũ rượi và tuyệt vọng. Con vật chớp mắt lia lịa dưới nắng. Nó có vẻ ốm. Khi gã nhìn, nó lại khịt và ho.

Chỉ ít điều này cũng là thực tế, gã nghĩ và quay người sang mé kia để có thể thấy được sự thực của cả thế giới ban này đã bị tấm ảnh che phủ. Nhưng biển vẫn lấp lánh đằng xa và con tàu nhìn rõ mồn một. Rút cục, nó có phải là thực tại không? Gã nhắm mắt một hồi lâu suy nghĩ thế rồi vỡ lẽ ra. Gã đã hướng về phía đông bắc, tách xa khỏi đường phân thủy sông Đir và đi vào thung lũng Mỏ Đồng. Cái con sông rộng và lở đờ này là sông Mỏ Đồng. Vùng biển lấp lánh kia là Bắc Băng Dương. Con tàu kia là một tàu đánh cá voi từ cửa sông Mếchkengi lạc về hướng đông, viễn đông, và nó nằm bỏ neo trong Vịnh Đẳng Quang. Gã nhớ lại bản đồ của Công ty Vịnh Haxxon mà gã đã xem cách đây đã lâu, và gã thấy mọi sự trở nên rõ ràng, hợp lý.

Gã ngồi dậy và tập trung chú ý vào những công việc trước mắt. Nhưng dải mền bọc chân đã mòn xơ ra và đôi chân gã chỉ còn là những cục thịt trầy trọt không ra hình thù gì... Cái chân cuối cùng của gã đã đi tong. Cả súng lẫn dao đều đã mất. Gã đã đánh mất cái mũ ở đâu đó, cùng với bó diêm dặt ở vành trong, nhưng số diêm trước ngực vẫn nguyên vẹn và khô ráo trong cái túi đựng thuốc lá sợi, bọc bằng giấy dầu. Gã nhìn đồng hồ. Nó chỉ mười một giờ và vẫn đang chạy. Hiển nhiên là gã vẫn lên giây đều.

Gã bình tĩnh và tự chủ. Tuy cực kỳ yếu sức, nhưng

gã không cảm thấy đau đớn gì cả. Gã không đói. Ý nghĩ về thức ăn thậm chí cũng chẳng thú vị gì đối với gã và mọi điều gã làm đều do lý trí đơn thuần. Gã xé toang quần đến tận đầu gối để buộc chân. Không biết làm sao mà gã vẫn giữ được cái xô thiếc. Gã sẽ uống một chút nước nóng trước khi bắt đầu làm cái mà gã thấy trước sẽ là một chặng hành trình ghê gớm để tới con tàu.

Gã cử động chậm chạp, run rẩy như bị chứng liệt. Khi bắt đầu thu thập rêu khô lại, gã không nhắc nổi chân được nữa. Gã thử đi thử lại rồi đành bò quanh bằng tay và đầu gối vậy. Một lần gã bò đến gần con sói ốm. Con vật miễn cưỡng lê ra khỏi đường đi của gã, liếm những chỗ nứt nẻ trên mình bằng một cái lưỡi hầu như không còn đủ sức để uốn nữa. Gã nhận thấy lưỡi nó không có cái màu đỏ lành mạnh thông thường. Nó nâu nâu vàng ệch và như phủ một lớp nhầy ram ráp và gần như khô.

Sau khi uống một ca nước nóng, gã thấy mình có thể đứng dậy và thậm chí có thể đi với mức một người sắp chết có thể đi. Cứ khoảng một phút, gã lại phải nghỉ. Bước chân gã trật trưỡng y hệt như bước chân của con sói theo sau gã; và đêm ấy, khi bóng tối xóa mờ vùng biển lấp lánh, gã biết mình mới chỉ tiến gần thêm nó được độ hơn bốn dặm, không hơn.

Suốt đêm, gã nghe thấy tiếng ho của con sói ốm,

và thỉnh thoảng, tiếng quang quác của bầy tuần lộc non. Xung quanh gã đều có sự sống, sự sống cường tráng, rất sinh động và tốt lành, và gã biết con sói ồm bám theo con người ồm với hy vọng là con người sẽ chết trước. Sáng dậy, mở mắt ra, gã thấy nó đứng lom khom, đuôi cụp giữa hai chân như một con chó khốn khổ, thiếu não. Nó run cầm cập trong làn gió sớm lạnh giá và nhe răng cười buồn nản khi con người nói với nó bằng một giọng không hơn gì một tiếng thì thầm khàn khàn.

Mặt trời lên rực rỡ và suốt buổi sáng, con người chập chững vừa đi vừa ngã về phía con tàu trên biển lấp lánh. Thời tiết thật tuyệt. Đó là cỡ thu muộn ngắn ngủi ở vùng vĩ độ cao. Nó có thể kéo dài một tuần. Mai kia, nó có thể qua đi.

Đến chiều, gã bắt gặp một vết đường. Đó là dấu vết của một người khác. Không đi mà bò bốn chân. Gã nghĩ đó có thể là Bil, song chỉ nghĩ một cách thờ ơ, không chút quan tâm. Gã chẳng tò mò muốn tìm hiểu gì. Thực tế, cảm giác và xúc động đã từ bỏ gã. Gã không còn biết đau. Dạ dày và thần kinh đã đi ngủ rồi. Tuy nhiên, sự sống trong gã vẫn thúc gã dần tới. Gã thì rất mệt, nhưng nó lại không chịu chết. Chính vì nó không chịu chết mà gã vẫn cứ ăn trái cây đậm lấy và cá tuét, uống nước nóng và thận trọng canh chừng con sói ồm.

Gã đi theo dấu vết của người kia, anh chàng bò lê

ấy, và chẳng mấy chốc đã đến chỗ tận cùng của nó - một chút xương mới lóc hết thịt quanh đó lớp rêu sũng nước in hằn vết chân của nhiều con sói. Gã trông thấy một cái túi da nai bè bè, hệt như túi của gã, bị xé toạc ra bằng răng nhọn. Gã nhắc nó lên, tuy nó hầu như quá nặng đối với những ngón tay yếu ớt của gã. Bil đã mang nó đến phút cuối cùng. Ha ha! Gã sẽ cười vào mũi Bil. Gã sẽ sống sót và sẽ mang cái túi đến con tàu trên biển lấp lánh kia. Tiếng cười của gã khàn khàn và ghê rợn như tiếng quạ kêu, và con sói ốm cũng cất tiếng tru sâu thẳm hoà theo. Con người bỗng nhiên dừng bật. Làm sao gã có thể cười vào mũi Bil nếu như cái này là Bil, đăm xương trắng hồng và sạch bong này là Bil?

Gã quay đi. Ô. Bil đã bỏ rơi gã, nhưng gã sẽ không lấy số vàng này, cũng chẳng mút xương Bil làm gì. Tuy nhiên, nếu là trường hợp ngược lại, ắt Bil sẽ chẳng tha, gã vừa chuệnh choạng bước tiếp vừa nghĩ vậy.

Gã tới một vùng nước. Cúi xuống tìm cá *tuế*, gã bỗng giật đầu lại đằng sau như bị ong châm. Gã đã trông thấy mặt mình phản chiếu trong đó. Nó góm ghiếc đến nỗi khua được sự nhạy cảm trong gã thức dậy đủ lâu để thấy bàng hoàng. Có ba con cá *tuế* ở trong vũng, vũng quá rộng không tát cạn được, và sau mấy lần lấy cái xô thiếc sục bắt không được, gã bỏ cuộc. Gã sợ vì quá yếu sức, có thể ngã tòm xuống và chết đuối. Chính vì lý

do ấy mà gã không dám bơi lên một trong nhiều khúc gỗ rạt vào những hố cát ven bờ sông để buông trôi theo dòng nước.

Hôm ấy, gã giảm được ba dặm khoảng cách giữa gã và con tàu; hôm sau được hai dặm - vì bây giờ gã cũng bò như Bil đã từng bò; và đến hết ngày thứ năm, con tàu vẫn còn cách độ bảy dặm và gã thì thậm chí mỗi ngày không vượt nổi một dặm. Cũ thu muộn vẫn còn, và gã tiếp tục bò rồi lại ngất xỉu, loanh quanh lẫn quẩn hoài; và con sói ốm vẫn ho hắng và khụt khịt sau gót gã. Dầu gội gã đã trầy cả thịt như bàn chân gã, và mặc dầu gã đã cởi áo sơ mi làm đệm lót cho dầu gội, gã vẫn để lại đằng sau một vệt đỏ trên rêu và đá. Một lần, ngoái nhìn lại, gã thấy con sói thềm thuồng liếm vết máu của gã, và gã hình dung đậm nét cái kết thúc của mình có thể sẽ như thế nào... trừ phi gã xơi tái được con sói. Thế rồi bắt đầu một tấn bi kịch để tồn tại, khốc liệt chưa từng thấy - một con người ốm phải bò lết, một con sói ốm tập tậ tập tễnh, hai sinh vật kéo lê thân xác hấp hối qua cảnh hoang sơ, và bên nọ rình cướp sự sống của bên kia.

Giá nó là một con sói khoẻ mạnh, thì hẳn con người cũng chả xem vấn đề hệ trọng đến thế đâu, nhưng nghĩ đến việc phải làm mỗi cho dạ dày của cái vật ghê tởm và gần như chết rồi này, gã chẳng ưng chút

nào. Gã vốn khó tính. Đầu óc gã lại bắt đầu lang bang và bị những huyền tượng ám ảnh, trong khi những giây phút sáng suốt trở nên mỗi lúc một hiếm và ngắn hơn.

Một lần, gã tỉnh dậy khỏi một cơn ngất nhờ một tiếng khụt khịt sát bên tai. Con sói khập khiễng nhảy lùi lại, mất thăng bằng và ngã nhào trong cơn suy yếu. Điều đó thật kỳ lạ, nhưng gã không thấy buồn cười. Thậm chí gã cũng không thấy sợ. Gã đã vượt quá xa những phản ứng đó. Nhưng lúc ấy trí óc gã sáng suốt, và gã nằm suy tính. Con tàu chỉ còn cách không quá bốn dặm. Gã có thể trông thấy nó rõ ràng khi gã rụi lớp sương mờ khỏi mắt, và gã trông thấy cánh buồm trắng của một con thuyền nhỏ rẽ nước trên biển lấp lánh. Nhưng gã không bao giờ có thể bỏ nốt bốn dặm ấy. Gã biết vậy. Tuy nhiên rất bình tĩnh trong nhận thức ấy gã biết mình không thể bỏ nổi nửa dặm. Và mặc dù thế, gã vẫn muốn sống. Thật là vô lý nếu gã phải chết sau khi chịu đựng tất cả ngần nấy thứ. Số mệnh đòi hỏi gã quá nhiều. Và đến lúc sắp chết, gã từ chối không chịu chết. Có lẽ đó là điều cực kỳ điên rồ, những ngày trong móng vuốt của cái chết, gã lại thách thức cái chết và khước từ không chịu chết.

Gã nhắm mắt lại với sự tỉnh tâm một cách thận trọng vô cùng tận. Gã ráng mình vượt lên sự suy nhược chèn nghẹt như một lớp sóng trào dâng, bập bênh xô

vào mọi góc ngách trong người gã. Nó rất giống biển, cái sự suy nhược giết người ấy, nó cứ dâng lên hoài và từng tí một nhấn chìm ý thức gã. Đôi lúc gã gần như bị chìm ngấm, loạng quạng vung tay đập chân bơi qua quên lãng; và một lần nữa, do một phép gia kim nào đó của tâm hồn, gã lại tìm thấy một mảnh ý chí, và rẽ sóng lao vụt đi mạnh hơn.

Không động dậy, gã nằm ngửa, và gã có thể nghe thấy tiếng hít vào thở ra khò khè của con sói ồm mỗi lúc một sát lại gần hơn. Nó tiến lại gần, gần nữa, qua một thời gian tưởng như bất tận và gã vẫn không nhúc nhích. Nó đã kê bên tai gã. Cái hơi khô sần sùi cọ vào má gã như giấy ráp. Hai tay gã phóng ra - hoặc chí ít là gã muốn phóng tay ra. Các ngón quắp lại như móng vuốt, nhưng thộp vào khoảng không. Sự nhanh nhẹn và chính xác đòi hỏi sức khoẻ, mà gã thì không có sức khoẻ đó.

Sự kiên trì của con sói thật ghê gớm. Sự kiên trì của con người cũng ghê gớm không kém. Trong nửa ngày liền, gã nằm im không cử động, đấu tranh để khỏi thiếp đi, chờ con vật định ăn thịt gã. Mà gã cũng muốn ăn thịt nó. Đôi khi, biển suy nhược dâng trào lên gã và gã mơ những giấc mơ dài; nhưng suốt thời gian đó, tỉnh hay mơ, gã vẫn chờ tiếng thở khò khè và cái lưỡi thô hiểm láp.

Gã không nghe thấy tiếng thở, và truôi dần từ một cơn mơ nào đó đến cái cảm giác thấy chiếc lưới kia lia dọc bàn tay. Gã chờ. Nhưng chiếc nanh ấn khe khẽ, rồi mạnh hơn: con sói đang huy động hết sức tàn trong một cố gắng để cắm ngập răng vào miếng mồi nó đã chờ đợi bao lâu. Nhưng con người đã đợi sẵn từ lâu và bàn tay nát bươm nắm lấy hàm nó. Trong khi con sói vật lộn một cách yếu ớt và bàn tay bóp lại một cách yếu ớt, thì bàn tay kia từ từ trườn qua thành một gọng kìm. Năm phút sau, cả trọng lượng của con người đè lên trên con sói. Hai bàn tay không đủ sức để bóp nghẹt con sói nhưng mặt con người áp sát vào họng con sói và mồm con người đẩy những lông. Hết nửa giờ, con người nhận thấy một dòng âm ấm chảy vào họng mình. Cái đó chẳng lấy gì làm thú vị. Nó như chì nóng chảy bị động vào dạ dày của gã, và nó được tọng vào hoàn toàn chỉ do ý chí của gã mà thôi. Sau đó, con người lăn ềnh ra, nằm ngửa lên và ngủ.

Có một số thành viên của đoàn thám hiểm khoa học trên chiếc tàu đánh cá voi Bedford. Từ trên boong, họ nhận thấy một vật kỳ lạ trên bờ. Vật ấy di chuyển xuôi bãi biển về phía mặt nước. Họ không thể xác định đó là loại gì. Và, vốn là những nhà khoa học, họ trèo vào chiếc xuống bên sườn tàu, dấp vào bờ để xem cho rõ. Và họ thấy một cái gì còn sống nhưng khó mà có thể gọi là một con người. Nó loà lẫm, không ý thức. Nó oằn oại

trên mặt đất như một con sâu kỳ quái. Phần lớn những cố gắng của nó đều vô hiệu. Nhưng nó bền bỉ, và nó vận mình, nó quần quai và mỗi giờ có lẽ tiến lên được dăm sáu mét.

Ba tuần sau, người đàn ông nọ nằm trong một chiếc giường trên tàu đánh cá voi Bedford, và nước mắt rùng rùng trên đôi má hốc hác, gã kể lại lai lịch mình là ai và đã trải qua những nông nổi gì. Gã cũng nói lồm ba lồm bồm về mẹ gã, về miền nam California đầy nắng và một ngôi nhà giữa những lùm cam và những khóm hoa.

Ít ngày sau, gã ngồi cùng bàn ăn với các nhà khoa học và các sĩ quan trên tàu. Gã hau háu nhìn cảnh tượng đồ ăn ê hề, bồi hồi theo dõi những thức ăn ấy biến vào miệng những người khác. Cứ mỗi miếng mất đi, trong mắt gã lại hiện lên một vẻ tiếc nuối sâu sắc. Tâm thần gã hoàn toàn lạnh mạnh, tuy nhiên gã căm ghét những người đó vào giờ ăn. Gã bị ám ảnh bởi nỗi sợ hãi là lương thực không tồn tại lâu dài. Gã hỏi đầu bếp, hầu phòng và thuyền trưởng về dự trữ lương thực. Họ trấn an gã không biết bao nhiêu lần, nhưng gã không thể tin họ, và gã khôn khéo dòm ngó quanh chỗ hâm kho để thấy tận mắt.

Người ta nhận thấy gã béo ra. Mỗi ngày gã một to xù. Các nhà khoa học lắc đầu là hợp lý. Họ hạn chế gã

trong những bữa ăn, nhưng vòng bụng gã vẫn tăng và gã trương phình ra kỳ lạ dưới chiếc áo sơ mi.

Đám thủy thủ tùm tùm cười. Họ biết. Và khi các nhà khoa học bắt người theo dõi gã, họ cũng biết. Họ thấy gã thông thạo đi ra phía trước, sau khi điếm tâm, và lại gần một thủy thủ, chìa tay ra như một kẻ hành khất. Tay thủy thủ nhe răng cười và đưa cho gã một miếng bánh quy. Gã bo bo nắm chặt lấy, nhìn ngấm như một anh hà tiện ngấm vàng, rồi nhét vào ngực áo. Các tay thủy thủ khác vừa cười vừa cho như vậy.

Các nhà khoa học vốn kín đáo. Họ để mặc gã. Nhưng họ bí mật xem xét giường của gã. Giường được lót bằng bánh bánh quy khô; đệm được nhồi bằng bánh quy khô; mọi xó xỉnh góc ngách đều lèn đầy bánh quy khô. Tuy nhiên, gã không loạn trí. Gã lo đề phòng một nạn đói khác có thể xảy ra - có thể thôi. Rồi gã sẽ qua cơn này, các nhà khoa học nói thế; và quả nhiên, gã qua khỏi thật. Trước cả khi cây neo của tàu Bedford gieo ùm xuống vịnh Xan Franxixcô.

DƯƠNG TUÔNG dịch

CẬU THỦY THỦ THIẾU NIÊN ĐÁNG YÊU *

- *H* óa ra chàng trai lanh lợi ấy lại là...
là ai anh có biết không? - là một cô
gái cải trang.

- Bậy nào! - Tôi kêu lên.- Chuyện đó chỉ thích
hợp với một tờ báo Chủ nhật, còn trong cuộc đời thực,
đánh lừa ai đâu có dễ.

- Nhưng có những phụ nữ đi lính, làm thủy thủ,
làm trinh sát chứ.

* Truyện này lần đầu tiên được in năm 1899 (khi Jack London mới 23 tuổi). Sau đó bị thất lạc, truyện không được đưa vào tập nào của J. London. Cho tới tận thời gian gần đây, người ta mới tìm lại được truyện này trong khối tài liệu lưu trữ của ông.

- Nhảm nhí!

- Thằng Bob em trai tôi cải trang rất khéo..

- Nhảm nhí!

- Con người ta vẫn bị đánh lừa luôn và...

- Vớ vẩn, tầm bậy, - Tôi nhắc lại. - Chỉ trừ đứa trẻ sơ sinh, còn bất kỳ ai chỉ cần thoáng đưa mắt cũng lật tẩy ngay được một sự cải trang như thế. Tôi không tin một người bình thường lại không thể phân biệt đàn ông với đàn bà. Anh hãy thử là tôi xem.

- Được rồi, - Jack kêu lên.

- Tôi sẽ rất mừng đấy, - tôi đáp.

- Tôi đánh cuộc là trong nửa năm tôi sẽ đánh lừa được anh.

- Xong ngay! Cuộc gì nào?

- Ai thua phải trả tiền một bữa nhậu, mà địa điểm, thực đơn và thời gian là do người thắng chọn.

- Nhất trí!

Trong tiếng hò reo của bạn bè, chúng tôi bắt tay nhau.

Hai tuần lễ tiếp đó, tôi sống cô đơn sang trọng trên chiếc du thuyền "Falcon" của tôi đang hướng về phía Hônôlulu để thăm thú ở đó một thời gian ngắn.

Khi vừa qua cây đèn biển cuối cùng, tôi bắt đầu thấy những nỗi hoài nghi. Khi thì người đầu bếp, khi thì người thuyền trưởng phàn nàn với tôi về cậu thủy thủ thiếu niên mới được nhận lên tàu để giúp việc. Họ bảo cậu ta mặc dù tận tâm, nhưng quá vụng về. Cậu Billi trước đây của chúng xin thôi việc ngay trước khi tàu rời bến, nên ông quản lý phải vội vã kiếm người thay.

Theo họ nói, cậu này khá chăm chỉ, nhưng hoàn toàn không biết các bốn phận của mình và chẳng thích hợp chút nào với chức vụ ấy. Mặc dù cậu ta cố gắng đến mức ai cũng có cảm tình. Đó là một thiếu niên rất dễ thương. Mắt đen, má hồng, nước da mặt trắng trẻo. Đương nhiên cậu ta khiến tôi nhớ tới chuyện đánh cuộc với Jack. Thêm nữa, cậu ta còn nhỏ tuổi - mới độ mười lăm, mười sáu, - mà thân hình cậu ta đã có những nét tròn trặn rất khó nắm bắt, khiến tôi càng nghi ngờ thêm.

Nhưng tôi lặng im, chờ đợi một sự xác nhận mỗi nghi ngờ của tôi. Và tôi đã có được sự xác nhận ấy sớm hơn tôi nghĩ. Một chiều, tôi đứng ở đằng lái cùng thuyền trưởng dùng kính lục phân đo độ cao của mặt trời. Vừa lúc ấy, cậu thủy thủ thiếu niên của chúng tôi bưng một cái nồi đầy tro và bồ hóng lên thang tàu - cậu ta vừa mới lau chùi bếp xong. Đáng lẽ phải ra

mé khuất gió, cậu ta lại đứng luôn ở quảng tay vịn hứng gió để đỡ các thứ trong nôi. Đương nhiên tro và bồ hóng bay ngược về phía sau, thốc thẳng vào chúng tôi.

Ông thuyền trưởng giụi mắt rồi túm lấy tay cậu ta... Phải nói rằng Nelson thuộc loại những tay sỏi biển thô tục nắm vững tất cả những từ "đậm đà" của thủy thủ để làm hồi tỉnh bất cứ ai mắc sai sót. Ông ta lắc mạnh cậu thiếu niên và chửi một tràng lẫn lộn tiếng Anh và tiếng vùng Scandinave mà từ nhỏ tôi chưa nghe thấy bao giờ.

Cậu bé sợ hãi bật khóc. Vớ lấy cái nôi, cậu ta chực tiến về phía khoang tàu, nhưng lại bị vấp suýt ngã. Tôi kịp đỡ cậu ta, và bàn tay tôi lỡ chạm vào mấy chỗ cấm...

- Cậu là con gái! - Tôi kêu lên.

Anh thủy thủ bên tay lái cười hì hì, bởi vậy tôi vội đưa cô ta xuống dưới để cứu cô ta khỏi những lời trêu chọc của đám thủy thủ. Ở đó cô ta sụt sịt khóc, nước mắt ròng ròng, và cô ta cứ khóc mãi đến tận lúc tôi hết chịu nổi. Thấy vậy, cô đành phải nín.

- Ôi, thưa ngài, - cô nói, - tôi hy vọng ngài không giận tôi. Tôi, ông ấy, ông...

- Đây là trò của Jack, đúng không?

- Vâng, thưa ngài.

- Thế thì cô biết tất cả về chuyện đánh cuộc rồi, vậy cô sẽ làm chứng rằng tôi đã khám phá ra... sự thật về cô.

- Vâng, thưa ngài, và ông ấy sẽ rất tức giận về thất bại của tôi. Vâng, hu - hu.

- Nhưng cô đóng giả rất giỏi. - Tôi có cảm giác cô ta cần một lời khích lệ. - Cứ thế này thì ông đầu bếp không thể nào nhận ra được đâu. Nhưng, trời đất ơi, cô phải thay bộ quần áo khác đi thôi.

Cả hai chúng tôi đều cảm thấy thật sự lúng túng. Tôi mời ông đầu bếp "có mắt như mù" vào cabin.

- Ông hãy bảo anh người Đức đang làm nhiệm vụ canh gác xuống bếp giúp đỡ ông, - tôi ra lệnh - Còn ông, bây giờ ông về cabin của ông gói ghém các thứ của cô...

- Is. Istman, - cái sinh vật tội nghiệp ở góc cabin của tôi nói trong tiếng nức nở.

- Ông hãy gói ghém các thứ của cô Istman lại, đem sang cabin còn bỏ không và thu xếp cho cô ấy ở đó tiện nghi và đầy đủ. Ông sẽ được trả thêm tiền.

Ông đi làm những việc ấy ngay đi! Đừng có đứng ngây ra thế! - Tôi không thể không cười vang lên khi thấy đôi mắt sững sờ của ông ta.

- Còn về những thứ quần áo thích hợp, thì tôi chưa biết giúp cô bằng cách nào, - tôi nói, khi cô gái đã nhận chiếc giường mới ở đằng sau cái hòm nhỏ của thủy thủ.

- Mọi chuyện ổn cả, thưa ngài, - cô đáp, vẫn tiếp tục sụt sịt. - Tôi có đem theo vài tấm áo liền váy.

- Mắt mũi tôi thế này thì mù đi cho rảnh! - Ông đầu bếp kêu lên khi cánh cửa đã khép lại. - Tôi xin lỗi, thưa ngài, nhưng đây đúng là một cô gái thật à? Gay quá! Tôi lại đã có vợ. Vợ tôi sẽ nói sao đây?

Tôi cố gắng giải thích cho ông ta rằng hoàn toàn không cần phải nói với bà vợ, nhưng khi trở về khoang bếp, trông ông ta còn buồn phiền hơn cả cô gái bất hạnh vốn là nguyên nhân gây nên nỗi đau buồn của ông ta. Tôi thông cảm với ông ta, đồng thời cũng hiểu hoàn cảnh trở trêu của mình và đoán rằng bây giờ các thủy thủ đang rúc rích cười về chuyện gì.

Người ta bung thức ăn vào cabin cho cô, và đến tận sáng hôm sau cô không có mặt. Rồi xuất hiện một cô gái mặc áo liền váy, nhỏ nhắn và khiêm nhường, một tiểu thư kiều diễm với mái tóc xén ngắn màu hạt

dễ. Có lẽ cô rất tiếc phải xén tóc đi vì chuyện đánh cuộc đáng nguyên rủa kia.

- Bây giờ những người thân của cô sẽ nói sao? - Tôi hỏi, hy vọng sẽ được nghe đôi lời giải thích. - Họ biết chuyện chứ?

- Anh trai tôi có biết, tôi lên tàu này làm là được sự đồng ý của anh ấy.

- Anh trai cô tệ lắm, đáng phải đánh đòn. Ít nhất thì cũng không thể tha thứ được.

- Tại sao?

Câu hỏi thật không đơn giản. Tại sao? Tôi bắt đầu hiểu sự phức tạp của tình thế mà Jack đặt tôi vào. Tại sao? Đến là trong trắng ngây thơ!

- Sao, cô học ở tu viện ra à? - Tôi hỏi, giọng khá xẵng.

- Vâng, thưa ngài, tôi mới rời tu viện "Trái tim thiêng liêng" cách đây một năm.

Sự việc xem ra tồi tệ hơn tôi tưởng. Cô ta không tỏ vẻ ân hận chút nào. Nhưng rút cuộc tôi cũng "mời" được ở cô ta đôi điều. Cô mồ côi mẹ từ khi còn nhỏ. " là bố cô, một người đi chào hàng, phải gửi cô vào viện "Trái tim thiêng liêng". Công việc càng suy sút, cho nên sau khi ông

trai cô không có một đồng xu dính túi. Tóm lại, họ đã được gia đình Jack bảo trợ. Cô gái có thiên hướng sân khấu, nên Jack động viên cô, tiên đoán rằng đến một ngày nào đó đoàn kịch thủ đô sẽ vui sướng mở rộng vòng tay đón một nữ diễn viên sắm vai cô hầu có năng khiếu xuất sắc.

- Cho nên khi ông Jack nhờ tôi giúp chuyện này, - cô kết luận, - tôi còn biết xử trí ra sao? Chẳng lẽ tôi lại từ chối sau tất cả những gì ông ấy đã làm cho tôi?

Từ đó, trên du thuyền bắt đầu một cuộc sống mới. Không hiểu cô gái mười sáu tuổi này, thực tế mới còn là một thiếu niên, làm cách nào mà tất cả mọi người sôi nổi hẳn lên. Ai cũng yêu quý cô, ngay cả Nelson cũng xin lỗi cô; tôi xin thề rằng lần đầu tiên con người thô tục này xử sự như vậy. Cô chơi dương cầm không đến nỗi tồi, và mặc dầu giọng cô yếu, chưa được luyện kỹ, nhưng tiếng hát của cô nghe rất dễ chịu.

Đến Hônôlulu, tôi định nhờ một con tàu đưa cô về, nhưng cô gái hồn nhiên này không cả muốn nghe thấy điều đó, cô trở nên tội nghiệp đến nỗi tôi đành nhân nhượng. Cô không hề coi sự việc xảy ra là xấu, và tôi cũng chẳng có quyền làm cho cô phải nghĩ khác đi. Tôi đưa cô một ít tiền, chẳng mấy chốc cô đã có

mấy chiếc váy áo thật diện và đủ các thứ lật vạt của phụ nữ trông phát ngốt. Sau đó, chúng tôi dự buổi biểu diễn của đoàn ca múa Haoai, đi khắp miền đất này thăm những nơi giải trí và nghỉ ngơi lý thú nhất. Chúng tôi rất vui sướng, nhưng cái gì tốt đẹp nhất rồi cũng đến lúc phải kết thúc. Một tháng sau, tàu chúng tôi qua Cổng Vàng. Ngày mai, chúng tôi đã tới San Francisco.

Ngày mai... Châm điều xì gà, tôi liếc nhìn cửa cabin cô ở. Tôi muốn biết cô đang mơ ước điều gì. Sau đó, tôi nghĩ đến những chuyến đi cô đơn dài ngày của tôi. Cái chuyến sau cùng này thật là tuyệt diệu! Những chân trời mới đã mở ra trong cuộc đời, bây giờ tôi đã có thể đánh giá đúng một số điều hấp dẫn trước kia tôi chưa biết - đó là những điều kỳ thú mà những người bạn đã có vợ của tôi được hưởng hằng ngày. Cô đã làm biến đổi mọi thứ đến là giỏi! Hai mắt cá chân xoay đi duyên dáng, tiếng giày mềm lết êm như ru trên boong, tiếng cười thiếu nữ nhẹ nhàng, tiếng hát lúc hoàng hôn - tóm lại, một cái gì đó khó tả toát ra từ sự có mặt của phụ nữ. Ý nghĩ ấy khiến tôi bàng hoàng. Ta hãy thử ước tính: mười sáu - hai mươi sáu; mười chín - hai mươi chín; không, thế thì phải đợi lâu quá; mười tám - hai mươi tám - được đấy. Rốt cuộc,

sự khác biệt đâu có nhiều. Hai năm sẽ đem lại được gì? Sự phát triển, sự mở rộng tầm nhìn và sự hoàn chỉnh những đường nét xiết bao hứa hẹn. Hai năm, rồi sau đó...

- Tám tiếng! - Tiếng chuông đồng hồ làm cho bức tranh kỳ diệu tan biến đi mất, tôi tắt điều xì gà rồi lên giường nằm.

Đón tôi ở cầu lạc bộ bến tàu có Jack và cả hội. Có lẽ đêm qua họ nhận được bức điện báo tin chúng tôi về đến nơi. Tất cả bọn họ đều lên tàu, khiến tôi lo sợ cho cô Istman. Nhưng Clara - bây giờ tôi gọi cô bằng tên - dũng cảm đón nhận thử thách. Những lời bông gió mập mờ và những tiếng cười nén lại làm tôi bực bội. Nhưng Jack lập tức vào việc.

- Anh nhớ chuyện bữa ăn đấy chứ...

- Ý anh nói gì vậy? - tôi ranh mãnh hỏi.

- Nói chung, tôi đã soạn thảo chương trình, nhưng tôi quyết định đưa anh xem qua đã. Có thể anh sẽ đề nghị thêm vài điều.

- Anh đã soạn chương trình rồi cơ đấy! - tôi kêu lên. - Nhưng hình như cái quyền đó là thuộc về tôi.

- Ha - ha - ha! - tất cả mọi người xung quanh cười âm ỉ.

- Cô Istman, tôi hy vọng cô thấy chuyến đi vừa rồi dễ chịu? - Jack hỏi cô gái.

- Ô, vâng! - Cô đáp, quả thật tôi thấy môi cô run run.

- Làm thế nào mà anh khám phá ra mọi chuyện? - Jack quay sang hỏi tôi.

- Cô ấy ngã xỉu trong tay tôi, và...

- Ha - ha, hi - hi! - Cả đám người cười vang, còn tôi, tôi mỉm cười rạng rỡ đắc thắng nhìn kẻ thua cuộc.

- Chuyện đó có làm ông ta tức giận không? - Jack điềm tĩnh hỏi tiếp.

- Không, - Clara đáp. - Ông ấy rất dễ mến. Sau đó, khi đến Honolulu, ông ấy định gửi tôi cho một con tàu đưa về nhà, nhưng tôi không bằng lòng. Bọn tôi ở đó rất vui, ông ấy mua cho tôi bánh kẹo, tặng tôi găng tay, cho tôi đi xe ngựa, và...

Lúc ấy, mọi người xung quanh đã cười như điên. Họ vỗ vai, hích sườn Jack và họ ôm lấy nhau cười lăn cười bò.

- Tại sao anh lại nghĩ đây là một cô gái? - Jack hét lên. - Đây là thằng Bob em trai tôi!

- Không thể như vậy, - tôi nói xen ngay vào. - Khi cô ấy ngã vào tay tôi, tôi...

Tôi chợt cứng họng, vì cô Istman khiêm nhường đã cởi hai cái khuy ở đầu đó đằng lưng, mỉm cười luồn tay vào ngực áo lấy ra - ôi, trời! - hai miếng độn mềm!

Có lẽ không phải kể tôi đã len lén vào câu lạc bộ ra sao, bữa ăn do Bob chủ trì diễn ra thế nào. Và cho đến tận bây giờ, chỉ cần ai nhắc tới "Câu thủy thủ thiếu niên đáng yêu" là tôi đã tức điên lên không thể ghìm lại nổi.

VŨ ĐÌNH BÌNH *dịch*

NHỮNG NGƯỜI THÍCH ĐÙA Ở NIU-HIBBÔN

- *T*hực ra mà nói, tôi không muốn đưa các anh đến Niu-Hibbôn, - Dêvid Grip nói. - Bởi vì trước đây khi các anh và những người Anh còn chưa đi khỏi đảo và mở trời tay chân cho tôi, tôi chỉ dẫm chân tại chỗ. Không thể làm gì được cả.

Vallenstein, viên công sứ người Đức ở Bughevil rót cho mình một cốc lớn rượu uýt-xki pha sô đa và mỉm cười:

- Này, Grip, chúng tôi nghiêng mình thán phục anh đấy, - ông ta nói bằng tiếng Anh rất chuẩn. - Anh đã làm nên điều kỳ diệu trên cái hòn đảo chết tiệt này. Và chúng tôi sẽ không can thiệp vào việc của các anh nữa. Đây quả là một hòn đảo của quỷ sứ, mà cái lão Côhô già đúng là con quỷ lớn nhất. Chúng tôi đã không biết bao nhiêu lần tìm cách tiếp xúc với lão ta, nhưng vô ích. Lão ta đối trá kinh khủng, và hoàn toàn không ngóc ngኝch tý nào. Đúng là một Napôlêông

hay Taleiran ⁽¹⁾ da đen, nhưng là một Taleiran ăn thịt người; một kẻ đi săn đầu. Tôi còn nhớ sáu năm trước tôi đến đây cùng với một tàu chiến Anh. Bọn da đen lập tức trốn vào các cánh rừng rậm, nhưng một số không trốn kịp. Trong số đó có cả con vợ cuối cùng của Côhô. Nó bị trói tay treo ngược lên, hai ngày liền phơi ngoài nắng. Chúng tôi gỡ xuống, nhưng rồi nó cũng chết. Còn sau đó chúng tôi lại tìm thấy ba người đàn bà ở trên một con sông, nước ngập đến ngang cổ. Tất cả xương đều đã bị dập nát. Có lẽ với cách chuẩn bị như vậy, họ phải trở nên ngon lành hơn. Khi chúng tôi kéo những kẻ bất hạnh này lên, họ hãy còn thở. Cái dân ấy sống dai thật! Người nhiều tuổi nhất trong bọn họ hình như còn kéo thêm được mười ngày... Đây là một thực đơn điển hình của Côhô. Một con dã thú khủng khiếp! Các anh làm thế nào để thuần phục được nó, đối với chúng tôi vẫn là một điều bí mật.

- Tôi thì tôi không nói rằng chúng tôi đã thuần phục được ông ta. - Grip đáp, - mặc dù đôi lúc ông ta cũng có đến đồn điền này và gần như đi xin ăn.

- Vâng, nhưng dù sao các anh cũng đã đạt được nhiều hơn so với chúng tôi với tất cả những chiếc tàu chiến lớn nhỏ. Cả người Đức lẫn người Anh đều không

(1) Taleiran: một nhà ngoại giao Pháp xuất sắc, xảo trá của Pháp thời Napoléon (ND)

được tận mắt trông thấy lão ta. Anh là người đầu tiên...

- Không, không phải tôi, - Grip chữa lại. - Người đầu tiên là Mak Tevis.

- À vâng, tôi có nhớ anh ta. Một anh chàng Xcốtlen bé nhỏ gầy gò. Mọi người còn gọi anh ta là "Thần giảng hoà".

Grip gật đầu.

- Người ta bảo rằng Mak Tevis được trả lương nhiều hơn lương của tôi hoặc của công sứ Anh phải không?

- Tôi e là như vậy đấy. Nhưng anh hãy tin - xin anh đừng giận-là anh ta xứng đáng với số tiền ấy. Nơi nào có xung đột là nơi đó có mặt Mak Tevis. Anh ta đúng là một tay phù thuỷ thần thông. Không có anh ta có lẽ không bao giờ tôi trụ lại được ở Niu-Hibbôn này. Hiện nay anh ta đang ở Malaita để mở đồn điền.

- Cái đầu tiên à?

- Vâng, ở cả vùng Malaita thậm chí còn chưa có sở đại lý thương mại. Cho đến nay những người đi mộ phu phải bao quanh các thuyền của mình bằng dây thép gai. Và đấy, bây giờ mới bắt đầu lập đồn điền đầu tiên. Thế đấy. Sau nửa giờ nữa chúng ta sẽ đến nơi thôi. - Grip đưa ống nhòm cho khách - Đằng kia

kia, ở bên trái của Bungalô⁽¹⁾ ấy, các anh sẽ thấy những mái che chỗ để thuyền. Phía sau đây là lều trại. Còn bên phải là lều chứa cùi dừa. Chúng tôi đã cấy được không ít cùi dừa rồi. Lão già Côhô đã vận mình hoá đến mức bắt người của mình phải tìm dừa quả cho chúng tôi. Còn kia là cửa sông, nơi các anh tìm ra ba người đàn bà bị hành hạ.

Chiếc Uonder căng buồm chạy thẳng tới bãi thả neo. Dưới làn gió nhẹ, thân tàu khê lười biếng lắc lư trên mặt biển sáng như gương, toả ra những con sóng nhỏ. Đã sắp qua mùa mưa, không khí nặng và ẩm; trên bầu trời, những khối mây đủ hình trôi chậm. Chúng tạo nên trên đảo một màu xám, đây đó âm đạm hiện ra những đường vòng của bờ biển và những đỉnh núi thấp. Một nơi của đảo rực rỡ dưới những tia nắng mặt trời nóng bỏng, còn nơi kia, chỉ cách đây chừng một dặm, chìm ngập trong làn mưa dày đặc.

Niu-Hibbôn, một hòn đảo ẩm ướt, giàu có và hoang dại, nằm cách Suazel năm mươi dặm. Về mặt địa lý, nó thuộc về quần đảo Xôlômôn, nhưng về mặt chính trị, nó nằm ngay trên vùng giáp giới giữa hai khu vực ảnh hưởng của Anh và Đức, vì vậy được đặt dưới sự kiểm soát hỗn hợp của hai viên công sứ hai

⁽¹⁾ Bungalô - Loại nhà nông thôn ở các vùng nhiệt đới.

nước. Nhưng sự kiểm soát đó chỉ tồn tại trên giấy tờ, công văn của các tổng nha thuộc địa mà thôi. Trong thực tế thì không có một sự kiểm soát nào cả. Những người săn hải sâm không dám đến gần Niu-Hibbon. Các lái buôn gỗ đào hương, đã từng trải qua những kinh nghiệm cay đắng, cũng thôi không đến đảo nữa. Những tay tuyển mộ phu không tuyển mộ được một người nào ở đây để đưa đến làm trong các đồn điền, và sau khi toàn bộ đoàn thuỷ thủ trên chiếc thuyền buồm "Dorxet" bị cắt cổ, họ hoàn toàn không đến đây nữa.

Về sau, một công ty Đức tìm cách mở ở Niu-Hibbôn một đồn điền trồng dừa, nhưng sau khi mấy người quản lý và khá nhiều công nhân gửi đầu lại đây, đồn điền liền bị bỏ hoang. Những chiếc tàu chiến Đức và Anh cũng không thể bắt những người dân da đen sinh sống ở Niu-Hibbôn nghe theo tiếng nói của trí tuệ văn minh. Đã bốn lần những nhà truyền giáo bắt đầu cuộc tấn công hoà bình lên đảo, nhưng lần nào họ cũng phải tháo chạy, để lại những người bị chết vì lưỡi dao và bệnh tật.

Rồi lại những chiếc thuyền, rồi lại những cuộc bình định hàng phục dân bản xứ, nhưng không sao đạt được kết quả. Họ trốn trong những đám rừng rậm rạp và đồng thanh cười rộ lên trong tiếng đạn pháo.

Khi những chiếc thuyền chiến rút đi, họ lại dựng lên những túp lều bằng cỏ đã bị người da trắng đốt hết và lại xây những bếp lò theo cách cổ truyền của ông cha.

Niu-Hibbôn là một hòn đảo lớn: dài một trăm rưỡi và rộng bảy mươi lăm dặm. Bờ biển bằng đá dựng quanh năm *hướng* gió, hầu như tàu bè không thể vào được: Không có vịnh biển, không có chỗ thả neo thuận tiện. Trên đảo có chừng vài chục bộ lạc, thường xuyên gây sự thù địch với nhau, ít ra là cho đến khi Côhô xuất hiện. Bằng sức mạnh của vũ khí và đường lối chính trị khôn ngoan, ông ta, giống như Camekha-mekha, đã thống nhất được phần lớn các bộ lạc thành một cái giống như liên bang. Côhô cấm những kẻ thuộc quyền mình có bất cứ một mối liên hệ nào với người da trắng, và trong việc này ông ta hoàn toàn đúng, bởi vì nền văn minh châu Âu không hứa hẹn mang đến cho nhân dân của ông ta một điều gì tốt đẹp cả. Sau khi chiếc thuyền chiến cuối cùng đi khỏi, Côhô là ông chủ tuyệt đối ở trên đảo. Nhưng vì Devid Grip và Mak Tevis - Thần giảng hoà xuất hiện, họ cập bến ở quăng bờ biển hoang vắng, nơi trước đây là khu bungalô của người Đức và lều trại của các nhà truyền giáo người Anh.

Chiến tranh nối tiếp chiến tranh, một thời gian đình chiến ngắn ngủi, rồi lại chiến tranh. Cái con

người Xcốtlen bé gầy gò này không những biết điều đình ngừng chiến, mà còn biết cách gây sự chiến tranh. Một dải dọc bờ biển đối với anh còn chưa đủ, anh đưa một toán lính từ Malaita tới và đi theo những con đường lộn rừng vào sâu trong rừng rậm. Anh đốt trụi các làng cho đến khi Côhô chán không dựng lều mới nữa, và khi Mak Tevis bắt được con trai cả của Côhô làm tù binh, viên tù trưởng không còn cách nào khác là bắt đầu đàm phán. Trong thời kỳ những cuộc đàm phán này, Mak Tevis đặt ra một chế độ trao đổi đầu khá đặc biệt: nếu một người da trắng chết, anh dọa sẽ giết thế mạng mười đồng tộc của Côhô. Sau khi Côhô tin chắc rằng cái tay Xcốtlen này không sai lời, hoà bình mới được thiết lập lâu dài trên đảo.

Trong khi đó Mak Tevis xây dựng bungalow và lều trại, đồn rừng ở dọc bờ biển và mở đồn điền. Sau đó anh đến đảo san hô vùng Taxmana, nơi nạn dịch đang hoành hành, những thầy lang ở đây khẳng định rằng dịch lây ra từ đồn điền của Grip. Một năm sau anh lại bị gọi về Niu-Hibbôn để hàng phục những người dân bản xứ ở đây. Và, sau khi phải chịu nộp phạt hai trăm nghìn quả dừa, viên tù trưởng già cho rằng giữ hoà bình và bán dừa quả tốt hơn là phải nộp không. Thêm vào đó, ông ta đã mất đi cái lòng hăng

hái đánh nhau của tuổi trẻ, đã già và thọt một chân: viên đạn súng trường của Li-Enfind đã bắn thủng bắp chân ông ta.

II

- Tôi có biết một tay làm quản lý đồn điền mía ở Haoai, - Grip nói, - trong những trường hợp như thế này anh ta chỉ dùng một cái búa và một chiếc đinh mười Penni ⁽¹⁾.

Họ ngồi dưới mái hiên rộng của bungalow và quan sát Uorx, viên quản lý sở tại, đang chữa cho những người bệnh. Đó là những công nhân ở Niu-Giôocgi, tất cả chừng mười hai người, xếp hàng cuối cùng là một anh thanh niên cần phải nhổ răng. Lần thử đầu tiên không kết quả. Uorx một tay lau mồ hôi trán, tay kia cầm kim vung lên trong không khí.

- Và quả vậy, hấn đã làm vỡ không ít xương hàm của người ta, - Uorx cau kính cau nhàu.

Grip lắc đầu. Vallxenstein mỉm cười và dướn lông mày ngạc nhiên.

- Ít ra là tôi cũng không nghe anh ta kể về điều đó. - Grip đáp. - Ngược lại, anh ta nói rằng bao giờ cũng đạt được kết quả ngay lần đầu tiên.

(1) Penni - đơn vị tiền tệ nhỏ của Anh.

- Tôi thấy người ta nhớ rằng khi làm thợ lý thú hai trên một chiếc tàu của người Anh, - thuyền trưởng Uorx nói chen vào. - Ông già của chúng tôi dùng một cái búa gỗ người ta sử dụng để trát thuyền và một chiếc cọc thép. Chỉ một búa là răng đã rời ra.

- Tôi thích dùng kim hơn. - Uorx lâu bầu, và nhét cây kim vào miệng người da đen.

Anh ta bắt đầu kéo, nhưng người bệnh kêu thét lên, và thiếu chút nữa thì nẩy dựng trên ghế.

- Các anh có ai giúp tôi một tý không nào! - Viên quản lý khẩn khoản. - Giữ chặt nó lại!

Grip và Vallensten túm lấy anh chàng da đen tội nghiệp và ghì chặt vào lưng ghế. Nhưng anh ta điên cuồng dẩy dụa và nghiêng răng kẹp chặt kim lại. Cả bốn người lắc lư từ bên này sang bên kia, vì nóng và căng thẳng, mồ hôi tuôn ra như tắm. Mồ hôi cũng túa ra trên mặt người bệnh nhưng không phải vì nóng mà vì quá đau. Chiếc ghế anh ta ngồi đổ nghiêng xuống. Uorx khẩn khoản nhờ hai người ghì chặt thêm chút nữa, anh ta cũng dè cả người lên, bóp chặt kim đến nỗi răng gãy ra, và lấy hết sức giật mạnh...

Mãi việc, không ai nhận thấy một người thổ dân dáng thấp nhỏ bước khập khiễng đi lên thêm và đứng ở ngưỡng cửa tò mò nhìn cảnh đang diễn ra trong hiên nhà. Cô hộ vốn là người rất bảo thủ. Cha, ông và nói chung tổ tiên của ông ta không mặc quần áo, và

Côhô cũng thích đi lại trần truồng hơn, không cần cả dải khố thắt ngang lưng. Vô số những lỗ thủng ở mũi, môi và tai chứng tỏ rằng trước đây Côhô rất say mê những thứ trang sức. Trái tai của ông ta bị rách nát, và độ lớn của những lỗ thủng trước đây có thể dễ dàng đoán được qua những mẩu thịt dài đã bị teo lại treo chảy xuống tận vai. Bây giờ ông ta chỉ thích sao cho tiện lợi, và vì vậy một trong số sáu lỗ thủng ở tai phải được dùng để treo chiếc tẩu thuốc ngắn bằng đất sét. Trên người ông ta chỉ có một chiếc thắt lưng rẻ tiền rộng bản bằng da nhân tạo đeo một con dao dài lưỡi sáng loáng, bên sườn lưng lảng chiếc giỏ đựng trầu cau bằng tre. Trong tay ông ta cầm một khẩu súng trường nòng ngắn cỡ lớn kiểu Xnaider. Người ông ta bắn không tả được, đầy những vết sẹo, mà vết sẹo khủng khiếp nhất ở chân trái do viên đạn súng trường của Li-Enfikd để lại sau khi đã xé nát nửa bắp chân. Chiếc miệng hóp nói lên rằng số răng của Côhô còn lại rất ít. Khuôn mặt đầy những nếp nhăn, người gầy khô, chỉ có đôi mắt nhỏ và rất đen là sáng rực lấp lánh, trong đôi mắt đó bao nhiêu là lo lắng và nỗi buồn giấu kín, nên trông chúng giống mắt của loài khỉ hơn là mắt người.

Ông ta đứng nhìn và nhìn mặt cười khẩy như một con khỉ bé nhỏ dữ tợn. Không có gì là ngạc nhiên trong việc Côhô cảm thấy thích thú trước sự đau đớn của người bệnh, bởi vì cái thế giới ông ta sống là thế

giới của những nỗi đau khổ. Không ít lần người ta đã làm cho ông đau, nhưng nhiều hơn vẫn là ông đã làm cho người khác đau. Khi cái răng cuối cùng rồi cũng được nhổ lên, chiếc kìm va trượt vào những chiếc khác kéo nó ra ngoài, đôi mắt của Côhô già long lên sung sướng. Ông ta, với vẻ thán phục nhìn anh chàng tội nghiệp ngã lăn xuống sàn hai tay ôm chặt đầu rên rĩ.

- Không khéo anh ta ngắt đi mất, - Grip nói, cúi xuống người da đen. - Thuyền trưởng Uorx, cho anh ta ít rượu. Và anh, Uorx, cũng uống đi, anh run lấy bầy thế kia.

- Và có lẽ tôi cũng làm một ngụm, - Vallenstein lau mồ hôi trán, nói. Bỗng nhiên ông ta trông thấy bóng của Côhô trên sàn, và sau đó là cả người viên tù trưởng.

- Hello! Ông là ai?

- A, chào ông, Côhô! - Grip chào ông ta thân mật, nhưng không chìa tay ra bắt.

Khi Côhô mới sinh, các thầy phù thủy cấm ông ta không được chạm vào người da trắng, và điều đó trở thành Tabu ⁽¹⁾.

Uorx và thuyền trưởng Uorx cũng lên tiếng chào Côhô, nhưng Uorx cau mày khi thấy khẩu Xnaider trong tay ông ta, vì anh ta đã nghiêm cấm mọi người

(1) Tabu - điều kiêng kỵ, điều cấm.

mang súng ống vào đồn điền. Đó cũng là một Tabu. Viên quản lý vỗ tay, và một cậu bé đầy tớ tuyển mộ được ở Xan-Crixtobal chạy đến. Theo hiệu lệnh của Uorx, nó giằng lấy khẩu súng của Côhô và mang vào nhà trong.

- Côhô, - Grip giới thiệu viên công sứ Đức với ông ta. - Đây là một ông chủ lớn ở Bugenvil, đúng, đúng, một ông chủ lớn.

Có lẽ Côhô nhớ lại những chuyến viếng thăm của các thuyền chiến Đức, nên cười khẩy, trong đôi mắt ông ta vụt loé lên một tia dữ tợn.

- Vallenstein, anh đừng bắt tay ông ta, - Grip dặn. - Đó là tabu, anh hiểu không? - Rồi anh quay lại nói với Côhô. - Tôi nói thật, ông đã béo ra đấy. Ông có muốn cưới một cô Meri mới không, hả?

- Tao già lắm rồi, - Côhô mặt mũi lắc đầu đáp. - Tao không thích Meri nữa. Tao không thích cai - cai. Tao sắp chết thật rồi, - Ông ta nhìn Uorx đang ngửa đầu uống cạn cốc rượu. - Tao thích rôm⁽¹⁾ thôi.

Grip lắc đầu.

- Rôm là tabu đối với người da đen.

- Thế thằng da đen này không tabu à? - Côhô chỉ vào anh công nhân vẫn đang ngồi trên sàn rên rỉ,

(1) Rượu mạnh.

hỏi vặn.

- Anh ta ốm, - Grip giải thích.

- Tao cũng ốm.

- Ông nói dối giỏi lắm, Grip cười. - *Rôm* là tabu.

Bao giờ cũng là tabu cả. Côhô, chúng ta có một câu chuyện quan trọng với ông chủ lớn ở Bugenvin này.

Grip, Vallenstein và viên tù trưởng già ngồi xuống và bắt đầu nói về những chuyện quốc gia. Hai người khen viên tù trưởng già trong thời gian qua đã sống hoà bình, còn Côhô than thở về tuổi già sức yếu và thề rằng từ nay giữa họ với nhau sẽ mãi mãi hoà bình. Rồi họ thảo luận về việc mở một đồn điền của người Đức trên bờ biển cách đây chừng hai chục dặm. Đất để làm đồn điền tất nhiên là phải mua của Côhô, trả cho ông ta thuốc lá, dao, vòng trang sức, tẩu hút, rìu, răng chuột lang và các loại vỏ ốc thay cho tiền. Muốn trả gì cũng được, miễn không phải là *rôm*. Trong khi ngồi bàn bạc, Côhô thỉnh thoảng lại nhìn ra cửa sổ và trông thấy Uorx đang chuẩn bị những thứ thuốc gì đó, đem những cái chai để vào trong tủ thuốc. Làm xong việc, Uorx rót cho mình một cốc uytki Xcốtlen. Côhô nhớ kỹ chai đó. Đàm phán xong, ông ta còn ở lại hàng giờ trong phòng, nhưng chờ mãi vẫn không tìm được cơ hội nào thuận tiện: không bao giờ Côhô được để ở lại một mình. Khi Grip và Uorx lại nói về công việc. Côhô hiểu rằng hôm nay ông ta sẽ

chẳng kiếm chác được gì.

- Tao xuống thuyền đây. - Ông ta nói và khập khễnh bước ra ngoài.

- Những con người vĩ đại của thế giới này đã sa ngã biết bao! - Grip cười. Thậm chí không thể tin được rằng cái lão Côhô này trước đây đã từng là con thú dữ khát máu và khủng khiếp nhất trên quần đảo Xôlômông và công khai chống lại hai quốc gia mạnh nhất trên thế giới. Còn bây giờ ông ta đi xuống thuyền để hỏi xin Denbi một ít uytki.

III

Denbi phụ trách việc tiếp nhận và xuất hàng trên chiếc thuyền buồm "Uonder". Anh ta chơi một trò đùa rất độc ác đối với người thổ dân này, nhưng đó là trò đùa cuối cùng trong đời anh ta.

Denbi đang ngồi trong phòng chung trên thuyền và kiểm tra lại sổ hàng hoá mà những chiếc xuồng con đã chở lên bờ. Vừa lúc đó Côhô đi theo cầu tàu, bước vào phòng và ngồi xuống bàn đối diện ngay với Denbi.

- Tao gần chết thật rồi, - viên tù trưởng già than thở. Những lạc thú trần gian không làm cho ông ta say mê nữa. Tao không thích những Meri nữa, tao không thích cai - cai. Tao rất ốm. Tao sắp chết. -

Côhô buồn rầu ngừng lời. Nét mặt ông lộ vẻ lo lắng, đưa tay khẽ vỗ vỗ lên bụng, ý muốn nói rằng bụng đang đau. - Cái bụng hoàn toàn kém rồi. - Ông lại im lặng dường như chờ đợi sự thông cảm của Denbi. Cuối cùng là một tiếng thở dài nặng nề. - Tao rất thích rôm.

Denbi phá ra cười tàn nhẫn. Viên tù trưởng già đã nhiều lần tìm cách xin anh ta dù chỉ một ít uýtki, nhưng Grip và Mak Tevis đã đặt ra một tabu rất nghiêm ngặt và không cho phép người bản xứ một giọt rượu cồn nào.

Nhưng khổ một nỗi là Côhô đã từng nếm thử cái chất lỏng kích thích này, thời trẻ, khi ông tiêu diệt đoàn thủy thủ chiếc thuyền buồm *Dorset*", ông đã được thưởng thức toàn bộ sự ngọt ngào của cơn say, chỉ tức một điều là không phải một mình ông uống, và chẳng bao lâu sau toàn bộ số lượng rượu dự trữ của tàu đã hết nhãn. Lần sau, Côhô tỏ ra nhìn xa hơn: khi cùng đám quân lính trần như nhộng của mình đánh phá một đồn điền của người Đức, ông liền lập tức đem tất cả số rượu chiếm được về nhà mình, đổ dồn lại với nhau được một hỗn hợp gồm vô số thành phần kích thích, từ bia ký ninh đến nước cao và rượu ngâm mỡ. Chất nước hỗn hợp này ông uống trong nhiều tháng, cho đến hết kiệt, nhưng cái khát còn lại suốt đời. Như tất cả những kẻ mọi rợ khác, ông sinh ra đã có sẵn thiên hướng về rượu, và cơ thể thường xuyên đòi được

uống. Mỗi khi ông uống, trong cổ xuất hiện một cảm giác cháy bỏng khoái lạc và hơi ấm chảy tràn đầy các huyết quản. Một cơn mơ màng dễ chịu kéo đến bao trùm lấy đầu óc, và trái tim đầy niềm hân hoan vui sướng. Ông nay đã già và yếu đuối, đàn bà và yến tiệc không còn mang lại khoái lạc cho ông nữa, lòng căm thù đối với kẻ địch trước đây đốt cháy trái tim ông cũng đã lụi tàn dần, và ông càng ngày càng cần ngọn lửa huyền diệu của cái chai - của tất cả các loại chai, ông nhớ chúng rất rõ. Đôi lúc, ông ngồi hàng giờ ngoài nắng và buồn rầu nhớ lại bữa tiệc vĩ đại mà ông đã thưởng thức sau khi tàn phá đồn điền của những người Đức.

Denbi tỏ vẻ thông cảm với viên tù trưởng già, hỏi thăm về các thứ thuốc viên, thuốc bột và nhiều thứ thuốc hoàn toàn vô hại khác. Nhưng Côhô dứt khoát từ chối. Sau khi tiêu diệt đoàn thủy thủ chiếc thuyền buồm "Dorset", ông vô ý nhai phải một gói ký ninh, còn hai người lính nuốt hết một bao bột gì đấy màu trắng, và chỉ lát sau quần quai đã chết. Không, Côhô không tin các loại thuốc. Nhưng ông lại thích các thứ chất lỏng đóng trong chai: những dòng nước lạnh mà cháy bỏng đó đem trả lại cho ông tuổi trẻ, sưởi ấm tâm hồn ông và gợi nên những giấc mơ ngọt ngào. Không có gì đáng ngại khi những người da trắng rất quý các loại nước uống này và không muốn bán chúng cho ông.

- Rôm rất tốt, - ông nhắc lại đều đều, thăm thiết và dai dẳng.

Và lúc đó Đenbi phạm phải sai lầm ác nghiệt, trêu đùa Côhô một cách độc ác. Anh ta đi đến bên tủ thuốc phía sau lưng ông, mở cửa lấy ra một chai bốn unxia⁽¹⁾ với nhãn "tinh dầu mù tạc". Anh ta làm ra vẻ mở nút, uống vài ngụm từ trong chai.

Qua chiếc gương treo trên vách, Đenbi thấy Côhô đang ngồi nghiêng đầu và chú ý theo dõi từng động tác của anh ta. Đenbi chép môi, thở ra vẻ khoan khoái và đặt chai vào chỗ cũ. Không đóng cửa tủ, anh ta quay lại bàn, ngồi một lúc rồi đứng dậy, đi ra boong, đến đứng cạnh cầu tàu và chăm chú lắng nghe một điều gì đó. Sau vài giây có tiếng ho khàn khàn, ngắt quãng, phá tan sự im lặng. Đenbi cười khẩy và quay trở vào phòng. Cái chai đứng ở chỗ cũ, viên tù trưởng già vẫn ngồi không thay đổi tư thế. Đenbi kinh ngạc trước sức tự kiềm chế sắt đá của ông. Miệng, lưỡi, môi ông bỏng rát, ông nghẹn thở và gắng sức lắm mới kìm được cơn ho, còn từ đôi mắt nước mắt không cưỡng được cứ chảy ra thành từng giọt lớn lăn xuống má. Bất kỳ một người nào khác vào chỗ ông chắc phải sặc sụa vì ho ít nhất là nửa tiếng liền.

(1) Unxia - đơn vị trọng lượng dùng trong dược học, bằng 29,86g.

Nhưng về mặt ông già Côhô vẫn cau có và bất động. Ông hiểu rằng người ta đã đùa trêu ông một trò độc ác, và đôi mắt ông bắn ra những tia căm thù, giận dữ, đến nỗi Đenbi nghe lạnh toát sống lưng. Côhô đứng dậy và kiêu hãnh nói:

- Tao đi về nhà đây. Gọi thuyền đến cho tao đi.

IV

Khi Grip và Uorx đi ra đồn điền, Vallenstein ngồi lại ở phòng khách để lau khẩu súng ngắn tự động của mình. Tháo ra từng mảnh, ông ta bôi dầu súng lên các bộ phận rồi dùng những miếng giẻ cũ lau kỹ. Trên bàn có một chai uýtki Xcốtlen và vô số các chai nước muối khoáng. Tình cờ bên cạnh còn một chai khác, không đây, cũng với nhãn hiệu uýtki Xcốtlen, nhưng đựng một thứ thuốc cao lỏng dùng cho ngựa. Uorx vừa rót vào nhưng quên không cất đi.

Vallenstein nhìn qua cửa sổ và trông thấy Côhô đang đi trên con đường nhỏ. Ông già đi rất nhanh, nhưng khi đến gần hiên nhà và bước vào phòng, dáng đi của ông trở nên chậm chạp và đường bệ. Ông ngồi xuống và quan sát Vallenstein lau súng. Mặc dù miệng, môi, lưỡi ông bỏng rát, ông không để lộ vẻ đau đớn ra ngoài. Năm phút sau ông nói:

- Rôm rất tốt. Tao thích rôm.

Vallenstein khịt mũi và lắc đầu, nhưng rồi như có một con quỷ nào đó xui ông trêu đầu viên tù trưởng bản xứ một trò đua rất độc địa, và thật không may đó lại là trò đua cuối cùng trong đời ông ta. Sự giống nhau của hai chai có cùng nhãn hiệu úytki Xcốtlen đã làm cho ông ta nảy sinh ra ý nghĩ đó. Vallenstein đặt khẩu súng ngắn lên bàn và rót cho mình một cốc úytki đầy pha nước muối khoáng. Ông ta đứng giữa Côhô và chiếc bàn, kín đáo đổi chỗ hai cái chai. Xong, ông ta uống cạn cốc của mình, và làm ra vẻ tìm một vật gì đó, bước ra khỏi phòng. Một lát sau ông ta nghe Côhô ho sặc sụa và nhổ liên tục. Vallenstein quay vào phòng, nhưng ông già vẫn ngồi nguyên chỗ cũ như không có việc gì xảy ra. Tuy nhiên, chất lỏng trong chai có giảm đi và mặt trên của nó còn có gợn sóng.

Côhô đứng dậy và vỗ hai bàn tay vào nhau. Cậu bé đầy tớ xuất hiện. Côhô ra hiệu đòi khẩu súng trường của mình. Cậu bé mang ra ngay, và theo luật lệ của đồn điền, chạy đi phía trước Côhô theo con đường nhỏ dẫn ra cổng, đến đó cậu bé mới trao lại cho Côhô khẩu súng trường. Vallenstein đứng mỉm cười nhìn theo dáng Côhô khập khiễng đi dọc bờ biển đến cửa sông.

Vallenstein vừa kịp lắp xong khẩu súng ngắn thì chợt nghe có tiếng súng nổ từ xa vẳng tới. Không hiểu sao, ông ta nghĩ ngay đến Côhô, nhưng rồi lại xua đuổi ý nghĩ đó đi. Uorx và Grip cũng mang theo

súng sẵn, và có lẽ một người nào đó trong bọn họ bắn bồ câu đại. Vallenstein lấy lại tư thế ngồi cho thuận tiện trong chiếc ghế bành, vừa khịt mũi vừa xoắn những sợi ria màu vàng của mình và mơ màng ngủ thiếp đi. Tiếng kêu hoảng hốt của Uorx làm ông ta giật mình:

- Đánh chuông lớn lên! Đánh to lên, đánh hết sức đi! Vallenstein chạy ra hiên nhà vừa đúng lúc viên quản lý cưỡi ngựa nhảy vọt qua bờ rào thấp và chạy dọc theo bờ biển đuổi theo Grip đang phóng như bay ở rất xa phía trước. Tiếng lửa cháy và những cuộn khói bốc lên phía sau những hàng dừa đã giải thích tất cả. Cô-hô đốt các dây lều và những mái che thuyền. Khi viên công sứ người Đức chạy dọc theo bờ biển, ông ta nghe những tiếng chuông lớn đánh dồn dập và trông thấy những chiếc xuồng đang vội vã chạy tản từ chiếc tàu "Uonder" ra mọi phía.

Những căn lều trại và mái che thuyền lợp cỏ khô bốc lửa cháy rừng rực. Grip từ nhà ăn chạy ra, kéo theo xác trần truồng của cậu bé da đen. Cái xác không còn đầu.

- Trong ấy còn bà nấu bếp nữa. Cũng không đầu, - Grip nói. - Nhưng bà ta quá nặng, mà tôi cần phải nhanh chóng rời khỏi chỗ đó.

- Tất cả đều là do lỗi của tôi, của một mình tôi, - Vallenstein buồn rầu nói. Đây là bàn tay của Cô-hô.

Tôi đã lừa lão ta uống nước cao dùng cho ngựa thay rượu.

- Có lẽ hán đã lẩn vào rừng rồi, - Uorx nói, và nhảy lên ngựa. - Oliver đang ở trên bờ sông - Mong sao anh ta đừng rơi vào tay Côhô.

Viên quản lý thúc ngựa phi nước đại và biến mất sau lùm cây. Mấy phút sau, khi những căn lều cháy rừng rực như các đồng lửa đổ sụp xuống, họ nghe có tiếng Uorx gọi. Họ tìm thấy anh ta trên bờ sông, vẫn đang ngồi trên mình ngựa, mặt tái ngắt, trân trân nhìn một vật gì đó nằm trên mặt đất. Đó là Oliver, người giúp việc trẻ tuổi của viên quản lý. Phải khó khăn lắm mới nhận ra anh ta vì xác không có đầu. Những người công nhân da đen chạy từ các nơi của đồn điền và đứng thờ đốc xung quanh. Grip ra lệnh cho họ làm một cái cang để đặt người chết lên.

Vallenstein khóc lóc than thở như một người Đức chính cống, nước mắt chảy từng giọt lớn, và khi thôi khóc, ông ta lại luôn mồm chửi rủa cơn điên khùng của ông ta không có giới hạn; ông ta túm lấy khẩu súng săn của Uorx, miệng sùi bọt mép.

- Thôi đi Vallenstein! - Grip nghiêm khắc nói. - Anh bình tĩnh lại đi! Đừng làm rối lên nữa!

- Chẳng lẽ các anh để cho hán ta tẩu thoát à? Gã người Đức gào lên.

- Hán đã tẩu thoát xa rồi. Rừng rậm bắt đầu

ngay bên kia bờ sông. Anh cũng đã thấy lão ta qua sông đấy. Lão ta đi bằng những lối mòn của lợn rừng, đuổi theo lão ta cũng chẳng khác gì tìm kim trong đồng cỏ, và không khéo lại đụng phải quân lính phục. Thêm vào đó, trong rừng rậm rất dễ sa vào bẫy. Anh biết không, trong đây đủ các hố bắt chó sói, chông tẩm thuốc độc và nhiều thứ bất ngờ khác của bọn mọi rợ. Chỉ một mình Mak Tevis là dám đưa người của mình vào rừng rậm, nhưng lần vừa rồi cũng phải mất ba mạng. Đi về nhà thôi. Tối đến chúng ta sẽ được nghe cả tiếng tù và, tiếng trống trận, và toàn bộ bản nhạc địa ngục này. Tấn công vào đây thì chúng không dám, nhưng dù sao thì Uorx ạ, đừng để cho ai ra khỏi nhà một bước nào cả. Nào, đi về thôi.

Khi họ đi theo con đường nhỏ trở về nhà một công nhân chạy ngược lại phía họ, khóc nức nở.

- Có cam đi không? Cái gì mà mày làm âm lên thế? - Uorx quát hỏi.

- Côô giết chết hai con bò rồi, - người công nhân đáp, đưa tay làm điệu bộ quẩn một vòng quanh cổ.

- Hấn ta cắt cổ bò, - Grip nói với những người cùng đi - Thế nghĩa là bây giờ các anh đang phải chịu không có sữa. Ít ngày nữa tôi sẽ gửi đến cho anh một đôi bò từ Uli.

Vallenstein không thể bình tĩnh lại cho đến khi

Denbi đi lên bờ và cũng thú nhận rằng đã cho viên tù trưởng già uống tinh dầu mù tạc. Nghe thấy thế, viên công sứ người Đức thậm chí còn trở nên vui vẻ, mặc dù vẫn xoắn tít bộ ria và chải rửa những hòn đảo Xôlômông bằng bốn thứ tiếng.

Ngày hôm sau, người nào leo lên cột buồm của chiếc thuyền "Uonder" có thể trông thấy những cột khói hiện bốc lên trên các khu rừng rậm. Những cột khói đen bốc thẳng lên trời và truyền từ mũi đất này đến mũi đất khác, đi xa mãi, vào tận rừng sâu, tín hiệu báo động. Tham gia vào cuộc truyền tin này có cả những bản xóm rất xa, nằm tận trên những đỉnh núi mà các nhóm của Mak Tevis cũng chưa đặt chân đến. Từ phía bên kia sông không ngớt vọng đến tiếng tù và vỏ ốc thổi dồn dập, và khắp một vùng chừng mười dặm không khí như rung lên bởi tiếng gầm của những chiếc trống trận lớn mà người bản xứ làm từ các thân gỗ lớn bằng cách dùng lửa đốt và dẻo với dụng cụ bằng đá và vỏ ốc biển rất cứng.

- Trong khi anh ta còn ở đây, không có gì nguy hiểm cả. - Grip nói với viên quản lý của mình. - Tôi phải đến Guvutu. Chúng sợ không dám ra khỏi rừng để tấn công ở các bãi trống đầu. Hãy giữ các đội công nhân ở quanh nhà và ngừng việc dọn đồn điền cho tới khi các vụ rắc rối này kết thúc. Chúng sẽ giết sạch những công nhân anh cử vào rừng. Và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được đuổi theo Côhô.

Hiếu chưa? Nếu không các anh sẽ rơi vào tay lão ta ngay. Hãy chờ Mak Tevis. Tôi sẽ phái anh ta cùng một toán lính Malaita đến. Chỉ có Mak Tevis mới đi vào rừng rậm được. Denbi sẽ ở lại với các anh cho đến khi tôi tới. Mister Denbi, anh không phản đối chứ? Tôi sẽ phái Mak Tevis đến đây bằng chiếc thuyền "Vande", nó sẽ chở anh về và ít bữa nữa anh lại sẽ có mặt trên "Uonder". Chuyến đi này thuyền trưởng Uorx sẽ lo xoay xở không có anh.

- Tôi cũng đang muốn xin anh về điều đó, - Denbi nói. - Tôi không thể nào nghĩ được rằng vì trò đùa của tôi mà xảy ra sự rắc rối đến thế này. Và dù thế nào đi chăng nữa, tất cả là tại tôi.

- Và tôi nữa, - Vallenstein chen vào.

- Nhưng tôi là người bắt đầu, - Denbi khẳng khái.

- Có thể là anh bắt đầu, nhưng tôi tiếp tục.

- Còn Côhô thì kết thúc, - Grip nói.

- Dù sao, tôi cũng ở lại đây, - tay người Đức quyết định.

- Tôi nghĩ là anh nên đi theo tôi về Buvutu, - Grip phản đối.

- Tôi lúc đầu cũng nghĩ như thế, nhưng nhiệm vụ bắt buộc tôi phải ở lại đây, hơn nữa chính tôi đã gây ra chuyện. Tôi ở lại và giúp đỡ các anh ổn định lại trật tự.

Từ Guvutu có một chiếc thuyền mộ phu hai buồm đi Malaita, và Grip lập tức gửi ngay cho Mak Tevis những chỉ thị cụ thể. Thuyền trưởng Uorx cùng với thuyền "Uonder" lên đường đến quần đảo Xanta Grux; còn Grip, sau khi nhận ở viên công sứ người Anh những chiếc xuồng buồm và một đội tù nhân da đen, liền đi cắt ngang qua vịnh và cập bến ở Gvadalcánara để xem các bãi chăn nuôi gần Pendufrin.

Ba tuần sau, căng buồm đón gió mới khéo léo đi vào mặt vượt qua những bãi đá ngầm san gương yên lặng của vịnh biển nhỏ Guvutu. Mặt vịnh vắng vẻ, chỉ ở gần bờ có một chiếc thuyền hai buồm nhỏ đậu. Grip nhận ra đó là chiếc "Vanda". Có lẽ nó đến đây theo đường qua vịnh Tulaghi và mới bỏ neo dừng lại, đoàn thủy thủ da đen đang xếp buồm. Grip đi đến bên "Banda", và chính Mak Tevis chìa tay ra giúp anh bước lên thuyền mình.

- Tại sao vậy? - Grip hỏi - Anh còn chưa đi khỏi đây à? - Mak Tevis gật đầu.

- Đi rồi. Và lại đã đến. Trên thuyền mọi chuyện đều ổn.

- Thế còn trên Niu-Hibbôn?

- Tất cả đều ở nguyên chỗ cũ, nếu như không tính có mấy chi tiết nhỏ của phong cảnh bỗng dưng biến đi đâu mất.

Cũng nhỏ bé như Côhô, cũng gầy gò như vậy, với bộ mặt gàu gồ hồng sắc, Mak Tevis nhìn Grip bằng đôi mắt màu xanh lam gan dạ - trông chúng giống những lỗ khoan hẹp hơn là mắt người. Đó không phải là con người, mà là một ngọn lửa lạnh. Bệnh tật, nóng nực, giá rét đối với anh ta chẳng có nghĩa lý gì cả, anh không hề biết thán phục hoặc thất vọng là cái gì, không bao giờ sợ hãi hoặc có bất kỳ một cảm giác nào. Tàn nhẫn và gay gắt, anh ta không hề thương xót, như một con rắn độc. Và bây giờ đứng nhìn điệu bộ rầu rĩ của Mak Tevis, Grip hiểu ngay rằng có tin dữ.

- Báo cáo đi, - Grip nói. - Chuyện gì đã xảy ra?

- Cái việc xảy ra đáng phải lên án một cách gay gắt nhất, - Mak Tevis đáp. - Phải mất hết lương tâm mới đi trêu chọc những người da đen da thân này. Hơn nữa điều đó đã phải trả giá quá đắt. Misten Grip, chúng ta nói sau. Lại kia đi. Những chuyện này tốt nhất là ngồi uống uýtki. Mời anh.

- Thế anh đã thu xếp ở đó như thế nào rồi? - Vừa mới bước vào phòng, Grip đã hỏi ngay.

Mak Tevis lắc đầu.

- Ở đó chẳng còn gì để thu xếp cả. Bởi vì tất cả đều phụ thuộc vào cách nhìn, theo cách nhìn của tôi, ở đó tất cả đã được thu xếp xong, anh hiểu không, đã xong tất cả, trước khi tôi đến.

- Nhưng đồn đồn? Còn đồn đồn thì sao?

- Không có đồn điền nào cả. Toàn bộ công sức nhiều năm của chúng ta biến thành tro bụi. Chúng ta đã trở về cái mà từ đó chúng ta đã bắt đầu, cái mà các nhà truyền giáo và những người Đức bắt đầu và rồi lại bỏ đi. Cả khu trại không còn lại một tí gì. Lều nhà biến thành tro. Cây cối bị chặt trụi. Lợn rừng ủi sạch củ cải và khoai ngọt. - Còn những công nhân ở Niu-Giôocgi đến!... Một trăm chàng trai khoẻ mạnh! Những công nhân lành nghề bao nhiêu... và các anh phải thiệt một con số khổng lồ... Tất cả chết hết... thậm chí không còn ai để kể lại chuyện gì đã xảy ra.

Mak Tevis ngừng lời và chui vào căn buồng nhỏ dưới thang tàu.

- Thế còn Uorx? Còn Đenbi? Và Vallenstein? Họ ra sao?

- Tôi đã nói rồi mà. Anh xem đây.

Mak Tevis kéo ra một chiếc bao tải và đổ cái đựng trong đó ra sàn. Rừng mình, Devid Grip kinh hoàng nhìn đầu của ba người mà anh để lại ở Niu-Hibbôn. Những sợi ria vàng của Vallenstein không còn vểnh lên ngang tàng như trước nữa, mà nằm xẹp xuống mép môi trên.

- Tôi không biết chuyện này đã xảy ra như thế nào, - người Xcốtlen nói cau có. - Nhưng tôi đoán họ đuổi theo con quỷ già này vào rừng rậm.

- Thế còn Côhô ở đâu? - Grip hỏi.

- Ở trong rừng rậm, và lại say như một quân công. Nhờ vậy mà tôi mới lấy được mấy cái đầu này. Ông ta tuý luy đến nỗi không đứng vững nữa. Khi tôi ghé vào bản, suýt nữa thì bọn lính không kịp mang ông ta chạy đi. Tôi sẽ rất chịu ơn anh, nếu anh giải thoát cho tôi khỏi... - Mak Tevis im lặng thở dài và gật đầu chỉ về mấy chiếc đầu. - Có lẽ cần phải chôn chúng theo tục lệ, vùi vào đất. Nhưng, theo như tôi hiểu, đây là những mẫu vật rất hiếm, bất cứ viện bảo tàng nào cũng sẵn sàng trả cho anh một trăm phuntơ một đầu. Anh uống nữa đi. Mặt anh hơi tái... Còn bây giờ, nếu như nói nghiêm chỉnh, xin phép tôi có một lời khuyên: không bao giờ đánh lừa và trêu chọc những con người man rợ như thế này: Đó là một trò tiêu khiển quý báu, mà không mang lại ích lợi gì ngoài tai hoạ.

ĐOÀN TỬ HUYẾN

dịch từ tiếng Nga

XÔLÔMÔNG QUẦN ĐẢO

KHỦNG KHIẾP

K hó ai dám gọi Xôlômông là chốn thiên đường, mặc dầu trên trái đất có nhiều nơi còn tồi tệ hơn nó. Nhưng người nào vốn không quen với cuộc sống ở những nơi cách xa nền văn minh, và mới đặt chân lên quần đảo, thì có thể tưởng Xôlômông là một địa ngục thực sự.

Quả thật cho đến nay trên quần đảo này các bệnh sốt nhiệt đới, bệnh lỵ và đủ các thứ bệnh ngoài da khác vẫn ngang nhiên hoành hành; không khí trên đảo độc đến nỗi nó có thể thấm vào bất cứ vết xước hay vết xây xát nào và biến chúng thành những vết lở loét hôi thối, nên hiếm có người nào có thể sống sót khi rời khỏi đảo, thậm chí cả những người khoẻ mạnh, cường tráng nhất khi từ đảo trở về cũng chỉ còn là những cái thân tàn ma dại. Còn đám thổ dân trên đảo thì cũng đúng là vẫn đang sống trong tình trạng khá man rợ; họ rất thích ăn thịt người, và lúc nào cũng thêm khát kiếm thật nhiều sọ người.

Tất cả những chuyện đó là có thực, tuy nhiên cũng có nhiều người da trắng sống lâu năm trên đảo Xô-lômôn lại tỏ ý luyến tiếc khi phải rời đảo. Người da trắng có thể sống lâu trên quần đảo Xô-lômôn. Muốn thế anh ta chỉ cần phải thận trọng và gặp may, ngoài ra còn phải là một kẻ gan góc liều lĩnh. Cái chất gan góc liều lĩnh phải thể hiện cả trong ý nghĩ lẫn hành động. Anh ta phải biết hết sức thận nhiên đón nhận những điều rủi ro, phải có tính quyết đoán cực kỳ mạnh mẽ, phải có lòng tin mãnh liệt rằng bất cứ việc gì anh ta làm đều tuyệt đối đúng.

Becti Arôcrait không thuộc số những người da trắng đó. So với họ, anh ta là một người quá ư nhạy cảm và bồng bột, với đầu óc tưởng tượng quá thừa. Bất cứ chuyện gì anh ta cũng đều tiếp nhận một cách quá bệnh hoạn, và phản ứng quá ư gay gắt. Vì thế quần đảo Xô-lômôn là cái nơi hết sức không thích hợp với anh ta. Của đáng tội, anh ta cũng không có ý định ở lâu trên đảo. Ở trên đảo chừng năm tuần, chờ đến ngày có chuyến tàu thường lệ, theo anh ta là hoàn toàn đủ để thoả mãn cái khát vọng muốn đến thăm một bộ lạc nguyên thủy bấy lâu, vẫn quyến rũ trí tưởng tượng của anh ta. Ít ra đó cũng là cái dự định được anh tâm sự, mặc dù với cách diễn đạt không hoàn toàn như thế, với các bà, các cô cùng đi với anh trên chiếc tàu "Macembô", và các bà, các cô này đã nhìn anh ta như một vị anh hùng, vì bản thân họ

cũng như các phụ nữ đi du lịch khác, chỉ dám có ý định ghé thăm đảo Xôlômông bằng cách ngồi trên boong tàu chắc chắn mà ngắm nhìn hòn đảo.

Trên chuyến tàu đó có một hành khách không được phải đẹp chú ý tới. Đó là một người thấp bé với lớp da nhăn nheo và khuôn mặt đen xạm vì nắng gió. Tên của ông ta - như ông ta ghi vào bản danh sách hành khách, - chưa nói cho ai biết được điều gì. Song cái biệt hiệu "thuyền trưởng Malu" của ông thì dân bản xứ trong khắp một vùng từ Hanôve đến Tân Hêbrit không ai là không biết; thậm chí họ còn mang cái biệt hiệu ấy ra để dọa những đứa trẻ hư. Biết cách lợi dụng tất cả - từ lao động của lũ người man rợ đến các biện pháp tàn bạo nhất, từ bệnh sốt nhiệt đới và nạn đói, đến súng đạn và roi vọt của bọn cai thợ, ông ta đã gây dựng được một cơ nghiệp chừng năm triệu đôla, thể hiện ở những cái kho khổng lồ chứa đầy hải sâm và gỗ đàn hương, ngọc trai và đồi mồi, quả dừa và cùi dừa khô, ở rất nhiều trang trại, đồn điền và đại lý thương mại.

Chỉ riêng trong ngón tay út bị cụt của thuyền trưởng Malu, cái chất gan góc liều lĩnh cũng nhiều hơn cả trong con người Becti Arôcrait. Nhưng biết làm sao khi các bà, các cô đánh giá con người chủ yếu vẫn bằng vào cái vẻ ngoài của nó, mà vẻ ngoài của Beti thì bao giờ cũng chinh phục được cảm tình của phái đẹp.

Trong một lần trò chuyện với thuyền trưởng Malu ở phòng hút thuốc, Becti thổ lộ với ông ta cái ý định cương quyết của mình muốn tìm hiểu "cuộc sống bão táp và đầy nguy hiểm trên quần đảo Xô-lômôn", như cách nói của anh ta. Thuyền trưởng Malu thừa nhận rằng đó là một ý định hết sức táo bạo và xứng đáng với một người đàn ông. Nhưng mãi mấy hôm sau, khi Becti bỗng đem khoe với ông khẩu súng lục tự động cỡ 44 ly của mình, thì thuyền trưởng Malu mới thực sự để ý đến người khách này. Sau khi giảng giải cách lắp đạn, Becti lắp ổ đạn vào chuôi súng để làm mẫu.

- Ông xem đây, rất đơn giản, - anh ta nói và kéo nòng súng lại. - Bây giờ đạn đã lắp và súng đã lên cò. Chỉ còn việc là bóp cò, mà có thể bóp liên tiếp tám lần, với tốc độ nhanh bao nhiêu cũng được. Còn đây là chốt an toàn. Trong tất cả các bộ phận, tôi thích nhất cái chốt này đây. An toàn tuyệt đối! Khả năng xảy ra chuyện đáng tiếc hầu như bị loại trừ! - Anh ta tháo ổ đạn ra rồi nói tiếp. - Đây, ông thấy không, loại súng này an toàn biết chừng nào!

Trong lúc Becti làm các thao tác, đôi mắt đã vàng của thuyền trưởng Malu cứ nhìn chăm chăm vào khẩu súng, nhất là cuối cùng, khi nòng chĩa thẳng vào bụng ông.

- Xin ngài làm ơn chĩa súng ra chỗ khác cho, -

ông yêu cầu Becti.

- Nhưng súng có đạn đâu, - Becti nói. - Tôi đã tháo đạn ra rồi mà. Súng không có đạn thì không bắn được, chắc ông cũng biết.

- Vậy mà có khi cái gậy cũng bắn được đấy.

- Nhưng loại súng này thì không bắn được.

- Nhưng dù sao cũng xin ngài chĩa súng về hướng khác cho!

Thuyền trưởng Malu nói từ tốn, vừa đủ nghe, giọng nói của ông như có âm thanh của kim loại, nhưng mắt ông không lúc nào rời khỏi nòng súng, cho đến khi Becti chĩa nó sang phía khác.

- Ông có muốn đánh cuộc năm bảng là súng không có đạn không? - Becti sôi nổi nói to.

Người nói chuyện với anh ta lắc đầu từ chối.

- Thôi được, tôi sẽ chứng minh cho ông vậy.

Nói đoạn Becti dí sát nòng súng vào thái dương, chuẩn bị bóp cò.

- Khoan! - thuyền trưởng Malu bình tĩnh chìa tay bảo. - Ngài cho tôi xem lại nó một lần nữa đã!

Đoạn ông cầm lấy khẩu súng, chĩa ra phía biển và bóp cò. Một tiếng nổ đinh tai vang lên, tiếp theo có tiếng tách nhẹ và một chiếc vỏ đạn còn bốc khói rơi xuống sàn tàu. Becti sững người, tròn mắt kinh sợ.

- Chắc là tôi đã kéo nòng súng về phía sau, -

anh ta lấp bắp không thành tiếng. - Thật là ngu xuẩn...

Anh ta nhếch mép cười thâm hại, ngồi phịch xuống ghế, mặt cắt không còn hột máu, hai quầng mắt tối sẫm lại, tay run đến nỗi không đưa nổi điều thuốc lên môi. Trí tưởng tượng của anh ta khá phong phú: anh ta đã hình dung thấy mình nằm sóng soài trên boong tàu, đạn xuyên qua thái dương.

- Lạ th-ạ-ạ-t! - anh ta ấp úng nói.

- Không sao, khẩu súng khá đấy! - thuyền trưởng Malu nói và đưa lại cho anh ta khẩu súng.

Trên chiếc tàu "Macembô" còn có một viên công sứ trên đường từ Xitnây về. Được phép của ông ta, chiếc tàu ghé vào cảng Ugghi để cho một nhà truyền giáo lên bờ. Lúc đó có một chiếc tàu buôn nhỏ hai buồm "Arola" do thuyền trưởng Hanxen chỉ huy đang đậu ở cảng này. Tàu "Arola", cũng như nhiều tài sản khác, là của thuyền trưởng Malu. Nhận lời mời của ông ta, Becti chuyển sang tàu của ông chơi vài ngày và tham dự vào chuyến đi mộ nhân công dọc theo bờ sông Malaita. Bốn ngày sau người ta phải cho anh ta lên đồn điền Rơmingiơ (cũng của thuyền trưởng Malu). Becti lưu lại đây một tuần rồi đi Tulaji - nơi ở của viên công sứ - và ở lại nhà ông này. Ta còn phải nhắc thêm hai yêu cầu nữa của thuyền trưởng Malu với thuyền trưởng Hanxen và viên quản lý đồn điền

Hariven, vì sau đó vị thuyền trưởng này sẽ biến khỏi câu chuyện của chúng ta khá lâu. Thực chất hai đề nghị này của thuyền trưởng Malu chỉ là một: nghĩa là cố gắng chỉ cho ngài Becti Arorait biết "cuộc sống bão táp và đầy nguy hiểm trên quần đảo Xôlômông". Nghe đâu thuyền trưởng Malu còn nói mập mờ rằng người nào mang lại cho ngài Arorait những cảm xúc mạnh nhất sẽ được thưởng một thùng rượu uýttxki Xcốtlen.

- Trong bọn chúng tôi, Xvarotxo bao giờ cũng là một anh chàng ngốc thực thà. Một hôm anh ta dẫn bốn người chèo thuyền đi Tulaji để người ta xăm mình cho họ. Tất nhiên là một cách hoàn toàn chính thức. Sau đó anh ta cùng họ trở về bằng xuồng buồm. Biển hôm đó hơi động và xuồng của họ bị lật. Mấy người kia thoát chết, riêng có Xvarotxo bị chết đuối. Tất nhiên đó chỉ là một trường hợp rủi ro.

- Thế nào? Lý thú thật! - Becti lơ đãng nhận xét, vì lúc này tâm trí anh ta đang để cả vào tay da đen lực lưỡng đứng cạnh bánh lái.

Cảng Ughi đã lùi dần về phía sau. Chiếc "Arola" nhẹ nhàng lướt trên mặt biển lấp lánh, hướng về phía bờ Malaita đầy rừng rậm. Trên lỗ mũi của tay da đen cầm lái mà từ nãy vẫn làm Becti phải chú ý, có xuyên một cái đinh, cổ thì đeo một xâu khuy quần, tai thì lủng lỗ một con dao mở đồ hộp, một chiếc bàn chải

đánh răng gầy, một cái tàu thuốc bằng đất nung, một cái bánh xe răng cửa đồng hồ báo thức bằng đồng và mấy cái vỏ đạn súng trường, ngực thì lủng lảng một nửa chiếc đĩa sứ. Trên boong tàu có khoảng bốn mươi tên da đen khác nằm ngổn ngang, tên nào cũng mang những đồ trang sức hết như vậy. Trong số đó chừng mười lăm người là thuỷ thủ của tàu, còn đâu là bọn người làm thuê.

- Tất nhiên đó là trường hợp rủi ro, - Giacốpxon, viên thuyền phó của tàu "Arola", một con người gầy gò, mắt sẫm, trông giống một vị giáo sư hơn là thuỷ thủ, lại lên tiếng. - Giônni Bêdin cũng suýt gặp trường hợp rủi ro như thế. Ông ta cũng dẫn mấy người đi xăm mình về nhà, và bọn này đã lật úp thuyền của ông ta. Nhưng ông ta bơi giỏi không kém gì chúng, nên cuối cùng thoát chết nhờ chiếc câu liêm và khẩu súng lục, còn hai tên da đen thì bị chết đuối. Cũng là một trường hợp rủi ro.

- Chuyện đó ở đây thì như cơm bữa, - viên thuyền trưởng nói. - Ngài hãy nhìn tay thanh niên đứng ở bánh lái kia kìa, ngài Arôcrait. Hắn là một tay ăn thịt người chính cống đấy. Cách đây nửa năm hắn cùng một toán thuỷ thủ dìm chết viên thuyền trưởng cũ của tàu "Arola" đấy. Ngay trên tàu "Arola" này, ở chỗ cái cột buồm kia kìa!

- Rồi chúng gây ra trên boong tàu những cảnh

tượng khủng khiếp làm sao! - viên thuyền phó tiếp thêm.

- Xin lỗi, ngài định nói về... - Becti hỏi.

- Về cái vụ ấy đấy, - thuyền trưởng Hanxen ngắt lời anh ta. - Cái vụ chúng chìm chết người ấy!

- Còn trên boong thì sao?

- Trên boong ấy à? Nói riêng với ngài thôi nhé, trên boong tụi nó đã dùng rìu.

- Chính cái đám thủy thủ hiện giờ ấy à?

Thuyền trưởng Hanxen gật đầu.

- Viên thuyền trưởng cũ quá sơ ý, - ông thuyền phó giải thích thêm. - Ông ta đứng quay lưng lại phía chúng, thế là... bị hại ngay.

- Chúng tôi phải cố giữ không để câu chuyện thành âm ỉ. - Thuyền trưởng Hanxen than vãn. - Vì chính phủ bao giờ cũng đứng về phía bọn da đen. Chúng tôi không được phép bắn trước, mà phải đợi khi nào bọn da đen nổ súng. Nếu không, chính phủ sẽ tuyên bố đó là vụ tự sát, và chuyển chúng tôi về Phitfi. Vì thế mà có rất nhiều trường hợp đáng tiếc xảy ra. Bị chìm chết mà không làm gì được.

Bữa ăn trưa đã được dọn. Becti cùng viên thuyền trưởng xuống dưới tàu, còn ông thuyền phó ở lại trên boong.

- Anh phải hết sức để mắt đến tên Auki này

nhé, - thuyền trưởng Hanxen nói khi họ chia tay nhau. - Không hiểu sao tôi thấy cái mặt hăn đạo này đáng ghét quá.

- Được, - viên thuyền phó đáp.

Bữa ăn gần xong thì cũng là lúc thuyền trưởng kể đến đoạn giữa câu chuyện về cảnh đám nhân viên trên tàu "Thủ lĩnh Xcốtlen" bị tàn sát ra sao.

- Phải, - ông ta nói, - chiếc tàu buôn đó thật là tuyệt vời. Đó là một trong những chiếc tàu tốt nhất vùng ven sông. Họ chưa kịp bẻ lái, mới chỉ vừa chạy đến chỗ neo buồm thì cả một đoàn thuyền độc mộc ủa tới tấn công. Trên thuyền có năm người da trắng và hai chục người trong đội thủy thủ từ Xamoa và Xanta Cruxơ, vậy mà chỉ có mình viên thuyền phó thứ hai là sống sót. Ngoài ra còn hơn năm chục người làm thuê cũng bị giết hết. Tất cả đều bị bọn man rợ Kai - kai. Kai-kai nghĩa là gì ấy à? Xin lỗi, tôi muốn nói là tất cả đều bị chúng ăn thịt hết. Tiếp đó lại còn vụ tàu "Giêmxơ Etuôtơ" nữa một chiếc tàu phải nói là trang bị rất đầy đủ.

Tiếng quát tháo âm ỉ của người thuyền phó bỗng cắt đứt câu chuyện của thuyền trưởng. Trên boong tàu có nhiều tiếng rú man rợ, sau đó nghe thấy ba phát súng nổ, rồi một vật gì nặng rơi tòm xuống nước. Thuyền trưởng Hanxen nhảy phát một cái đến chỗ cầu thang dẫn lên boong, một tay rút ra khẩu súng

lục. Becti cũng nhảy lên theo mặc dù không nhanh bằng, rồi thận trọng thò đầu qua lỗ cửa thang. Nhưng không có chuyện gì cả. Viên thuyền phó đang đứng trên boong, súng cầm tay, người run như lên cơn sốt. Thốt nhiên ông ta nhảy sang một bên như linh cảm có mối nguy hiểm đe dọa sau lưng.

- Một tên thổ dân bị ngã xuống biển, - ông ta báo cáo, giọng oang oang một cách không bình thường. - Nó không biết bơi.

- Ai thế? - thuyền trưởng cau mày hỏi.

- Auki!

- Xin lỗi, nhưng hình như tôi nghe có tiếng súng.
- Becti hỏi xen vào, trong lòng cảm thấy một nỗi hoảng hốt thú vị vì ý thức được sự nguy hiểm, và còn thú vị hơn nữa vì biết rằng mối nguy hiểm đó đã qua.

Viên thuyền phó quay ngoắt về phía Becti, quát lên:

- Nói láo! không có ai bắn cả! Chỉ có tên da đen bị ngã xuống biển thôi.

Hanxen nhìn Becti bằng cặp mắt không chớp và cũng không nhìn gì cả.

- Tôi thấy hình như... - Becti định lên tiếng.

- Có tiếng súng phải không? - viên thuyền trưởng dăm chiêu nói. - Ông có nghe thấy tiếng súng không, ông Giacốp-xơ? .

- Không một tiếng nào hết! - ông thuyền phó đáp.

Viên thuyền trưởng vẻ hài lòng quay sang bảo người khách:

- Rõ ràng đây lại là một trường hợp rủi ro. Thôi ta xuống dưới dùng nốt bữa cơm, ngài Aracrait.

Đêm hôm đó Becti ngủ trong căn phòng nhỏ giáp vách với căn phòng của đội chỉ huy và được gọi một cách trang trọng là phòng thuyền trưởng. Ở vách ngăn đằng mũi tàu có một cái giá để súng. Trên đầu giường có treo ba khẩu súng nữa. Dưới gầm là cái thùng gỗ to, trong đó Becti thấy có đạn, thuốc nổ, mấy cái hộp có dây cháy chậm. Becti đang định chuyển sang nằm trên di văng kê bên vách đối diện, thì mất anh ta bỗng dừng lại ở tờ tạp chí của tàu "Arola" đặt trên chiếc bàn con. Anh ta không ngờ rằng chính thuyền trưởng đã cố ý đặt tờ tạp chí ở đó cho anh đọc. Qua tờ tạp chí, Becti được biết ngày hai mươi mốt tháng Chạp có hai thủy thủ bị ngã xuống biển. Nhưng bây giờ Becti đã biết cách đọc theo khoảng cách giữa các dòng và hiểu được nội dung của chúng. Anh ta được biết thêm tin tức về chiếc xuồng buồm của tàu "Arola" bị phục kích tại khu bụi rậm trên sông Xuu và có 3 người bị giết; về việc viên thuyền trưởng tìm thấy trong chảo nấu ăn của người đầu bếp có thịt người mà đám thủy thủ đã mua khi lên bờ ở Phui; về việc trong

được thấy, nhưng vì đúng lúc đó viên thuyền phó cho nổ một gói mìn thật ở đầu mũi tàu, tất nhiên là gói mìn đó không làm ai việc gì, nên Becti sẵn sàng thành tâm thể trước toà rằng anh ta đã tận mắt nhìn thấy tên da đen bị tan thành từng mảnh ra sao.

Cuộc bỏ chạy của đám người làm thuê khiến cho thuyền trưởng tàu "Arola" lỗ mất bốn mươi bảng Anh, vì sau đó không có hy vọng gì tìm lại những người chạy trốn trong các bụi rậm để bắt họ quay lại tàu. Viên thuyền trưởng và thuyền phó đành giải sầu bằng cách uống trà nguội. Nhưng vì trà đựng trong các vỏ chai rượu ւýtxki, nên Becti không hề nghĩ là họ uống thứ nước vô hại như vậy. Anh ta chỉ thấy họ uống đến say khướt rồi bắt đầu tranh cãi âm ỉ xem nên thông báo về việc tên da đen bị mìn làm tan xác như thế nào - nên thông báo như là hấn bị chết đuối, hay chết vì bệnh ly. Sau đó cả hai thi nhau ngáy. Còn Becti, khi nhận ra trên tàu không còn một người da trắng nào tỉnh táo ngoài anh ta, thì suốt đêm không dám chợp mắt, mà ngồi làm nhiệm vụ canh gác, bụng lúc nào cũng thấp thỏm chờ cuộc tấn công từ trên bờ hay sự nổi loạn của đám thủy thủ.

Tàu "Arola" đậu ở bên bờ vịnh Malaita ba ngày nữa, và Becti lại phải mất ba đêm canh gác trong trạng thái lo âu mệt mỏi, trong khi đó cả thuyền trưởng lẫn thuyền phó cứ tối đến lại bắt đầu lôi nước trà nguội ra uống, rồi lăn ra ngủ một mạch đến sáng,

ý đã có Becti thúc canh: Becti tự nhủ, nếu còn sống, nhất định anh ta sẽ mách cho thuyền trưởng Malu biết về cái tội rượu chè say khướt của họ.

Cuối cùng tàu "Ardla" thả neo ở cạnh đồn điền Rơmingiơ trên đảo Gvedancana. Becti thở phào bước lên bờ và bắt chặt tay viên quản lý Hariven. Ông này đã chuẩn bị sẵn sàng mọi thứ để đón khách.

Chỉ xin ngài đừng bận tâm nếu thấy những nhân viên của tôi không được vui vẻ lắm. - Ông Hariven kéo Becti sang một bên nói nhỏ. - Số là đang có tin đồn rằng ở đây sắp sửa có cuộc nổi loạn, và cũng không thể không thừa nhận rằng lời đồn đại đó cũng có cơ sở của nó. Nhưng riêng tôi vẫn tin rằng tất cả những lời đồn đó chỉ là tầm bậy.

- Thế ở đồn điền của ông có nhiều thổ dân không? - Becti ngao ngán hỏi.

- Hiện có khoảng bốn trăm người. - Ông Hariven có vẻ sốt sắng thông báo, - nhưng chúng tôi có ba người, giờ lại thêm ngài, và tất nhiên, cả thuyền trưởng và thuyền phó tàu "Ardla" nữa - chúng ta lo gì mà không dẹp được bọn chúng.

Vừa lúc đó một người tên là Mac Tevisơ, làm nhiệm vụ coi kho, đi đến. Ông ta khẽ gật đầu chào Becti, rồi vội quay sang xin Hariven cho ông ta thôi việc ngay lập tức.

- Thưa ông Hariven, tôi có gia đình, con cái. Tôi

một lần phát tín hiệu, một gói thuốc nổ bỗng nổ tung làm tất cả những người chèo thuyền bị chết. Ngoài ra anh ta còn đọc được tin tức về các cuộc tấn công ban đêm vào một chiếc thuyền buồm, chuyện nửa đêm chiếc thuyền đó phải vội vàng rời bến; về cuộc tấn công của bọn thợ rừng vào đội thủy thủ ở bụi cây đước, về trận giao chiến với đám người nguyên thủy trong các đầm, vịnh. Lác đác trên tờ tạp chí, Becti lại gặp những đoạn nói về những trường hợp chết vì bệnh ly. Anh ta kinh hãi khi được biết có hai người da trắng cũng đi chơi trên chiếc tàu "Arola" như anh ta, đã bị chết vì bệnh đó.

- Nay, - hôm sau Becti hỏi thuyền trưởng Hanxen. - Hôm qua tôi có được xem tờ tạp chí của các ông.

Viên thuyền trưởng tỏ vẻ ân hận vì đã để tờ tạp chí lọt vào tay người ngoài.

- Nhưng cái bệnh ly ấy cũng chỉ là chuyện vặt như tất cả những chuyện rủi ro của các ông thôi. - Becti nói tiếp. - Nhưng thực ra thì cái bệnh ly mà các ông nói đến đó là bệnh gì vậy?

Viên thuyền trưởng tỏ ý khâm phục đầu óc sắc sảo của vị khách, và đã định tìm cách phủ nhận, nhưng không hiểu thế nào, ông lại nghĩ lại.

- Ngài Arocrait ạ, nguyên do là như thế này. Tất cả những cái đảo này chẳng cần nói thì cũng đã có

quá nhiều tiếng đồn không hay rồi. Vì thế nên ngày càng khó tuyển mộ người da trắng đến làm việc ở đây. Chẳng hạn nếu có một người da trắng bị giết, thì công ty phải tốn không biết bao nhiêu tiền mới thuyết phục được người khác đến đây. Nhưng nếu người đó chết vì bệnh thì không sao. Những người xung phong đến đây không sợ bệnh tật, họ chỉ không thích bị giết. Khi mới lên làm trên chiếc "Arola" này, tôi vẫn tin là viên thuyền trưởng cũ bị chết vì bệnh lỵ. Sau mới biết sự thật, nhưng lúc đó đã muộn rồi: giao kèo đã được ký!

- Thêm vào đó, - Giacôm xơ chen vào. - Có quá nhiều trường hợp bất hạnh xảy ra. Những chuyện ấy có thể gây ra những xì xào bản tán không cần thiết. Mà lỗi chỉ tại chính phủ. Vì biết làm gì được khi người da trắng không có quyền tự vệ trước đám dân dã man ấy?

- Đúng thế, - thuyền trưởng Hanxen tán thành.
- Chẳng hạn cứ xét trường hợp của tàu "Quận chúa" và của một người Mỹ làm thuyền phó trên tàu thì thấy. Ngoài ông ta, trên tàu còn có năm người da trắng, trong đó có cả một viên chức chính phủ. Viên thuyền trưởng, người viên chức chính phủ và người thuyền phó thứ hai đi vào bờ bằng hai chiếc xuồng. Họ bị giết sạch không còn một mống. Trên tàu chỉ còn lại người thuyền phó, thủy thủ trưởng và mười lăm thủy thủ từ Xamoa và Tonga. Bất thành linh trên bờ

xuất hiện một bọn thổ dân. Viên thuyền phó chưa kịp quay lại thì thủy thủ trưởng và cả đoàn thủy thủ đã bị giết sạch. Thế là ông ta vớ lấy ba băng đạn và hai khẩu súng trường, leo lên cột buồm và cứ ở trên đó bắn xuống. Ông ta gần như phát điên khi nghĩ đến chuyện tất cả bạn bè của ông đã bị giết. Ông ta cứ bắn liên tục cho đến khi khẩu súng nóng đỏ rồi vớ lấy khẩu kia. Khắp trong tàu bọn cướp đen như kiến. Nhưng ông ta đã kết liễu đời của tất cả bọn chúng. Ông ta bắn vào thang dây khi chúng định tháo chạy khỏi tàu, bắn thùng thuyền trước khi chúng kịp vớ lấy mái chèo. Thế là chúng xô nhau nhẩy xuống nước định bơi vào bờ. Lúc đó ông hăng máu đến nỗi còn bắn chết thêm sáu tên nữa ở dưới nước. Nhưng rồi ông ta nhận được cái gì?

- Bảy năm khổ sai ở Phitji! - viên thuyền phó tức giận văng ra một câu.

- Phải, chính phủ tuyên bố rằng ông ta không có quyền bắn bọn mọi đó khi chúng ở dưới nước.

- Vì thế nên bây giờ họ chết vì bệnh lỵ, - Giacôpxơ kết luận.

- Hừ, lạ thật! - Becti nhận xét, lúc này anh ta đã thấy nóng ruột muốn kết thúc sớm cuộc hành trình.

Cũng trong ngày hôm đó Becti có nói chuyện với người thổ dân mà anh ta được giới thiệu là "một kẻ ăn thịt người chính cống". Tên người này là Xumadaì.

Hắn làm cho một đồn điền ở Cavin-xlendor ba năm, đã đến cả Xitnây, cả Xamoa, cả Phitji. Làm thủy thủ trên một chiếc tàu đi mộ người, hắn đã có dịp đi hầu hết các quần đảo: Tân Briten và Tân Irolen, Tân Ghinê và quần đảo Admiran. Tính hắn rất hay đùa và trong lúc nói chuyện với Becti, hắn cũng bắt chước thuyền trưởng.

Ít lâu sau, một lần đang ngồi suy nghĩ trên thang tàu, Becti chợt nhận thấy người thổ dân ngồi cạnh anh ta mắc bệnh ngoài da khủng khiếp. Thế là anh ta đứng phắt dậy bỏ đi chỗ khác. Khi anh ta đi hỏi xem người thanh niên đó mắc bệnh gì, thì được biết là hắn mắc bệnh hủi.

Nghe thấy vậy, nhanh như chớp Becti nhẩy bổ vào buồng lấy xà phòng sát trùng tắm rửa thật kỹ. Ngày hôm đó anh ta còn phải tắm thêm mấy lần nữa, vì được biết tất cả đám thổ dân trên tàu đều mắc một thứ bệnh ngoài da rất dễ lây.

Khi chiếc tàu "Arola" thả neo ở giữa vùng đầm nước, người ta phải chằng hai lần thép gai phía trên thành tàu, khiến cho con tàu nhìn có vẻ đáng sợ, và khi ở gần con tàu bỗng xuất hiện rất nhiều thuyền độc mộc, bọn thổ dân ngồi trên kẻ nao cũng vũ trang giáo mác tên nỏ, thì Becti lại càng sốt ruột mong cho chuyến đi sớm kết thúc.

Đêm hôm đó đám thổ dân trên tàu dềnh dàng

không muốn rời tàu, mặc dù đã có lệnh không cho phép chúng ở lại trên tàu sau lúc hoàng hôn. Thậm chí bọn chúng còn ăn nói hỗn xược khi viên thuyền phó ra lệnh cho chúng phải rời tàu ngay.

- Không sao, bây giờ tôi sẽ cho chúng phải đổi giọng, - viên thuyền trưởng vừa nói vừa chui vào cửa.

Lúc bấy giờ, ông bí mật gởi cho Becti xem chiếc gậy có gắn lưỡi câu. Một cái vỏ chai thuốc tây thông thường được gói vào trong giấy, ngoài để thò một mẩu giấy cháy chậm trông không khác gì gói thuốc nổ. Cả Becti lẫn đám thổ dân đều bị lừa. Thuyền trưởng Hanxen chỉ cần đốt mẩu giấy cháy chậm rồi cho lưỡi câu móc vào cái khoé của tên da đen vừa đi tới, là lập tức tên này muốn nhảy lên bờ ngay lập tức. Thế là quên hết tất cả, thậm chí không nghĩ đến chuyện cởi khoé ra, tên da đen khốn khổ chạy bổ đến thành tàu. Cái mẩu giấy xì khói cứ lủng lẳng bám theo hắn, khiến các tên thổ dân khác trông thấy cũng thi nhau cầm đầu nhảy qua hàng rào dây thép mà lao xuống biển. Becti rất đổi kinh hoàng. Thuyền trưởng Hanxen cũng vậy. Vì còn gì khủng khiếp bằng! Hai mươi lăm người thổ dân làm thuê - mà mỗi tên ông phải trả mất ba mươi bảng Anh, cũng nhảy hết xuống biển cùng đám thổ dân. Cả tên da đen với cái gói thuốc đang xì khói cũng theo gương họ.

Cái gói thuốc nổ đó về sau ra sao Becti không

không có quyền liều mạng! Tai họa đến nơi rồi, đến kẻ mù cũng thấy điều đó. Tụi da đen xem chừng sắp nổi loạn, và ở đây sẽ tái diễn mọi thảm họa Hôhônô!

- Thảm họa Hôhônô là thảm họa gì vậy? - Becti lo lắng hỏi, khi người coi kho sau một hồi thuyết phục, chịu ở thêm đến cuối tháng.

- Ý ông ta muốn nói cái đồn đồn Hôhônô trên đảo Izaben, - ông quản lý giải thích. - Bọn da đen ở đó giết chết năm người da trắng trên bờ, cướp thuyền buồm, chặt đầu thuyền trưởng và thuyền phó rồi kéo cả đoàn chạy đến Malaita. Tôi vẫn luôn luôn bảo rằng mấy ông chỉ huy ở đó khinh suất. Chứ chúng ta không đời nào để chún đánh úp như vậy!... Thôi, mời ngài lên gác hiên đi, ngoài Arôcrait. Ngài nhìn phong cảnh xung quanh có đẹp không!

Nhưng Becti còn tâm trạng nào nghĩ đến cảnh đẹp. Anh ta mãi nghĩ xem làm thế nào để đến Tulaghi, sống trong dinh cơ của viên công sứ càng sớm càng tốt. Và trong khi anh ta đang mãi mê suy nghĩ thì sau lưng bỗng vang lên tiếng súng, Hariven nhanh như chớp lôi anh ta vào phòng, suýt làm gãy tay anh ta.

- Chao ôi, thật là may cho ngài. Chỉ chệch một phút về bên trái là đi đời... - ông quản lý vừa nói vừa đưa tay sờ nắn Becti cho đến khi tin chắc anh ta không bị sây sát gì. - Xin lỗi, mọi tội vạ là do tôi cả,

nhưng ai ngờ được giữa ban ngày ban mặt mà chúng dám...

Becti mặt tái mét.

- Chúng ám sát anh quản lý cũ đúng y như vậy.
- Mác Tevisơ nhận xét với vẻ thương xót. - Thật đáng tiếc, một chàng trai rất tốt! Hôm đó óc anh ta văng ra khắp gác sân này. Ngài có nhìn thấy cái vết đen kia không, đấy, đấy, giữa bậc lên xuống với cửa ấy!

Becti ủ rũ đến nổi ly rượu cocktail mà ông Hariven pha rồi mang ra cho anh thật đúng lúc không gì bằng. Nhưng anh ta chưa kịp đưa cốc lên môi thì một người mặc quần cưỡi ngựa và đi ghệt bước vào.

- Lại có chuyện gì vậy? - Ông quản lý nhìn người mới vào hỏi. - Nước sông lại tràn sao?

- Sông suối gì, thưa ngài. Tụi da đen! Chúng từ trong bụi rậm cách đây chừng mười bước chui ra và tấn công tôi. May là chúng chỉ có súng trường chứ không có loại tốt hơn, với lại chúng bắn từ ngang đùi... Nhưng tôi muốn biết, chúng lấy đâu ra thứ súng ấy? A, xin lỗi ngài Arócrait. Rất sung sướng được gặp ngài.

- Đây là ngài Braun, trợ lý của tôi, - ông Hariven giới thiệu với Becti. - Thôi, bây giờ ta uống đã.

- Nhưng chúng lấy đâu ra thứ súng ấy? - Braun

vẫn thắc mắc. - Tôi đã nói với ngài là không nên giữ súng trong nhà.

- Nhưng súng vẫn còn nguyên kia mà! - Ông Hariven bắt đầu câu.

Ông Braun cười khẩy tỏ ý nghi ngờ.

- Ta vào nhà xem! - Viên quản lý đề nghị.

Becti cùng mấy người nữa cũng vào theo. Vào đến nơi, ông Hariven đặc thẳng chỉ vào cái thùng lớn trong góc nhà mờ tối, bụi bặm.

- Tốt lắm, nhưng vậy thì bọn vô lại kia lấy vũ khí ở đâu? - Ông Braun nhắc đi nhắc lại không biết đến lần thứ mấy câu hỏi đó.

Nhưng ông Mac Tevisơ đã đến sờ tay vào chiếc hòm, và trước sự kinh ngạc của mọi người, nhắc bổng nó lên một cách nhẹ nhàng. Ông quản lý chạy ngay lại, mở nắp hòm, hoá ra cái hòm rỗng. Mọi người ai nấy đưa mắt sợ hãi nhìn nhau, không ai nói với ai câu nào. Ông Hariven mặt mũi cúi đầu. Mac Tevisơ chửi đồng một câu:

- Mẹ kiếp! Tôi đã nói là không nên tin bọn đây tớ mà.

- Tình hình đúng là nghiêm trọng, - ông Hariven thú nhận. - Nhưng không sao, chúng ta sẽ có cách. Cứ dọa chúng một trận là xong hết. Thưa các vị, đến giờ ăn trưa xin các vị mang súng theo, còn ngài Braun, xin ngài làm ơn chuẩn bị cho khoảng bốn,

nằm chực gói thuốc nổ. Cắt ngắn bớt dây cháy chậm đi. Chúng ta sẽ cho bọn khốn kiếp ấy biết tay! Bây giờ xin mời các vị ngồi vào bàn.

Becti không sao chịu nổi món cơm gia vị nấu theo kiểu Ấn Độ, nên không chờ mọi người, anh ta ăn ngay món trứng oplet trông bề ngoài rất hấp dẫn. Lúc anh ta đã thanh toán xong phần của mình, ông Hariven cũng với tay lấy món trứng. Nhưng vừa đưa miếng trứng vào miệng, ông quản lý phải nhổ ngay và văng một câu chửi.

- Lần thứ hai rồi đấy! - Mac Tevisơ nói lí nhí trong mồm.

Ông Hariven vẫn khạc nhổ.

- Lần thứ hai cái gì? - Becti hỏi, giọng run run.

- Thuốc độc, - ông này trả lời. - Thằng đầu bếp này nhất định phải bị treo cổ!

- Viên kế toán người đảo Macsơ cũng bị sang thế giới bên kia vì món đó đấy, - Braun lên tiếng. - Trước khi chết ông ta đau đớn khủng khiếp. Mọi người trên tàu "Gietxi" kể lại rằng từ xa ba dặm người ta cũng nghe thấy tiếng ông ta la hét.

- Tôi sẽ cùm cái thằng chó chết ấy lại! Ông Hariven rít lên qua kẽ răng. - Cũng may mà chúng ta kịp thời phát hiện.

Becti ngồi tái nhợt như tàu lá, không cử động, không thở. Anh ta muốn nói, nhưng chỉ phát ra

những âm thanh yếu ớt trong cổ họng. Mọi người lo lắng nhìn anh ta.

- Chả lẽ ngài đã... - Mac Tevisơ thất kinh kêu lên.

- Vâng, vâng, tôi đã ăn hết món trứng! Ăn nhiều lắm! Cả một đĩa! - Becti kêu lên dứt quãng, anh ta như người chết đuối vừa nhô lên được khỏi mặt nước và lấy lại được hơi thở.

Một không khí im lặng đáng sợ, bao trùm căn phòng. Trong ánh mắt những người cùng ăn Becti như đọc được bản án tử hình của mình.

- Cũng có thể đó không phải là thuốc độc, - Hariven buồn thảm nhận xét.

- Lôi thằng cha đầu bếp ra hỏi xem. - Braun khuyên.

Người đầu bếp, một thổ dân trẻ, mũi xâu đinh và tai xuyên lỗ, vui vẻ bước vào.

- Này, Vivi! Cái này là cái gì vậy? - Ông Hariven vừa gầm lên vừa chỉ tay vào đĩa trứng, mắt dữ tợn.

Câu hỏi của ông tất nhiên làm Vivi khiếp sợ.

- Món này tốt lắm, ăn được, - hắn đáp ứng, giọng có vẻ biết lỗi.

- Vậy thì mày ăn thử đi, - Mac Tevisơ yêu cầu. - Đó là cách tốt nhất để biết sự thật.

Ông Hariven xúc ngay một thìa trứng bước đến

chỗ tay đầu bếp. Tên này sợ quá chạy ngay ra khỏi phòng.

- Thế là rõ. - Ông Braun trịnh trọng tuyên bố. - Dù ông có cắt cổ hần, hần cũng không ăn đầu!

- Ông Braun, xin ông gồng cổ nó lại ngay cho tôi!

- Hariven ra lệnh, rồi nhìn Becti với vẻ an ủi. - Anh bạn cứ yên tâm, ngài công sứ sẽ xác minh vụ này, và nếu anh chết, tên vô lại kia cũng sẽ bị treo cổ ngay.

- Chắc gì chính phủ dám làm chuyện đó. - Mac Tevisơ tỏ ý hoài nghi.

- Nhưng mà... thưa các ngài, các ngài chẳng nghĩ gì đến tôi cả! - Becti gào lên như khóc.

Ông Hariven dang hai tay đau khổ.

- Rất tiếc, người anh em ạ; đó là loại thuốc độc của dân bản xứ và hiện chưa có thứ gì trị được. Xin anh hãy can đảm, và nếu như...

Bỗng có hai tiếng súng trường vang lên cắt đứt lời ông. Braun bước vào, tháo đạn và ngồi xuống ghế.

- Tên đầu bếp chết rồi, - ông ta thông báo. - Vì lên cơn sốt đột ngột.

- Chúng tôi vừa nói là hiện chưa có thứ thuốc gì chống được thứ thuốc độc bản xứ.

- Trừ có thứ rượu dzin, - Braun nhận xét.

Ông Hariven tự rửa mình là đầu óc tối tăm ngu

ngốc rồi chạy đi lấy rượu dzin lại.

- Nhưng không được pha loãng đấy, - ông ta dặn trước và Becti uống một hơi hết luôn cả cốc rượu mạnh, nghẹn thở vì sặc, rồi ho sặc sụa, nước mắt ràn rụa.

Hariven sờ mạch anh ta và đo nhiệt độ; ông tìm mọi cách an ủi Becti, bảo rằng rất có thể món trứng không có thuốc độc. Braun và Mac Tevisơ cũng nói như vậy, nhưng Becti thấy trong giọng nói của họ có cái gì không thành thật. Anh ta không còn muốn ăn gì nữa, đưa tay xuống dưới bàn tự đo mạch, dấu không cho mọi người biết. Mạch anh ta rõ ràng đập mỗi lúc một nhanh. Có điều Becti không nghĩ ra đó là vì cốc rượu mạnh anh ta vừa uống. Mac Tevisơ xách súng đi ra ngoài hiên quan sát xung quanh nhà.

- Chúng đang tụ tập gần bếp, - ông ta trở vào báo cáo. - Tên nào cũng có súng trường Sanidơ cả. Tôi đề nghị ta bí mật tiến đến đó từ phía khác và đánh úp chúng. Tấn công là phương pháp phòng thủ tốt nhất, đúng không? Ông có đi với tôi không, ông Braun?

Hariven vẫn tiếp tục ăn như không có chuyện gì xảy ra, còn Becti thì hoảng sợ khi nhận thấy mạch của anh ta đập nhanh hơn đến năm đập nữa. Nhưng khi nghe thấy cuộc đo súng bắt đầu thì anh ta cũng bất giác đứng phắt dậy, xen với tiếng đi đùng liên tục của các khẩu Snaidơ là tiếng rên của các khẩu

Vinchenxtơ của Braun và Mác Tevisơ, rồi cộng thêm vào đó là những tiếng rú thét man rợ.

- Mấy ông bạn chúng ta đã làm chúng bỏ chạy rồi. - Hariven nói khi tiếng súng bắt đầu xa dần.

Braun và Mac Tevisơ đã trở lại bàn ăn, nhưng vừa về đến nơi Mac Tevisơ lại đi thám thính ngay. Lát sau ông ta chạy lại báo cáo"

- Bọn chúng đã mang mìn đến.

- Thế thì ta cũng dùng thuốc nổ, - Havinven đề nghị.

Nói đoạn họ nhét vào mỗi túi năm, sáu gói thuốc nổ, ngậm trên môi những miếng thuốc lá đang cháy, đi ra ngoài cửa. Thì bỗng... ầm! Sau đó mọi người trách Ma Tevisơ không cẩn thận, và ông này thú nhận thuốc nổ có lẽ rơi nhiều quá. Một tiếng nổ long trời làm rung chuyển các bức tường, một góc nhà bay lên không rồi lại rơi xuống nền nhà. Bao nhiêu cốc chén bát đĩa trên bàn rơi hết xuống sàn, chiếc đồng hồ treo tường có bộ phận lên dây cót tám ngày bị dừng lại. Vừa hét to kêu gọi trả thù, và cả ba vị anh hùng lao vào trong bóng tối, thế là bắt đầu một cuộc dội bom.

Khi họ trở lại phòng ăn, Becti đã biến mất tăm. Té ra anh ta đã chui vào phòng bên, chặn kín cửa và đang nằm chết giấc trên sàn nhà. Trong lúc xung quanh diễn ra trận giao chiến ác liệt, thì trong cơn ác mộng anh ta hình dung ra hàng trăm kiểu chết có thể

xảy ra. Sáng hôm sau, người đau như dầm, đầu nhức như búa bổ vì cốc rượu dzin, anh ta đi ra ngoài và kinh ngạc khi nhận thấy mặt trời vẫn rực rỡ như mọi khi và Chúa rõ ràng vẫn đang trị vì thế giới, vì những người chủ mền khách của Becti vẫn đang đi dạo trên đồn điền, thân thể vẫn lành lặn, nguyên vẹn.

Hariven cố mời anh ta ở chơi thêm ít lâu, nhưng Becti từ chối và lên tàu "Arsla" đi Tulaghi. Ở đó, anh ta sống trong khu nhà của ông Công sứ, không dám lộ mặt ra khỏi nhà cho đến khi có chuyến tàu thủy đến đón. Trên tàu, anh ta lại gặp lại các bà, các cô đi du lịch, và họ lại nhìn anh ta như một vị anh hùng, mà không thèm để ý đến thuyền trưởng Malu. Như khi đến Kitnây, thuyền trưởng gửi lên bờ không phải một mà là hai thùng rượu uýtxki Xcốtlen hảo hạng, vì ông không tài nào phân xử được, giữa hai người thuyền trưởng Hanxen và ông Hariven - ai là người giỏi hơn trong việc chỉ cho Becti Arđcrat thấy "cuộc sống bão táp và đầy nguy hiểm trên quần đảo Xôlômông" là như thế nào.

THÁI HÀ

dịch từ tiếng Nga

CON TRAI CỦA CHÓ SÓI

Dàn ông chẳng mấy khi hiểu nổi rằng đàn bà gần gũi và quan trọng biết chừng nào đối với mình - ít ra cũng là khi chưa bị mất mát gia đình, thì anh ta chưa biết đánh giá người đàn bà một cách xứng đáng. Anh ta chưa nhận ra được sự ấm áp tinh vi, khó thấy mà sự có mặt của người đàn bà trong nhà tạo nên. Nhưng hễ một khi vắng sự ấm áp ấy, anh ta cảm thấy cuộc sống trở nên trống rỗng, anh ta như ngẩn ngơ buồn nhớ láng máng một cái gì không rõ: anh ta như thiếu thiếu một cái gì đó. Nếu bạn bè ít kinh nghiệm hơn anh ta, họ hẳn sẽ lắc đầu ngờ vực và nài ép uống các loại thuốc thật mạnh. Nhưng bệnh đói vẫn không buông tha - ngược lại, nó càng hành hạ nhiều hơn; con người mất hết thú vị đối với sự tồn tại bình thường hàng ngày, anh ta trở nên u sầu buồn bực. Rồi đến một ngày đẹp trời, khi nỗi trống trải làm trao đảo lòng không còn chịu đựng được nữa, người đàn ông đột nhiên chợt nảy ra một ý định mới lạ.

Khi những chuyện tương tự xảy ra bên dòng Iucôn, người đàn ông thường sửa soạn một chiếc thuyền, nếu bấy giờ là mùa hè; gặp phải mùa đông thì anh ta đóng chó vào xe trượt và lao nhanh xuôi về phía nam. Vài tháng sau, nếu anh ta còn bị phương Bắc ám ảnh, anh ta mang theo người vợ quay trở lại nơi đây, người đàn bà sẽ phải chia sẻ cùng anh ta tình cảm yêu thương đối với xứ sở bằng giá cùng mọi gian truân vất vả của nó. Lại thêm một bằng chứng nữa về thói ích kỷ của cánh đàn ông đấy nhé! Đến đây, vô tình tôi chợt nhớ tới câu chuyện của Biriuc - Măckênzi xảy ra từ thuở xa xưa, khi xứ Klônđaiک chưa trải qua cơn sốt vàng và cuộc tràn ngập của bọn lính mới chêchacô, ngày chôn này mới chỉ lừng danh như nơi sản cá hồi Salmo dễ dàng nhất.

Nhìn Biriuc Măckênzi, ta lập tức dễ nhận ra đây là người đi đầu trong công cuộc khai thác đất mới. Khuôn mặt Biriuc còn đậm dấu ấn của hai mươi lăm năm vật lộn với các thế lực hung bạo của thiên nhiên, trong đó vất vả nhất là hai năm cuối đi tìm vàng giấu mình dưới đất vàng đai cực Bắc. Khi cảm giác trống rỗng cào xé choán lấy Biriuc, anh ta không hề ngạc nhiên bởi anh ta vốn là con người thực dụng, từng đã gặp những người mắc bệnh nói trên. Nhưng anh ta không để lộ tâm trạng, mà chỉ lao vào làm việc hăng hái hơn như một người điên. Suốt mùa hè anh ta phải

chiến đấu chống giặc muỗi và sửa soạn các thứ cho chuyến làm ăn sắp tới khi anh ta đi đái vàng ở hạ lưu sông Xtuart. Sau đó, anh ta đóng bè bằng những cây gỗ mập, xuôi dòng Iucôn đến cây số bốn mươi, tại đó dựng cho mình một cái lều bằng da. Đây là một chỗ ở vững chãi và ấm áp; khiến không thiếu kẻ muốn chia xẻ cùng Biriuc. Nhưng chỉ bằng vài lời ngắn gọn và diễn cảm lạ lẫm, anh làm nát vụn niềm hy vọng của người ta. Biriuc đến cửa hiệu gần đó mua sắm lương ăn dự trữ nhiều đến gấp đôi bình thường.

Như đã nói, Măckênzi là con người thực dụng, thông thường đã muốn một cái gì, anh tìm cách đạt mục đích cho bằng được, và không chịu thay đổi thói quen, và đường đã dự định. Biriuc không lạ gì lao động nặng nhọc và mọi thử thách, tuy nhiên anh hoàn toàn không dễ dàng khi phải vượt qua sáu trăm dặm ngồi xe trượt do chó kéo trên băng, rồi lại đi thuyền qua hai nghìn dặm trên đại dương, sau cùng, vượt chừng một ngàn dặm nữa đến nơi anh từng sống trước đây, mà sự vất vả ấy nhằm một mục đích kiếm vợ cho mình. Đời người quá ngắn ngủi. Chính vì vậy mà anh đóng chó vào xe trượt, buộc kiện hàng hơi khác thường sau xe và khởi hành về hướng dãy núi, nơi sườn phía Tây là thượng nguồn của dòng sông Tanana.

Biriuc rất nhẵn nài trên đường đi, chó của anh

được coi là những con giỏi chịu đựng, chạy nhanh và dễ nuôi nhất vùng Iucôn. Sau ba tuần, Biriuc đã xuất hiện trong trại của người bộ tộc Xtikx ở thượng nguồn sông Tanana. Cả bộ tộc ngạc nhiên khi thấy anh. Người Xtikx thượng nguồn Tanana vốn mang tiếng xấu. Họ từng giết người da trắng chỉ vì những chuyện không đâu, chẳng hạn vì một cái rìu sắc hay khẩu súng gãy. Thế nhưng Biriuc Măckênzi đến bộ tộc họ một mình, và lại trong cử chỉ đi đứng của anh có vẻ hiền lành, tự nhiên xen lẫn với lạnh lùng, trơ tráo thật dễ thương. Phải rất có tài và hiểu biết sâu sắc tâm lý của dân da đỏ thì mới sử dụng thành công được vũ khí đa dạng này. Nhưng Măckênzi vốn là một nghệ nhân vĩ đại trong những việc tương tự, và biết rất rõ khi nào cần xu nịnh, khi nào cần ra tay sấm sét.

Trước hết, anh bày tỏ lòng kính trọng đối với tộc trưởng Tlinh - Tinnakh, biểu dương vị tộc trưởng mấy cân chè đen và thuốc lá và bằng cách ấy thu phục được lòng rộng lượng của vị này. Tiếp đến, Biriuc làm quen với cánh đàn ông và các cô gái trong bộ tộc, ngay tối đó tổ chức cuộc gặp mặt "potlats" chủ đãi khách và chia quà tặng của khách: Một bãi rộng, hình bầu dục dài gần một trăm fut rộng hai năm fut được dọn dẹp ở giữa là đồng lửa trại lớn, hai bên rải đầy cành thông. Toàn bộ tộc từ các nhà vigvam đổ ra bãi,

khoảng trăm người tụng một bài hát da đỏ chào mừng vị khách..

Hai năm qua Biriuc Măckênzi đã học nói được tiếng người Anh - điêng- da đỏ- anh nhớ được vài trăm từ, học được cách phát âm những âm thanh ngắn, những cách nói và câu nói cầu kỳ, cách biểu thị lòng kính trọng. Giờ đây, anh thao thao diễn thuyết như cách nói của họ, đầy vẻ nên thơ nguyên thủy, anh không tiếc lời khoe vẻ đẹp thô sơ và cách nói ẩn dụ mộc mạc. Tling-Tinnekh và thầy mo cũng đáp lại anh như vậy. Sau đó Măckênzi tặng đàn ông những thứ quà vặt, cùng họ ngêu ngao hát, tỏ ra mình là một tay chơi thành thạo trò đánh bài "năm mươi hai" yêu thích của bộ tộc.

Thế là họ hút thuốc của Biriuc và rất hài lòng. Tuy nhiên đám thanh niên trong bộ tộc thì lại khác - họ vừa có vẻ ngang ngược, vừa có vẻ khoe khoang. Vấn đề cũng dễ hiểu - chỉ cần lắng nghe các cô gái trẻ khúc khích cười và những câu nói bóng gió tục tĩu của các bà già móm mém thì sẽ rõ. Họ không quen biết nhiều người da trắng - Các con trai của chó Sói, - tuy nhiên một số ít người này cũng đã cho họ một số bài học nhất định.

Bê ngoài tỏ ra vô tư, Biriuc Măckênzi nhận ra rất rõ điều này. Ban đêm chui vào túi nằm anh đã cân nhắc kỹ lưỡng một lần nữa với cả sự nghiêm túc

nhất, và đã hút nhiều pip thuốc trong lúc tính toán kế hoạch hành động. Trong số các cô gái, anh chỉ chú ý đến một người, đó không phải ai khác, mà chính là cô Za-rinka, con gái ngài tộc trưởng. Zarinka nổi bật lên trong các bạn bè cùng bộ tộc: nét mặt, thân hình dáng đi của cô thích hợp hơn cả với quan niệm của người da trắng về vẻ đẹp. Anh sẽ chiếm được cô ta, sẽ lấy cô ta làm vợ và sẽ gọi là - phải, anh sẽ đặt tên cô là Ghectoruda! Đi đến quyết định này, Măckênzi quay sang nằm nghiêng và ngủ thiếp đi - thực sự là một đứa con của giống người chiến thắng.

Đây là một nhiệm vụ không dễ dàng, nó đòi hỏi thời gian và nhiều công sức, nhưng Biriuc Măckênzi hành động khôn ngoan, anh làm ra vẻ rất vô tư, khiến người Anh-điêng không hiểu thế nào. Anh cố chứng minh cho cánh nam giới thấy anh là một cây thiện xạ, một người đi săn không ai sánh nổi, dân làng đã vỗ tay tán phục khi anh hạ một con hươu bằng một phát đạn ở khoảng cách sáu trăm bộ. Một buổi tối, Biriuc đến thăm tộc trưởng Tling-Tinnekh trong lều vigmam của ông ta làm bằng da hươu nai. Anh tán chuyện luyên thuyên và không tiếc thuốc mời chủ. Anh cũng không bỏ lỡ dịp bày tỏ lòng tôn kính tương tự của mình đối với ông thầy mo, bởi anh thừa hiểu rằng cả bộ tộc rất chịu nghe lời thầy mo, nên nhất định phải có sự bảo đảm ủng hộ của ông ta. Song ngài

phù thủy đáng tôn kính này tỏ ra rất ngạo mạn, không thèm để ý đến anh, điều này khiến Mắckênzi đã chủ động ghi tên ông ta vào danh sách các đối thủ tương lai của mình.

Mãi vẫn chưa có dịp nói chuyện riêng với Zarinka nhưng Mắckên-zi thỉnh thoảng vẫn đưa mắt nhìn cô muốn tỏ cho biết ý định của mình. Cô gái hẳn thừa hiểu anh, nhưng muốn làm duyên, cô vẫn đi cùng tốp đông đảo chị em mỗi lúc cánh đàn ông ở gần, và Biriuc có điều kiện tiến lại. Tuy nhiên, Mắckênzi không hấp tấp; trong bụng biết chắc rằng Zarinka vô tình đang phải nghĩ về anh - được lắm, cứ nghĩ đôi ba ngày như thế chỉ tiện thêm cho Biriuc.

Cuối cùng, một buổi nọ anh cho rằng đã đến lúc hành động; đột nhiên đứng dậy, anh từ trong lều ngọt ngào đẩy khỏi thuốc của tộc trưởng bỏ đi ra ngoài, sang lều bên cạnh. Như thường lệ, Za-rinka đang ngồi giữa đám các bà các cô quây quần. Người nào việc nấy: họ khâu những chiếc giầy môkaxin và đính hạt cườm vào quần áo. Mọi người chào Mắckênzi bằng một trận cười giòn tan đùa cợt, trêu anh với Zarinka. Nhưng anh đã ngang nhiên xua đẩy tất cả đám phụ nữ ra ngoài bằng tuyết, khiến họ bỏ chạy tán loạn khắp làng kể cho mọi người nghe sự cố vừa xảy ra.

Biriuc nói thật rành rọt cho Zarinka hiểu cặn kẽ những gì mình định trình bày, tất cả bằng tiếng mẹ

đẻ của cô (cô không biết tiếng của anh) và chừng hai tiếng sau thì sửa soạn ra đi.

- Nào, Zarinka sẽ sang Vigmam ở với người da trắng chứ? Tốt! Bây giờ tôi sẽ thưa chuyện với ông già Zarinka, rất có thể ông già e ngại chưa bằng lòng. Tôi sẽ biếu ông già thật nhiều quà, nhưng ông già đừng có đòi hỏi gì thêm nữa. Thế nhờ ông già đáp "không" như Zarinka nói thì sao chứ gì? Ừ được lắm! Đằng nào Zarinka cũng vẫn sẽ sang Vigmam người da trắng để ở.

Biriuc đã vén tấm màn da thú ngoài cửa định đi ra thì cô gái cất tiếng khẽ gọi, anh liền quay lại. Cô ta quỳ xuống tấm da gấu trải dưới đất: nét mặt rạng rỡ tươi sáng; cô rút rờ tháo cái thắt lưng nặng nề của Măckênzi. Anh nhìn cô khó hiểu, cảnh giác lắng nghe từng tiếng động nhỏ phía ngoài. Nhưng cử chỉ tiếp theo của cô gái làm tiêu tan mọi ngờ vực, Măckênzi nở nụ cười thoải mái. Cô rút trong túi thêu của mình vỏ dao làm bằng sừng hươu có đính hạt cườm các hình hoa văn sắc sỡ lạ kỳ. Cô lấy con dao sắc lớn của Măckênzi kính cẩn ngấm nhìn lưỡi dao sắc, ngón tay cẩn thận vuốt ve và cắm dao vào vỏ mới - Rồi cô lắp lại vào thắt lưng, đẩy về chỗ cũ, ở sườn bên trái của anh.

Quả thật, đây chẳng khác nào một cảnh tượng thời xa xưa! Thiếu nữ với hiệp sĩ của mình - Măckênzi nhẹ nhàng nhắc cô đứng dậy, bộ ria mép khẽ chạm

vào đôi môi thắm đỏ của cô - cách âu yếm của con nhà Sói thật lạ kỳ, chưa hề quen biết. Thời đại đồ đá đã gặp thời đại của sắt thép như vậy đó.

Khi Măckênzi ôm một gói quà to đến cửa lều của Tling - Tinnekh, xung quanh hình như có vẻ sôi động khác thường. Trẻ con chạy nhảy khắp làng, khuôn vể bao nhiêu củi cành chuẩn bị cuộc vui potlats, các bà các cô chuyện trò rôm rả, tốp thợ săn trẻ từng tùm năm tùm ba, thì thầm bí mật, từ lều thấy mơ vọng ra những tiếng thần chú rừng rợn.

Tộc trưởng ngồi bên vợ, cặp mắt xám mờ không chớp thẳng nhìn về trước, nhưng Măckênzi hiểu ngay rằng ở đây người ta đã biết chuyện anh định nói. Anh kéo vỏ dao cạo dính hạt cườm ra trông cho rõ, ý muốn báo tin việc đính hôn đã được cử hành và định bắt tay ngay vào việc.

- Dạ kính thưa già làng Tling - Tinnekh, đức vua vĩ đại của bộ tộc Xtikx và cả quốc gia Tanana, đáng chúa tể của loài cá hồi Salmo và gấu, hươu và nai! Một mục đích cao cả đã dẫn dắt người da trắng đến trình diện già làng. Đã bao tuần trăng túp lều nó trống trải, nó sống cô quạnh. Lòng nó thâm lặng buồn nhớ vắng vợ, những khát khao được muốn có thêm bà chủ sống chung trong một túp lều, ngày ngày chào đón nó đi săn về, đốt lửa, bếp núc, cháo cơm cho nó. Người da trắng mơ thấy những điều kỳ lạ, nó như

nghe rõ tiếng trẻ thơ nô đùa chạy nhảy. Rồi một đêm nó thấy mộng Vua Qua - tổ tiên của già làng Tling-Tinnekh, cha của bộ tộc Xtikx đã hiện ra và nói chuyện với nó. Đây là lời Vua Qua nói với người da trắng cô đơn: "Con hãy đi ủng môkaxin và giầy trượt tuyết, xếp lương ăn, vật dụng đủ cho chuyến đi dài ngày, đặt lên xe trượt tuyết nhiều quà biếu tộc trưởng Tling-Tinnekh, bởi con phải quay mặt đi về hướng mặt trời mùa xuân, con sẽ phải đi về nơi chúa tể Tling - Tinnekh vĩ đại săn bắn. Con mang đến đó thật nhiều quà biếu, và con trai ta - Tling-Tinnekh, sẽ thành cha của con. Trong lều Vigmam của Tling-Tinnekh có một cô bé ta đã hạ hơi cho sinh ra để dành cho con. Con sẽ lấy cô gái ấy làm vợ". Đức Vua Qua vĩ đại dạy như vậy, dám thưa Già làng Tling-Tinnekh, Bi-riuc này mang quà đến dâng dưới chân Già làng. Chính vì thế mà Biriuc này đến xin Già làng cho Biriuc được lấy con gái Già làng làm vợ.

Bằng một cử chỉ uy nghiêm, đường bệ, vị tộc trưởng già khép chặt hơn chiếc áo choàng lông thú của mình, nhưng không trả lời ngay. Vừa đúng lúc ấy, một chú bé lén vào thưa rằng cả bộ tộc đang chờ tộc trưởng rồi lại biến ngay.

- Ôi, người da trắng mà chúng ta gọi là sấm sét của hươu nai, còn có tên gọi là Sói và Con trai của Sói! Chúng ta biết người da trắng dòng dõi bộ tộc vĩ đại;

chúng ta hãnh diện được người da trắng đến thăm. Nhưng cá hồi chó đầu xứng đôi với cá hồi Salmo. Vậy thì Sói cũng không thể xứng đôi với Quạ.

- Không phải thế! - Mắckênzi thốt lên. - Biriuc này đã thấy các con gái của nhà Quạ sống trong trại nhà Sói - ở trại Mo-rtômêr, trại Torêtgítgô, trại Belnêbi, - người đàn bà con nhà Quạ đã đến ở với nó được hai mùa băng giá; Biriuc còn nghe nói có nhiều người khác, tuy chưa trông thấy tận mắt.

- Người da trắng nói đúng, nhưng đó là những cuộc hôn nhân xấu xa, chẳng khác gì nước kết duyên cùng cát, hoa tuyết với mặt trời. Nhưng người da trắng bao giờ gặp một người tên là Mâyxon và con nhà Quạ của nó chưa? Chưa à? Nó là người đầu tiên trong con cháu nhà Sói tới đây, mười mùa băng giá về trước. Cùng đi với nó có một người khổng lồ, khỏe mạnh như con gấu grizli, cân đối như chồi non của cây liễu, tám lòng cởi mở như trăng rằm mùa hè. Đây, nó...

- À, đấy là Mâylmuyt kit! - Mắckênzi ngắt lời, qua lời miêu tả nhận ngay ra nhân vật nổi tiếng khắp miền Bắc cực này.

- Nó đấy, người khổng lồ đó là nó. Vậy người da trắng đã có dịp nào gặp vợ con nhà Quạ của Mâyxon chưa? Nó là chị ruột của Zarinka đấy.

- Không, dám thưa Già làng, Biriuc này chưa hề gặp nó, nhưng đã từng nghe đến. Một cây thông cổ thụ miền cực Bắc xa xôi quá già cỗi đã đổ, đè chết Mâyxon. Nhưng tình yêu của nó thật vĩ đại và nó có rất nhiều vàng. Người đàn bà đã mang hết vàng, và đưa con Mâyxon để lại, khởi hành một chuyến đi nhiều ngày, qua bao vực thẳm, sông dài, đã tới đất nước mùa đông vẫn mặt trời vẫn chiếu sáng... Nó vẫn sống ở đây cho đến nay, ở chốn này không có băng giá dữ dội, không có tuyết, đêm hè mặt trời không chiếu sáng, mùa đông trời không tối.

Lúc này, người liên lạc thứ hai bước vào bảo dân làng mời tộc trưởng ra. Đây người liên lạc xuống tuyết, Măckênzi thoáng nhìn thấy lối nhỏ những bóng người quanh đống lửa nơi tập hợp bộ tộc, nghe thấy tiếng nam giới ê a đều đều và hiểu ngay rằng lão thầy mo đang kích động sự phẫn nộ trong bộ tộc. Thời gian không chờ đợi, Măckênzi quay lại phía tộc trưởng.

Già làng Tling - Tinnekh này, Biriuc muốn lấy con Già làng làm vợ. Già làng đây là thuốc lá, chè đây, nhiều đường, chăn ấm đây, khăn vuông to, giày đây, còn đây là súng thật, có nhiều đạn, nhiều thuốc súng.

- Không - ông già gật phất, cố không bị số quà biếu to lớn chất đống trước mắt kia quyến rũ - Bây giờ cả bộ tộc ta đã tập hợp ở bãi làng. Bộ tộc không

muốn ta gả Zarinka cho người da trắng.

- Nhưng Già làng tộc trưởng cơ mà?

- Phải nhưng bọn trai làng đang tức giận, vì bọn con nhà Sói đến cướp vợ của chúng nó.

- Già làng Tling - Tinnekh nghe đây này! Trước lúc hết đêm nay và bắt đầu ngày mai, Sói sẽ đánh xe chó của mình đi về vùng núi miền Đông và xa hơn nữa, đến dòng Iucôn tí tấp và Zarinka sẽ đánh chó của Biriuc đi.

- Nhưng cũng có thể trước lúc nửa đêm bọn trai làng ta sẽ quăng xác Sói cho chó ăn, đám xương tàn của nó sẽ bị chôn sâu dưới tuyết cho đến tuyết tan, dưới nắng xuân.

Đe dọa đáp lại lời đe dọa. Khuôn mặt rám nắng màu đồng thau của Măckênzi - đỏ bừng lên. Anh cất cao giọng. Bà già vợ tộc trưởng từ nãy đến giờ vẫn chỉ thờ ơ quan sát định lên lướt qua mặt anh đi ra ngoài. Tiếng hát im bật, tiếng ồn ào nổi lên - Măckênzi thô bạo đẩy bà già, về chỗ cũ, nơi đặt tấm da thú.

- Một lần nữa, Biriuc kêu gọi lương tâm của Già làng Tling-Tinnekh: nghe Biriuc đây, hỡi Già làng Tling-Tinnekh! Sói sẽ chết, hai hàm răng cắn chặt những hàng chục trai tráng khỏe mạnh nhất bộ tộc của Già làng sẽ ngủ giấc ngủ vĩnh viễn, mà mùa săn bắn mới bắt đầu, còn cần đến sức trai, mùa đánh bắt

cá chẳng còn xa xôi mấy tuần trăng nữa. Vả lại, nếu Biriuc này chết, Già làng há được ích lợi gì? Biriuc biết rõ phong tục bộ tộc của Già làng: quà biếu của Biriuc đến tay Già làng chỉ một phần thôi. Hãy gả con gái cho Biriuc, mọi thứ quà đây sẽ là của Già làng.

Phía ngoài, tiếng tuyết kêu lạo xạo dưới những bước ủng môca-xin đi đi lại lại. Măckênzi xốc lại súng trường mở bao súng hai khẩu súng lục đeo bên thắt lưng.

- Già làng Tling-Tinnekh, hãy cho Biriuc đi!

- Nhưng dân làng sẽ bảo "không"!

- Gả cho Biriuc thì đồng của cái đây sẽ thuộc về Già làng. Còn với dân bộ tộc, Biriuc sẽ có cách nói chuyện sau.

- Thì cứ theo ý của Sói. Ta sẽ nhận quà, nhưng Sói hãy nhớ rằng ta đã báo trước rồi nhé.

Măckênzi chuyển giao quà, không quên nhắc chốt an toàn của khẩu súng và đưa thêm một khăn lụa sặc sỡ đến chói mắt. Vừa lúc ấy, thấy mo cùng năm sáu thanh niên mang vũ khí bước vào nhưng Măckênzi gạt mạnh bọn họ sang một bên bước ra khỏi lều.

- Sửa soạn đi! - Không chào hỏi anh ra lệnh cho Zarinka khi đi qua lều của cô. Còn bản thân anh thì vội vàng đóng chó vào xe trượt.

Mấy phút sau, anh ra bãi làng, dắt xê theo cô gái đi bên cạnh. Anh ngồi hàng đầu cũng chỗ tộc trưởng. Anh chỉ cho Zarinka ngồi bên trái mình, lùi về phía sau độ một bước theo đúng tục lệ. Vả lại lúc có chuyện chẳng lành cũng cần có người bảo vệ mình từ phía sau.

Bên phải, bên trái, đám thanh niên cúi khom mình về phía đồng lửa, giọng họ hoà lẫn trong một bài ca cổ xưa gần như đã bị lãng quên. Thật khó có thể nói bài hát này hay, bởi nó gồm toàn những đoạn thay đổi bất ngờ, kỳ lạ, những đoạn nghỉ đột ngột, những phần nhắc đi nhắc lại ám ảnh mãi. Đúng hơn, nên gọi bài hát này là khủng khiếp. Đâu đây kia bãi làng chừng một chục phụ nữ quây quanh thầy mo trong điệu múa nghi thức - thầy mo bực tức cảnh cáo những người chưa hết lòng làm nghi thức. Tóc dài đen để xoã một nửa, trông như cánh quạ, những người đàn bà lắc lư tiến tiến, lùi lùi, thân hình họ uốn éo, tuân theo nhịp điệu luôn thay đổi.

Cảnh tượng thật kỳ dị, quá ư lỗi thời. Ở miền nam đã là cuối thế kỷ mười chín, những năm cuối cùng của thập kỷ cuối cùng, nhưng ở đây người nguyên thủy vẫn đương thời thịnh vượng, đó là bóng dáng của tiền sử ăn lông ở lỗ, tàn dư lãng quên của cổ xưa. Đàn chó vàng hung ngồi cạnh những ông chủ của chúng vận áo da thú, hoặc cắn nhau tranh giành chỗ

bên đồng lửa, ánh lửa bập bùng nhảy múa trong mắt chúng.

Biriuc Măckênzi lơ mơ nhận thức được vẻ kỳ vĩ của cảnh tượng này, đảo mắt nhìn quanh. - những người mặc áo quần lông thú đang ngồi bất động cố tìm xem còn thiếu ai không. Bất chợt mắt anh dừng lại ở một đứa trẻ sơ sinh đang ngậm vú mẹ một cách thanh bình. Bấy giờ là bốn mươi độ dưới không độ hơn bảy mươi độ băng giá. Măckênzi nghĩ đến những người vợ mịn màng hiền dịu của dân tộc mình và mỉm cười ảm đạm. Song do một trong những người đàn bà mịn màng ấy sinh ra, anh đã thừa kế được cái cho phép anh và đồng bào anh nắm quyền trên lục địa và trên mặt biển, nắm quyền với súc vật và con người ở mọi miền trái đất. Một người chống lại trăm người, trong lòng sâu của mùa đông Bắc cực, ở xa quê hương xứ sở, anh có cảm giác như có tiếng gọi của sự kế thừa đó - chỉ ham muốn quyền hành, một tình cảm công cuồng đối với hiểm nguy, nhiệt huyết chiến đấu, lòng quyết thắng hoặc chịu chết.

Mọi người ngừng hát múa, thầy mo lên tiếng dài lòng. Bằng những dẫn chứng phức tạp, rắc rối lấy trong kho tàng thần thoại phong phú của người da đỏ, lão đã khéo léo kích động được người nghe nhẹ da. Lão đối lập Quạ, tượng trưng cho sáng tạo hoà bình với Sói - Măckênzi, nguyên rủa anh là lực lượng hiếu

chiến và phá hoại. Giữa hai lực lượng này là một cuộc đấu tranh không khoan nhượng. Bộ tộc Xtikx là con cháu của Giênkxơ, con cháu nhà Quạ, những người mang về ngọn lửa thần Prômê-tê. Măckênzi thuộc dòng dõi nhà Sói, nói cách khác - thuộc giống quý. Tìm cách làm ngưng lại cuộc chiến tranh xưa nay giữa hai lực lượng này đem gả con gái của bộ tộc cho kẻ thù truyền kiếp là kẻ có tội phản bội, tội mạn thượng không thể tha thứ được. Dùng những lời lẽ nặng nề nhất, những lời lăng nhục kinh tởm nhất vẫn còn là quá nhẹ với Măckênzi, con rắn độc nham hiểm tìm cách luồn lách vào bộ tộc, chiếm lòng tin, nó là tay sai của chính quý xa-tăng. Đến đây, người nghe ồn ào, họ nhao nhao lên tiếng đe dọa, nhưng thầy mo còn nói tiếp.

- Lũ làng nên nhớ Giênkxơ là đáng có sức mạnh vô biên! Còn ai khác nữa, nếu không phải chính Người đã mang ngọn lửa Trời xuống hạ giới cho chúng ta được sưởi ấm? Còn ai nữa, nếu không phải chính Người đã dạy bảo ta cách chiến đấu chống cái Đói và Rét? Vậy mà nay Đức Giênkxơ nổi giận với con cháu Người, cả bộ tộc ta còn lại vền vện chỉ một đúm người, Người sẽ không giúp đỡ họ nữa. Bởi vì con cháu đã quên không nhớ Người, họ đã xử sự xấu, đã đi theo con đường xấu họ đã để cho kẻ thù của Người được vào các lều Vigmam của mình, cho nó ngồi bên bếp

lửa nhà mình. Vua Qua buồn phiền vì sự sa đoạ đạo đức của con cháu Người. Nhưng một khi con cháu hiểu họ đã sa ngã đến mức độ nào và tỏ ra đã biết quay trở lại với Đức Giênkxo thì Người sẽ từ đêm đen bước ra nâng đỡ họ. Hỡi bà con anh em lũ làng! Người mang lửa đã truyền lại cho thầy mo ý chí của Người - bà con hãy lắng nghe đây. Lũ đàn ông hãy dắt bọn con gái về các vigmam của mình, sau đó chạy ra đánh Sói, hãy để cho sự căm giận của họ không bao giờ lắng xuống! Bây giờ lũ đàn bà sẽ sinh con đẻ cái, dòng dõi nhà Qua sẽ đông lên và vững mạnh. Và vua Qua sẽ dẫn dắt các bộ tộc vĩ đại của cha ông họ từ bỏ miền cực Bắc, sẽ chiến đấu chống bọn Sói cho đến lúc quân này không còn là gì nữa; chúng sẽ biến thành tro bụi của đồng lửa năm xưa, bản thân họ sẽ là chúa tể của đất nước này. Đức Giênkxo Vua Qua đã truyền vậy.

Nghe tin Maxxi sắp đến gần, người Xtikx gào rít lên và đứng bật dậy. Măckênzi rút tay khỏi găng, chờ đợi. Có tiếng gọi "Lix! Lix!" vang lên: Tiếng kêu mỗi lúc một to thêm. Sau cùng, một thợ săn trẻ bước ra phía trước, cất tiếng nói!

- Anh em lũ làng! Thầy mo nó nói đúng, toàn những lời thông thái. Bọn Sói cướp đàn bà của ta, ta sẽ chẳng có ai sinh con đẻ cái cho nữa. Bọn ta chỉ còn một dúm người. Bọn Sói tước đoạt của ta lông thú ấm, trả cho ta toàn quỷ dữ sống trong chai, và áo quần

phát khiếp. Bọn Sói có lấy nó không?

Rồi tiếng ồn ào đồng tình đầy đe dọa nổi lên.

- Còn kia là Pixchet. Nó không nghe rõ tiếng tôi nói. Nó chẳng bao giờ được nghe tiếng trò chuyện vui vẻ, không được nghe giọng nói của chồng, tiếng con trẻ bi bô. Nó sống trong cảnh tĩnh mịch màu trắng. Phải chăng bọn Sói thích ngó ngang đến nó? Không! Chúng nó xơi phần ngon lành nhất, nhường lại cho lũ ta đầu thừa đuôi thẹo. Anh em, lũ làng không thể để tiếp tục mãi như thế được! Bọn Sói lòng sục khắp các đồng lửa của ta đã quá nhiều rồi! Đã đến lúc!

Nền trời rực lửa. Bắc cực quang-màu xanh đỏ, vàng-lung linh, như nuốt chửng lấy Lix. Ngẩng đầu và giơ hai tay lên trời, Lix kêu to:

- Xem kìa! Thần linh của tổ tiên ta đã dậy! Đêm nay những sự việc vĩ đại sắp diễn ra!

Lix lùi lại, một thanh niên khác bị các bạn đẩy ở sau chân chừ bước ra. Chàng thợ săn trẻ này cao hơn mọi người đến một cái đầu, bộ ngực nở để trần như trêu ngươi bằng giá. Anh ta đứng đối chân nọ chân kia, lấp bắp mãi chẳng nên lời, anh ta nhút nhát, vụng về. Nhìn vẻ mặt anh ta thật quái dị, có lẽ trước đây khuôn mặt này đã bị một ma lực nào đó cào xé và bóp méo. Cuối cùng, anh ta đâm mạnh vào ngực mình thùm thụp như người ta đánh trống và cất tiếng nói.

không phải làm bằng da hải ly và linh miêu, mà bằng cỏ cây. Áo quần này không ấm, khiến bà con lữ làng ta chết dần vì những căn bệnh khó hiểu. Tôi đây, Lix, không có vợ. Tại sao? Đã hai lần những đứa con gái tôi yêu thích bỏ đi theo về làng Sói. Đến bây giờ cũng vậy, tôi đã để dành da hải ly, nai, hươu để được tộc trưởng Tling-Tinnekh thương tình và cho lấy Zarinka về làm vợ. Vậy mà lữ làng trông kìa, Zarinka nó đã đi giày trượt tuyết và sửa soạn dẫn đường cho lữ chó của Sói đi. Tôi nói không chỉ cho một mình, thằng Gấu cũng có thể nói thế. Nó cũng muốn làm bố của con cái Zarinka và cũng đã sửa soạn nhiều da thú đưa đến biểu tộc trưởng Tling-Tinnekh. Tôi nói thay mặt cho cả bọn thợ săn trẻ đang còn chưa vợ. Bọn Sói bao giờ cũng đói. Bao giờ chúng nó cũng vợ về cho mình những miếng mỡ béo bở nhất, còn con cháu nhà Qua thì chỉ được hưởng những miếng mẩu thừa nhỏ mọn, xem kìa kìa, Gukla đây! - Lix, chỉ tay thẳng về một người trong số phụ nữ, người này bị thọt - Đôi chân của nó bị khèo ra, chẳng khác nào chiếc thuyền. Nó không đi nhặt củi được, không thể đi theo người đi săn để vác thú bị bắn. Thử hỏi bọn Sói có lấy nó không?

- Ô! Ô! - bọn bạn bè Lix la hét lên.

- Môiri kìa kìa, - Lix nói tiếp - Quý dữ làm cho nó bị lác mắt. Ngay con trẻ trông thấy nó cũng phải

Giọng nói khàn khàn như tiếng sóng vỗ vào vách núi bên bờ đại dương.

- Tôi là Gấu, Mac Bạc và con trai Mac Bạc; Ngày giọng nói của tôi còn trong trẻo như tiếng con gái, tôi từng săn được nhiều hươu, nai-khi tôi nói, tiếng kêu như tiếng gầm của Báo Bắc cực rôxômakha bị sa bẫy, tôi từng vượt dãy núi Nam và giết chết ba đứa trong bộ tộc Sông Trắng. Khi tiếng nói của tôi giống tiếng gầm của Chinue, tôi gặp con gấu Grizli - tôi đã không chịu nhường bước nó.

Anh ta nói chậm lại, làm một động tác đầy ý nghĩa xoa xoa những vết sẹo găm ghiếc trên mặt. Rồi lại nói tiếp:

- Tôi không phải là thằng Lix. Lưỡi tôi cứng lại như nước sông đóng băng. Tôi không biết cách nói hay. Tôi thiếu lời. Lix nói: "Đêm nay những sự việc vĩ đại sắp diễn ra". Được lắm! Lời lẽ của nó tuôn ra chẳng khác nào dòng lũ mùa xuân, nhưng bắt tay vào việc thì nó không hăng hái quá đâu. Đêm nay tôi sẽ đánh nhau với con nhà Sói. Tôi sẽ giết chết nó, rồi Zarinka sẽ đến ngồi bên bếp lửa nhà tôi. Tôi, Gấu tôi nói hết.

Địa ngục xung quanh đang sôi sùng sục, nhưng Măckênzi vẫn vững lòng kiên quyết. Biết rằng dùng súng trường ở khoảng cách gần thế này là vô ích, anh

kín đáo đẩy hai bao súng lục ra phía trước, đẩy găng tay lại thấp xuống đến mức bây giờ chỉ còn đủ che mấy ngón tay. Anh hiểu rất rõ rằng nếu lúc này dám đồng cùng một lúc xông vào đánh thì anh ta chẳng còn chút hy vọng nào hết. Nhưng trung thành với những lời huênh hoang mới đây của mình. Mặc định bụng quyết tử, cắn chặt răng vào cuống họng kẻ thù. Tuy nhiên Gấu đã ngăn lại đồng bào của mình, xua về sau những kẻ hung hăng nhất bằng những quả đấm trời giáng. Giọng tố đã bắt đầu lắng xuống. Mackenzi đưa mắt nhìn quanh về phía Zarinka - một cảnh tượng thật là kỳ diệu. Đứng trên đôi giày trượt tuyết dướn mình về phía trước, cặp môi hơi hé mở, lỗ mũi phập phồng - cô gái trông như một con hổ cái đang lầy đà để nhảy. Cặp mắt đen của cô nhìn căng thẳng về phía đồng bào mình, như vừa có vẻ sợ hãi, vừa thách thức. Trông cô căng thẳng như sợi dây cung bị kéo hết sức thậm chí tưởng như cô không thở được nữa. Cô đứng lặng, một tay run run ép chặt lên ngực, tay kia nắm chặt cái roi dài. Nhưng khi Mackenzi vừa thoáng nhìn cô, Zarinka dường như nhẹ hẫng người. Cơ bắp căng thẳng rã ra, cô thở dài một hơi, dướn người về phía trước, nhìn đáp lại anh bằng một cái nhìn trung thành vô hạn.

Tling-Tinnekh định nói, nhưng tiếng nói của vị tộc trưởng bị chìm ngấm trong tiếng la hét chung.

Đúng lúc ấy, Măckênzi tiến ra phía trước. Lix há hốc mồm, lão đảo lúi lọi, tiếng rít chổi tai tắc lại trong họng - Măckênzi quay lại nhìn anh ta điên dại. Thất bại của Lix khiến mọi người cười ô lên - bây giờ đồng bào của Lix đã sẵn sàng lắng nghe.

- Anh em lũ làng - Măckênzi bắt đầu. - Người da trắng mà anh em gọi là Sói đến với anh em, tấm lòng rộng mở. Nó sẽ không hoà đổi như bọn Innuit. Nó đến với anh em như một người bạn, như một người muốn kết nghĩa anh em. Nhưng lũ đàn ông trong làng đã nói rồi, bây giờ không còn là lúc nói năng thân thiện với nhau nữa. Anh em hãy lắng nghe đây: Trước hết, lão thầy mo là một đứa nói láo, cái ý chí nó vừa truyền lại cho anh em không phải là của Người mang lửa. Tai nó không nghe được lời của Vua Quạ, tự nó bịa ra những chuyện độc địa xảo trá, nó đã đánh lừa anh em. Nó bất lực. Khi anh em phải giết thịt chó kéo xe của mình, bụng nặng vì phải ăn da ung môkaxin, khi ông già bà cả chết, khi trẻ thơ đói lử bên vú mẹ khô sữa, khi xứ sở của anh em đắm chìm trong tăm tối và mọi sinh vật đều chết dần như cá hồi mùa thu. Phải, khi nạn đói đổ lên đầu bà con, anh em - lão thầy mo có giúp gì cho người đi săn gặp may hay không? Nó có làm cho da dày của anh em, lũ làng đầy thịt hay không? Người da trắng một lần nữa bảo cho anh em biết: lão thầy mo bất lực. Thế đấy, tôi nhớ

nước bọt vào mặt nó!

Mọi người đều bàng hoàng vì thái độ ngang ngược ngạo mạn này, nhưng không ai nói gì. Một số phụ nữ đã thấy hoảng sợ, tốp đàn ông thì hồi hộp đợi chờ sự lạ. Mọi cặp mắt bám chặt vào hai nhân vật chính của sự kiện. Lão thầy mo hiểu rằng đã đến phút quyết định, lão cảm thấy quyền lực của mình đang bị lung lay, lão đã định nổi trận lôi đình đe dọa, nhưng kịp nghĩ lại: Măckenzi giờ cao năm đám, tiến về phía lão - đáng đi dữ tợn, cặp mắt long lanh. Thầy mo cười khẩy và lùi bước.

- Nào, tôi có bị chết đột ngột không? Tôi có bị sét đánh không? Hay là sao trên trời đã rơi xuống đất, đè nát tôi đi? Phì! Tôi đã kết liễu đời con chó này rồi. Bây giờ có vài lời với bà con, lũ làng về dân tộc của tôi, một dân tộc hùng mạnh nhất trong mọi bộ tộc, dân tộc tôi bá chủ khắp mọi miền. Thuở xưa, chúng tôi cũng săn bắn riêng lẻ như bà con lũ làng. Rồi chúng tôi đi săn thành từng đoàn, như bây hươu, nai, chúng tôi ở chập khắp vùng. Những ai được chúng tôi đưa về các Vigmam của mình đều sẽ sống, những kẻ khác sẽ chết. Zarinka là cô gái xinh đẹp, khỏe mạnh, sẽ là một người mẹ tốt cho dòng con nhà Sói. Các người có thể giết chết tôi, nhưng Zarinka nhất định sẽ là mẹ của con nhà Sói, bởi vì anh em tôi rất đông, họ sẽ làm theo vết chân chó của tôi để tới đây. Hãy nghe

đây luật lệ của nhà Sói: nếu mày giết chết một Sói thì cả chục tên trong bộ tộc mày sẽ phải nộp mạng đền bù. Ở nhiều nơi khối kẻ đã phải trả giá này rồi, ở nhiều nơi bọn chúng sẽ còn phải trả giá thế.

Bây giờ tôi sẽ nói cùng Lix và Gấu. Ai cũng biết rằng cả hai đều rất yêu Zarinka. Đúng không? Nhưng xin hãy nhớ rằng, tôi đã mua Zarinka rồi! Tộc trưởng Tling-Tinnekh đã nhận khẩu súng trường của ta, và tôi còn biếu tộc trưởng nhiều thứ khác. Nhưng dù sao tôi cũng sẽ công bằng với các thợ săn trẻ. Lix nói đã khô cả giọng, tôi sẽ cho năm bó thuốc lá to. Để miệng nó nhỏ nước miếng như cũ, để nó lại tha hồ nói nhiều trước lũ làng. Còn Gấu, tôi rất hãnh diện được làm quen với nó tôi sẽ cho Gấu hai cái chần, hai chục bát bột, thuốc lá nhiều gấp hai lần của Lix. Mà nếu có đi cùng tôi đến miền Núi Đông, tôi sẽ còn cho nó cả súng trường, một khẩu giống như tôi đã cho Tling-Tinnekh. Còn nếu nó không muốn à?

Được lắm! Sói nói một rồi. Nhưng nó nhắc lại bà con anh em lũ làng cái luật lệ nếu mày giết một người con nhà Sói, chục tên trong bộ tộc mày sẽ phải mất mạng để trả nợ vì cái chết ấy!

Măckênzi mỉm cười lùi về chỗ cũ, nhưng trong bụng còn thấp thỏm lo. Đêm mỗi lúc một tối thêm. Cô gái đứng bên anh và kể qua loa cho anh biết những thủ đoạn của Gấu khi đấu dao, Măckênzi chăm chú

lắng nghe.

Vậy là họ sẽ quyết chiến với nhau. Lập tức hàng chục đôi Mòkaxin chạy giãn ra, dẫm cho bãi tuyết quanh đồng lửa rộng thêm. Người ta bàn tán khá nhiều về việc thầy mo buộc phải chịu thua trước mặt mọi người: một vài người quả quyết rằng lão sẽ còn trở tài cho thấy sức mạnh của lão, số khác ôn lại chuyện cũ và đã đồng tình với Sói. Gấu tiến về phía trước, tay cầm chắc con dao di sản kiểu Nga. Lix nhắc mọi người chú ý đến hai khẩu súng lục Măckênzi đeo. Mặc liền cỡi thất lung, thất vào người Zarinka và đưa khẩu súng cho cô. Cô lắc đầu, ý nói không biết bắn: đàn bà con gái ai biết đâu được cách dùng thứ vũ khí quý thế kia!

- Vậy thì khi nào có gì đe dọa nguy hiểm từ phía sau lưng, em cứ kêu to lên: "Chồng tôi!"

Anh cười to khi cô gái nhắc lại từ tiếng Anh xa lạ, véo má cô, rồi quay trở vào vòng người. Gấu không những cao hơn Biriuc, mà tay cũng dài hơn, dao cũng dài hơn đến hai tấc Anh. Trước đây Biriuc Măckênzi đã từng nhìn thẳng vào mặt đối thủ, nên anh hiểu ngay rằng trước mặt mình là một người đàn ông thực thụ; song thoáng trông thấy mẫu thép óng ánh anh đã thấy sôi máu lên.

Đối thủ nhiều lần hất anh vào chỗ đồng lửa, vào

đồng tuyết đây, nhưng từng bước, từng bước, như một võ sĩ Quyền anh giàu kinh nghiệm Măckênzi lại đẩy Gấu vào giữa. Không một ai hò reo cổ vũ anh trong khi địch thủ luôn được động viên, nhắc nhở. Măckênzi chỉ nghiêng chặt răng hơn, khi lưỡi dao đôi bên va chạm vào nhau, anh tấn công và lùi bước với thái độ lạnh lùng chỉ nảy sinh ra khi người ta ý thức được sức mạnh của mình. Lúc đầu anh thấy có một thiện cảm tự nhiên đối với địch thủ, nhưng cảm giác này đã biến mất trước bản năng tự vệ, rồi bản năng này lại nhường chỗ cho khát khao được giết chết kẻ thù. Một vạn năm văn minh đã biến khỏi con người Măckênzi như một cái vỏ bề ngoài, anh đã trở thành một nguyên thủy sống trong hang động quyết chiến để giành giật con mồi của mình.

Hai lần dao của Gấu chạm vào người Măckênzi nhưng anh tránh được; nhưng đến lần thứ ba, để tránh bị đâm, anh đã phải tiến sát lại Gấu, cả hai lấy tay còn lại cố giữ tay cầm dao của kẻ thù. Đến lúc này Măc mới hiểu hết sức mạnh khủng khiếp của đối thủ. Các bắp thịt như bị cứng lại, gần như đứt đến nơi vì căng thẳng... mà lưỡi dao thép Nga mỗi lúc một sát lại gần... Anh tìm cách tách khỏi đối thủ, nhưng như thế chỉ càng làm mình bị yếu thế hơn. Vòng người mặc áo da thú cứ thít chặt dần, - không ai còn nghi ngờ rằng đòn kết thúc chẳng còn bao xa, mọi người

nóng lòng muốn được chứng kiến phút giây ấy. Nhưng bằng một động tác của tay đồ vật dày dặn kinh nghiệm, Măckênzi hất mình sang một bên và lấy đầu húc mạnh vào đối phương - Gấu vô tình lùi lại, mất thăng bằng. Măckênzi lập tức lợi dụng dịp may, toàn thân lao thẳng vào Gấu, hất Gấu ra ngoài vòng người xem vào đồng tuyết dày chưa giảm, nên Gấu phải chật vật lóp ngóp bò dậy nhảy bổ vào Măckênzi.

- Ô, chồng tôi! - Zarinka cất tiếng kêu, báo hiệu có nguy hiểm đe dọa.

Có tiếng giây cung căng, nhưng Măckênzi đã kịp cúi khom mình, mũi tên nhọn đầu xương bay qua đầu anh xuyên thẳng ngay vào ngực Gấu. Gấu nặng nề ngã vật xuống, đè bẹp đối thủ ở dưới. Chỉ một giây sau, Măckênzi đã đứng dậy. Gấu nằm bất động, bên kia đồng lửa thầy mo lại đã giương cung sửa soạn bắn mũi tên thứ hai.

Măckênzi giật vội mũi dao nặng, phi nhanh về phía lão. Con dao sáng loáng như một tia chớp bay qua đồng lửa. Mũi dao xuyên thẳng vào cổ họng thầy mo cắm sâu đến tận chuôi, lão lão đảo và ngã vật xuống đồng lửa đang rừng rực cháy.

Cắc! Cắc - Lix giật lấy khẩu súng trường của Tling-Tinnekh, cố lấp đạn vào nòng một cách vô ích, liền quăng ngay khẩu súng xuống khi nghe tiếng

Biriuc cười to.

- À, thì ra Lix chưa biết cách dùng cái đồ chơi này à? Tức là Lix hiện vẫn chỉ là đàn bà thôi sao? Lại đây, đưa súng đây ta dạy cho!

Lix phân vân.

- Lại đây, ta đã bảo mà!

Lix bước tới, lúng túng như con chó con bị đòn.

- Đây, chỉ có thế thôi, thế là xong nhé.

Viên đạn trượt mau về chỗ, cò kêu "cắc".
Măckênzi rốc súng đeo lên vai.

Lix nói đêm nay những sự việc vĩ đại sẽ diễn ra, nó đã nói thật. Sự việc vĩ đại đã diễn ra rồi, nhưng không phải do Lix làm. Sao nó không định đón Zarinka về Vigmam nhà mình à? Nó có muốn đi theo con đường mà thầy mo và Gấu đã đi hay không? Không à? Được.

Măckênzi khinh bỉ quay lại, rút con dao từ cổ thầy mo ra.

- Liệu còn có đứa nào trong bọn thợ săn trẻ muốn thế này không? Nếu có thì Sói sẽ cho tất cả đi theo con đường ấy - hai đứa, ba đứa, cho đến khi không còn đứa nào nữa! Không đứa nào muốn à? Được. Tộc trưởng Tling-Tinnekh, lần thứ hai Biriuc trao khẩu súng trường này cho tộc trưởng đấy nhé.

Nếu khi nào tộc trưởng đi về Iucôn: tộc trưởng nên nhớ rằng trong nhà Sói lúc nào cũng có chỗ bên bếp lửa và thức ăn cho tộc trưởng. Còn bây giờ thì đêm sắp hết, ngày sắp đến rồi. Biriuc ra đi, nhưng có thể sẽ còn quay trở lại. Và ta nhắc lại lần cuối: hãy nhớ lấy, luật lệ nhà Sói. Măckênzi bước về phía Zarinka, mọi người nhìn anh ta như một người khác thường ghê gớm. Zarinka ngồi phía trước xe, và đàn chó kéo xe đi. Máy phút sau cô đã mất hút trong rừng tuyết phủ huyền ảo xa xa. Và chỉ bấy giờ Măckênzi mới ngồi lên xe lên đường đi theo.

- Sói đã quên năm gói thuốc lá lớn hứa cho tôi rồi sao?

Măckênzi giận dữ quay lại nhìn Lix và anh tự nhiên thấy buồn cười.

- Ta sẽ cho mày một gói nhỏ.

- Tùy Sói, - Lix nhã nhặn nói và chìa tay ra.

NGUYỄN HÀO

Dịch từ tiếng Nga

NGÔI NHÀ CỦA MAPUHI

Tuy đường nét thô kệch nặng nề, con tàu Aorai vận hành dễ dàng trong làn gió nhẹ, và thuyền trưởng đưa nó vào sát bờ ngon lành, nằm yên ổn ngay bên ngoài sức hút của sóng cồn xô bờ. Đảo san hô Hikuêru nằm thấp trên mặt nước, một vành cát san hô vụn rộng chừng một trăm mét, chu vi hai mươi dặm và mức nước thủy triều lúc cao nhất là một đến một mét rưỡi. Ở đáy con hồ mặn to rộng, trong veo, có nhiều vỏ trai, và từ trên boong tàu, có thể nhìn qua cái vành mảnh của đảo san hô thấy những người mò trai đang làm việc. Nhưng hồ không có lối vào đủ rộng, kể cả cho một chiếc tàu buôn. Trong trường hợp thuận gió, ca nô có thể lách vào theo đường eo ngoằn ngoèo và nông, nhưng tàu buôn thì phải nằm chập chờn bên ngoài và cho xuống nhỏ vào.

Tàu Aorai lạ lùng buông một chiếc xuống và nửa tá thủy thủ nước da nâu mặc độc có cái khố đồ chơi nhảy vào đó. Họ vớ lấy mái chèo, trong khi đứng ở

đằng sau cần lái là một thanh niên mặc bộ t'rôpical trắng, dấu hiệu của người Âu. Tuy nhiên, gã không phải hoàn toàn Âu. Sắc vàng dòng giống Pôlynêzya lộ ra trong lớp rám nắng của màu da trắng và hắt lên những ánh vàng rực rỡ qua màu xanh le lói của mắt gã. Raul là tên gã Alêchxandr Raul con trai út của Mari Raul, bà phú hộ hai đời lai Âu-Ấn sở hữu và quản lý nửa tá tàu buôn tương tự như chiếc *Áo rai*. Vượt qua một xoáy nước ngay bên ngoài lối vào, lao vào, xuyên qua và đè lên một ngọn triều cuộn cuộn sủi ùng ục, chiếc xuống chạt vật băng tới con hồ phẳng lặng như mặt gương. Gã trai trẻ Raul nhảy xuống bờ cát trắng và bắt tay một người bản địa cao lớn. Bộ ngực và đôi vai của người đó thật là đẹp, song mồm cụt của cánh tay phải, với khúc xương trắng phếch vì năm tháng chồi ra khỏi lớp thịt tới năm sáu phân, chứng tỏ một cuộc đụng độ với một con cá mập đã chấm dứt những ngày vùng vẫy lặn mò dưới biển sâu của anh và biến anh thành một kẻ xun xoe, cầu cạnh những ân huệ nhỏ nhoi.

- Cậu biết tin chưa, thưa cậu Alêch? - Lời đầu tiên của anh ta là như vậy - Mapuhi đã vớ được một viên ngọc trai - một viên ngọc trai cực kỳ. Chưa bao giờ có một viên ngọc trai nào như thế được mò thấy ở Hikuêru, cũng như ở khắp vùng Paumôtux, cũng như trên toàn thế giới. Cậu hãy mua của hắn đi. Hắn hiện giữ viên ngọc đó. Và xin cậu nhớ cho tôi là người nói

với cậu trước tiên nhé. Hấn là một thằng khờ, cậu có thể mua rẻ được đấy. Cậu có tý thuốc lá sợi nào không?

Raul đi thẳng lên bãi biển, hướng về một túp lều dưới một cây pandan. Gã là người áp tải hàng của mẹ gã và công việc của gã là rà quét khắp vùng Paumôtux tìm những tài nguyên như cùi dừa khô, vỏ sò, vỏ ốc, và ngọc trai do dân địa phương khai thác được.

Gã là một áp tải viên trẻ, đây là chuyến hành trình thứ hai của gã với tư cách ấy và trong thâm tâm sâu kín, gã rất lo về nỗi thiếu kinh nghiệm trong việc giao đãi ngọc trai. Nhưng khi Mapuhi chìa viên ngọc trai cho gã xem, gã vẫn đủ sức nén nổi cái giật thót mà nó gây ra cho gã và giữ một vẻ thản nhiên kiểu nhà buôn trên mặt. Vì viên ngọc trai như đã giáng cho gã một đòn. Nó to như một quả trứng bồ câu, tròn xoay, rờ rờ một màu trắng phản chiếu những lung linh của mọi sắc màu quanh nó. Nó sống động. Gã chưa từng thấy vật gì như thế bao giờ. Khi Mapuhi buông nó rơi xuống bàn tay gã, gã ngạc nhiên vì trọng lượng của nó. Điều đó chứng tỏ nó là một viên ngọc trai hảo hạng. Gã xem xét nó thật kỹ qua một chiếc kính lúp bỏ túi. Không có một vết hoặc dấu gợn nhỏ nào. Sự trong sáng của nó hồ như hoà quyện vào không khí toả ra từ tay gã. Trong bóng tối, nó sáng

lên dịu dịu, lấp lánh như một vầng trăng non. Nó trắng trong đến nỗi khi bỏ vào một cốc nước gã khó mà tìm thấy nó. Nó rơi thẳng và nhanh xuống đáy khiến gã biết trọng lượng nó là tuyệt hảo:

- Ô, thế anh muốn đổi nó lấy gì nào? - Gã hỏi, làm ra bộ khá hồ hững.

- Tôi muốn... Mapuhi mở đầu, và đằng sau anh, khuôn lấy bộ mặt đen nhẻm của anh là những bộ mặt đen sạm của hai người đàn bà và một đứa con gái gật gật tán thành điều anh muốn. Đầu họ cúi về phía trước, lòng họ rộn lên một niềm háo hức cố nén đi, mắt họ ánh lên đầy vẻ háms lợi.

- Tôi muốn một cái nhà, - Mapuhi nói tiếp, - Nhà ấy phải có mái sắt mạ điện và một cái đồng hồ quả lắc hình bát giác. Nó phải dài sáu sải, có cổng vòm bốn xung quanh. Ở trung tâm phải là một phòng lớn với một cái bàn tròn ở giữa và các đồng hồ quả lắc hình bát giác treo trên tường. Phải có bốn buồng ngủ, hai cái ở mỗi bên phòng và trong mỗi buồng ngủ phải có một giường sắt, hai ghế tựa và một giá rửa mặt. Và đằng sau nhà phải là một gian bếp, một gian bếp tốt với đầy đủ nồi niêu, xoong chảo và một cái lò. Và cậu phải xây ngôi nhà ấy trên hòn đảo của tôi là Fakarava".

- Đã hết chưa đấy? - Raul hỏi, vẻ không tin.

- Phải có một cái máy khâu, Têfara, vợ Mapuhi,

cất lời.

- Đừng có quên cái đồng hồ quả lắc tám cạnh, - bà Nauri, mẹ Mapuhi, thêm vào.

- Vâng, có thể thôi, - Mapuhi nói.

Gã trai trẻ Raul cất tiếng cười. Gã cười hơi lâu, vui vẻ. Nhưng trong khi cười, gã nhắm tính thầm trong bụng. Trong đời gã chưa từng xây nhà bao giờ và khái niệm của gã về xây nhà rất là mơ hồ. Vừa cười, gã vừa tính toán phí tổn về hành trình đến Tahiti để kiểm nguyên vật liệu, về việc mua vật liệu đó, về hành trình trở lại Fakarava, cùng với phí tổn về việc bốc dỡ vật liệu và xây nhà. Ất phải lên tới bốn nghìn đôla Pháp, tính dư ra một chút cho chắc chắn - bốn nghìn đô la Pháp là tương đương với hai mươi nghìn phrăng. Thật bất khả. Làm sao gã biết được giá trị của một viên ngọc trai như vậy? Hai mươi nghìn phrăng là một số tiền lớn - mà lại là tiền của mẹ gã cơ chứ.

- Mapuhi, - gã nói, - anh điên to rồi. Hãy đặt giá bằng tiền đi.

Nhưng Mapuhi lắc đầu và ba cái đầu đằng sau anh cũng lắc theo.

- Tôi muốn ngôi nhà ấy, - anh nói: nó phải dài sáu sải với cổng vòm bốn xung quanh...

- Phải, phải, - Raul ngắt lời, - tôi biết hết mọi điều về cái nhà của anh rồi, nhưng không được. Tôi

già anh một nghìn đô la Sili.

Bốn cái đầu cùng một nhịp lặng lẽ, khước từ.

- Và một trăm đôla Sili bằng hàng.

- Tôi muốn ngôi nhà cơ, - Mapuhi mở đầu.

- Ngôi nhà thì ích lợi gì cho anh kia chứ? - Raul hỏi - Con bảo đầu tiên đến là cuốn bằng nó đi thôi. Anh phải biết thế. Thuyền trưởng Rafi bảo hình như ngay bây giờ cũng có bão đấy.

- Bão không đến Fakarava - Mapuhi nói - Ở đây, đất cao hơn nhiều. Phải, ở trên hòn đảo ấy. Bất kỳ cơn bão nào cũng có thể tràn qua Hikuroa. Tôi sẽ có nhà trên đảo Fakarava. Nó phải dài sáu sải, với cửa vòm bốn xung quanh...

Và Raul lại phải nghe kể về ngôi nhà. Gã bỏ mấy tiếng đồng hồ cố gắng đánh bật cái ám ảnh về ngôi nhà ra khỏi tâm trí Mapuhi, song mẹ và vợ Mapuhi, và N'gakura, con gái Mapuhi, là chỗ dựa cho quyết tâm của anh đòi bằng được ngôi nhà. Qua khung cửa mở, trong khi nghe đến lần thứ hai mươi sự mô tả chi tiết ngôi nhà mong muốn, Raul trông thấy chiếc xuống thứ hai từ tàu buôn của mình ghé vào bờ, các thủy thủ tựa trên mái chèo, ra ý vội đi. Thuyền phó tàu Aorai nhảy xuống bờ trao đổi một câu với người đàn ông bản địa cắt tay, rồi xăm xăm về phía Raul. Trời bỗng tối sầm lại, khi cơn cuồng phong che lấp mặt trời. Bên kia hồ mặn, Raul có thể thấy

luồng gió hùng dữ đang lại gần.

Thuyền trưởng Rafi bảo cậu phải ra khỏi đây ngay - đó là câu chào của thuyền phó - Nếu có vỏ sò, vỏ ốc gì, chúng ta cũng dành kỳ sau vậy thôi - thuyền trưởng bảo thế. Phong vũ biểu hạ xuống đến 29 độ rồi.

Gió ào tới một cây Pandan trên đầu và vèo qua những cây dừa mé bên kia, quăng nửa tá trái dừa chín rơi bồm bộp xuống đất. Rồi đến cơn mưa từ đằng xa tiến tới với tiếng gió gầm gào, làm cho nước hồ bốc lên cuộn cuộn. Những giọt mưa đầu tiên lộp độp rơi trên lá khi Raul đứng bật dậy.

- Một nghìn đôla Sili, tiền ngay, Mapuhi, - gã nói. - Và hai trăm đôla Sili bằng hàng.

- Tôi muốn một ngôi nhà... - người kia mở đầu.

- Mapuhi! - Raul gào lên để anh ta nghe rõ. - Anh là đồ điên!

Gã băng ra khỏi căn nhà và canh sát cánh với thuyền phó, chạt vạt đi xuống bãi biển về phía chiếc xuống. Họ không thể trông rõ xuống. Trận mưa nhiệt đới xối xả quanh họ đến nỗi họ chỉ có thể nhìn thấy bãi biển dưới chân và những con sóng nhỏ giận dữ từ hồ mận dộp và ngoạm vào bờ cát. Một bóng người hiện ra qua màn mưa như trút. Đó là Huru - Huru, người đàn ông một tay.

- Cậu có mua được viên ngọc trai không? - Anh

ta hú vào tai Raul.

- Mapuhi là một thằng rô! - Gã này gào lên trả lời, và lát sau, họ mất hút nhau trong làn nước dội xuống.

Nửa giờ sau, Huru-Huru, đứng theo dõi từ mé biển của cù lao san hô, trông thấy hai chiếc xuồng được kéo lên và con tàu Aorai hướng mũi ra khơi. Và gần đó, vừa lướt từ biển vào trên cánh gió, anh trông thấy một con tàu buôn khác dừng lại và thả một chiếc xuồng xuống nước. Anh biết con tàu này, đó là chiếc Ôrôhêra của Toriki, tay thương gia bố Âu mẹ Ấn tự mình áp tải lấy hàng và chính lúc này, chắc hẳn y đang đứng ở đằng lái. Huru - Huru cười cùn cục. Anh ta biết Mapuhi còn nợ Toriki một số hàng ứng trước từ năm ngoái.

Cơn cuồng phong đã qua. Mặt trời ấm nóng đang rọi lửa xuống và con hồ một lần nữa lại là một mặt gương. Nhưng không khí dính nháp như chất nhầy và dường như đè nặng lên phổi làm khó thở.

- Ông đã biết tin chưa, ông Toriki? - Huru - Huru hỏi. - Mapuhi đã vớ được một viên ngọc trai. Chưa bao giờ có một viên ngọc trai nào như thế được mò thấy ở Hikucru, cũng như ở bất cứ nơi nào trong vùng Paumôtux, cũng như bất cứ nơi nào trên toàn thế giới. Mapuhi là một thằng khờ. Hơn nữa, hẳn lại nợ tiền ông. Xin nhớ rằng tôi là người đầu tiên nói cho

ông hay. Ông có tí thuốc lá sợi nào không?

Và Toriki đi tới túp lều cỏ của Mapuhi. Y là một kẻ hách dịch, đồng thời lại khá ngu xuẩn. Thản nhiên như không, y bỏ tọt nó vào túi.

- May cho nhà mày đấy, - y nói. - Đây là một viên ngọc trai đẹp. Ta sẽ cho mày mua hàng ghi sổ nợ.

- Tôi muốn một ngôi nhà. - Mapuhi bàng hoàng bắt đầu nói - Nó phải dài sáu sải.

- Sáu sải cái con bà mày! - Tay lái buồn vặc lại. - Mày muốn trả cho xong nợ, đấy mới là điều mày muốn. Mày nợ tao mười hai nghìn đôla Sili. Tốt lắm, bây giờ mày không nợ món ấy nữa. Thế là thanh toán xong. Ngoài ra, tao sẽ cho mày mua chịu hai trăm đôla Sili. Nếu khi đến Tahiti, viên ngọc trai bán được giá, tao sẽ cho mày mua chịu thêm một trăm nữa - thế là ba trăm. Nhưng nên nhớ là chỉ trong trường hợp viên ngọc trai bán được giá thôi đấy. Thậm chí tao có thể bị lỗ vì nó cũng nên.

Mapuhi buồn bã khoanh tay và ngồi yên, đầu cúi gằm. Anh ta bị cướp mất viên ngọc trai. Thay vì ngôi nhà, anh đã gán nợ. Còn gì mà khoe viên ngọc trai nữa.

- Anh thật ngu dại, - Têfêra nói.

- Anh thật ngu dại, - bà Nauri, mẹ anh nói. - Tại sao anh lại để viên ngọc trai lọt vào tay hắn?

- Tôi biết làm thế nào? - Mapuhi cãi - Tôi nợ

tiền hần. Hần biết tôi có viên ngọc trai. Chính mẹ cũng nghe thấy hần đòi xem nó đấy thôi. Tôi đâu có nói hở ra với hần. Tự hần biết. Có kẻ nào khác đã mách hần. Mà tôi lại nợ hần tiền.

- Mapuhi thật ngu dại, - N'gakura bắt chước.

Nó mới mười hai tuổi và chả biết gì hơn thế. Mapuhi bèn trút vội nỗi lòng vào một cái bạt tai làm nó lăn lông lốc, trong khi Têfêra và Nauri oà lên khóc và vẫn tiếp tục rầy la anh theo lối đàn bà.

Huru - Huru, đứng quan sát trên bãi biển, trông thấy một tàu buôn thứ ba quen thuộc dừng lại bên ngoài lối vào hồ và tha xuống một chiếc. Đó là tàu Hira, cái tên đặt thật khéo, vì chủ nó là Lêvi, lão Do Thái Đức, người mua ngọc trai mạnh nhất trong tất cả, và như ai nấy đều biết, Hira là vị thần của ngư dân và kẻ trộm, theo tín ngưỡng của dân Tahiti.

- Ông đã biết tin gì chưa? - Huru - Huru hỏi khi Lêvi, một con người béo ị với những nét thô không đối xứng, bước xuống bãi biển. - Mapuhi đã vớ được một viên ngọc trai. Chưa bao giờ có viên ngọc trai nào như thế ở Hêkuêru, ở khắp vùng Paumôtux, ở khắp thế giới. Mapuhi là đồ ngu. Hần đã bán nó cho Toriki lấy nghìn tư đôla Sili - tôi đứng ngoài nghe thấy vậy. Toriki cũng là đồ ngu. Ông có thể mua lại của lão ta với giá rẻ đấy. Ông có tí thuốc lá sợi nào không?

- Toriki đâu rồi?

- Ở nhà thuyền trưởng Lints', đang uống rượu áp. Lão ta ở đó đã một tiếng rồi.

Và trong khi Lêvi và Toriki vừa uống rượu áp-xin vừa cò kè bớt một thêm hai về viên ngọc trai, thì Huru - Huru đồng tai ngóng và nghe thấy họ ngã giá ở con số kéch sù hai mươi lăm nghìn phrăng.

Chính lúc đó, cả hai con tàu Ôrohêna và Hira chạy sát vào bờ, bắt đầu bắn súng và phát tín hiệu cuống cuống. Ba người bước ra ngoài, kịp thời trông thấy hai chiếc tàu buôn hối hả chạy quanh và hướng ra khơi, hạ các buồm chính, buồm nhỏ xuống đáy đuôi tàu, trực diện với cơn gió lớn làm chúng chao nghiêng trên nước biển trắng xoá. Rồi mưa xoá nhoà chúng.

- Tan cơn, họ sẽ trở lại thôi, - Toriki nói. - Tốt hơn là ta hãy ra khơi nơi đây.

- Tôi chắc là phong vũ biểu lại xuống thêm ít nữa, - Thuyền trưởng Lints' nói.

Ông là một thuyền trưởng râu bạc trắng, quá già rồi, không phục vụ được nữa, biết rằng cách duy nhất để sống yên ổn với chứng hen xuyễn của mình là ở trên đảo Hikuêru. Ông vào nhà để xem phong vũ biểu.

- Trời! - Họ nghe thấy ông kêu vậy và chạy vào cùng ông trở mắt nhìn mặt phong vũ biểu chỉ 29 độ 20.

Họ trở ra, lần này lo lắng nhìn biển, nhìn trời.

Cơn đông gió đã tan, nhưng trời vẫn mù mịt. Có thể trông thấy hai chiếc tàu căng hết buồm, cùng một chiếc thứ ba nữa, đang trở lại. Gió xoay chiều làm mấy con tàu phải nới dây leo và năm phút sau, một xoay chuyển đột ngột từ bên hông tàu đối diện đẩy lùi cả ba con tàu lại và những người đứng trên bờ có thể trông thấy dây buồm đang được nới hoặc quăng xuống một cách hối hả. Tiếng sóng xô bờ nghe to, rỗng và đe dọa, và một đợt sóng cồn lớn bắt đầu nổi lên. Một làn chớp kinh khủng bùng lên trước mắt họ, làm sáng loà cái ngày âm u, và sấm rền hung dữ quanh họ.

Toriki và Lêvi chạy bỏ về xuống của mình, Lêvi phóng chân như một con hà mã khiếp đảm. Khi hai chiếc xuống của họ lướt ra cửa hồ thì gặp chiếc xuống của tàu Aorai đi vào. Đứng ở đằng lái động viên các tay chèo là Raul. Không rủ nổi hình ảnh viên ngọc trai khỏi tâm trí, gã đang quay trở lại để chấp nhận cái giá một ngôi nhà của Mapuhi.

Gã bước xuống bãi biển giữa một cơn lôi phong ào ào, mù mịt đến nỗi gã va phải Huru-Huru trước khi trông thấy anh ta.

- Quá muộn rồi, - Huru-Huru gào lên, - Mapuhi đã bán nó cho Toriki lấy ngàn tư đôla Sili và Toriki bán lại cho Lêvi hăm lăm nghìn phrăng và Lêvi sẽ đem sang Pháp bán lấy một trăm nghìn phrăng. Cậu

có tí thuốc lá sợi nào không?

Raul cảm thấy nhẹ người. Những dày vò của gã về chuyện viên ngọc trai đã chấm dứt. Gã không còn phải băn khoăn nữa, cho dù gã không giành được viên ngọc trai. Song gã không tin Huru-Huru. Mapuhi rất có thể đã bán nó lấy nghìn tư đôla Sili. Nhưng Lêvi vốn là người sành về ngọc trai mà trả tới hai mươi lăm nghìn phrăng thì khí quá đấy. Raul quyết định hỏi thuyền trưởng Lints' về chuyện này, nhưng khi gã tới nhà người cựu thủy thủ này thì thấy ông đang trở mặt nhìn phong vũ biểu.

- Cậu đọc thấy bao nhiêu? - thuyền trưởng Lints' lo lắng hỏi, lau mặt kính và lại nhìn chòng chọc vào cái phong vũ biểu.

- Hai mươi chín độ mười - Raul, tôi chưa bao giờ thấy phong vũ biểu xuống thấp đến thế.

- Tôi dám nói thế! - Thuyền trưởng khịt mũi. - Năm mươi năm từ nhỏ đến lúc thành người, lăn lộn khắp bốn biển, tôi chưa bao giờ thấy phong vũ biểu xuống đến mức ấy. Nghe này!

Họ đứng một lúc, trong khi sóng xô bờ âm âm, làm rung chuyển căn nhà. Rồi họ ra ngoài. Trận cuồng phong đã qua. Họ có thể thấy con tàu Aorai cách đó một dặm, lúc nằm yên, lúc chồm lên chồm xuống và trông tránh cuồng loạn trong những đợt sóng khổng lồ từ phía đông bắc cuộn cuộn nổi nhau uy

nghi và giận dữ xô vào bờ đảo san hô. Một trong những thủy thủ trên xuống chỉ về phía cửa hành lang thông ra biển và lắc đầu. Raul nhìn và thấy một khối trắng xóa hỗn loạn những bọt và sóng xô.

- Có lẽ tôi sẽ ở lại với bác đêm nay, bác thuyền trưởng ạ, - gã nói rồi quay lại bảo người thủy thủ kéo xuống lên bờ và kiểm chỗ tạm trú cho bản thân anh ta cùng các bạn.

- Tròn hai mươi chín độ - thuyền trưởng Lints', sau khi xem phong vũ biểu một lần nữa, bước ra báo như vậy, tay xách một cái ghế tựa.

Ông ngồi xuống và đắm đắm nhìn cảnh biển. Mặt trời ló ra khiến ngày đêm oi ngọt thêm trong khi cái tĩnh lặng chết chóc vẫn kéo dài. Sóng biển tiếp tục to hơn lên.

- Điều tôi thắc mắc là cái gì tạo nên khối sóng kia, - Raul lầu bầu tức tối, - Chẳng có gió gì cả, vậy mà nhìn kia, nhìn cái của nó kia kia!

Dài hàng vài dặm, nặng tới hàng vạn tấn nước, chấn động của khối sóng rung chuyển hòn đảo san hô mỏng manh như một cơn động đất. Thuyền trưởng Lints' giật bắn người.

- Lạy Chúa! - Ông kêu lên, nhồm nứa người khỏi ghế, rồi lại ngồi phịch xuống.

- Nhưng mà chẳng có tí gió nào, - Raul khẳng khẳng, - giá có gió kèm theo thì tôi còn hiểu được.

- Khỏi phải băn khoăn, rồi cậu sẽ được hưởng gió ngay bây giờ thôi, - đó là câu đáp lại phũ phàng.

Hai người tiếp tục ngồi im lặng. Mồ hôi toát ra trên làn da họ thành vô vàn giọt nhỏ chảy tụ lại những vệt ướt đẫm, những vệt này lại hợp thành từng dòng nhỏ giọt xuống đất. Họ hốn hển thở, đặc biệt khó nhọc là những cố gắng của ông già. Một ngọn sóng tràn lên bãi biển liếm quanh những thân cây dừa và rút xuống gần như dưới chân họ.

- Vượt xa mức nước thủy triều lúc cao nhất, - thuyền trưởng Lints' nhận xét. Và xin nhớ rằng tôi đã ở đây mười một năm. - Ông nhìn đồng hồ. - Ba giờ rồi.

Một người đàn ông và một người đàn bà, theo sau gót là một bầy lôm côm vừa trẻ con vừa chó, thều thào kéo nhau lê bước qua quá căn nhà họ dừng lại và sau khi đắn đo mãi, họ ngồi bệt lên bãi cát. Mấy phút sau, một gia đình khác từ hướng đối diện lết bước, đàn ông, đàn bà mang một mớ của cải linh tinh. Và chẳng bao lâu, mấy trăm con người đủ các lứa tuổi, nam có, nữ có, đã tụ tập quanh nhà thuyền trưởng. Ông gọi một người mới tới, một phụ nữ bông con thơ trên tay và được biết là căn nhà của chị ta vừa bị sóng cuốn băng xuống hồ mặn.

Đây là chỗ đất cao nhất trong vòng mấy dặm xung quanh, thế mà ở nhiều nơi, cả hai bên, những con sóng lớn đã đột phá gọn ghề cái vành mỏng manh

của cù lao san hô và tràn vào hồ mặn. Vành của đảo san hô cuốn quanh trên một chiều dài hai mươi dặm và không chỗ nào rộng quá năm mươi sải. Đây là cao điểm của mùa lặn mò hải sản và từ các đảo xung quanh, thậm chí từ mãi Tahiti, những người bản địa đã kéo đến.

- Có một nghìn hai trăm người ở đây, đàn ông, đàn bà, trẻ con, - thuyền trưởng Lints' nói- Không biết đến sáng mai sẽ còn bao nhiêu ở đây.

- Nhưng tại sao nó không thối - tức là cái mà tôi muốn biết ấy? - Raul hỏi.

- Đừng có thắc mắc, bạn trẻ, đừng có thắc mắc, cậu sẽ mau chóng được nếm mùi thối.

Ngay khi thuyền trưởng Lints' nói, một khối nước lớn quật vào cù lao san hô. Nước biển ùng ục quanh họ, sâu tới sáu bảy phân dưới ghế của họ. Một tiếng rền rĩ khiếp hãi khê cất lên từ đám đông phụ nữ. Bọn trẻ chấp tay trừng trừng nhìn những làn sóng mênh mông và kêu khóc thảm thương. Gà và mèo, nháo nhác lội trong nước, tựa hồ theo thoả thuận chung, xô nhau bay và bò đến náu trên mái nhà ông thuyền trưởng. Một người Paumôtux với một ổ chó con mới đẻ dựng trong một cái giỏ treo lên một cây dừa và buộc chặt cái giỏ trên cao cách mặt đất tới sáu mét. Chó mẹ loanh quanh hì hục trong nước phía bên dưới, rền rĩ kêu ăng ăng.

Và mặt trời vẫn lấp lánh rực rỡ và sự tịch lặng chết chóc vẫn tiếp tục. Họ ngồi và theo dõi những con sóng biển cùng con tàu Aorai chồm lên hụp xuống diên cuồng. Thuyền trưởng Lints' đắm đắm nhìn những tảng nước to như núi tràn vào cho đến khi ông không đủ sức nhìn nữa. Ông đưa hai tay che mặt để dập tắt hình ảnh đó, rồi đi vào trong nhà.

- Hai mươi tám độ sáu mươi, - ông bình tĩnh nói khi trở ra.

Ông ôm trong tay một cuộn thước nhỏ. Ông cắt cuộn thước thành từng đoạn dài hai sải, đưa cho Raul một đoạn, giữ cho mình một và phân phát số còn lại cho đám phụ nữ, khuyên họ chọn mỗi người một cây mà trèo lên.

Một luồng không khí nhẹ bắt đầu thổi từ mạn đông bắc và hơi nó quất vào má Raul dường như làm gã phấn chấn lên. Gã có thể thấy con tàu Aorai xoay dây leo theo chiều gió và hướng ra khơi, và gã tiếc là lúc này mình không ở trên tàu. Dù sao đi nữa, con tàu cũng bứt ra khỏi vòng, còn như cái đảo san hô này thì... Một con sóng băng qua, như bốc gã lên khỏi mặt đất và gã tìm chọn một cái cây. Rồi Gã nhớ đến chiếc phong vũ biểu và chạy trở lại nhà. gã gặp thuyền trưởng Lints' cũng đang định làm việc ấy và họ cùng vào.

- Hai mươi tám độ hai mươi. - người thủy thủ

già nói, - Quanh đây sắp sửa thành địa ngục thật sự... cái gì thế?

Không khí dường như đầy áp một cái gì cuốn đi ào ào. Ngôi nhà rung mình rung chuyển và họ nghe thấy bật lên một âm thanh mãnh liệt. Các cửa sổ rung lên. Hai ô kính vỡ tan, một luồng gió ập vào, quật trúng họ và làm họ lão đảo. Cánh cửa đối diện sắp đóng đánh rầm một cái, then nát vụn. Quả đấm màu trắng tan thành từng mảnh rơi xuống sàn. Bốn bức tường của căn phòng phình ra như quả bóng hơi được bơm đột ngột. Rồi đến một tiếng động mới như tiếng súng hoả mai đi dòm, khi bụi nước của một con sóng quất vào tường nhà. Thuyền trưởng Lints' nhìn đồng hồ. Bốn giờ. Ông mặc một chiếc áo choàng vải hóa tiêu vào người, nhắc chiếc phong vũ biểu khỏi đỉnh treo và cất vào trong một cái túi rộng. Lại một con sóng giáng vào nhà đánh rầm một cái và ngôi nhà mảnh dẻ chao nghiêng, vặn xoắn đi một phần tư vòng trên nền móng của nó và rụng xuống, sàn nghiêng đi một góc mười độ.

Raul ra trước tiên. Gió túm lấy gã và cuốn gã đi. Gã nhận thấy là gió đã xoay về hướng đông. Với một cố gắng lớn gã gieo mình xuống bãi cát, né núp, bám trụ. Thuyền trưởng Lints' bị xô đi như một cuộn rơm, lồm ngồm trên mình gã. Hai thủy thủ của tàu Aorai đang bám vào một cây dừa liền rời chỗ đến giúp họ

nương dựa vào gió theo những góc độ oái oăm và vật lộn nhích đi từng phân mét.

Các khớp xương ông già cứng đơ và ông không thể vào được, thành thử các thủy thủ phải nối những đoạn thừng ngấn lại với nhau để kéo ông lên dần dọc theo thân cây, mỗi lần chừng một mét⁽¹⁾, cho đến khi họ có thể cột chắc ông trên ngọn, cách mặt đất khoảng mười lăm mét, Raul vòng đoạn thừng của mình quanh một gốc cây bên cạnh và đứng nhìn. Gió kinh khủng. Gã chưa bao giờ tưởng tượng là nó có thể thổi dữ đến thế. Một ngọn sóng tràn qua đảo san hô, làm gã ướt đến đầu gối trước khi xẹp xuống trong hồ mặn. Mặt trời đã biến mất và một ánh hoàng hôn màu chì lắng xuống. Mấy giọt mưa tạt ngang, văng vào gã tựa hồ những viên chì. Một chùm tia nước mặn quật vào mặt gã như tay người tát. Má gã buốt nhói và bất giác những giọt nước mắt đau đớn bỗng dâng lên đôi mắt cay sè của gã. Hàng trăm người bản địa đã leo lên cây và gã những buồn cười trước những chùm quả người bám ở những ngọn cây. Thế rồi, vốn sinh ra trên đất Tahiti, gã gặp đôi người lại từ ngang thắt

(1) Nguyên văn: mấy "fút" (mỗi "fút" bằng 0,3048m). Nói chung khi dịch những đơn vị đo chiều dài của Anh, chúng tôi đều quy ra hệ mét, vốn quen thuộc hơn với độc giả ta (N.D).

lưng, hai tay bấu lấy thân cái cây đã chọn, áp bàn chân vào bề mặt gần như phẳng của thân cây và bắt đầu bước lên. Tối ngọn, gã thấy hai phụ nữ, hai đứa trẻ và một người đàn ông. Một đứa bé gái ôm chặt một con mèo nhà trong tay.

Từ cái tổ chót vót của mình, gã đưa tay vẫy thuyền trưởng Lints' và ông già gan góc ấy vẫy lại. Bầu trời làm Raul kinh hoàng. Nó đã sập gần lại hơn nhiều - thực tế, nó hồ như ở ngay trên đầu gã và đã chuyển từ sắc chì sang màu đen. Nhiều người vẫn còn ở dưới đất, túm tụm quanh những gốc cây và cầm cự. Một số tốp như vậy đang cầu nguyện và trong một đám, nhà truyền giáo Mormon đang cổ vũ mọi người. Vẳng đến tai gã một âm thanh kỳ lạ, nhịp nhàng, yếu ớt như tiếng rúc nhỏ nhất của một con dế xa, chỉ kéo dài một lúc, nhưng chính trong lúc đó lại mơ hồ gợi cho gã ý nghĩ về cõi trời và nhạc điệu thiên giới. Gã đưa mắt nhìn quanh và thấy ở một gốc cây khác một đám đông đang núp mình bằng dây thừng và núp vào nhau. Gã có thể nhìn rõ mặt họ nhăn nhó và môi họ mấp máy đồng đều. Gã không nghe thấy gì, nhưng gã biết họ đang hát Thánh ca.

Gió vẫn tiếp tục thổi dữ dội hơn. Gã không đo được nó bằng một phương pháp hữu thức nào, vì từ lâu nó đã vượt quá mọi trải nghiệm của gã về gió; tuy nhiên, cách nào đó gã vẫn biết là nó đang thổi mạnh

hơn. Cách không xa, một cái cây bị bật rễ, quãng mớ người bám vào nó xuống đất. Một con sóng ào qua dải cát và họ biến mất. Nhiều sự việc đang xảy ra nhanh chóng. Gã trông thấy một bả vai nâu và một cái đầu đen in trên nền bọt sóng sủi ừng ực trắng toát của con hồ mặn. Lát sau, cả cái đó cũng mất tăm. Nhiều cây khác đang mất tiêu, đổ và bắt chéo nhau như những que diêm. Gã bàng hoàng trước sức mạnh của gió, chính cái cây của gã cũng đang chao đi rất nguy hiểm, một người đàn bà rên rỉ và nín chặt đứa bé gái, còn nó thì lại vẫn bám riết con mèo.

Người đàn ông, giữ đứa trẻ kia, khẽ chạm vào cánh tay Raul và chỉ. Gã nhìn và thấy ngôi nhà thờ Mormon lao đảo như người say rượu cách đó độ ba chục mét. Nó đã bị rút khỏi nền móng, gió và sóng biển đang xô đẩy nó về phía hồ mặn. Một bức tường nước khủng khiếp bắt kịp nó, lật nghiêng và ném nó vào một cụm năm, sáu cây dừa. Những chùm quả người rụng xuống như những trái dừa chín. Sóng rút đi để tro họ trên mặt đất, một số nằm bất động, số khác quần quai, giãy giụa. Gã thấy họ giống như những con kiến một cách lạ lùng. Gã không choáng nữa. Gã đã vượt quá ngưỡng khiếp sợ. Hoàn toàn thân nhiên, gã nhận thấy đợt sóng tiếp theo quét sạch mớ rác người khỏi bãi cát. Một con sóng thứ ba, đồ sộ hơn bất kỳ khối sóng nào gã đã từng thấy, ném ngôi

nhà thờ xuống hồ mặn, ở đó nó trôi bên dưới luồng gió vào bóng tối, nửa nổi nửa chìm, khiến gã thấy giống hệt một con thuyền Nôê ⁽¹⁾.

Gã đưa mắt tìm căn nhà của thuyền trưởng Lints' và ngạc nhiên thấy nó đã mất tăm. Rành là sự việc xảy ra rất nhanh. Gã nhận thấy nhiều người ở trên cây còn bám trụ được, đã xuống đất. Gió đã lại tăng lên. Cái cây của gã chứng tỏ điều đó. Nó không đu đưa hoặc uốn qua uốn lại nữa. Trái lại, nó hầu như đứng yên, bị gió bẻ cong thành một góc cứng ngắc và chỉ rung rung thôi. Nhưng độ rung ấy thật dễ buồn nôn. Nó giống như kiểu rung của một cái thanh mẫu hoặc của cái lưỡi đàn ghim bác ⁽²⁾. Ngay cả nếu rẽ nó vẫn bám chắc, nó cũng không thể chịu đựng căng thẳng được lâu. Một cái gì đó ắt phải bứt đứt.

Ở kia một cây đã đi đứt. Gã đã không chứng kiến kết cục của nó, nhưng nó đứng kia, cái phần còn lại, gãy giữa lưng chừng thân cây. Nếu không trông

(1) Ông Nôê được biết trước nạn Đại Hồng thủy đã đóng một con thuyền chở cả gia đình và các súc vật, mỗi loại một cặp đực, cái, bảo tồn được mọi giống (Kinh Thánh - sáng thế kỷ, Ch. VI - (ND)).

(2) Loại nhạc cụ cổ có khung kim loại và một lưỡi gà cũng bằng kim loại. Nhạc công dùng răng cắn vào khung và lấy tay bập lưỡi kim loại (N.D).

thấy thì chẳng biết điều gì đã xảy ra. Chỉ riêng tiếng cây gãy và tiếng người rên rĩ tuyệt vọng thì lọt thỏm trong cái khối lượng âm thanh khổng lồ ấy. Khi điều đó xảy ra, gã tình cờ nhìn về phía thuyền trưởng Lints'. Gã trông thấy cái thân cây toác ra ở lưng chừng và già từ lặng lẽ không tiếng động. Ngọn cây, với ba thủy thủ của tàu Aorai và người thuyền trưởng già, bay vèo trên mặt hồ mận. Nó không rơi xuống đất, mà lao qua không trung như một búi rác. Gã nhìn theo nó bay được một trăm mét thì nó rơi xuống nước. Gã căng mắt ra và chắc chắn là mình đã trông thấy thuyền trưởng Lints' vẫy tay chào vĩnh biệt.

Raul không còn nhớ gì nữa. Gã khê chạm vào tay người thổ dân và ra hiệu xuống đất. Người đàn ông muốn theo, song hai người đàn bà tê liệt vì khiếp sợ, nên anh ta quyết định ở lại với họ. Raul quàng đoạn thừng quanh thân cây và tụt xuống. Một làn nước mận vút qua trên đầu gã. Gã nín thở và bám một cách tuyệt vọng vào sợi dây thừng. Làn nước rút xuống và, núp vào thân cây, gã lại thở được. Gã buộc đoạn thừng vào mình chắc chắn hơn, rồi lại bị chìm dưới một con sóng khác. Một trong hai người đàn bà tụt xuống với gã, người thổ dân ở lại với người đàn bà kia, hai đứa trẻ và con mèo.

Gã áp tải viên đã nhận thấy những tốp bám vào các gốc cây khác đã liên tục vùi đi như thế nào. Giờ

đây, gã thấy quá trình ấy diễn tiến ngay cạnh mình. Gã phải vận dụng hết sức lực để bám trụ và người đàn bà đã xuống với gã thì mỗi lúc một yếu đi. Mỗi lần nhô ra khỏi một con sóng, gã ngạc nhiên thấy mình vẫn còn đó và tiếp theo lại ngạc nhiên thấy người đàn bà vẫn còn đó. Cuối cùng gã nhô ra để thấy còn có mình gã. Gã ngược nhìn lên. Ngọn cây cũng đã đi tong. Ở độ cao bằng nửa lúc ban đầu, móm cụt vớ toác đang rung rung. Gã còn lạnh lặn. Rể vẫn bám chắc, trong khi cây đã bị sén đi bộ phận phơi ra hứng gió. Gã bắt đầu trèo lên. Gã yếu đi nhiều, nên leo chậm chạp và hết con sóng này đến con sóng khác bắt kịp gã trước khi tới tầm cao bên trên chúng. Rồi gã buộc mình vào thân cây và ráng củng cố tinh thần cho cứng rắn để đương đầu với đêm tối và những gì nữa gã cũng chưa lường biết được.

Gã cảm thấy rất cô độc trong bóng tối. Đôi lúc, gã tưởng như đây là lúc tận thế và gã là kẻ cuối cùng còn sống. Gió vẫn tăng cường. Giờ này qua giờ khác, nó mạnh lên hoài. Vào cái khoảng gã ước lượng là mười một giờ, gió đã trở nên dữ không tưởng tượng nổi. Đó là một vật khủng khiếp, quái đản, một cơn cuồng nộ găm thét, một bức tường sầm sầm quật tới và đi qua, nhưng rồi lại tiếp tục quật tới và đi qua - một bức tường bất tận. Gã có cảm giác như mình đã trở nên nhẹ bồng và lâng lâng; rằng chính gã đang

chuyển động; rằng gã đang bị xô đi với tốc độ không tưởng tượng nổi qua thể rắn đặc triền miên không dứt. Gió không còn là không khí chuyển động nữa. Nó đã trở thành vật chất như nước hoặc thủy ngân. Gã có cảm tưởng rằng mình có thể với tay thực vào nó và rút nó ra từng miếng như rút thịt ở bộ xương một con gà thiến non vậy; rằng gã có thể tóm lấy gió treo mình lơ lửng ở đó như người ta có thể treo mình lơ lửng ở mặt một vách đá.

Gió làm gã nghẹt thở. Gã không thể đối mặt với gió mà thở, vì nó ùa vào miệng và lỗ mũi gã, làm hai lá phổi căng lên như một bóng đá. Vào những lúc như thế gã cảm thấy như người mình đang bị nhồi đến sung phồng bằng đất rắn. Chỉ bằng cách áp môi vào thân cây mới khiến gã thở được. Sự va chạm không ngừng với gió cũng làm gã kiệt sức. Thân thể và trí não trở nên mệt mỏi. Gã thôi không quan sát nữa, không nghĩ nữa và chỉ tỉnh có một nửa. Một ý niệm duy nhất tạo thành ý thức của gã: Vậy ra đây là một trận bão cuồng. Cái ý niệm duy nhất ấy dai dẳng khi ẩn khi hiện. Nó như một ngọn lửa yếu ớt thỉnh thoảng loé lên. Gã cứ từ một trạng thái mụ mị trở về với ý nghĩ ấy. Vậy ra đây là một trận bão cuồng - rồi lại đắm vào một cơn mụ mị khác.

Cao điểm của trận bão kéo dài từ mười một giờ đêm cho tới ba giờ sáng và chính vào lúc mười một

giờ, cái cây mà Mapuhi cùng mẹ, vợ và con gái bám vào gãy rãc. Mapuhi nhoi lên mặt hồ mặn, tay vẫn ghì chặt đứa con gái N'gakura. Chỉ có một người dân đảo ở Nam Hải mới có thể sống được trong một thứ sa mù cuộn cuộn như thế. Cây Pandan mà anh cột mình vào, xoay đi xoay lại trong lớp sóng sủi bọt, và chỉ bằng cách là khi thì ghì chặt và chờ đợi, khi thì nhanh chóng đổi chỗ níu tay anh mới có thể làm cho đầu mình và đầu N'gakura nhô lên khỏi mặt nước trong những khoảng cách thời gian tương đối gần nhau, vừa đủ để thở hít được. Nhưng không khí hít vào chủ yếu là nước, phần vì bụi sóng toả bay, phần vì mưa dày đặc tuôn theo hướng vuông góc với chiều thẳng đứng.

Chiều ngang hồ mặn đến vành đai cát xa tít là mười dặm. Ở đây, tròng trành những thân cây, những khúc gỗ, những xác thuyền và những mảnh nhà tan trôi giạt, giết chết đến chín phần mười số người sống sót qua lối thông ra biển của hồ mặn. Cơ hồ sắp chết đuối, sức tàn, lực kiệt, họ bị ném vào cái cối giã điên cuồng của sức mạnh thiên nhiên và bị nghiền đến tan xương nát thịt. Nhưng số Mapuhi còn may, xác suất thoát chết của anh là một phần mười, nó rơi trúng anh do sự đồng bóng của số mệnh. Anh ngoi lên bờ cát, máu chảy từ vài chục vết thương. Cánh tay trái của N'gakura bị gãy; các ngón tay phải bị nghiền nát, má và trán rách toác trơ cả xương. Anh bấu lấy một

cái cây còn đứng vững và bám chặt, vừa giữ con bé vừa học lên thở, trong khi nước hồ tràn lên, ngập đến đầu gối, có lúc đến ngang thắt lưng.

Đến ba giờ sáng thì cơn bão gãy xương sống. Vào quãng năm giờ, chỉ còn một ngọn gió đang thổi. Và đến sáu giờ thì lặng tờ như chết và lấp lánh mặt trời. Biển đã rút xuống. Trên ven bờ vẫn còn xáo động của con hồ mặn. Mapuhi trông thấy những cái xác gãy nát của những người không đổ bộ được an toàn. Chắc hẳn Têfara và Nauri ở trong số đó. Anh đi dọc bãi cát xem xét và tìm thấy vợ mình nằm sóng soài, nửa trên bờ, nửa dưới nước. Anh ngồi xuống và khóc, làm những tiếng động chói tai của loài vật theo cách thương tiếc của người nguyên thủy. Thế rồi chị ta cựa quậy một cách khó khăn và rên rỉ. Anh nhìn kỹ hơn. Không những chị vẫn còn sống mà lại lành lặn không thương tích gì cả. Chị chỉ ngủ thôi. May mắn của chị cũng là xác suất một phần mười.

Trong số một nghìn hai trăm người sống đêm hôm trước, nay chỉ còn lại ba trăm. Vị giáo sĩ Mormon và một viên sen đâm tiến hành điều tra dân số. Trong hồ ngổn ngang xác chết. Không một ngôi nhà, một túp lều nào còn đứng vững. Trên khắp đảo san hô, không còn lấy hai viên đá nào chồng lên nhau. Một phần năm mươi số cây dừa còn đứng vững thì cũng đã tả tơi, không cây nào còn lấy một quả trên cành. Không

có chút nước ngọt nào. Những giếng nông húng được nước mưa rỉ vào thì đầy muối. Một số bao bột ướt sũng được vớt từ dưới hồ lên. Những người sống sót khoét lõi những cây dừa đổ ra ăn. Đây đó, họ bò toài vào những cái túp nhỏ xú, dựng lên bằng cách bới cát cho hõm xuống và lấy những mảnh kim loại phủ lên làm mái. Vị giáo sĩ làm một dụng cụ thô thiển để cất nước, nhưng không thể phục vụ được cho ba trăm con người. Đến cuối ngày thứ hai, Raul tắm ở hồ bỗng phát hiện ra là cơn khát của mình có phần dịu đi. Gã kêu to loan tin đó và lập tức bày ra cái cảnh ba trăm con người - đàn ông đàn bà và trẻ con - đứng ngập đến cổ trong hồ và ráng uống nước qua làn da của mình. Những xác chết lều bều quanh họ hoặc bị giẫm lên, ở những chỗ chúng còn nằm dưới đáy. Ngày thứ ba, dân chúng chôn những người chết và ngồi đợi những con tàu chạy bằng hơi nước đến cứu.

Trong khi đó, Nauri, mà cơn bão cướp giạt khỏi gia đình, đã bị cuốn băng vào một cuộc phiêu lưu riêng của bà.. Bám vào một tấm ván thô ráp làm người bà tím bầm thương tích và đầy những dằm gỗ, bà bị ném gọn qua đảo san hô và cuốn trôi ra biển. Ở đây, dưới sự quăng quật điên người của những tảng núi nước, bà bị mất tấm ván. Nauri là một bà già ngót sáu mươi tuổi, nhưng bà sinh ra ở vùng Paumôtux và cả đời, chưa xa biển đến quá tầm nhìn. Bơi trong đêm

tối, sắc súa ngạt thở, vùng vẫy hớp lấy không khí, bà bị một trái dừa giáng mạnh vào vai. Ngay lúc đó, kế hoạch của bà hình thành và bà tóm lấy trái dừa. Trong giờ sau đó, bà vó được thêm bảy trái nữa. Buộc lại với chúng, chúng làm thành một cái phao bảo toàn sự sống cho bà, đồng thời lại đe dọa giã nát bà ra như tương. Bà là một phụ nữ béo và dễ bị thâm tím mình mẩy; nhưng bà đã có kinh nghiệm về bão và trong khi cầu nguyện vị thần cá mập của mình che chở khỏi bị cá mập tấn công, bà chờ cho gió tắt. Nhưng đến ba giờ sáng thì bà mù mịt đến nỗi không biết là đã đứng gió. Bà cũng không biết gì khi im lặng chết chóc buông xuống vào lúc sáu giờ. Sự va chạm mạnh khi bị ném lên bãi cát làm bà tỉnh lại. Bằng đôi tay, đôi chân trầy da và tước máu, bà đào tới, cào cấu chống lại làn nước cuộn ngược, nhích dần vào cho đến khi vượt quá tầm sóng có thể xô tới.

Bà biết rõ mình đang ở đâu, mảnh đất này không thể là nơi nào khác ngoài hòn đảo nhỏ Takôkôta. Không có ai sống ở đây. Hikuêru cách đây mười lăm dặm. Bà không nhìn thấy Hikuêru, nhưng bà biết nó nằm ở phía nam. Nhiều ngày qua đi và bà sống bằng những quả dừa đã giữ cho bà nổi trên mặt nước. Chúng cung cấp cho bà nước uống và thức ăn. Nhưng bà không uống hoặc ăn cho đã. Chắc gì đã có ai đến cứu. Bà trông thấy khói của những con tàu cứu

nạn chạy bằng hơi nước ở mé chân trời, song liệu có thể trông mong con tàu nào đến hòn đảo Takôkôta cô quanh, không người ở này?

Từ đầu, bà đã khổ sở vì những xác chết. Biển cứ một mực quăng chúng lên cái khoảnh bãi cát bé xiu của bà và bà cứ một mực cho đến khi kiệt sức ném chúng trả lại cho cá mập giăng xé và ăn thịt. Khi bà đuối sức, những xác người kết tua rua quanh bãi cát của bà, khủng khiếp hãi hùng và bà rút vào thật xa chúng đến chỗ tọt cùng mà cũng chả xa gì mấy.

Đến ngày thứ mười trái dừa cuối cùng đã hết, người bà bắt đầu teo lại vì khát. Bà lết mình dọc theo bờ cát tìm dừa. Kỳ lạ thay, bao nhiêu xác người trôi giạt lên bờ mà chẳng có trái dừa nào. Chắc chắn phải có nhiều dừa nổi hơn là xác người chứ lại! Cuối cùng bà bỏ cuộc và nằm một lủ. Đã đến lúc kết thúc. Chẳng còn gì ngoài việc chờ chết.

Ra khỏi một cơn trì độn, bà dần dần thấy ra là mình đang chăm chăm nhìn vào một mớ tóc hung hung trên đầu một xác chết. Sóng biển ném cái xác về phía bà, rồi lại kéo nó về. Nó lật ngửa và bà thấy nó không còn mặt. Tuy nhiên mớ tóc hung ấy có một cái gì quen thuộc. Một giờ qua. Bà không ráng sức nhận dạng người chết làm gì. Bà đang chờ chết và việc cái vật góm ghiếc kia trước đây là người nào, chả quan trọng gì mấy đối với bà.

Nhưng đến cuối giờ, bà chậm rãi ngồi dậy và trừng trừng nhìn vào cái xác. Một con sóng lớn khác thường đã quăng nó đến một điểm ngoài tầm các con sóng nhỏ hơn. Phải, bà có lý, cái mớ tóc hung đỏ ấy chỉ có thể thuộc về một người ở Paumôtux. Đó là Lêvi, lão Do Thái Đức, kẻ đã mua viên ngọc trai và mang nó lên con tàu Hira. Ô, một điều hiển nhiên: tàu Hi ra đã bị đắm. Vị thần ngư dân và kẻ trộm của lão lái buôn ngọc trai đã thất ước với lão.

Bà trườn xuống chỗ người chết. Áo của lão đã bị giắt cuốn đi và bà trông thấy chiếc thắt lưng da đựng tiền quanh eo lưng lão. Bà nín thở và kéo mạnh khoá thắt lưng. Nó bật ra dễ hơn bà tưởng và bà hối hả trườn qua bãi cát, kéo theo sau cái thắt lưng. Bà mở hết túi này đến túi kia trên cái thắt lưng và đều thấy rỗng không. Lão ta để nó vào đâu nhỉ. Trong cái túi cuối cùng, bà tìm thấy nó, viên ngọc trai đầu tiên và duy nhất lão đã mua trong chuyến đi. Bà trườn xa hơn một quãng nữa để thoát khỏi sự ung độc của chiếc thắt lưng và xem xét viên ngọc trai. Đó là viên ngọc trai Mapuhi đã mò được và đã bị Toriki cướp mất. Bà nhắc nhắc nó trong tay và âu yếm lăn đi lăn lại. Nhưng bà không nhìn thấy cái đẹp tự tại trong nó. Điều bà nhìn thấy là ngôi nhà mà Mapuhi và Têfara cùng bà đã xiết bao cẩn trọng xây cất trong óc. Mỗi lần nhìn viên ngọc trai, bà lại thấy ngôi nhà với

dây đủ mọi chi tiết, kể cả cái đồng hồ quả lắc tám cạnh trên tường. Đó là một cái gì bổ sống vì nó.

Bà xé một dải áo và buộc viên ngọc trai thật chắc quanh cổ. Rồi bà tiếp tục đi dọc bãi cát hỗn hển và rên rầm, nhưng quyết tâm kiếm cho ra dừa. Bà mau chóng tìm được một trái và khi nhìn quanh, lại thấy một trái thứ hai. Bà đập một quả, uống nước có vị mốc và ăn miếng cùi cuối cùng. Một lát sau, bà tìm thấy một cái thuyền độc mộc vỡ. Mái chèo đã mất nhưng bà tràn trề hy vọng và trước khi ngày tàn, bà tìm ra mái chèo. Mỗi thứ tìm được là một điểm tốt. Viên ngọc trai là một bùa hộ mệnh. Cuối chiều bà trông thấy một cái hòm gỗ trôi dưới nước. Khi bà kéo nó lên bờ, những thứ bên trong kêu loảng xoảng và mở ra, bà thấy mười hộp cá hồi. Bà mở một hộp bằng cách đập vào cạnh thuyền. Khi bắt đầu có cạnh nứt, bà liền uống cạn nước sốt. Sau đó, bà bỏ nhiều giờ ra để moi cá hồi, hết đập lại bóp nén, mỗi lần lấy được một miếng con.

Tám ngày nữa, bà chờ người đến cứu. Trong thời gian bà cột lại móc chèo vào chiếc thuyền dùng tất cả sơ dừa có thể tìm thấy và cả phần còn lại của chiếc áo để bện thành dây buộc. Chiếc thuyền nứt toác và bà không thể làm cho nó kín khỏi rò rỉ; nhưng bà làm một chiếc gáo dự trữ sẵn trên thuyền để làm gàu tát nước. Bà loay hoay nhiều về chuyện mái chèo. Với một

mảnh thiếc ở hộp cá, bà tự gọt hết tóc đến sát da đầu, bện thành một sợi dây; và bằng dây đó, bà buộc một đoạn các chổi dài gần một mét vào một mảnh ván lấy từ chiếc hòm đựng cá hộp. Bà dùng răng gò những chiếc nêm để ken vào nút buộc.

Nửa đêm ngày thứ mười tám, bà lao thuyền qua lớp sóng xô và bắt đầu cuộc hành trình trở về Hikuêru. Bà là một bà già. Gian khổ đã tiêu hết chất mỡ ở người bà đến độ gần như chỉ còn da bọc xương và chút cơ bắp quắt queo. Thuyền thì to, lẽ ra phải có ba tay đàn ông lực lưỡng cầm chèo. Nhưng bà đảm đương một mình với cái mái chèo chấp vá tạm bợ. Thuyền lại rò tẽ hại và bà phải dành một phần ba thời gian để tát nước. Giữa thanh thiên bạch nhật, bà kiếm hoài không thấy Hikuêru. Phía sau, Takôkôta đã lặn xuống mé dưới mép biển. Mặt trời rọi lửa xuống tấm thân trần của bà, ép cơ thể bà thải nước. Còn lại hai hộp cá, và cả ngày bà đột lổ trên đó, hút hết nước sốt. Bà chả còn thì giờ nào mà tiêu phí vào việc moi cá ra. Một luồng nước chảy về phía tây, dù bà có hướng xuống nam hay không thì vẫn cứ phải đi về phía tây.

Đầu buổi chiều, đứng thẳng trên thuyền, bà trông thấy Hikuêru. Những hàng dừa xum xuê của nó đã mất. Bà chỉ nhìn thấy đây đó những gốc cây cụt xơ xác cách xa nhau. Cảnh tượng làm bà phấn chấn. Bà

đã gần đích hơn là bà tưởng. Luồng nước đưa bà về phía tây. Bà ráng xoay hướng tránh nó và chèo tiếp. Những chiếc nêm ken vào dây buộc chèo lỏng dần, khiến bà mất khá nhiều thì giờ, chốc chốc lại ấn chúng vào cho chặt. Rồi lại còn phải tát nước. Cứ ba giờ thì phải dừng chèo một giờ để tát nước và luôn luôn bà bị cuốn giạt về hướng tây.

Đến lúc mặt trời lặn thì Hikuêru còn cách bà ba dặm về phía đông nam. Trăng lên tròn đầy và khoảng tám giờ thì đất liền ở đúng phía đông, cách hai dặm. Bà tiếp tục vật lộn một giờ nữa, nhưng đất liền vẫn xa như trước. Bà đang ở mạch cuốn chính của luồng nước; thuyền quá lớn, mái chèo thì quá yếu, không thích hợp và quá nhiều thời gian và sức lực của bà bị tiêu phí vào việc tát nước. Hơn nữa, bà rất suy nhược và mỗi lúc một suy nhược thêm. Bất kể những cố gắng của bà, con thuyền vẫn bị cuốn giạt về hướng tây.

Bà thêu thào câu chuyện vị thần cá mập của mình, trèo qua mạn thuyền, tụt xuống và bắt đầu bơi. Thực tế nước làm cho bà khoẻ khoắn lại và bà nhanh chóng bỏ con thuyền lại đằng sau. Hết một giờ, đất liền đã gần hơn rõ ràng. Thế rồi, sự kinh hoàng đến với bà. Ngay trước mắt bà, cách không đầy sáu mét, một bộ vây to tướng đang xé nước. Bà đều đặn bơi về phía nó và nó chậm chạp lướt đi, ngoặt sang phải và

xoay quanh bà. Bà dán mắt vào bộ vây và bơi tiếp. Khi bộ vây biến mất, bà úp mặt xuống nước theo dõi khi bộ vây xuất hiện trở lại, bà lại tiếp tục bơi. Con quái vật đang lúc lười nhác, bà có thể thấy thế. Rõ ràng, nó đã chén đầy từ hôm bão đến nay. Nếu nó đói thì bà biết nó chẳng ngần ngại gì mà không lao tới bà. Nó dài tới bốn mét rưỡi và chỉ ngoạm một cái là cắt đôi bà, bà biết thế.

Nhưng bà đâu có thì giờ để phí hoài vì nó. Dù bà có bơi hay không thì luồng nước cũng kéo ra khỏi đất liền. Nửa giờ sau, và con cá mập trở nên dạn hơn. Thấy bà không nguy hiểm gì, nó xáp lại gần hơn, thu hẹp vòng lượn, gương mặt trắng tráo nhìn bà mỗi khi lướt qua. Bà biết rõ là sớm muộn, nó sẽ thu đủ can đảm để lao vào bà. Bà bèn quyết định ra tay trước. Điều bà suy tính là một hành động tuyệt vọng. Bà là một bà già đơn độc giữa biển, suy nhược vì đói và gian khổ, thế mà đối diện với con hổ biển này, bà phải chặn trước sự tấn công của nó bằng cách tự mình tấn công nó. Bà bơi tiếp chờ cơ hội. Cuối cùng, nó uể oải qua chỉ cách hơn hai mét. Bà đột ngột xông tới nó giả vờ tấn công. Nó quẫy đuôi thật mạnh tẩu thoát và lớp da sần sùi như giấy ráp của nó quệt phải bà, làm tuột da từ khuỷu tay đến vai. Nó bơi thật nhanh một vòng rộng hơn và cuối cùng biến mất.

Trong cái hõm đào trên cát, phủ bằng những

mảnh mái kim loại, Mapuhi và Têfara đang nằm cãi nhau.

- Nếu nhà làm theo lời tôi, - Têfêra trách đến lần thứ một nghìn, - và đem giấu viên ngọc trai đi, đừng nói với ai, thì có phải bây giờ vẫn còn không.

- Nhưng mà khi tôi tách vỏ trai ra thì Huru - Huru đứng ngay đó mà - tôi chả nói đi nói lại với nhà không biết bao nhiêu lần rồi sao?

- Và bây giờ, chúng ta sẽ chẳng có nhà cửa gì sất. Hôm nay Raul bảo tôi nếu nhà không bán viên ngọc trai cho Toriki thì...

- Tôi đâu có bán. Toriki cướp của tôi.

- Rằng nếu nhà chưa bán viên ngọc trai thì cậu ta sẽ giả năm nghìn đôla Pháp, tức là mười nghìn đôla Sili.

- Cậu ta đã hỏi chuyện bà mẹ, - Mapuhi giải thích. - Bà ấy sành về ngọc trai lắm.

- Và bây giờ là mất toi viên ngọc. - Têfara phàn nàn.

- Nó trừ vào cái khoản tôi nợ Toriki. Dù sao, tôi cũng được nghìn hai.

- Toriki chết rồi, - chị kêu lên. - Chả nghe thấy tin gì về chiếc tàu của hắn. Nó mất tăm cùng với chiếc Aorai và chiếc Hira. Liệu rồi Toriki có cho nhà mua chịu ba trăm bạc hàng như hắn hứa không? Không, vì

Toriki chết rồi. Và ví dù nhà chẳng mò được viên ngọc trai đi nữa, thì hôm nay nhà có còn nợ Toriki số tiền nghìn hai ấy không? Không, vì Toriki chết rồi, và có ai trả nợ người chết bao giờ.

- Nhưng Lêvi không trả tiền Toriki, - Mapuhi nói. - Lão ta giao cho hấn một mảnh giấy có giá trị như tiền ở Papit; và bây giờ Lêvi đã chết và không thể trả được, và Toriki cũng chết, tờ giấy mất luôn theo hấn và viên ngọc trai thì mất theo Lêvi. Nhà nói đúng, Têfara ạ. Tôi đã mất viên ngọc và chả được cái gì bù lại. Bây giờ ta hãy ngủ thôi.

Đột nhiên, anh giơ tay lên, nghe ngóng. Từ bên ngoài vọng vào một tiếng động như có ai thả nặng nhọc và đau đớn. Một bàn tay sờ soạng đập vào cái chiếu dùng làm cửa.

- Ai đấy? - Mapuhi kêu lên.

- Nauri, - câu trả lời vẳng vào. - Các người có thể cho biết Mapuhi con trai tôi ở đâu không?

Têfara thét lên và bấu lấy tay chồng.

- Ma! - chị nói lập chập. - Ma!

Mặt Mapuhi vàng ệch ra, dễ sợ. Anh yếu ớt bám vào vợ.

- Bà lão, - anh ấp úng nói, cố gắng làm khác tiếng đi, - tôi biết rõ con bà lão. Anh ta ở bờ phía đông con hồ mặn.

Từ bên ngoài, vẳng đến một tiếng thở dài. Mapuhi bắt đầu cảm thấy phấn khởi. Anh đã đánh lừa được con ma.

- Nhưng bà lão này, bà từ đâu tới vậy? - anh hỏi.

- Từ biển, - câu trả lời nghe buồn bã.

- Tôi đã biết mà! Tôi đã biết mà! - Têfara rú lên, người lắc qua lắc lại.

- Têfara đi ngủ lang từ bao giờ vậy? - Tiếng Nauri lọt qua cái chiếu.

Mapuhi nhìn vợ, vừa sợ sệt vừa trách móc. Chính giọng chị đã làm lộ tẩy hết.

- Và Mapuhi, con trai tôi, đã chối bỏ mẹ già của nó từ bao giờ vậy? - giọng nói tiếp tục.

- Không, không, tôi không... Mapuhi không chối bỏ mẹ đâu, - anh kêu lên - Tôi không phải là Mapuhi. Anh ta ở đằng đông con hổ, tôi đã bảo bà lão mà.

N'gakura ngồi dậy trên giường và bắt đầu khóc. Chiếc chiếu bắt đầu rung rung.

- Bà lão làm gì vậy? - Mapuhi hỏi.

- Ta vào đây, - tiếng Nauri nói.

Một đầu chiếu cất lên. Têfara định chui vào dưới chân nhưng Mapuhi níu chị lại. Anh cần phải níu lấy một cái gì. Vật lộn với nhau, người run lẩy bẩy và răng đánh đàn lập cập, họ cùng trở mắt nhìn cái chiếu đang vén lên. Họ trông thấy Nauri, rờn rờn

nước biển, không còn áo trườn vào. Họ lặn lùì lại né tránh bà và giành lấy chần của N'gakura để che đầu.

- Các người có thể cho mẹ già các người một hóp nước, - con ma nói, giọng ảo não.

- Cho bà ta hóp nước, - Têfara ra lệnh, giọng run run.

- Cho bà ta hóp nước, - Mapuhi truyền lệnh cho N'gakura.

Và họ cùng đá N'gakura ra khỏi chần. Một phút sau nhòm ra, Mapuhi thấy con ma đang uống nước. Khi nó với một bàn tay run rẩy ra đặt lên tay anh, anh cảm thấy bàn tay có sức nặng và tin rằng đó không phải là ma. Rồi anh thò ra, kéo theo Têfara đằng sau và trong mấy phút, tất cả cùng nghe Nauri kể chuyện mình. Và khi bà kể về Lêvi, và bỏ viên ngọc vào lòng bàn tay thì cả chị cũng chịu chấp nhận đó là mẹ chồng mình thật.

- Sáng mai, - Têfara nói, - bà đem bán viên ngọc cho Raul lấy năm nghìn đôla Pháp nhé.

- Thế còn ngôi nhà? - Nauri phản đối.

- Cậu ta sẽ xây ngôi nhà. - Têfara trả lời, - Cậu ấy bảo nó tốn mất bốn nghìn đôla Pháp. Với lại, cậu ấy sẽ cho mua chịu một nghìn đôla Pháp tức là hai nghìn đôla Sili.

- Thế nó sẽ kéo dài sáu sáu chứ? - bà Nauri hỏi.

- Âu, Mapuhi đáp, - sáu sáu.

- Và phòng giữa sẽ có cái đồng hồ quả lắc tám cạnh chứ?

- Âu, và cả cái bàn tròn nữa.

- Vậy thì cho mẹ ăn cái gì đi, vì mẹ đang đói đây, - bà Nauri hể hể nói. - Và sau đó, chúng ta sẽ ngủ. Và ngày mai chúng ta sẽ bàn chuyện thêm về ngôi nhà trước khi bán viên ngọc trai. Tốt hơn là chúng ta lấy bég một nghìn đôla Pháp tiền ngay. Tiền mặt bao giờ cũng tốt hơn là mua chịu hàng của bọn nhà buôn.

DƯƠNG TƯỜNG dịch

HƯỚNG THEO NHỮNG MẶT TRỜI GIẢ TẠO

*M*iệng ngậm chiếc tẩu, Xítca Sácli đắm chiêu ngắm nghía tờ tranh dán trên vách, cất trong báo "Bắc cực". Suốt nửa giờ đồng hồ mắt anh không rời bức tranh, còn tôi, thỉnh thoảng lại liếc nhìn anh theo dõi. Anh ta đang nghĩ gì có trời biết, nhưng rõ ràng đó là một điều lý thú. Xítca Sácli đã sống nhiều, từng trải nhiều, và anh đã thực hiện được một cuộc biến hoá phi thường: thoát khỏi dân tộc mình và biến thành một người da trắng ở mức độ mà một người gốc gác bản địa có khả năng đạt tới được ⁽¹⁾, cả về mặt tâm hồn. Chính miệng anh cũng từng nói rằng, chỉ cần bước đến chỗ có ánh lửa, ngồi xuống bên bếp lửa cùng với chúng tôi, là lập tức anh biến thành một người y hệt như chúng tôi. Tuy chưa biết đọc biết viết, nhưng

(1) Những dân tộc đã sinh sống ở Châu Mỹ trước khi người da trắng đến.

anh đàm thoại thì tuyệt vời. Không chỉ ngôn ngữ, anh còn tiếp thu được một cách tuyệt vời hơn, cách suy nghĩ, cách nhìn nhận sự vật của người da trắng nữa.

Chúng tôi vớ được túp lều bỏ hoang này sau một ngày đi bộ vất vả. Bây giờ, sau khi đàn chó⁽¹⁾ đã được ăn no nê, đĩa bát dùng cho bữa tối đã được cọ rửa sạch sẽ, chúng tôi tận hưởng cái khoảnh khắc kỳ diệu, chỉ đến với khách bộ hành trên dải đất Alasca này mỗi ngày một lần, cái khoảnh khắc khi giữa thể xác rã rời và chân đệt chỉ còn khoảng cách ngắn ngủi, đó là nhu cầu hút cho hết một tẩu thuốc trước khi đi nằm. Một người nào đó trong số chủ nhân cũ của túp lều này đã trang hoàng nơi ở của mình bằng cách cắt tranh ảnh trong báo đem dán lên vách. Xítca Sácli đã chú ý đến những bức tranh ấy ngay từ lúc chúng tôi bước chân vào lều, nghĩa là trước đây khoảng hai tiếng đồng hồ.

Anh chăm chú ngắm nghía hết tờ tranh này đến tờ khác, rồi xem lại từng bức. Tôi thấy rất rõ anh đang lúng túng và băn khoăn. Cuối cùng tôi phá vỡ không khí im lặng:

- Thế nào?

Anh bỏ chiếc tẩu ra khỏi miệng và trả lời đơn

(1) Trên miền Bắc cực băng giá người ta thường dùng chó để kéo xe trượt tuyết chở người hoặc đồ vật (N.D)

giản:

- Tôi không hiểu được.

Anh lại hít một hơi dài, lại bỏ chiếc tẩu ra rồi lấy cán tẩu trở vào một bức tranh cắt trong báo "Bắc cực".

- Đây, thí dụ như bức tranh này. Định nói cái gì? Tôi không hiểu.

Tôi ngược mắt lên nhìn. Một người mặt mũi độc ác một cách quá đáng, tay ôm ngực, chỗ trái tim, nằm ngã úp mặt xuống đất. Một người khác hình dạng như *Thiên thần* trừng phạt, hao hao giống thần Adônix⁽¹⁾ đứng phía trước, tay giơ khẩu súng ngắn còn đang bốc khói.

- Một kẻ nào đó đã giết chết một kẻ khác, - tôi thốt lên và cũng lúng túng, cảm thấy không tìm được cách giải thích nội dung của bức tranh.

- Vì sao lại giết? - Xítca Sácli hỏi.

- Mình không biết, - tôi thành thật thú nhận.

- Bức tranh này mới chỉ có chỗ kết thúc, - anh nói - mà không có đoạn mở đầu.

- Đây là cuộc đời, - tôi nói.

- Cuộc đời thì cũng phải có sự mở đầu chứ? - anh phản đối.

(1) Vị thần trong thần thoại cổ Hy - Lạp nổi tiếng về đẹp trai (N.D).

Tôi không trả lời. Anh lại đưa mắt sang bức tranh khác. Đó là ảnh chụp lại bức hoạ "Nàng Lêda và con thiên nga⁽¹⁾".

- Trong bức tranh này không có mỏ dầu, - anh nói. - Và cũng chẳng có kết thúc. Tôi không hiểu được hội hoạ.

- Cậu thử nhìn bức này xem, - tôi trả lời cho anh bức tranh thứ ba.

- Bức này hiển nhiên có một cái ý. Cậu hiểu là ý gì không?

Anh ngắm bức tranh vài phút.

- Đứa trẻ đang ốm, - cuối cùng anh nói. - Đây thôi, ông bác sĩ đang nhìn nó. Suốt đêm qua họ không ngủ. Anh thấy không, dầu trong đèn cạn hẳn đi. Ngoài cửa sổ trời đã rạng sáng. Đứa trẻ ốm rất nặng. Có lẽ không qua khỏi được. Vì thế nét mặt ông bác sĩ cau có. Còn kia là mẹ đứa bé. Con ốm nguy kịch quá, mẹ gục đầu xuống bàn khóc.

- Sao cậu biết bà mẹ khóc? - Tôi ngắt lời. - Có nhìn thấy mặt dầu. Có thể bà ấy đang ngủ.

Xítca Sácli ngạc nhiên liếc nhìn tôi, rồi lại ngắm

(1) Nhân vật trong thần thoại Cổ Hy - Lạp, vợ của Tinda. Chúa thần Dớt biến thành con Thiên Nga đến để tán tỉnh. (N.D).

bức tranh. Thấy rõ ràng nhận xét của anh xuất phát từ cảm giác.

- Cũng có thể là đang ngủ, - anh tán thành. Rồi anh lại ngắm nghĩa bức tranh kỹ hơn nữa. - Không, không phải ngủ. Đôi vai như thế kia thì không phải bà mẹ ngủ. Tôi đã để ý thấy, khi phụ nữ khóc, hai vai của họ đúng như thế này. Bà mẹ đang khóc. Bệnh tình đứa con nguy kịch quá mà lại.

- Đấy thôi. Cậu cũng hiểu được nội dung bức tranh còn gì! - Tôi reo lên.

Anh lắc đầu rồi hỏi:

- Liệu đứa trẻ rồi có chết hay không?

Bây giờ tôi đành phải nín lặng.

- Liệu nó có chết không? - Anh lặp lại câu hỏi. - Cậu là họa sĩ, chắc cậu biết chứ?

- Không. Mình không biết, - tôi thú nhận.

- Đây không phải là cuộc đời, giọng anh nói như thể giảng bài. - Ở cuộc đời, đứa trẻ hoặc sẽ chết, hoặc sẽ khỏi bệnh. Ở cuộc đời phải có một sự gì đó xảy ra. Trong bức tranh chẳng có sự gì xảy ra hết. Không, tôi không hiểu được hội họa.

Rõ ràng anh đang bực tức. Anh rất muốn hiểu mọi thứ gì mà người da trắng hiểu được. Nhưng trong trường hợp này anh đã không làm được việc ấy. Trong giọng anh nói có một cái gì như thể khiêu

khích, như thể anh đòi tôi phải chứng minh cho anh thấy rằng, mỗi tác phẩm hội hoạ đều phải có một ý nghĩa. Cũng phải nói thêm, anh vốn có một sức tưởng tượng vô cùng mạnh mẽ, điều này tôi đã nhận xét thấy từ lâu. Bất cứ nghĩ đến vật gì, vật ấy cũng hiện lên rõ mồn một trong óc anh. Anh quan sát cuộc sống bằng hình ảnh. Anh cảm giác nó cũng bằng hình ảnh. Anh có khả năng tư duy về cuộc sống một cách hình tượng. Nhưng mặt khác, anh lại không hiểu được những hình ảnh do người khác tạo nên và ghi lại bằng màu sắc, bằng đường nét trên tấm vải.

- Tác phẩm hội hoạ là một mảnh của cuộc đời - tôi nói. - Bọn chúng mình miêu tả cuộc sống theo như cách bọn mình nhìn thấy nó. Thí dụ như cậu, Xítca Sácli, cậu đi trên một con đường. Đêm khuya, cậu nhìn thấy phía trước có một túp lều. Cửa sổ sáng đèn. Cậu ngó qua cửa sổ vào trong nhà trong vài giây đồng hồ, thấy một cảnh tượng nào đó, rồi cậu lại đi tiếp. Giả sử cậu thấy một người đang viết thư. Cậu nhìn thấy một cái gì đó không có khởi đầu cũng chẳng có kết thúc. Cũng chẳng xảy ra chuyện gì đặc biệt. Nhưng cậu đã nhìn thấy được một mảnh của cuộc đời. Rồi sẽ có lúc cậu sẽ nhớ lại mảnh đời ấy. Trong óc của cậu đã in hình một bức tranh. Một bức tranh trong khung cửa sổ.

Tôi thấy rõ anh ta đang lắng nghe. Tôi cũng biết rằng khi nghe tôi nói, trong óc anh hiện lên hình ảnh

khung cửa sổ và một người đang ngồi viết thư.

- Cậu đã vẽ một bức tranh mà tôi hiểu được, - anh nói. - Một bức hoạ chân thật. Rất nghiêm túc. Một đám người tụ tập ở nhà cậu tại Dauxon. Họ ngồi quanh bàn đang chơi bài pharaôn. Họ chơi lớn. Ai muốn đặt bao nhiêu tiền cũng được, không hạn chế.

- Tại sao cậu biết là không hạn chế? - Tôi hỏi, trong lòng hồi hộp vì câu chuyện đụng đến sự đánh giá một tác phẩm của chính tôi. Mà người đánh giá trong trường hợp này lại không phải một quan toà lạnh lùng, chỉ am hiểu cuộc đời chứ không am hiểu nghệ thuật, mà là, một con người thành thạo cuộc sống thực tế, như cá sống trong nước vậy. Cũng cần nói rằng, tôi đặc biệt quý cái bức hoạ ấy. Tôi đặt tên cho nó là "Ván bài cuối cùng", và coi đó là một trong những tác phẩm đạt nhất của tôi.

- Trên mặt bàn không thấy tiền, - Xítca Sácli giải thích. - Họ chơi bằng thế phẩm. Nghĩa là chơi bằng tất cả tài khoản trong nhà băng. Người thì đặt một xấp giấy vàng, mỗi tờ có thể là một ngàn đôla, cũng có thể là hai ngàn. Người thì đặt một xấp giấy màu đỏ, có thể mỗi tờ trị giá năm trăm đôla, cũng có thể trị giá một ngàn. Một cuộc chơi bài hết sức lớn. Các món tiền đặt đều to. Họ chơi bằng toàn bộ số tiền họ gửi ở nhà băng. Tại sao tôi lại biết? Lão nhà cái trong bức tranh của cậu mặt đỏ ửng (nghe anh ta nói

tôi rất sướng tai). Cậu để cho người thu phát tiền ngồi trên ghế tựa, trườn người về phía trước. Tại sao anh ta lại duỗi đầu về phía trước như thế? Tại sao nét mặt anh ta lại ngây duỗi ra như thế, trong khi đôi mắt thì sáng rực. Tại sao mặt lão nhà cái lại đỏ ửng? Tại sao tất cả mọi người đều ngây ra như tượng cả? Thằng cha đặt xấp giấy màu vàng cũng như thằng cha đặt xấp giấy màu trắng? Cả thằng cha đặt xấp giấy màu đỏ nữa. Tại sao tất cả mọi người đều im lặng? Tại vì đây là một canh bạc đánh rất to. Tại vì đây là ván bài cuối cùng.

- Tại sao cậu biết đây là ván cuối cùng? - Tôi hỏi.

- Nhà cái đặt vào quân K, còn lá bài để ngựa lại là quân bảy - anh trả lời. - Không ai chọn lá khác để đặt cả. Họ gạt quân của họ sang bên cạnh. Ngân ấy người đều nghĩ thống nhất một điều. Họ đều đặt vào quân bảy. Nhà cái có thể mất hai chục ngàn đô-la, nhưng cũng có thể được đúng ngân ấy. Bức tranh của cậu thì tôi hiểu.

- Nhưng cậu vẫn chưa biết được ván bài rồi sẽ kết thúc ra sao, - tôi reo lên đắc thắng. - Đây là ván bài cuối cùng thật, nhưng cỗ bài vẫn chưa được lật lên. Và trong bức tranh ấy, cỗ bài vẫn cứ nằm úp như thế mãi mãi. Và vẫn chưa thể biết được ai được ai thua.

- Và họ vẫn cứ ngồi nín lặng như thế mãi sao? - Anh ta thốt lên, đôi mắt lộ vẻ sững sốt và kinh hoàng. - Và cả thằng cha thu phát tiền cũng sẽ nhòai người về phía trước như thế mãi hay sao? Mặt lão nhà cái cũng không bao giờ hết đỏ ư? Lạ thật! Họ sẽ cứ ngồi đấy mãi. Và cổ bài vẫn sẽ không bao giờ được lật ngửa.

- Đây là bức hoạ, - tôi nói. - Đây là cuộc đời. Chính cậu cũng đã từng nhìn thấy những cảnh tượng như vậy thôi.

Xítca Sácli ngược lên nhìn tôi, suy nghĩ một lát rồi chậm rãi nói:

- Cậu nói đúng. Ở bức tranh ấy không có sự kết thúc. Không ai biết được kết cục sẽ ra sao. Nhưng đúng là như thế. Tôi cũng đã chứng kiến những điều tương tự. Cuộc đời là như vậy thật.

Anh hút tẩu thuốc một lúc lâu, không thốt lời nào, mãi suy nghĩ về cái hay trong nghệ thuật hội hoạ của người da trắng, và anh so sánh nó với những hiện tượng ngoài đời. Chốc chốc anh gật gù cái đầu và lẩm bầm một vài lời gì đó. Sau đấy anh nạo tro trong tẩu ra và thận trọng nhồi chặt thuốc vào, ngừng lại suy nghĩ rồi mới lại châm lửa đốt.

- Đúng. Tôi cũng đã nhìn thấy nhiều cảnh tượng ngoài cuộc đời. Không phải những thứ được vẽ ra, mà

những thứ do chính mắt tôi chứng kiến. Tôi đã nhìn thấy những cảnh tượng ấy như thể qua một khung cửa sổ, giống như nhìn thấy người ngồi viết thư lúc này. Tôi đã nhìn thấy nhiều mảnh đời không đầu không cuối, cũng chẳng mang một ý nghĩa gì rõ rệt.

Đột nhiên anh quay sang phía tôi, chăm chú nhìn tôi rồi trầm ngâm nói:

- Này, cậu là họa sĩ, cậu sẽ thể hiện như thế nào điều mà tôi đã một lần được chứng kiến, một cảnh tượng không có khởi đầu mà kết thúc ra sao cũng không rõ, một mảnh cuộc đời, được luồng hào quang Bắc cực rọi sáng, còn khung cảnh là miền Alaxca.

- Một bức tranh rộng lớn đấy, - tôi thốt lên.

Nhưng Xítca Sácli không chú ý đến câu tôi nói, bởi vì cảnh tượng kia từ trong ký ức đã hiện ra trong óc anh, và anh đang chiêm ngưỡng nó. Anh ta nói tiếp:

- Có thể đặt tên nhiều cách cho bức tranh ấy. Nhưng vì có nhiều mặt trời ảo ảnh trong đó, nên tôi đã nghĩ đến một cái tên như thế này: "Hướng theo những mặt trời giả tạo". Câu chuyện xảy ra đã lâu. Tôi gặp người đàn bà ấy lần đầu cách đây đã bảy năm, vào mùa thu năm một ngàn tám trăm chín mươi bảy. Lúc bấy giờ tôi có một chiếc thuyền thoi vãn đẽ trên hồ Lindömen. Tôi vừa mới chở hai ngàn lá

thư qua Sincút để đem đến thị trấn Đauxon, chẳng là mình làm chân đưa thư mà. Bây giờ đang thời điểm người ta đua nhau lũ lượt kéo đến vùng Clônđacơ. Trên đường lúc nào cũng đông đúc. Nhiều người dẫn cây cối để làm thuyền. Nước sông đã sắp đông cứng lại và ngừng chảy. Tuyết bay trên trời, tuyết phủ kín mặt đất. Mặt hồ đã có băng và dọc sông, những chỗ nước đọng cũng có băng. Mỗi ngày tuyết lại rơi nhiều hơn, và trên sông trên hồ băng cũng nổi lên nhiều hơn. Cứ đà này thì chỉ vài hôm nữa, hoặc một tuần là cùng, băng sẽ đóng kín mặt nước và mọi người sẽ phải đi bộ hết. Từ chỗ ấy đến thị trấn Đauxon còn sáu trăm dặm, nghĩa là cũng khá xa. Nhưng con thuyền thoi của tôi chạy rất nhanh nên ai cũng muốn đi nhờ. Họ đều bảo: "Anh Sácli, chở tôi với, tôi xin trả hai trăm đôla"; "Sácli, ba trăm đôla"; "Sácli, bốn trăm". Nhưng tôi trả lời: "Không được". Với tất cả mọi người tôi đều từ chối. Mình là nhân viên đưa thư kia mà.

Sáng hôm ấy, tôi đến hồ Lindömen. Tôi đi bộ suốt đêm nên rất mệt. Nấu nướng và ăn bữa lót dạ xong, tôi đánh một giấc liền ba tiếng đồng hồ ở trên bờ hồ. Lúc tôi thức dậy đã mười giờ sáng. Tuyết vẫn rơi. Gió thổi mạnh, rất mạnh. Một chị đàn bà đang ngồi trên tuyết, ngay bên cạnh tôi. Một phụ nữ da trắng, trẻ, rất đẹp trạc hai mươi tuổi, mà cũng có thể là hai mươi năm. Chị ta nhìn tôi. Và tôi cũng nhìn

lại chị ta. Có vẻ chị ta rất mỗi mệ. Không phải thứ người dễ dãi đâu, mà thoát nhìn đã biết ngay thuộc loại người đứng đắn. Và chị ta rất mỗi mệ.

- Anh có phải Xít-ta Sá-li không? - Chị ta hỏi.

Tôi ngồi bật dậy, sửa lại cái chăn cho tuyết khỏi lọt vào trong.

- Tôi cần đến Đâu-xơn, - chị ta nói. - Anh làm ơn chở giúp. Anh lấy bao nhiêu?

Tôi không muốn nhận chở ai, nhưng tôi lại không thích bảo "Không được". Tôi bèn trả lời:

- Một ngàn đô-la.

Tôi nói thế chỉ là nói đùa, cốt để chị ta khỏi đòi tôi chở. Và tôi nghĩ nói như thế hơn là từ chối thẳng thừng. Chị ta nhìn thẳng vào mắt tôi rồi nói tiếp:

- Bao giờ anh nhổ neo?

- Ngay bây giờ.

Chị ta bèn bảo:

- Cũng được.

Nghĩa là chị ta nhận trả một ngàn đô-la.

Biết làm thế nào được nữa? Tôi không muốn chở chị đàn bà này, nhưng tôi đã chót nói giá một ngàn đô-la. Tôi sừng sốt, hay chị ta nói giỡn? Tôi bảo:

- Chị đưa tôi nhìn thử xem có đúng chị có một ngàn đô-la không nào?

Và thế là người phụ nữ trẻ măng và có mỗi một thân một mình trên con đường phủ đầy tuyết trắng ấy bỗng lấy ra một ngàn đôla tiền giấy đặt vào tay tôi thật. Tôi nhìn số tiền rồi lại nhìn chị. Biết nói thế nào bây giờ?

- Không đâu, - tôi bảo. - Thuyền của tôi chật lắm. Không đủ chỗ để hành lý của chị đâu.

Nhưng chị phụ nữ cười. Chị ta nói:

- Tôi quen nay đây mai đó rồi. Hành lý rất ít, chỉ có ngân này thôi.

Và chị đá chân vào cái bọc nhỏ đặt trên tuyết hai tám lông thú và ít quần áo phụ nữ gói trong một miếng vải bạt. Tôi nhắc cái bọc lên. Chừng ba mươi lăm bảng ⁽¹⁾, không hơn. Tôi ngạc nhiên. Chị ta dang lấy cái bọc rồi bảo:

- Ta đi thôi.

Chị xách cái bọc xuống thuyền. Tôi còn biết nói thế nào được nữa? Dành xếp mấy cái chăn của tôi vào khoang và bắt đầu chèo. Trời gió. Tôi giương cánh buồm nhỏ lên. Chiếc thuyền lao vun vút trên mặt sóng khá lớn. Chị phụ nữ hoảng sợ.

- Chị đến cái vùng Clônđaico này làm gì, nếu như chị nhất gan đến thế? - Tôi hỏi.

(1) Đơn vị trọng lượng bằng khoảng nửa kilôgam (N.D)

Chị ta đáp lại bằng tiếng cười chói tai, nhưng thấy rõ ràng chị rất sợ. Và rất mệt mỏi. Tôi cho thuyền lao qua mấy cái ghềnh về phía hồ Bennét. Nước chảy xiết và chị phụ nữ chốc chốc lại thét lên vì sợ. Rồi thuyền vào đến trong hồ. Chung quanh là băng, là tuyết, là gió lạnh thổi ào ào, nhưng do quá mệt chị đã thiếp ngủ đi lúc nào không biết.

Tối hôm ấy chúng tôi dừng lại nghỉ ở Uyndi - Am. Chị phụ nữ ngồi ăn bữa tối bên bếp lửa. Tôi ngắm chị ta. Chị rất đẹp. Sau đó chị chải đầu. Tóc chị dài, màu hạt dẻ, ánh lửa chiếu vào trông óng ánh như bằng vàng. Mắt chị to, màu nâu, lúc thì hiền dịu như thể có một ngọn nến hắt ánh sáng vào phía sau tấm rèm cửa, khi lại cứng cõi, long lanh như những hạt băng dưới ánh nắng mặt trời. Mỗi khi chị mỉm cười... biết nói như thế nào nhỉ?... Mỗi khi chị mỉm cười tôi hiểu được ra rằng bất cứ một người da trắng nào cũng thêm được hôn chị. Tôi không nói sai đâu. Con người này chưa phải làm lung vất và bao giờ. Bàn tay mịn màng như tay trẻ thơ. Và toàn thể con người cũng mịn màng như trẻ thơ. Không phải yếu đuối mà mềm mại. Tay, chân, các thớ thịt đều mịn màng, mềm mại như của trẻ thơ. Thân hình chị thon thả... Và khi chị đứng dậy, đi lại, quay đầu, giơ tay... tôi không tìm được chữ gì... nhìn chị cử động thật ngoạn mục. Chị giống như một chiếc thuyền thoi đẹp,

được dẻo gọt tỳ mỹ. Đúng rồi, dáng điệu, cử chỉ của chị giống như chuyển động của một chiếc thuyền thoi đẹp khi nó lướt trên mặt nước êm ả hay khi nó chồm lên những đợt sóng hung hãn đang tung bọt trắng xoá. Rất ngoạn mục.

Chị ta đến vùng Clônđaico để làm gì mà đi có một thân một mình, lại đem theo nhiều tiền đến như vậy? Tôi không biết. Hôm sau tôi hỏi thì chị phá lên cười và nói:

- Xítca Sácli, chuyện ấy có dính dáng gì đến anh kia chứ? Tôi trả anh một ngàn đôla để anh chở tôi đến Dâu-xơn. Anh chỉ cần biết thế là đủ.

Hôm sau nữa tôi hỏi tên chị là gì. Chị ta lại phá lên cười và đáp:

- Tên tôi là gì à? Mêri Giôn-xơ!

Tôi không biết tên thật chị ta là gì, nhưng chắc chắn không phải Mêri Giôn-xơ.

Dưới thuyền giá lạnh và chị thấy trong người rất khó chịu. Nhưng thỉnh thoảng khi thấy trong người khoan khoái chị cất tiếng hát. Giọng chị như chuông bạc. Những lúc ấy tôi cũng cảm thấy khoan khoái, tưởng như mình đang ngồi trong nhà thờ Thánh giá. Sức khoẻ tăng lên và tôi chèo như điên. Sau đấy chị cười bảo:

- Chúng ta sẽ đến Dâu-xơn kịp trước khi sông

đóng băng chứ? Anh thấy thế nào, Sácli?

Thỉnh thoảng chị ngồi thừ ra, thể xác trong thuyền nhưng hồn ở tận đâu đâu. Đôi mắt bất động như thế này này. Chị ta không nhìn thấy Sácli, cũng chẳng nhìn thấy băng tuyết gì nữa. Đầu óc chị như để nơi đâu xa lắc. Những lúc chị nghĩ ngợi như thế, nét mặt chị bỗng trở nên dữ tợn, tôi không dám nhìn vào nữa. Đúng là nét mặt của một kẻ uất giận. Nét mặt của một kẻ đang tính chuyện giết người.

Ngày cuối cùng trước khi đến Dâu-xơn là một ngày cực kỳ vất vả. Những chỗ nước lặn ở cạnh bờ sông đều đã đóng băng. Còn giữa dòng thì những tảng băng lênh bênh chen chúc nhau. Thuyền chúng tôi không đi được nữa vì vướng những tảng băng ấy. Cố chèo vào bờ cũng không nổi. Thật gay go. Tôi đành thả cho thuyền trôi xuôi theo dòng, giữa những tảng băng xô đẩy nhau. Ban đêm băng va vào nhau tạo nên những tiếng ầm vang rất lớn. Rồi cuối cùng cả mặt nước đóng thành băng. Thuyền không chuyển động được nữa. Mọi thứ ngưng đọng lại hết.

- Ta bỏ thuyền đi bộ lên bờ vậy, - chị phụ nữ nói.

Tôi đáp:

- Không nên. Chịu khó đợi một lúc nữa.

Lát sau băng bắt đầu chuyển động và trôi xuôi theo dòng nước. Trời tối sầm lại, không còn nhìn thấy

gì nữa. Mười một giờ đêm, mọi thứ lại ngưng đọng. Bỗng nổ ra bốp vỗ chiếc thuyền như bốp vỗ một vỏ trứng. Nhưng thuyền không chìm mà nằm chết trên mặt băng đông cứng. Tôi nghe thấy tiếng chó sủa. Đành chờ vậy. Chúng tôi bèn ngủ. Trời bắt đầu sáng. Tuyết không rơi nữa. Dòng sông đã đông cứng hết cả. Thị trấn Dauxon hiện ra trước mắt chúng tôi. Cũng may, vừa đến nơi thì thuyền mới vỡ. Và tôi đã kịp chổ được hai ngàn lá thư trên dòng chảy cuối cùng.

Chị phụ nữ hỏi thuê được một túp lều ngay trên đồi, và cả một tuần lễ tôi không gặp chị ta. Sau đấy, chính chị ta đến tìm tôi và bảo:

- Sácli, anh nhận làm công cho tôi nhé? Anh sẽ đi cùng với tôi, chặn dất đàn chó và thu xếp những nơi nghỉ chân ở dọc đường.

- Tôi đang làm nhân viên đưa thư kia mà - tôi đáp. - Lương tôi đủ để tôi sống rồi.

Nhưng chị ta lại nói.

- Tôi sẽ trả công anh cao hơn.

- Công thợ đào dất ở mỏ vàng là mười lăm đôla mỗi ngày đấy. - tôi nói.

Chị ta bèn bảo:

- Túc là bốn trăm rưỡi một tháng chứ gì?

- Nhưng Xítca Sácli đâu phải thợ đào dất! - Tôi nói.

- Tôi hiểu, - chị ta lại bảo. - Tôi sẽ trả anh bảy trăm rưỡi một tháng.

Lương như thế là khá cao. Tôi bèn nhận làm công cho chị ta. Chúng tôi vượt qua vùng Clônđaico, qua vùng Bônande và Endôradô, cứ theo dọc sông Indây và con suối Diêm Sinh đến tận biên giới Canada, quật ngược trở lại qua đường phân thủy, qua Đáy Vàng trở về Dâu-xơn. Chị phụ nữ luôn tay ghi chép gì đó, tôi không thể hiểu được. Tôi bần khoản:

- Chị viết gì thế? - tôi hỏi.

Chị cười.

- Chị đi tìm mỏ vàng à?

Chị lại cười. Rồi chị đáp:

- Chuyện ấy không liên quan gì đến anh, Sácli ạ. Từ đây tôi không hỏi thêm gì nữa.

Chị có một khẩu súng lục nhỏ, gài ở thắt lưng. Trên đường đi, thỉnh thoảng chị lại đem ra tập bắn. Tôi cười.

- Anh cười cái gì, Sácli? - chị hỏi.

- Chị chơi cái trò ấy để làm gì? - tôi hỏi. - Khẩu súng của chị không dùng được đâu. Nhỏ quá. Đồ chơi của trẻ con ấy mà.

Vừa trở về đến thị trấn Dâu-xơn, chị nhờ tôi tìm ngay cho chị một khẩu súng thật sự. Tôi mua một

khẩu "Côn" cỡ đạn bốn mươi tư, rất nặng, nhưng lúc nào chị cũng dắt ở thắt lưng.

Đến Đâuxơn xuất hiện một người đàn ông. Tôi không biết anh ta ở đâu ra. Chỉ biết anh ta là một "sêzacô", nghĩa là lính mới. Hai bàn tay cũng mịn màng như tay chị kia. Cũng không phải làm lưng vát vả bao giờ. Cũng dịu hiền. Thoạt đầu tôi tưởng chồng chị. Nhưng không, anh ta trẻ hơn chị nhiều. Và ban đêm họ ngủ mỗi người một giường. Nhìn bề ngoài, anh ta trạc hai mươi tuổi. Mắt xanh biếc, tóc vàng nhạt, ria mép cũng vậy. Tên là Giôn Giônxơ. Hay là em trai chị? Tôi không biết. Tôi không hỏi gì họ nữa. Tôi chỉ nghĩ Giôn Giônxơ không phải tên thật. Mọi người gọi anh ta là cậu Giocven. Tôi cho đấy cũng vẫn chưa phải tên thật. Và chị cũng không phải tên là cô Giocven như người ta thường gọi. Không ai biết tên thật của họ là gì.

Có một lần đêm khuya ở Đâuxơn tôi đang ngủ. Anh chàng đánh thức tôi dậy và bảo:

- Anh thắng cương vào cho đàn chó. Ta đi ngay!

Bây giờ tôi không hỏi gì họ nữa. Tôi dậy, thắng cương vào cho đàn chó. Rồi chúng tôi khởi hành. Chúng tôi lần dọc theo mặt sông Ucon. Lúc ấy là tháng mười một, ban đêm trời rất lạnh: sáu mươi lăm độ âm.

Chị yếu đuối, anh yếu đuối, nhưng cái rét thì dữ

đội. Cả hai đều rất mệt. Họ khóc thút thít. Tôi nói với họ: "Ta nên dừng lại nghỉ chân". Nhưng họ bảo: "Đi tiếp". Lần thứ hai tôi lại bảo họ nên tìm chỗ nghỉ chân chút ít, rồi lần thứ ba, nhưng họ vẫn một mực: "Đi tiếp". Tôi không thêm nói nữa. Và cứ như thế hết ngày này sang ngày khác. Họ rất yếu. Họ rét cóng lại và đã kiệt sức. Vì không quen đi ủng cứng nên chân họ bị trầy da. Họ bước khập khiễng, người lảo đảo như say rượu, khóc thút thít nhưng vẫn một mực: "Đi tiếp".

Họ như hai kẻ mất trí. Luôn miệng "Đi tiếp" và "Đi tiếp". Đi tiếp để làm gì? Tôi không biết. Chỉ biết là đi tiếp. Họ cần tìm cái gì? Tôi không biết, nhưng chắc chắn không phải họ đi tìm vàng. Tôi không thấy ở họ có triệu chứng bệnh "sốt vàng". Và họ tiêu tiền như rác. Nhưng tôi không hỏi họ thêm gì nữa. Tôi cũng đi tiếp và đi tiếp. Bởi vì tôi quen chịu đựng và tôi được trả lương cao.

Chúng tôi đến thị trấn Xéccon. Họ không tìm thấy thứ họ cần tìm. Tôi nghĩ bụng, bây giờ thì chúng ta sẽ nghỉ ngơi chút ít và cho lũ chó cùng nghỉ. Nhưng chúng tôi lại không nghỉ. Không được lấy một ngày xả hơi.

- Anh dậy đi! - Chị nói với anh ta. - Ta đi tiếp.

Và chúng tôi đi tiếp, không theo dòng sông Ucon

bao tay ra, thọc tay vào trong người, kẹp giữa hai bắp đùi cho được ấm thêm đôi chút.

Chân bước cà nhắc như vậy, chúng tôi đi vào thị trấn Xéccon. Bản thân tôi, Xítca Sácli cũng cảm thấy rã rời. Đêm trước lễ Giáng Sinh, tôi uống rượu, nhảy múa, nô đùa, nghĩ rằng mai là ngày lễ lớn; chúng tôi sẽ được nghỉ ngơi. Nhưng nào có được thế. Mới năm giờ sáng, tôi ngủ chưa được hai tiếng đồng hồ, đã thấy anh đàn ông đứng ở đầu giường:

- Dậy, Sácli! Thắng cương cho đàn chó, chúng ta đi tiếp.

Hình như tôi đã kể rằng tôi không hỏi họ gì thêm nữa phải không nhỉ? Họ trả tôi lương mỗi tháng bảy trăm rưỡi đôla. Họ là chủ, tôi là người làm công. Nếu như họ có bảo: "Dậy, Sácli, ta sẽ đi xuống địa ngục!" thì tôi cũng vẫn thắng cương cho đàn chó, quát ngon roi rồi đi xuống tận địa ngục cùng với họ. Thế là tôi đứng dậy, ra thắng cương cho đàn chó và chúng tôi đi xuôi theo dòng sông Ucon. Đi đến đâu, họ không nói. Họ chỉ một mực:

- Đi tiếp! Đi tiếp! Ta đi tiếp!

Cả hai đều mệt rã rời. Họ đã đi hàng trăm dặm và không hề suy nghĩ đến chuyện thay đổi cách đi. Họ lại còn bị cái bệnh ho rất khó chịu ấy hành hạ. Cái chứng ho khan khiến người khỏe phải vắng tục, còn

nữa, mà quay sang hướng tây, đi cắt ngang qua đường phân thủy rồi đi xuống miền Tanana. Ở đây người ta vừa phát hiện ra những mỏ vàng mới. Nhưng đến đây họ cũng vẫn chưa thấy thứ mà họ cần tìm. Thế là chúng tôi lại quay trở về Xéccon.

Đường đi rất vất vả. Đã cuối tháng Chạp. Ngày rất ngắn và rất rét. Có lúc, sáng sớm nhiệt độ tụt xuống dưới bảy mươi độ âm.

- Ngày hôm nay ta không nên đi, - tôi nói. - Không khí lạnh chui vào phổi sẽ gây nên cái bệnh ho rất khó chịu. Cái bệnh ho ấy sang xuân sẽ biến thành bệnh sung phổi đấy.

Nhưng họ là những "sêzacô". Họ không hiểu gì về đường xá. Họ giống như hai cái xác chết vì kiệt sức nhưng miệng vẫn cứ:

- Đi tiếp!

Và chúng tôi đi tiếp. Giá lạnh đã chui vào phổi họ và họ bắt đầu ho khan. Ho sặc sụa đến nỗi nước mắt trào ra, chảy xuống má. Khi tôi rán mỡ thổi, họ chạy vội ra xa khỏi bếp lửa và ho sặc sụa suốt nửa giờ đồng hồ trên tuyết. Giá lạnh làm má họ xạm lại khiến họ rất đau đớn. Rồi hai ngón tay cái của họ cũng cứng lại, như muốn rụng ra, khiến họ phải lột thêm một lượt găng nữa vào trong bao tay để giữ ấm chỗ đau. Những lúc quá lạnh, ngón tay cái cứng lại, họ phải bỏ

kẻ yếu thì khóc. Nhưng họ vẫn đi tiếp. Lũ chó không được nghỉ ngơi gì hết. Luôn luôn phải mua những con chó mới để thay cho những con không đủ sức đi tiếp. Đến mỗi nơi nghỉ chân, mỗi xóm nhỏ, mỗi bản người thổ dân, họ lại cắt dây cương buộc cổ những con chó kiệt sức và thắt những con mới mua vào thay. Họ rất nhiều tiền. Không đếm xuể. Và họ quăng tiền vô tội vạ. Họ điên chăng? Đôi lúc tôi có cảm tưởng như họ điên thật. Tưởng như có một con quỷ trong đầu, thúc họ đi tiếp và đi tiếp. Lúc nào cũng đi tiếp. Họ tìm gì? Không phải vàng. Chưa bao giờ tôi thấy họ đào thử chỗ nào. Tôi suy nghĩ rất nhiều. Và tôi sợ nghĩ, hay họ đi tìm một người nào đó? Nhưng tìm ai. Chúng tôi chưa hề gặp người ấy. Nhưng họ giống như hai con chó sói đang đuổi theo dấu vết một con mồi. Có điều họ là những con sói khác thường, dịu hiền. Không phải sói lớn mà là sói con, họ không hiểu gì hết về sự thay đổi hướng đi. Ban đêm mê ngủ, họ khóc rưng rức, rên rỉ, than vãn về sự mệt mệ khủng khiếp. Còn ban ngày, chân nam đá chân chiêu, họ vừa lê bước, vừa khóc thút thít. Quả là những con sói kỳ quặc.

Chúng tôi đi qua Phóoctơ Ucon. Chúng tôi đi qua Phóoctơ Haminton. Chúng tôi đi qua Minúc. Đã gần hết tháng Giêng. Ngày rất ngắn. Mãi chín giờ, trời mới sáng. Ba giờ chiều, trời đã tối mịt. Và giờ

lạnh biết chừng nào! Đến ngay tôi, Xítca Sácli mà cũng còn mệt. Chẳng lẽ cứ đi suốt đời, đi mãi không bao giờ dừng lại như thế này ư? Tôi chẳng biết. Nhưng lúc nào tôi cũng nhìn về phía trước, xem họ tìm kiếm cái gì? Trên đường không có một ai. Thường khi đi suốt cả một trăm dặm mà không gặp một bóng dáng nào. Tuyệt đối tĩnh mịch. Lặng lẽ hoàn toàn. Thỉnh thoảng tuyết rơi và chúng tôi giống như những bóng ma. Cũng có hôm trời sáng sủa, và đúng giữa trưa, mặt trời ló ra một lúc đằng sau dãy đồi ở phía Nam. Trên bầu trời, hào quang Bắc cực toả sáng, những mặt trời ảo ảnh nhảy nhót, không trung đầy một thứ bụi băng giá.

Tôi, Xítca Sácli là một con người khoẻ mạnh. Cha mẹ sinh ra tôi giữa lúc đi trên đường, và cả cuộc đời lúc nào tôi cũng trên đường. Nhưng hai con sói nhỏ này đã làm tôi kiệt sức. Tôi gầy dộc đi như một con mèo đói. Tôi bắt đầu cảm thấy sung sướng khi ban đêm được nằm trên giường. Nhưng tờ mờ sáng tôi đã phải dậy, trong khi vẫn chưa thấy được nghỉ ngơi cho hẳn hoi. Nhưng chúng tôi vẫn cứ lên đường từ khi trời chưa sáng đất chung quanh còn tối om. Và đêm xuống từ lúc chúng tôi vẫn còn đang mải miết đi. Ôi, những con sói nhỏ ấy! Nếu như tôi gầy dộc đi như con mèo đói thì họ còn gầy đét lại như hai con mèo sắp chết đói. Vì từ lâu lắm rồi, chúng tôi không được ăn.

Mắt họ trũng sâu, lúc thì rực lên một ánh sáng điên cuồng trong hốc mắt, lúc lại mờ đục đi như mắt của người đã chết rồi. Hai má của họ trũng sâu như hai cái hang trong núi đá. Má họ đen xỉ như không còn da vì bị cồng quá nhiều lần. Thịnh thoảng sáng dậy, chị phụ nữ bảo:

- Tôi không thể đứng dậy nổi. Tôi không cất chân lên được. Tôi chỉ muốn chết!

Nhưng anh đàn ông đứng bên giường chị nói:

- Dậy! Ta đi chứ!

Và họ lại đi tiếp. Có lần anh đàn ông không đứng dậy nổi. Và chị phụ nữ bảo anh:

- Dậy! Ta đi chứ!

Nhưng bao giờ cũng chỉ có một điều: họ đi tiếp. Cứ đi và đi mãi.

Thịnh thoảng gặp những phố nhỏ, họ nhận được thư. Tôi không biết những lá thư ấy viết gì. Nhưng đấy chắc là dấu vết mà họ đang lần theo.

Những lá thư ấy hướng họ lần theo dấu vết. Có lần một thổ dân đem thư đến cho họ. Tôi gặp riêng anh ta để dò hỏi. Anh ta bảo lá thư do một người chột mắt trao cho. Người ấy đang vội vã xuôi theo dòng sông Ucon. Chỉ có vậy thôi. Nhưng tôi đã hiểu được rằng hai con sói nhỏ kia đang đuổi theo người chột.

Sang tháng Hai. Chúng tôi đã đi được ngàn rưỡi

dặm. Chúng tôi ra đến bờ biển Bêrinh. Bão tuyết lồng lộn. Chỉ vượt qua một chặng đường ngắn cũng hết sức vất vả. Chúng tôi sắp đến thị trấn Anvích. Không biết do đâu tôi tin chắc rằng đến đây họ sẽ nhận được thư. Cả hai tỏ ra sốt ruột, luôn miệng thúc:

- Nhanh lên! Nhanh lên! Đi tiếp!

Tôi bảo:

- Phải mua thức ăn dự trữ đã.

Nhưng họ đáp:

- Cần đi thật nhanh. Còn thức ăn ta có thể lấy ở lều của Sácli Mác-Kiôn.

Tôi hiểu rằng họ đã quyết định quật sang đường *nấn* lớn, bởi vì Sácli Mác-Kiôn chính là đang sống ở đây dưới chân ngọn Núi đá đen, ngay bên cạnh đường.

Đến Anvích, tôi tìm gặp cha cố ở đây trao đổi vài câu. Thì ra đúng như thế. Cái người chột mắt kia đã đi qua thị trấn này. Ông ta rất vội vã. Quả là như vậy: hai chủ tôi đi tìm người chột mắt. Chúng tôi rời khỏi Anvích, trong tay không còn chút thức ăn dự trữ nào. Chúng tôi đi chân tay không, đi vội vã. Ở Anvích họ mua thêm ba con chó nữa, và chúng tôi chạy rất nhanh. Cả anh ta lẫn chị ta đều như những kẻ điên. Sáng nào chúng tôi cũng dậy và khởi hành sớm hơn mọi khi. Và tối, chúng tôi nghỉ lại cũng muộn hơn.

Thỉnh thoảng tôi ngoái đầu lại nhìn xem thử họ đã sắp chết chưa, hai con sói nhỏ ấy. Nhưng họ vẫn cầm cự được. Họ lao về phía trước, vẫn về phía trước. Mỗi khi cơn ho nổi lên, họ ôm chặt lấy ngực rồi ho, ho dữ dội, người cúi gập xuống. Họ không đi được nữa, không nói được nữa. Họ ho liên mười phút, có khi nửa giờ, rồi mới đứng thẳng dậy được. Nước mắt nước mũi đông cứng lại trên mặt, nhưng họ chỉ nói:

- Đi tiếp! Đi tiếp!

Ngay đến tôi, Xítca Sácli cũng mệt khủng khiếp và tôi bắt đầu nghĩ rằng, vất vả đến như thế này thì lương bảy trăm rưỡi đôla cũng chẳng phải là cao. Chúng tôi ra đến đường nấn lớn. Dấu vết còn nguyên vẹn. Hai con sói nhỏ cúi sát xuống xem dấu vết và bảo:

- Nhanh lên!

Họ luôn miệng giục:

- Nhanh lên! Mau lên!

Lũ chó rất vất vả. Chúng tôi còn quá ít thức ăn nên không thể cho chúng ăn no được. Chúng đuổi sức trông thấy. Mà công việc lại nặng nhọc. Chị phụ nữ rất thương lũ chó và nhiều khi chị nhìn chúng ứa nước mắt. Nhưng con quỷ náu trong người chị thúc chị ta đi tiếp, không cho họ dừng lại, không cho đàn chó nghỉ.

Cuối cùng chúng tôi đuổi kịp người chột mắt. Anh ta nằm trên tuyết, ngay bên cạnh đường đi. Anh ta bị gãy một chân. Do đấy anh ta không thu xếp được nơi nghỉ hẩn hoi, đành chỉ quán chần nằm giữa trời liên ba ngày, chắc phải cố gắng lắm mới giữ được cho bếp lửa khỏi tắt. Khi chúng tôi đến nơi, anh ta đang nằm, miệng không ngớt chửi rủa như một con quỷ. Tôi chưa bao giờ thấy ai chửi rủa tục tằn như vậy.

Thấy họ đã gặp được thứ họ tìm kiếm, tôi rất mừng. Chắc bây giờ sắp được nghỉ ngơi. Nhưng ngờ đâu chị phụ nữ lại bảo:

- Ta đi tiếp, nhanh lên!

Tôi sững sốt. Còn người chột mắt thì bảo:

- Đừng lo cho tôi. Chỉ cần để lại cho tôi ít thức ăn dự trữ của các bạn. Ngày mai các bạn sẽ mua được của Mắc-Kiôn. Và bảo hẩn ta đến đây đón tôi. Còn các bạn thì cứ đi tiếp đi."

Anh ta cũng là một con sói, chỉ khác đấy là một con sói già. Và anh ta cũng chỉ có một ý nghĩ: đi tiếp! Chúng tôi để lại cho anh số thức ăn dự trữ ít ỏi còn lại, bỏ thêm ít củi giúp anh ta. Rồi chọn lấy những con khỏe nhất trong đàn chó của anh và lại đi tiếp.

Chúng tôi bỏ người chột mắt ở lại trên tuyết. Và anh ta đã chết ở đấy vì rốt cuộc Mắc-Kiôn vẫn không

đến đón anh ta. Tôi không biết người chột mắt kia là ai và sao lại lưu lạc đến nơi này. Nhưng tôi đoán các chủ tôi đã trả công anh ta hậu hĩ cũng như trả tôi, để anh ta làm việc cho họ.

Suốt ngày và đêm hôm ấy chúng tôi không có gì để ăn. Suốt ngày hôm sau chúng tôi lại đi rất nhanh cho nên càng đói và chúng tôi đã kiệt sức hoàn toàn. Cuối cùng chúng tôi cũng lê được đến hòn Núi đá đen. Núi đứng sừng sững ngay bên đường, cao chừng 500 bộ. Lúc ấy đã về chiều. Trời chập choạng tối và chúng tôi không tìm được túp lều của Mác-Kiôn, cho nên đặt mình xuống ngủ mà vẫn chưa có được cái gì vào bụng. Sáng hôm sau chúng tôi đi tìm túp lều ấy, nhưng nó đã biến đâu mất. Thật là điều khủng khiếp vì mọi người đều biết rằng Mác-Kiôn sống trong túp lều dưới chân Núi đá đen. Chúng tôi ở gần bờ biển. Gió thổi rất mạnh và tuyết rơi từng đám dày. Gió vun tuyết lại thành từng đống lớn.

Tôi thoáng nảy ra một ý nghĩ. Tôi bới một đống tuyết, rồi bới sang đống khác. Tôi đụng phải những bức vách của một túp lều. Tôi tiếp tục bới nữa để tìm cửa, rồi chui vào. Mác-Kiôn đã nằm chết cứng trong đó. Anh ta chết có lẽ được hai hoặc ba tuần rồi. Một chứng bệnh nào đó đã khiến anh ta không thể ra khỏi nhà được. Và gió đã vun tuyết lại phủ kín túp lều. Bị nhốt kín trong ấy, anh ta ăn hết thức ăn dự trữ và

chết. Tôi nhìn vào chỗ để thức ăn của anh ta thì thấy rỗng không.

- Đi tiếp! - Chị phụ nữ nói. Mắt chị ánh lên một tia lửa đói khát, còn bàn tay thì ôm lấy ngực, như thể chị đang đau đớn bên trong. Chị đứng lắc lư như cái cây con trước gió.

- Phải đấy, ta đi tiếp thôi! - Anh đàn ông nói.

Giọng anh khàn như tiếng kêu của một con quạ già. Và do đói quá, anh như người mất trí. Đôi mắt rục lên như than hồng. Người anh lắc lư. Và tôi thấy rõ ràng linh hồn của anh chỉ còn le lói trong cái thể xác ấy.

Tôi cũng nói: "Đi tiếp!", bởi vì cái ý nghĩ ấy quất vào tôi như một ngọn roi trên mỗi dặm đường, trên quãng đường dài ngàn rưỡi dặm và đã hằn sâu vào óc khiến cho tôi hình như cũng trở thành kẻ mất trí. Và lại chúng tôi cũng chẳng còn có thể làm gì khác ngoài việc tiếp tục đi. Thức ăn dự trữ đã hết sạch. Và chúng tôi đã tiếp tục đi, không hề nghĩ gì đến người chột mắt mà chúng tôi đã bỏ rơi lại, hiện vẫn đang nằm trên tuyết lạnh.

Quãng đường được nắn lại là quãng đường ít ai đi đến. Có khi vài ba tháng liền chẳng ai bén mảng tới. Mặt đường tuyết phủ kín và chúng tôi không thấy một dấu vết nào chứng tỏ đã có ai đi trên con đường

này, về hướng này hoặc hướng kia. Gió thổi, tuyết rơi suốt ngày suốt đêm. Và chúng tôi cũng đi suốt ngày suốt đêm. Con đoi như cào nát ruột gan. Càng đi chúng tôi càng lả dần. Chị phụ nữ bắt đầu ngã quỵ xuống. Rồi đến anh đàn ông cũng vậy. Tôi tuy chưa bị ngã nhưng hai chân tôi tê dại. Thỉnh thoảng tôi loạng choạng và mấy lần suýt nữa cũng ngã lăn trên mặt tuyết.

Đêm cuối tháng Hai, tôi bắn được ba con gà gô trắng bằng khẩu súng của chị phụ nữ. Ăn xong, con đoi của chúng tôi cũng dịu đi được đôi chút. Nhưng còn đàn chó thì không có gì ăn. Chúng gặm dây cương làm bằng da bò và da hải cẩu. Tôi phải xua chúng bằng gậy, còn dây cương thì ban đêm tôi treo lên cành cây. Suốt đêm lũ chó sủa âm ỉ và đánh nhau dưới gốc cái cây ấy. Nhưng chúng tôi để mặc chúng. Cả ba chúng tôi ngủ say như chết và sáng dậy, ai cũng phờ phạc như xác chết mới từ trong mồ chui ra. Và chúng tôi lại đi tiếp.

Mồng một tháng Ba. Sáng sớm hôm ấy, lần đầu tiên tôi nhìn thấy dấu vết của kẻ mà hai con sói nhỏ vượt theo. Trời trong sáng và rét buốt. Mặt trời đứng lại lâu hơn trên bầu trời, và không trung lấp lánh những hạt bụi tuyết nhỏ li ti. Tuyết không rơi xuống mặt đường nữa, và tôi nhìn rõ những vết chân chó và vết xe trượt còn nguyên vẹn. Một người nào đó đi theo

sau xe trượt, và qua vết chân, tôi thấy rõ hấn ta đã kiệt sức. Rõ ràng hấn không được ăn đủ. Nhìn thấy những dấu vết còn nguyên vẹn, hai con sói nhỏ như phát cuồng lên.

- Nhanh! - Họ nói. Họ luôn miệng thúc. - Nhanh lên! Nhanh lên, Sácli! Nhanh nữa lên!

Chúng tôi cố sức vội vã, nhưng tiến độ vẫn rất chậm. Cả anh đàn ông lẫn chị đàn bà đều luôn vấp ngã. Và nếu như họ định ngồi lên xe trượt, thì vừa leo lên, lữ chó quá yếu đã ngã khụy chân, và lăn ra đất. Không những thế, trời lạnh đến nổi, ngồi lên xe có thể chết vì rét được. Bụng đói lại càng dễ chết rét. Khi chị phụ nữ ngã, anh đàn ông kéo chị dậy. Lúc khác chị lại kéo anh. Nhưng có lúc cả hai anh lẫn chị đều cùng ngã một lượt, và không đứng dậy nổi. Những lúc ấy tôi phải kéo họ dậy, nếu không họ cứ nằm đấy mãi và sẽ chết trên tuyết mất. Họ làm tôi rất vất vả, trong khi bản thân tôi đã rất mệt, lại còn phải điều khiển đàn chó. Mà có phải chỉ có thể thôi đâu. Do quá mệt, người họ trở nên rất nặng. Sau nữa, chính bản thân tôi rồi thỉnh thoảng cũng ngã lăn xuống tuyết. Nhưng không có ai đỡ tôi dậy, tôi đành phải tự mình cố đứng lên. Thế là tôi phải làm cả ba việc một lúc: tự mình đứng dậy, kéo họ lên và quát roi thúc đàn chó.

Buổi chiều hôm ấy, tôi chỉ bắn được có mỗi một con gà gô và cả ba chúng tôi đều rất đói. Anh đàn ông

bảo tôi:

- Ngày mai mấy giờ ta bắt đầu đi? Sácli!

Giọng anh ta nghe ồm ồm như từ dưới mồ vọng lên.

- Anh vẫn bảo là năm giờ kia mà, - tôi đáp.

- Mai ta đi từ lúc ba giờ, - anh ta nói.

- Anh sẽ không đi nổi đâu, - tôi cười chua chát.

- Mai ta sẽ bắt đầu khởi hành lúc ba giờ sáng, - anh ta nhắc lại.

Và chúng tôi đã khởi hành từ ba giờ sáng, bởi vì tôi làm công cho họ và phải tuân theo mọi mệnh lệnh của họ. Trời sáng sủa, lạnh, tĩnh mịch và lặng gió. Từ lúc mặt trời mọc, không trung đã trong vắt, có thể đưa tầm mắt đi rất xa. Chung quanh im ắng. Chỉ nghe thấy tiếng tim mình đập trong lồng ngực, trong không khí tịch mịch này nó đập rất to. Giống những kẻ mắc chứng mộng du, chúng tôi bước chân như đi trong mơ, cho đến khi ngã quỵ xuống mới hiểu ra rằng phải đứng dậy. Đến lúc ấy chúng tôi mới lại nghe thấy tiếng tim mình đập, mới lại nhìn thấy con đường. Không phải chỉ họ, mà tôi cũng bước chân đi như trong mơ. Và đột nhiên trong óc tôi nảy sinh những ý nghĩ kỳ quái. "Xítca Sácli này sống ở trên đời để làm gì? - Tôi tự hỏi mình. - Xítca Sácli lao động đổ mồ hôi, chịu đói và chịu những nỗi nhọc nhằn này vì

cái gì?". "Vì bảy trăm rưỡi mỗi tháng chẳng?" - Tôi tự trả lời và hiểu ngay rằng đấy là một câu trả lời ngu ngốc. Nhưng lại là một câu trả lời đúng... Và cũng từ ngày ấy trở đi, cho đến tận bây giờ, không bao giờ tôi nghĩ đến tiền nữa. Bởi vì vào cái ngày hôm ấy tôi đã sáng mắt ra, mọi thứ đều hiện lên rõ rệt và tôi thấy dễ chịu. Tôi hiểu được ra rằng, con người ta cần phải sống không phải vì tiền, mà vì hạnh phúc, là thứ mà không ai có thể cho, có thể mua, bán, là thứ có thể trả giá bằng bất cứ thứ gì được.

Sáng rõ, chúng tôi đến gần trạm nghỉ chân cuối cùng của cái kẻ đang ở phía trước. Nơi nghỉ trông tồi tệ, đúng là của một kẻ đang đói và kiệt sức. Trên mặt tuyết còn sót lại vài mảnh chần và vài bát. Và tôi đã hiểu như thế nghĩa là thế nào: lũ chó của hấn ta đã ăn hết dây cương và hấn ta đành xé chần ra làm dây cương cho chúng vậy.

Anh đàn ông và chị đàn bà chăm chăm nhìn những mảnh vụn ấy. Tôi nhìn họ, và tôi bỗng rung mình như gặp phải một làn gió buốt. Mắt họ trũng sâu vào trong hốc, ánh lên một ngọn lửa cuồng dại, do quá đói và quá mệt mỏi. Mặt họ giống như mặt kẻ chết đói. Má họ đen xạm lại vì da thịt bị giá lạnh làm cho chết đi.

- Đi tiếp! - Anh ta nói.

Nhưng chị bạn nổi cơn ho và ngã lăn xuống mặt tuyết. Cơn ho khan của hai lá phổi bị rét công. Ho một lúc lâu xong, chị cố gắng hết sức mới đứng dậy được, như thể chui từ dưới mồ lên, nước mắt nước mũi dàn dụa trên gò má đã đông cứng lại, hơi thở khô khè như từ trong lồng ngực hắt mạnh ra. Nhưng chị ta vẫn một mực:

- Đi tiếp!

Chúng tôi tiếp tục đi. Chúng tôi đưa chân như thể trong mơ, giữa không khí lạnh lẽ. Chúng tôi vừa đi vừa ngủ và không còn cảm thấy khổ cực gì nữa. Mỗi lần ngã xuống, chúng tôi mới sực tỉnh, mới lại nhìn thấy tuyết, thấy núi non, và thấy vết chân còn nguyên vẹn của kẻ đang ở phía trước. Và lúc ấy chúng tôi mới lại cảm thấy hết nỗi khổ cực. Đến một chỗ, trước mắt chúng tôi hiện ra cả một bãi tuyết mênh mông, và thú mà họ tìm kiếm đã đang ở trước mặt. Cách chúng tôi chừng một dặm có bốn chấm đen in hình trên tuyết trắng. Bốn cái chấm ấy đang chuyển động. Mắt tôi bỗng tối sầm lại và tôi phải tập trung toàn bộ sức lực để nhìn cho rõ. Tôi thấy: một người với đàn chó và cỗ xe trượt. Hai con sói nhỏ cũng nhìn thấy. Họ không nói được nên lời nữa, mà chỉ phều phào:

- Đi tiếp! Đi tiếp! Nhanh lên!

Họ khuyu chân ngã xuống, nhưng lại cố đứng dậy đi tiếp. Người đi phía trước thỉnh thoảng lại phải dừng bước để sửa lại chiếc dây cương bị đứt, chiếc dây cương làm bằng vải chần xé ra. Bộ dây cương của chúng tôi thì yên ổn, vì đêm đêm, tôi vẫn treo lên cây. Đến mười một giờ thì chúng tôi còn cách người kia nửa dặm. Lúc một giờ trưa, khoảng cách còn có một phần tư dặm. Hẳn ta rất yếu. Chúng tôi thấy rõ chốc chốc hẳn lại ngã dúi xuống tuyết. Một con chó của hẳn không đi nổi nữa. Hẳn cắt dây cương nhưng không giết. Và khi chúng tôi đến nơi, tôi đã lấy rìu bỏ lên đầu con chó ấy. Đây là cách chúng tôi thường làm, khi con chó nào của chúng tôi kiệt sức không đi được nữa.

Bây giờ chúng tôi chỉ còn cách hẳn có ba trăm bộ⁽¹⁾. Chúng tôi tiến rất chậm. Có lẽ phải mất hai ba tiếng đồng hồ mới đi nổi một dặm. Nói đi là không đúng. Cứ ngã xuống, đứng dậy, loạng choạng lê vài ba bước, rồi lại ngã khuyu xuống. Tôi liên tiếp phải nâng họ dậy. Có lần họ đã quỳ lên được rồi, lại đâm đầu xuống tuyết, phải dúi đầu vào tuyết vài lần mới đứng dậy nổi. Sau đấy, đi được vài bước, lại loạng choạng, rồi lại ngã dúi đầu xuống. Bao giờ họ cũng đâm đầu xuống trước. Dù đang đứng hay đang quỳ, họ cũng chỉ

(1) Tương đương 32cm (N.D)

ngã chúi về phía trước, để mỗi lần ngã, nhích được gần mục tiêu thêm một quãng bằng chiều dài của thân thể họ.

Rồi họ bò bốn chân, như những con thú trong rừng. Chúng tôi di chuyển như những con ốc sên, những con ốc sên sắp chết... Đấy, chúng tôi đi như thế đấy. Vậy mà vẫn nhanh hơn cái kẻ đang ở phía trước. Bởi vì hấn cũng luôn luôn ngã và hấn lại không có một thằng Xítca Sácli để kéo hấn dậy. Hấn kia rồi, chỉ cách chúng tôi có hai trăm ácsơ⁽¹⁾. Qua một lúc rất lâu nữa, hấn còn cách chúng tôi một trăm ácsơ.

Cảnh tượng đáng nực cười! Nực cười đến nỗi tôi muốn cười phá lên. Đúng thế, tôi muốn cười thật lớn, cười cho hết lồng ngực mới thoả! Một cuộc chạy đua của những thầy ma và những cái xác chó đã chết. Giống như trong mơ, khi anh mê thấy mình chạy trốn một hiểm nguy nào đấy, cần chạy thật nhanh nhưng hai chân cứ riu lại và anh cảm thấy mình chuyển động chậm chạp đến mức khủng khiếp. Anh đàn ông đã mất trí. Chị đàn bà đã mất trí. Tôi đã mất trí. Toàn thể giới đã mất trí. Nghĩ đến đây, tôi không làm sao nhìn cười được.

Người vô danh ở phía trước đã bỏ đàn chó lại và

(1) Tương đương 91cm (N.D)

đi một mình trên tuyết. Phải mất một thời gian dài nữa, nhưng rốt cuộc chúng tôi cũng vẫn đến chỗ được hấn bỏ lại đàn chó. Lũ chó nằm trên tuyết, đã kiệt sức hoàn toàn, trong đống dây cương bằng những mảnh vải xé ở chân và bạt ra. Đằng sau chúng là cỗ xe trượt tuyết. Khi chúng tôi đi ngang qua, chúng nhe răng và sủa để gọi chúng tôi lại, như những đứa trẻ đói gọi người qua đường.

Rồi đến lượt chúng tôi cũng phải bỏ lại đàn chó và cũng đi chân tay không trên tuyết lạnh. Anh đàn ông và chị đàn bà giống như hai cái xác chết hiện hồn. Họ rên rỉ, khụt khịt, nhưng vẫn tiến. Tôi cũng bước theo. Tôi chỉ có một ý nghĩ: đuổi kịp cái kẻ vô danh kia. Khi ấy tôi sẽ được nghỉ ngơi. Nhưng phải đến được tận chỗ hấn. Và có lẽ khi ấy tôi sẽ ngủ một giấc dài một ngàn năm. Nói như thế chúng tôi đến một mức nào.

Kẻ lạ mặt kia chỉ còn cách chúng tôi có năm mươi ácdơ, trơ trụi một mình trên tuyết trắng. Hấn ngã xuống, rồi bò, rồi đứng dậy, loạng choạng, lại ngã rồi lại bò. Như con thú bị thương nặng cố chạy trốn cho thoát người đi săn đang đuổi theo. Nhưng rồi hấn không đứng dậy được nữa, mà chỉ còn bò bằng bốn chân. Anh đàn ông và chị đàn bà cũng không đứng dậy được. Họ cũng bò đuổi theo hấn. Riêng tôi vẫn đi. Tôi có ngã, nhưng lần nào cũng vẫn đứng dậy được.

Một bức tranh kỳ lạ! Chung quanh tuyết trắng xoá, ở giữa có một người đàn ông và một người đàn bà đang lặng lẽ bò. Phía trước họ là kẻ lạ mặt. Hai bên mặt trời thật là hai mặt trời giả, ảo ảnh. Nghĩa là trên trời có cùng một lúc những ba mặt trời. Không trung chứa đầy một thứ bụi giá buốt, lấp lánh như kim cương. Đột nhiên chị đàn bà ho rũ rượi. Chị nằm bệt xuống tuyết, không nhúc nhích cho đến khi dứt cơn ho mới lại bò tiếp. Còn anh đàn ông, mắt chăm chăm nhìn về phía trước, nước mắt nước mũi đầm đìa như một ông cụ già. Anh ta phải luôn chùi nước mắt để nhìn kẻ lạ mặt. Rồi kẻ lạ mặt ngoái đầu lại. Còn Xítca Sácli vẫn gắng gượng đứng dậy được trên đôi chân. Mỗi khi ngã đều cố gắng đứng thẳng dậy.

Phải qua một thời gian rất dài nữa. Kẻ lạ mặt thôi không bò. Hắn từ từ đứng thẳng dậy, tháo găng tay, cầm lấy khẩu súng chờ đợi. Tuy nhiên người hắn vẫn chao đảo. Mặt hắn chỉ còn da bọc xương và lấm tấm những chấm đen do lạnh làm chết những chỗ trên da thịt. Đó là khuôn mặt của một kẻ chịu đói lâu ngày. Mắt trũng sâu. Răng nhe ra.

Anh đàn ông và chị đàn bà cũng đứng dậy và đi rất chậm về phía đối thủ. Chung quanh họ chỉ có mỗi tuyết trắng và sự tịch mịch. Trên cao là ba vầng mặt trời. Không trung lấp lánh những hạt bụi như kim cương.

Và thế là Xítca Sácli này được chứng kiến hai con sói nhỏ thực hiện cuộc giết người như thế nào. Không ai nói một lời. Chỉ mỗi kẻ lạ mặt với hình dạng của một kẻ đói khát đang nghiêng răng ghê rợn. Người hấn chao đảo, đôi vai xuôi xuống, đầu gối gấp lại, hai chân xạng rộng ra cho khỏi ngã. Anh đàn ông và chị đàn bà đứng lại cách hấn chừng năm chục bộ. Họ cũng xạng rộng hai chân cho khỏi ngã. Người họ cũng chao đảo. Kẻ lạ mặt rất yếu sức. Tay hấn run rẩy và viên đạn hấn nhằm vào anh đàn ông đã bị trượt và bay xuống tuyết. Anh đàn ông lúng túng mãi không tháo được bao tay. Tên lạ mặt lại nhằm vào anh bắn thêm phát nữa. Lần này cũng lại không trúng. Anh đàn ông dùng răng lôi chiếc bao tay ra. Nhưng tay anh đã tê cứng. Anh không giữ nổi khẩu súng và để rơi xuống tuyết. Tôi nhìn chị phụ nữ. Chị cũng đã tháo được bao tay ra và đang cầm khẩu "côn" to tướng giơ lên. Chị nổ ba phát liên. Kẻ lạ mặt rùng rợn, ngã dúi đầu xuống tuyết. Họ không buồn nhìn nạn nhân. Họ bảo:

- Đi tiếp!

Và chúng tôi lại đi. Nhưng bây giờ sau khi đã gặp được kẻ cần tìm, họ trở thành những xác chết thực sự. Họ kiệt sức hoàn toàn. Họ không thể đứng dậy được nữa. Thậm chí bò cũng không nổi. Họ chỉ còn một mong muốn: nhắm mắt lại và ngủ thiếp đi.

Tôi nhìn thấy ở gần đây một chỗ có thể bố trí thành nơi dừng chân tạm được. Tôi bèn dùng chân hích họ. Tay vẫn còn đang cầm cây roi đánh chó, tôi quất vào người họ. Họ thét lên rồi miễn cưỡng bò. Và cuối cùng họ cũng lê được đến nơi nghỉ. Tôi nhóm lửa để họ sưởi rồi kéo xe trượt đến. Tôi giết đàn chó của tên lạ mặt lấy cái mà ăn cho đỡ đói. Tôi đắp chăn lên người họ và họ thiếp đi ngay. Thỉnh thoảng tôi đánh thức họ dậy, nhét thức ăn vào miệng cho họ. Miệng nhai nhưng mắt họ vẫn nhắm nghiền. Chị phụ nữ ngủ một mạch một ngày rưỡi mới thức dậy, nhưng rồi lại thiếp đi. Anh đàn ông ngủ liền hai ngày mới thức dậy, nhưng rồi cũng lại thiếp đi nốt.

Sau đây chúng tôi lần ra hướng biển, đến thị trấn Xanh Maicon. Tối khi mặt biển Bêrinh băng đã tan, họ lên tàu rời khỏi nơi này. Trước đó, họ trả tiền cho tôi, cứ một tháng là bảy trăm rưỡi đôla. Ngoài ra họ còn thưởng thêm cho tôi một ngàn đôla nữa.

Năm ấy Xítca Sácli cúng cho giáo đoàn Thánh giá một món tiền lớn.

- Vậy tại sao họ lại giết người lạ mặt kia? - Tôi hỏi.

Xítca Sácli không trả lời ngay. Anh châm tàu thuốc, nhìn vào tờ tranh minh họa của báo "Bắc cực", rồi hất đầu về phía bức tranh một cách đầy ý nghĩa và chậm rãi nói:

- Tôi đã suy nghĩ rất nhiều mà vẫn chưa hiểu. Chuyện xảy ra chỉ có như vậy thôi. Đây là một bức tranh mà tôi vẫn còn nhớ. Cũng giống như nếu tôi chỉ nhìn vào khung cửa sổ và thấy một người đang viết thư. Họ bước vào cuộc đời tôi rồi lại đi ra, và để lại trong ký ức tôi một bức tranh, như tôi đã nói, không có mở đầu cũng chẳng có kết thúc.

- Trong khi kể cái câu chuyện vừa rồi, cậu đã vẽ lên bao nhiêu bức tranh, - tôi nói.

- Đúng thế, - anh gật đầu. - Nhưng tất cả những bức tranh ấy đều không đầu không cuối.

- Bức tranh cuối cùng có kết thúc đấy chứ? - Tôi cãi lại,

- Đúng, - anh đáp. - Nhưng là kết thúc thế nào?

- Đây là một mảnh đời, - tôi nói.

- Đúng! Một mảnh của cuộc đời, - anh tán thành.

VŨ ĐÌNH PHÒNG
Dịch từ bản tiếng Anh

A! A! A!

*H*ắn là người xứ Xcốt nghiện rượu uytxki nặng, mà lại chỉ nốc loại Uytxki chính cống, mới đầu còn uống từng ly một, sau đó uống đều đặn, nghỉ rồi lại uống, cứ thế lai dai suốt ngày cho đến lúc đi ngủ thì thôi, và thường lúc ấy đã là nửa đêm. Hắn chỉ ngủ năm tiếng, mười chín tiếng còn lại hắn uống một cách thâm lặng và khoan thai. Trong suốt tám tuần lễ tôi sống với hắn ở đảo San Hô Ulong, chưa bao giờ tôi thấy hắn tỉnh táo cả. Thực ra giấc ngủ của hắn ngắn quá khiến không đủ thời gian để mà tỉnh táo. Đây là một kẻ nghiện rượu tuyệt vời, đều đặn quanh năm, từ xưa tới nay tôi chưa từng thấy bao giờ.

Mac Alixtơ là tên hắn. Hắn già rồi, đi đứng đã xiêu vẹo. Bàn tay hắn run rẩy như mắc bệnh liệt, đặc biệt rõ khi hắn rót rượu uytxki, thế mà tôi chưa thấy hắn đánh rơi đến một giọt. Quần đảo Mêlanôdi, nơi hắn ở đã được hai mươi tám năm chạy dài từ Đảo Tân Ghinê đến đảo Xôlômông, thuộc Đức, và hắn quen

thuộc vùng đỏ của thế giới đến nỗi hần nói quen cả tiếng nói của dân đi biển vùng đó. Vì thế trong lúc nói chuyện với tôi, hần nói "thằng trời lên" ý nói "mặt trời mọc"; "Đi xục thôi" ý nói "Xin mời đi ăn cơm", hay "Cái bụng có cái dăm" ý nói "tôi đau bụng". Hần người nhỏ bé, héo hon là đằng khác, trong bụng bị rượu nặng đốt, bên ngoài bị mặt trời nóng bỏng thiêu. Người hần nhẹ như bấc, đi đứng cứng nhắc, lập cà lập cập như người máy. Một cơn gió mạnh có thể thổi bay hần. Hần cân nặng có trên bốn mươi cân.

Nhưng ở hần lại có một điều kỳ diệu, đó là quyền lực mà hần dùng để cai trị. Chu vi Đảo San Hô Ulong có một trăm bốn mươi dặm, lấy trung tâm là Hồ Nước Mặn. Có sáu nghìn người Pôlinêdia sống, tất cả là những người đàn ông và đàn bà lực lưỡng, có người cao đến một mét tám mươi và cân nặng hàng tạ. Đảo Ulong cách vùng đất liền gần nhất là hai trăm năm mươi dặm. Một năm hai lần, có một thuyền buồm đến thu mua vỏ dừa khô. Một người da trắng trên đảo Ulong là Mac Alixtơ, một tiểu thương và một tay nghiện rượu liên miên quanh năm, dùng bàn tay sắt để cai trị. Đảo Ulong có sáu nghìn người man rợ. Hần bảo đến là phải đến, hần bảo đi là phải đi. Họ không bao giờ thắc mắc về ý chí hay phán xét của hần. Hần là người khó tính, hay gây gổ giống như bất

cứ một người xứ Xcốt già nua nào, và hấn liên tục can thiệp vào công việc riêng tư của họ. Một hôm Nugu, con gái Chúa đảo, muốn lấy Haunan ở đầu kia của đảo, ông bố đồng ý; nhưng Alixtơ không đồng ý, thế là đám cưới không bao giờ được tổ chức. Khi Chúa đảo muốn mua một hòn đảo nhỏ nào đó ở Hồ Nước Mặn của một thầy pháp trưởng, Mac Alixtơ không đồng ý. Chúa đảo nợ Công ty số lượng một trăm tám mươi nghìn quả dừa, nhưng cho đến khi trả xong nợ, hấn đã không động đến một quả dừa vào việc gì khác.

Vậy mà Chúa đảo và dân không yêu mến gì Mac Alixtơ. Thật ra họ căm thù hấn ghê gớm, và theo tôi được biết, toàn bộ dân ở đây đứng đầu là các vị thầy pháp đã bỏ công đã trảng ra trong ba tháng liền, ngồi cầu khẩn cho hấn chết. Nhưng ma quỷ mà họ phải đi ám ảnh hấn đều rất khủng khiếp, nhưng vì Mac Alixtơ không tin vào ma quỷ cho nên họ không đủ sức mạnh chiến thắng hấn. Đối với những người nghiện rượu xứ Xcốt, mọi dấu hiệu ma quỷ đều không ăn nhằm gì. Họ đi nhặt nhanh từng mẩu vụn thức ăn mà hấn đã ăn, một chai uýt-xki rỗng, một quả dừa mà hấn đã uống hết nước, thậm chí cả nước bọt của hấn, rồi tiến hành mọi kiểu ma tà, úm mọi thứ đó. Vậy mà Mac Alixtơ vẫn sống trơ ra đó. Sức khỏe của hấn thật tuyệt vời. Hấn không bao giờ bị sốt, chẳng bao giờ ho

hay bị cảm lạnh; bệnh lý cũng phải trừa hấn ra; còn bệnh ung thư ác tính và bệnh ngoài da ngứa ngáy khó chịu tấn công cả người da đen lẫn người da trắng trong khí hậu như vậy, thế mà chẳng bao giờ bén mảng đến hấn. Chắc hấn uống rượu quá nhiều đến nỗi vi trùng cũng phải sợ không dám ẩn náu ở hấn. Tôi thường mong tượng ra những con vi trùng rơi lả tả quanh nơi bốc ra mùi Uýtxki của hấn, liền rơi xuống đất thành tro bụi li ti. Không ai yêu mến hấn, kể cả vi trùng, trong khi đó hấn chỉ yêu có rượu uýtxki, thế mà hấn vẫn còn sống.

Tôi phân vân mãi, không hiểu nổi tại sao sáu nghìn thổ dân lại chịu đựng nổi tên cường bạo nhỏ bé gầy mòn ấy. Thật là một điều kỳ diệu, từ đó đến giờ hấn vẫn chưa bị đột tử. Khác với những người Malanêdi hèn nhát khác, người dân ở đây rất tự cao và hiếu chiến. Trong một nghĩa địa lớn, ở đầu và cuối những cái mả, có những di tích của một quá khứ lịch sử đẫm máu - những xẻng, những lưỡi lê cổ han rỉ và những thanh đoản kiếm, những mũi tên đồng, những cái xích, những cái lao, những khẩu súng thần công, gạch, có thể không ở đâu khác mà chính từ lò cao đầu tiên của người săn cá voi và những đồ cổ bằng đồng của thế kỷ mười sáu, tất cả nói lên truyền thống của những nhà hàng hải Tây Ban Nha đầu tiên. Con tàu

nào đến Ulong cũng đều gặp nạn. Cách đây mới chỉ ba mươi năm, con tàu đánh cá voi Blanedale, vào Hồ Nước Mặn để sửa chữa, đã bị mất tích đột ngột với toàn bộ thủy thủ trên tàu. Cũng vậy, đoàn thủy thủ trên tàu Gaxket, một con tàu buồm gỗ đàn hương, đã bị tiêu tan. Có một con thuyền ba buồm Pháp tên là Tulông đã bị đứng yên vì thiếu gió ngoài hòn đảo San Hô. Dân trên đảo tràn lên thuyền sau một cuộc giao chiến dữ dội và đã đánh đắm nó trên đường Lipan; viên đại úy và một dúm thủy thủ chạy trốn trên một chiếc xuồng lớn. Sau đó có những con thuyền Tây Ban Nha cho hay về việc mất tích một trong những nhà thám hiểm đầu tiên. Tất cả chuyện về những con thuyền có tên ở trên là một vấn đề lịch sử và đều thấy trong cuốn Hướng Dẫn Tàu bè ở Nam Thái Bình Dương. Nhưng có một lịch sử khác không được viết ra, mà tôi lại biết. Đồng thời tôi thắc mắc tại sao sáu nghìn người man rí lại để cho một tên bạo chúa thoái hoá, người xứ Xcốt ấy sống.

Vào một chiều nóng nực, Mac Alixtơ và tôi ngồi trên hành lang nhìn ra Hồ Nước Mặn lấp lánh muôn vàn màu sắc như châu ngọc, đến kỳ diệu. Phía sau chúng tôi, độ một trăm mét chạy dài trên bãi biển có lưa thưa mấy cây cọ, sóng cồn vỗ âm âm vào đá ngầm. Trời nóng ghê gớm. Chúng tôi ở vào khoảng

bốn độ kinh tuyến Nam và mặt trời chiếu thẳng từ trên đầu xuống, vượt qua đường xích đạo cách mấy ngày đường, di chuyển về phía nam. Không có gió, thậm chí không có cả một luồng gió hiu hiu. Mùa gió mậu dịch đông nam hết sớm và gió mua tây bắc lại chưa tràn về.

- Bọn dân ở đây múa có ra gì đâu - Mac Alixtơ nói. Tôi tình cờ đề cập đến những điệu múa người Pôlinêdia, cho rằng chúng hơn hẳn những điệu của người Papua, nhưng Mac Alixtơ đã gạt phăng, không vì lý do gì khác ngoài cái tính hay gắt gỏng của hắn. Nhưng trời quá nóng, ai hơi đâu mà đi tranh luận, nên tôi không nói gì. Và lại tôi chưa bao giờ nhìn thấy người đảo Ulong múa.

- Tôi sẽ chứng minh cho anh xem, - hắn tuyên bố, ra hiệu cho thằng bé da đen người Niu Hanâuơ, mới tuyển vào làm đầu bếp và quét dọn nhà cửa. - Ê, chú bé, bảo với tên Chúa đảo lại đây.

Thằng bé đi, và quay lại chỉ thấy có viên thượng thư đi theo, dáng trông sợ sệt, vụng về, liến thảng vừa giải thích xin lỗi. Tóm lại Chúa đảo đang ngủ nên không được phép quấy rầy.

- Thằng Chúa đảo này ngủ khoẻ lắm - hắn nói độc một câu.

Mac Alixtơ nổi nóng khiến cho viên thượng thư

đàn hồi phải lùi đi và quay trở lại, có cả Chúa đảo đi theo. Hai người này trông cao lớn, đặc biệt Chúa đảo, có lẽ phải cao đến trên một thước tám mươi phân. Mặt ông ta trông giống mặt điều hâu, thường thấy trên những khuôn mặt của người da đỏ Bắc Mỹ. Ông ta như vốn sinh ra để cai trị. Khi lắng nghe đôi mắt sáng quắc là thế, vậy mà ông ta lại lùi lùi nghe theo lệnh của Mac Alixtơ đi kiểm độ hai trăm người nhảy múa giỏi nhất, kể cả đàn ông và đàn bà. Họ đã nhảy trong hai giờ liền, dưới ánh nắng như thiêu. Họ làm thế không phải họ yêu gì hấn, mà hấn cũng chẳng thèm để ý. Nhảy xong, hấn tổng khú họ đi một cách khinh rẻ và nhạo báng.

Sự hâu hạ khốn khổ của những người man rí tuyệt vời này đến là khủng khiếp. Làm thế nào lại có thể thế được? Điều bí ẩn trong sự cai trị của hấn là gì? Càng ngày tôi càng thấy bối rối mặc dù tôi có theo dõi những sự việc nói lên sự cai trị độc tài của hấn, tôi vẫn không sao hiểu nổi.

Một hôm, trong câu chuyện với hấn, tôi vô tình tỏ ra chán nản vì đã không đổi được một cặp ốc tiên vàng tươi. Cặp này giá ở Xitni tối đa là năm đồng. Tôi mặc cả đổi hai trăm cọc lá thuốc lá cho người có ốc nhưng người đó đòi ba trăm. Tình cờ tôi nói chuyện đó với Mac Alixtơ, lập tức hấn cho gọi người đó đến, lấy

những vỏ ốc của họ đưa cho tôi. Hắn chỉ cho phép người đó nhận cả thảy năm mươi cộc. Người đó nhận chỗ thuốc lá, tỏ ra vô cùng sung sướng được thoát thân một cách dễ dàng đến thế. Về phần tôi, tôi quyết định, mình phải cầm như hến, lần sau không được bép xép. Song tôi vẫn suy nghĩ về bí mật của quyền lực của Mac Alixtơ. Thậm chí tôi dám đánh bạo trực tiếp hỏi hắn ta về chuyện đó, nhưng hắn chỉ liếc nhìn tôi một cách khôn ngoan và không uống tiếp nữa.

Một đêm, tôi đi câu với Ốtí, người đã bị tước đoạt những vỏ ốc tiên. Tôi đã bí mật đến ông ta một trăm năm mươi cộc lá thuốc nữa, chính vì vậy ông ta đã tỏ lòng kính trọng tôi, gần như tôn kính, đến kỳ lạ, vì tôi thấy ông ta cũng già rồi, ít nhất cũng gấp đôi tuổi tôi.

- Người Kanac các ông sao lại hèn thế? - tôi bắt chuyện - Thành cha lái buôn chỉ có một mình. Còn Kanac các ông có biết bao nhiêu người. Các người ngu như bò; bao nhiêu kẻ đã xun xoe theo hắn. Hắn có ăn thịt các ông đâu. Hắn làm gì có vũ khí. Sao các người lại sợ hắn đến thế?

- Ông cho rằng nhiều người Kanac giết được ông ta à? - ông ta hỏi.

- Giết là hắn chết thôi, - tôi đáp lại. - Trước đây người Kanac các ông chẳng đã giết bao nhiêu người

da trắng đấy là gì. Vậy sao các ông lại sợ người da trắng cơ chứ?

- Có, chúng tôi có giết nhiều, - ông ta trả lời, - Góm! Vô khối! Nhưng đã lâu lắm rồi. Có lần, lúc ấy tôi còn rất trẻ, có một con tàu lớn đỗ ngoài khơi. Trời không có một ngọn gió. Người Kanac chúng tôi có nhiều xuống, nhiều lắm. Chúng tôi lao thuyền ra bắt con tàu đó. Trời! Đánh nhau to lắm. Hai ba người da trắng bắn như điên. Chúng tôi không sợ, mà cứ tiến lại tàu, leo lên, dễ đến năm trăm người. Có một phụ nữ da trắng trên tàu. Chưa bao giờ tôi thấy phụ nữ da trắng. Rất nhiều người da trắng bị giết chết. Một người chỉ huy thoát. Năm, sáu người da trắng sống sót, còn người chỉ huy hát vang. Một số người da trắng chiến đấu, còn một số thả xuống xuống sau đó họ chèo thuyền bỏ chạy. Người chỉ huy ném người đàn bà da trắng xuống theo. Rồi họ lái thuyền chạy thực mạng. Bố tôi lúc đó khỏe lắm. Ông cụ lao cái lao vào bên mạn sườn người đàn bà da trắng. Thế mà ông ấy vẫn chưa thôi. Lạy Chúa! Ông cụ lại đâm tiếp bên này sườn. Bà ta chết liền. Tôi không sợ. Nhiều người Kanac không sợ.

Lòng tự hào của ông già Ốti nổi dậy, vì đột nhiên ông ta tụt áo cho tôi xem một vết đạn rõ mồn một. Tôi chưa kịp nói thì bỗng dây câu của ông ta bị

lôi đi. Ông già giữ lại và cố kéo, nhưng con cá đã chạy vòng quanh một cành san hô. Ông nhìn tôi, vẻ trách móc vì đã làm ông ta phân tán, không chú ý đến câu cá. Ông ta tiến lại bờ, cho chân xuống nước, rồi chân ông ta gơ lên trời và ngụp xuống, theo dây câu xuống tận đáy. Nước chỗ đó sâu đến hàng chục mét. Tôi nhòai người nhìn thấy đôi bàn chân quấy mỗi lúc một mờ đi, khi ánh lân tinh xanh nhạt rực lên những ngọn lửa khủng khiếp. Sáu mươi mét. vậy mà chẳng nghĩa lý gì đối với ông ta. Độ năm phút sau, dĩ nhiên là không thể nào nhanh hơn được, tôi đã thấy ông ta nhô lên, người rực sáng. Ông ta nhô khỏi mặt nước và ném con cá thu đá nặng năm cân lên xuống, dây và lưỡi câu không bị sao cả, lưỡi câu còn cắm chắc vào miệng con cá.

- Có thể là thế, - tôi nói một cách tàn nhẫn - Trước đây các người không sợ. Thế mà lại sợ thằng cha lái buôn đó quá.

- Vâng, rất sợ, - ông ta thú nhận, tỏ vẻ như không muốn nói đến chuyện đó. Chúng tôi ngồi câu độ nửa giờ, hết kéo dây câu lên lại ném xuống, không nói với nhau một lời. Những con cá mập con cắn câu, nhưng sau khi mất một lưỡi câu, chúng tôi ngừng câu và đợi cho bọn cá mập bỏ đi.

- Tôi nói thật với ông, - Ối cất tiếng, - chính ông

làm cho chúng tôi giờ đây bớt sợ đấy.

Tôi chăm tẩu hút, ngồi đợi, và vì câu chuyện Ốt-i kể bằng một thứ tiếng lóng con nhà đi biển nghe đến gớm nên tôi phải quay lại kể bằng tiếng Anh chính gốc. Tinh thần và trật tự vẫn được giữ y nguyên như được kể từ miệng Ốt-i.

- Sau chuyện ấy chúng tôi rất tự hào về mình. Đã nhiều lần chúng tôi đánh nhau với người da trắng sống dựa vào biển, và chúng tôi luôn đánh bại họ. Một số trong chúng tôi bị giết chết, nhưng lại được đền bù bằng những kho báu có vô vàn vật quý giá trên những con tàu. Thế rồi một hôm, cách đây khoảng hai mươi, hai nhăm năm, có một con tàu buôn đến khu Hồ Nước Mặn. Chiếc tàu này lớn, có ba cột buồm. Trên tàu có năm người da trắng và đội thủy thủ khoảng bốn mươi người đều là những người da đen từ Niu Ghinê và Niu Briton. Con tàu đến đánh cá, dựa biển. Nó thả neo ngay tại Paulô trên Hồ Nước Mặn. Sau đó những chiếc thuyền con toả ra khắp nơi, cắm trại trên bãi biển để ướp cá. Chính xé lẻ như thế nên làm cho họ yếu đi. Khoảng cách giữa những người ở thuyền và tàu từ năm mươi dặm, có khi còn hơn thế.

Chúa đảo và quân thần triệu tập triều đình, tôi được ngồi trên chiếc xuồng chèo suốt cả chiều lẫn tối vượt qua Hồ Nước Mặn, mang lệnh đến cho mọi người

ở Paulô biết rằng đến sáng sẽ cùng một lúc tấn công những trại đánh cá và sau đó đánh con tàu chính. Một nhòai vì phải chèo xuồng mang lệnh đánh, nhưng chúng tôi vẫn tham gia chiến đấu. Trên con thuyền có hai người da trắng, thuyền trưởng và thuyền phó, với sáu nô lệ da đen. Chúng tôi bắt sống được thuyền trưởng và ba tên nô lệ ở trên bờ, mang giết họ đi. Nhưng viên thuyền trưởng đã dùng súng lục bắn chết tám người của chúng tôi trước. Chúng tôi đánh giáp lá cà, vật lộn với họ.

"Tiếng la hét đánh nhau làm cho thuyền phó biết điều gì đang xảy ra. Ông ta liền chất thức ăn, nước uống và lấp một cánh buồm vào chiếc thuyền nhỏ, dài không đến sáu mét. Chúng tôi ào lên tàu, có đến một nghìn người, cả hồ nước mặn đông nghịt xuồng của chúng tôi. Chúng tôi thổi tù và bằng vỏ ốc chai, hát những bài ca chiến đấu và lấy những mái chèo gõ vào mạn xuồng. Một người da trắng và ba người nô lệ da đen làm gì có cơ mong chống lại chúng tôi. Hoàn toàn không, và viên thuyền phó cũng biết vậy.

"Người da trắng khủng khiếp thật. Tôi đã theo dõi họ kỹ, mà giờ đây già rồi, cuối cùng tôi mới hiểu được tại sao người da trắng lại chiếm đoạt được mọi hòn đảo trên biển khơi. Chính vì họ khủng khiếp. Ông

ngồi trên xuống đây với tôi, trông ông có khác gì một cậu bé. Ông không khôn ngoan, vì hễ tôi kể chuyện gì ông cũng đều biết. Khi còn là một cậu bé da đen, tôi biết nhiều về cá và lối sống của chúng hơn ông. Tôi đã già rồi, nhưng tôi bơi được xuống đáy hồ, còn ông không thể làm theo được. Thế ông giỏi về cái gì? Tôi không biết, trừ có cái ông rất giỏi, đó là đánh nhau. Tôi chưa thấy ông đánh nhau bao giờ, nhưng tôi lại biết ông giống bà con anh em của ông, và các ông đánh nhau như quỷ dữ. Cũng giống như người anh em của ông, ông là một thằng ngốc, không biết khi nào thì mình bị thất bại. Ông sẽ chiến đấu cho đến hơi thở cuối cùng, nên khi biết được mình đã bị đánh bại thì đã quá muộn.

Bây giờ tôi kể đến viên thuyền phó đã hành động ra sao nhé. Khi chúng tôi tiến lại, đen đặc cả vùng biển và thổi tù và, ông ta liền bỏ con tàu, xuống một chiếc thuyền con, cùng với ba cậu bé da đen, rồi chèo thuyền mở đường. Ông ta ngốc nghếch, vì có ai khôn ngoan lại ra biển khơi trên một con thuyền con. Mạn thuyền mấp mé nước. Hai mươi chiếc thuyền lướt đuổi theo, trên đó có hai trăm thanh niên. Chúng tôi bơi được năm sải, họ mới bơi được một sải. Ông ta không còn hy vọng, mà lại còn tỏ ra ngốc nghếch. Đứng lên thuyền, ông ta cầm khẩu súng trường bắn

liên hồi. Ông ta bắn không giỏi, nhưng khi chúng tôi tiến gần, nhiều người đã bị thương và bị chết. Nhưng ông ta vẫn hết hy vọng.

Tôi nhớ lúc ấy ông ta luôn miệng hút xì gà. Khi chúng tôi chỉ còn cách độ hai mươi mét và tiến nhanh lại, ông ta bỏ khẩu súng trường xuống, lấy xì gà đốt một ngòi nổ và liệng quả mìn đó vào chúng tôi. Cứ thế ông ta đốt hết quả này đến quả khác, ném nhanh vào chúng tôi, nhiều vô kể. Đến giờ tôi mới hiểu chắc ông ta phải tể những ngòi nổ và dính vào đầu diêm vì những quả mìn đó cháy rất nhanh. Ngoài ra những ngòi nổ lại ngắn nữa. Thỉnh thoảng những quả mìn nổ ngay trên không, nhưng hầu hết là nổ trên xuống. Mỗi lần nổ, một chiếc xuồng bị đắm. Một nửa trong số hai mươi xuồng đã bị phá tan từng mảnh. Chiếc xuồng tôi đi bị vỡ rất to, hai người ngồi cạnh tôi cũng thế. Quả mìn nổ ngay giữa họ. Những chiếc xuồng khác bỏ chạy. Thế là viên thuyền phó hét lên: "A! A! A!" Ông ta lại dùng súng bắn chúng tôi, khiến nhiều người bị bắn chết sau lưng khi định chạy thoát thân. Còn bọn da đen bơi thuyền liên tục, ông ạ, tôi kể hoàn toàn thật đấy, viên thuyền phó đến là khủng khiếp.

Chuyện đâu đã hết. Trước khi rời chiếc tàu buồm, ông ta đã đốt cháy nó và nổi thuốc súng và mìn vào với nhau để cho nó nổ cùng một lúc. Trềng boong

tàu, chúng tôi có hàng trăm người, ra sức dập tắt lửa, tát nước từ dưới mặt bên kia thuyền khi con thuyền nổ tung. Thế là hết, chúng tôi đánh nhau mà chẳng được gì, hơn thế, lại còn biết bao người bị chết. Cho đến giờ, đôi lúc tuy về già rồi, tôi vẫn mơ, nghe thấy tiếng kêu hò của viên thuyền phó "A! A! A!". Ông ta hét như sấm sét "A! A! A!" Nhưng những người ở trại cá thì đã bị giết hết.

Viên thuyền phó chạy thoát trên một con thuyền nhỏ, nhưng chúng tôi tin thế là hết đời ông ta, vì làm sao với con thuyền nhỏ, có bốn người trên đó, lại có thể sống được trên đại dương? Một tháng trôi qua, vào một buổi sáng, sau hai trận mưa to gió lớn, một con thuyền buồm lao qua con đường vào Hồ Nước Mặn và thả neo trước làng. Chúa đảo và quân thân bàn tán xôn xao, đi đến nhất trí là sẽ tấn công chiếm con tàu đó trong hai hay ba ngày. Chúng tôi chèo xuống ra, mang theo những xâu dừa, gà vịt và lợn để trao đổi, vì đó là phong tục phải luôn tỏ ra hữu hảo. Nhưng khi thấy có nhiều xuống đến dọc theo con tàu, những người trên boong bắt đầu xả súng vào chúng tôi. Lúc chúng tôi chèo xuống chạy, tôi nhìn thấy viên thuyền phó, người đã bỏ chạy ra biển một chiếc thuyền nhỏ, chạy bổ ra thành tàu, nhảy vào hò reo: "A! A! A!".

Chiều hôm đó, họ đổ bộ từ con tàu xuống ba chiếc thuyền con, toàn người da trắng. Họ xông thẳng vào làng, bắn chết bất cứ ai họ gặp. Họ bắn cả vào gà vịt và lợn. Chúng tôi còn sống sót, đã chạy trốn trên những chiếc xuồng và bơi ra hồ. Nhìn lại, chúng tôi thấy nhà cửa bị thiêu cháy. Đến xế chiều, chúng tôi thấy có nhiều xuồng từ Nihi, một làng gần Đường đi Nihi về phía đông bắc tới. Họ là những người sống sót duy nhất, và cũng giống như chúng tôi, làng xóm bị chiếc tàu thứ hai đi từ Nihi đến đốt trụi. Chúng tôi đứng trong bóng tối về phía tây Paulô, nhưng đến nửa đêm. Khi nghe thấy tiếng đàn bà than khóc, chúng tôi liền bỏ chạy trên những chiếc xuồng. Paulô chỉ còn có từng ấy chiếc xuồng, còn bản thân nó nay đã trở thành tro bụi, vì một con tàu thứ ba tiến đánh từ đường đi Paulô. Ông biết không, viên thuyền phó và những cậu bé da đen vẫn chưa bị nhận chìm trong biển. Họ về đến đảo Xôlômông, thông báo cho những người anh em của mình về những gì chúng tôi đã gây ra cho họ ở Ulong. Những người anh em của ông ta nói sẽ đến trừng phạt chúng tôi, và họ đã đến trên ba con tàu buồm, kết quả ba làng của chúng tôi bị tiêu diệt.

Chúng tôi còn biết làm gì nữa hả ông? Đến sáng, hai con tàu buồm xuôi theo chiều gió tiến vào chỗ

chúng tôi ở giữa hồ. Gió thổi mát rượi, và họ ngồi trên hàng chục chiếc xuồng xông lại tấn công chúng tôi. Súng bắn liên hồi. Chúng tôi chạy tán loạn như vịt. Hàng nghìn người trốn thoát theo mọi hướng, tới những hòn đảo quanh đảo san hô.

Sau đó những chiếc tàu buồm săn đuổi chúng tôi khắp khu Hồ Nước Mặn. Đêm đến chúng tôi lẫn trốn. Chúng tôi biết thế nào đến hôm sau hay độ hai ba ngày gì đó những chiếc tàu cũng sẽ lại đến săn lùng chúng tôi, dồn chúng tôi vào tận cùng của hồ, không còn lối thoát thân. Sự việc xảy ra đúng như vậy. Chúng tôi không sao đếm được bao nhiêu người chết, đến bây giờ cũng không nhớ nữa. Đúng là chúng tôi có nhiều người, mà họ thì ít. Nhưng chúng tôi làm gì được cơ chứ? Tôi ngồi trên một trong hai mươi chiếc xuồng, ở đó nhưng nhúc nhúc những người không biết sợ hãi là gì. Chúng tôi tấn công con tàu nhỏ nhất. Họ bắn xối xả xuống chúng tôi. Họ ném thuốc nổ vào xuồng của chúng tôi, và khi thuốc nổ nổ tung, họ đổ nước sôi xuống chúng tôi. Trong khi đó súng bắn liên hồi. Những ai có xuồng bị phá hỏng đều bị bắn khi họ bơi chạy trốn. Viên thuyền phó nhảy nhót trong cabin và la hét: "A! A! A!".

Không căn nhà nào, dù bé nhất, trên những hòn đảo nhỏ nhất, lại không bị thiêu cháy. Không có một

con gà con lợn nào sống sót. Giếng nước xông lên nồng nặc mùi người chết, xác chồng chất trên đá san hô. Trước khi ba chiếc tàu đến, chúng tôi có hai năm nghìn người trên đảo Ulong. Hiện nay còn có sáu nghìn. Sau khi những con tàu bỏ đi, chúng tôi chỉ còn có ba nghìn người, như ông thấy đấy.

Cuối cùng khi những chiếc tàu đó sẵn đuổi chúng tôi mãi, thấy ổn, đành bỏ về Đảo Nihi ở phía đông bắc. Sau đó họ từ từ đẩy chúng tôi về phía tây. Họ cũng có chín con thuyền trên biển: họ tiến đánh mọi hòn đảo mà họ đi qua. Họ đẩy lùi chúng tôi hết ngày này qua ngày khác. Và đêm đêm, những con tàu buồm và chín con thuyền dăng ra cảnh giới dọc theo Hồ Nước Mặn, từ bờ bên này sang bờ bên kia, để chúng tôi không thể quay trốn về.

Họ không thể săn đuổi chúng tôi như thế mãi được, vì Hồ Nước Mặn rộng là thế nên cuối cùng tất cả những ai còn sống sót bị đẩy đến bãi cát cuối cùng ở phía tây. Phía trước là biển cả. Chúng tôi có tất cả mười nghìn người, ở rải rác khắp bãi cát từ bờ hồ bên này đến tận bờ cuộn sóng gầm rú bên kia. Không ai ngủ được. Làm gì có chỗ. Chúng tôi đứng sát vào nhau. Họ giam hãm chúng tôi như thế trong hai ngày, và viên thuyền phó lại trèo lên đồng dây thùng nhạo báng chúng tôi bằng tiếng kêu "A! A! A!" làm chúng

tôi phải thấy hối hận vì đã gây hại cho ông ta và con thuyền, cách đây một tháng. Chúng tôi không có lương thực, đứng đã hai ngày đêm liền. Trẻ mới đẻ bị chết. Tôi tệ nhất là không có lấy một giọt nước để uống cho đỡ khát, và trong hai ngày mặt trời đổ lửa, một bóng râm cũng không. Nhiều người lội ra biển và bị chết đuối, sóng xô xác họ vào bờ. Sau đó, những đàn ruồi kéo đến. Có mấy người đàn ông vào sát mạn con tàu buồm, nhưng họ bị bắn chết. Chúng tôi sống sót, cảm thấy rất hối hận vì đã quá kiêu ngạo đi đánh con tàu có ba cánh buồm đến đánh cá dưa biển.

Đến sáng ngày thứ ba, thuyền trưởng của ba con tàu và viên thuyền phó đến bằng một con thuyền nhỏ. Tất cả đều mang súng trường và súng lục, thế mà họ lại đến để đàm phán. Họ bảo họ ngừng tay vì họ chán ghét bắn giết chúng tôi. Còn chúng tôi nói với họ, rằng chúng tôi rất hối lỗi, sẽ không bao giờ dám gây tai vạ cho mọi người da trắng, và để tỏ lòng quy phục, chúng tôi đổ cát lên đầu. Tất cả phụ nữ và trẻ em đều kêu gào đòi nước; tiếng kêu to quá làm ai nói cũng không nghe thấy. Sau đó chúng tôi được nghe lời trừng phạt. Chúng tôi phải chắt đầy ba con tàu buồm cùi dừa khô và cá dưa biển. Chúng tôi đồng ý vì thiếu nước, và cũng đau khổ lắm rồi, hơn nữa chúng tôi biết mình chẳng khác gì trẻ con khi đánh nhau với người

da trắng, những người chiến đấu như quỷ dữ. Khi cuộc hội đàm kết thúc, viên thuyền phó đứng lên và nhạo báng chúng tôi bằng tiếng hét "A! A! A!". Sau đó chúng tôi chèo thuyền đi kiếm nước.

Hàng tuần liền chúng tôi cặm cùi đi bắt cá, mang phơi khô, và đi hái dừa, biến chúng thành vỏ dừa khô. Hết ngày lại đêm, khói cuộn cuộn bốc lên từng đám từ các bãi biển của những hòn đảo quanh Đảo San Hô Ulong để chuộc tội. Sau những ngày chết chóc tang thương này, trong óc chúng tôi bùng cháy một ý nghĩ cho rằng thật sai lầm khi làm hại người da trắng.

Dần dần những con tàu buồm đầy vỏ dừa khô và cá dưa biển, còn những cây dừa của chúng tôi trơ trụi quả, ba viên thuyền trưởng và thuyền phó triệu tập chúng tôi lại nói chuyện trọng đại. Họ nói họ rất vui mừng vì đã học được một bài học của chúng tôi, còn chúng tôi nói chúng tôi hối lỗi hàng nghìn lần và sẽ không bao giờ làm như thế nữa. Chúng tôi lại đổ cát lên đầu. Sau đó viên thuyền trưởng nói rằng mọi chuyện thế là ổn, nhưng để chứng minh cho chúng tôi thấy là họ không quên chúng tôi, họ sẽ gửi một quý thần đến để chúng tôi phải luôn nhớ khi định bụng hại người da trắng. Sau đó viên thuyền phó lại nhạo báng chúng tôi, hét lên "A! A! A!". Sáu người trong

chúng tôi mà mọi người cứ nghĩ là họ đã chết từ lâu, được một con tàu buồm dẫn vào bờ! Tiếp đến những con tàu trương buồm và chạy ra khỏi hồ theo hướng quần đảo Xô-lômôn.

Sáu người được đưa vào bờ là những người đầu tiên bắt quỷ dữ mà các thuyền trưởng để lại cho chúng tôi.

- Một nạn dịch khủng khiếp tràn đến chứ gì, - tôi ngắt lời vì nhận ra cái trò bịp đó. Trên con tàu đã có dịch đậu mùa, mà sáu người này bị người ta cố tình đẩy vào húng lấy dịch đó.

- Vâng, một nạn dịch khủng khiếp, - Ố-ti nói tiếp - Một quỷ thần hung hãn đầy sức mạnh. Người già nhất cũng chưa bao giờ nghe thấy một quỷ thần như thế. Chúng tôi đã giết chết những pháp sư vì họ không có khả năng tiêu diệt quỷ thần. Nạn dịch lan tràn. Tôi có kể cho ông nghe, là hôm đó hàng chục nghìn người chúng tôi đứng sát cạnh nhau trên bãi cát. Lúc hết nạn dịch, chúng tôi chỉ còn lại ba nghìn người. Vậy mà chúng tôi lại phải phá dừa lấy vỏ khô, nên nạn đói đến.

- Còn ông nhà buôn kia, - Ố-ti kết thúc câu chuyện, - người ông ta bắn thủ nhóp nhúa, như con chó ghẻ ốm đói, đứng ở đâu là ruồi bâu quanh đấy. Chúng tôi không thấy sợ ông ta. Chúng tôi sợ chỉ vì

ông ta là người da trắng. Chúng tôi mà giết chết ông ta thì thật tai hại. Ông nhà buôn ốm yếu kia có nhiều người anh em, những người da trắng như ông, mà sao bọn ông đánh nhau. dữ tợn thế. Chúng tôi không sợ gì ông nhà buôn kia. Có lúc ông ta làm cho người Kanac sôi máu, chỉ muốn giết chết ông ta. Người Kanac cứ nghĩ ông ta là quỷ dữ, rồi người Kanac nghe thấy ông thuyết phó đó hú "A! A! A!", thế là người Kanac lại không dám giết ông ta nữa.

Ốti móc một miếng thịt mực mà ông ta vừa lấy rằng xé từ con vật dầy dựa và móc vào lưỡi câu làm mồi, rồi lưỡi câu và mồi lẳng xuống đáy làm nước bắn toé ra thành những ngọn lửa sáng trắng.

- Cá mập lớn vờn quanh đầu dây câu, - ông ta nói - Theo tôi hôm nay chúng ta sẽ câu được nhiều cá.

Dây câu giật phần phật. Ông ta kéo vội lại, hai bàn tay tiếp nhau kéo, cuối cùng một con cá thu đá to nằm há miệng trong lòng xuống.

- Mặt trời lên rồi, thế là hôm nay tôi lại có món quà xộp cho viên thương gia đó, - Ốti nói.

"ALÔHA ÔE!"

*K*hông ở đâu người ta tiễn những con tàu ra biển một cách long trọng như ở đây, ở cảng Hônôlulu. Một chiếc tàu lớn chạy bằng hơi nước đang sắp sửa rời bến. Trên tàu, ít ra cũng phải đến một nghìn người, còn năm nghìn người thì đứng trên bến. Theo những bậc thang cao luôn có người lên và xuống. Đó là các hoàng tử và công chúa người bản địa, các vua đường mía, các quan chức cao cấp của Haoai. Phía sau đám đông đang đứng trên bờ là từng dãy dài xe ngựa và ô tô của giới quý tộc địa phương, được cảnh sát trông coi cẩn thận.

Trên bờ, dàn nhạc Hoàng gia Haoai đang chơi bài! "Alôha ôe". Khi nó dừng chơi, dàn nhạc dây của các nhạc công người bản địa trên tàu liền chơi ngay cũng cái giai điệu rền rĩ ấy, và một giọng nữ cao bay lên không như một con chim, lượn vòng trên các cây đàn, trên cái mớ hỗn độn nhiều tiếng nói xung quanh. Như thể những âm thanh trong trẻo, độc đáo của chiếc sáo bạc bỗng biến thành một bản giao hưởng tiến biệt hùng tráng mạnh mẽ.

Ở tầng dưới của con tàu, một tốp người trẻ tuổi mặc quần áo ka ki, đứng thành sáu hàng dọc theo thanh vịn. Những khuôn mặt rám nắng của họ nói lên việc họ đã trải qua ba năm quân dịch dưới mặt trời nhiệt đới nóng nực. Tuy nhiên, hôm nay người được đưa tiễn long trọng như thế không phải là họ, không phải ông thuyền trưởng mặc áo trắng đang đứng trên chiếc cầu nhỏ, hồ hững - như những ngôi sao hồ hững trên trời - nhìn xuống đám đông ồn ào phía dưới; cũng không phải những sĩ quan trẻ đang đứng đầu mũi tàu, chuẩn bị từ giã những hòn đảo Philippin trở về tổ quốc cùng những bà vợ nhợt nhạt, quá mệt mỏi vì cái nóng nhiệt đới. Trên boong, ngay sát thang tàu là một tốp các nghị sĩ của Hợp chủng quốc Hoa kỳ đang đứng, cùng với các bà vợ và các cô con gái. Họ chừng khoảng hai mươi người, đến đây để giải trí - Và trong suốt một tháng trời người ta luôn chiêu đãi họ bằng các bữa tiệc, bằng rượu và các con số thống kê, hay dẫn họ đi hết núi này đến thung lũng kia, dẫn lên đỉnh các núi lửa và các ngọn đồi phủ nhám thạch đỏ để chỉ cho họ thấy hết cái giàu có của quần đảo Haoai này.

Chính vì đám nghị sĩ mà chiếc tàu thủy lớn này đã cập bến và hôm nay sẽ từ giã Hônôlulu.

Các nghị sĩ người nào cũng đeo vòng hoa đầy cổ, có thể nói là họ ngập trong hoa. Trên chiếc cổ như cổ bò mộng và bộ ngực to lớn của nghị sĩ Giêmêri

Xembruc có ít nhất là nửa tá các vòng hoa như thế. Chúng làm ông ta khó chịu hết sức, và ông ta nhìn đám đông đang nhốn nháo trên bờ bằng con mắt của một người hoàn toàn thờ ơ với cái đẹp, mà chỉ biết có một điều duy nhất tồn tại, là các con số. Ông chỉ nhìn nhận họ như một lực lượng sản xuất, và sau nó là các nhà máy, các tuyến đường sắt, các đồn điền, nghĩa là tất cả những gì nó tạo nên và ít nhiều có lợi cho ông. Chúng kiến những tài nguyên giàu có của đất nước này, ông chỉ nghĩ đến việc làm sao sử dụng được chúng. Mãi suy nghĩ về sự giàu có và quyền lực, ông không hề để ý đến cô con gái đang đứng bên cạnh và đang nói chuyện với một chàng trai mặc bộ quần áo mùa hè tuyệt đẹp, đầu đội mũ rơm. Chàng trai nhìn như dán vào người cô gái, và hình như ngoài cô ra, anh ta không còn nhìn thấy ai nữa. Nếu nghị sĩ Xembruc chịu khó quan sát con gái một tý, thì ông sẽ nhận ra ngay rằng trong tháng vừa qua, cô bé mười lăm tuổi ông mang tới các quần đảo Haoai này đã kịp biến thành một thiếu nữ trưởng thành.

Trong khí hậu của Haoai, mọi thứ đều chín một cách nhanh chóng, còn riêng đối với cô Đơrôti Xembruc thì các điều kiện ngoại cảnh ở đây lại càng tác động mạnh. Mới chỉ cách đây một tháng, khi tới đây, cô còn là một cô bé gầy gò, nhợt nhạt, với đôi mắt xanh và hơi mệt mỏi vì suốt đời phải ngồi một chỗ đọc sách và cố hiểu một đôi điều gì đấy trong sự bí mật

của cuộc sống. Thế mà bây giờ mắt cô đã ánh lên rực rỡ, đôi má đỏ ửng vì mặt trời, người cô đã bắt đầu hình thành những đường nét uyển chuyển, cong cong, phải chú ý lắm mới nhận thấy. Suốt cả tháng vừa qua Đôrôti bỏ hẳn không đọc sách, bởi vì bây giờ đối với cô, cuốn sách cuộc đời còn hay hơn nhiều. Cô cười ngượng, leo lên tận đỉnh các núi lửa, tập bơi trên các con sóng của thủy triều. Khí hậu và môi trường nhiệt đới đã thấm vào máu cô, làm cô chìm ngập trong ánh nắng rực rỡ, trọng cái ấm và vẻ đẹp nhiều màu sắc của nó. Và cũng trong suốt cả tháng qua cô luôn ở bên cạnh Xtiv Nait, một người đàn ông thực thụ, một nhà thể thao, một vị thần màu đồng hun của biển cả, một tay bơi cừ khôi dám cắt ngang những ngọn sóng lớn bơi vào bờ.

Đôrôti Xembruc không nhận thấy sự thay đổi đang xảy ra trong người cô. Cô vẫn là một cô bé thơ ngây, và cách cư xử của Xtiv lúc chia tay đã làm cô ngạc nhiên và bối rối.

Từ trước cho đến tận lúc này cô chỉ xem anh là một người bạn, và bao giờ Xtiv cũng cư xử với cô như một người bạn mà thôi, thế mà lúc này trông anh có vẻ hơi khang khác. Anh nói một cách hồi hộp, rì rạc, giữa chừng đột nhiên dừng lại, rồi lại bắt đầu tiếp tục nói. Đôi lúc hình như anh hoàn toàn không nghe cô nói, hoặc trả lời không đúng câu hỏi. Ánh mắt anh nhìn làm cô thấy lúng túng. Trước đây cô không nhận

thấy mắt anh có thể rực lửa như vậy, đến nỗi cô không dám nhìn thẳng vào anh, mà chốc chốc lại thẹn thùng nhìn xuống. Tuy vậy, ánh mắt ấy một lúc vừa làm cô sợ, lại vừa làm cô thấy hấp dẫn, khiến cô thỉnh thoảng phải ngược lên nhìn vào đôi mắt ấy để thấy một cái gì đó rực cháy, đầy uy lực và hơi buồn buồn mà cô chưa từng nhìn thấy trong mắt bất cứ người nào. Bản thân cô cũng cảm thấy trong lòng một tình cảm khó tả hồi hộp và lo lắng.

Con tàu bỗng kéo lên một hồi còi inh ỏi. Đám đông ngập trong hoa tiến gần hơn nữa về phía con tàu. Đôrôti khẽ nhăn mặt, lấy ngón tay bịt tai để khỏi nghe tiếng còi tàu quá to, - và đúng lúc ấy cô bắt gặp ánh mắt dò hỏi, tham lam của Xtiv. Anh nhìn vào tai cô, đôi tai đỏ ửng và trở nên trong suốt trong ánh nắng chiếu xiên của mặt trời sắp lặn.

Ngạc nhiên và hình như lo lắng trước cái nhìn ấy, Đôrôti nhìn anh không chớp mắt. Xtiv hiểu rằng anh đã để lộ tình cảm của mình. Anh đỏ mặt, lăm lăm nói một điều gì đấy không rõ. Quả là anh đang lúng túng, nhưng bản thân Đôrôti cũng lúng túng không kém. Bên họ, đám người hầu làm việc trên tàu đang nhốn nháo đi lại, luôn miệng giục người đi tiến lên bờ. Xtiv chia tay. Và đúng lúc Đôrôti cảm thấy trong tay mình những ngón tay của anh - những ngón tay đã hàng ngàn lần nắm lấy tay cô khi hai người dắt nhau leo lên những ngọn núi dựng đứng hay trượt

vấn trên sóng - thì cô bỗng nghe và hiểu theo cách của mình lời của bài hát đang vang lên - như một lời khóc nức nở - từ cổ họng lạnh lạnh của nữ ca sĩ Haoai:

Ka halia Ko ajoha Kai hiki mai,

Ke hone ae nei i ku'u manawa,

O oe no Ka' u aloha

A loko e hana nei. ⁽¹⁾

Xtiv đã dạy cô bài hát này. Cô biết cả nhạc lẫn lời, và cho tới tận bây giờ cô vẫn nghĩ là cô hiểu chúng. Nhưng chỉ lúc này, khi lần cuối cùng các ngón tay của Xtiv bóp chặt tay cô và cô cảm thấy hơi ấm của lòng tay anh, cô mới thực sự hiểu được ý nghĩa của nó. Cô hầu như không cảm thấy Xtiv đã lên bờ từ lúc nào, và tuy đưa mắt tìm, nhưng vẫn không nhìn thấy anh trong đám đông, vì thực ra trong những giây phút ấy bản thân cô cũng đang lạc trong bát đố trăn của ý nghĩ về những ấn tượng cô trải qua trong bốn tuần vừa rồi. Giờ đây những sự việc ấy đang hiện lên trước mắt cô trong một ý nghĩa hoàn toàn mới mẻ.

Một tháng trước đây khi nhóm nghị sĩ tới Hônôlulu, họ được một ban đặc biệt đón tiếp. Ban này, trong số đó có Xtiv, có nhiệm vụ giúp khách tiêu khiển. Ở bãi biển Waikiki, Xtiv là người đầu tiên dạy

(1) Trọng nguyên bản tác giả để nguyên tiếng địa phương không dịch nghĩa. (N.D).

cho họ cách bơi ngược những con sóng lớn khi thủy triều lên. Cưỡi lên một mảnh gỗ nhỏ, tay cầm mái chèo, anh bơi rất nhanh, đến nỗi chẳng bao lâu sau, chỉ còn là một cái chấm nhỏ xa xa rồi mất hút. Rồi đột ngột, anh lại xuất hiện, nổi lên từ bọt sóng trắng như một vị thần của biển cả - lúc đầu là đôi vai, bộ ngực, tiếp đến là đôi tay, đôi chân; và cuối cùng anh đứng thẳng trên đỉnh của dãy núi sóng dài hơn một dặm, chỉ đôi chân là ngập trong những tia nước sủi bọt. Anh bơi nhanh với tốc độ một đoàn tàu tốc hành, và bình tĩnh bước lên bờ trước con mắt kinh ngạc của những người được chứng kiến. Lần đầu tiên Dô-rô-ti nhìn thấy Xtiv là như thế. Anh là chàng trai hai mươi tuổi, và là thành viên trẻ nhất của cái ban đặc biệt kia. Anh không hề đọc tham luận, cũng chẳng nổi bật trong các buổi đón tiếp long trọng. Trong chương trình tiêu khiển dành riêng cho khách quý, anh cũng đóng góp phần của mình, tức là bơi trên sóng dữ Vaikiki đuổi bò rừng ở núi Maun Kê, đua ngựa ở trường đua Halêakala.

Dô-rô-ti không quan tâm tới các bản thống kê đầy những con số không bao giờ dứt cũng như các bài phát biểu của các thành viên khác của ban, Xtiv cũng thấy buồn khi phải nghe họ, thành ra hai người thường hay trốn đi chơi riêng với nhau. Họ đã bỏ trốn trong khi cắm trại ở Hamaicua, trốn khỏi Eba Luixơn, một đồn điền cà phê, bởi vì trong suốt hai tiếng đồng hồ

đài dăng đặc và buồn bã, khách phải ngồi nghe chủ nói về cà phê và chỉ cà phê. Và cũng vào ngày hôm ấy, khi hai người cưỡi ngựa đi giữa những cây dương xỉ cao tốt, Xtiv đã dịch nghĩa lời của bài hát "Alôha ôe" mà người ta vẫn hát khi tiễn các vị khách nghị sĩ ở bất cứ nơi nào, dù là ở một làng nhỏ, một đồn điền trong một khu trại nào đó.

Ngay từ ngày đầu tiên Đôrôti đã dành rất nhiều thời gian ở bên Xtiv - Xtiv bao giờ cũng là người bạn đường tận tụy của cô trong tất cả các cuộc dạo chơi. Anh hoàn toàn bị Đôrôti chinh phục trong suốt thời gian bố cô mãi thu lượm những số liệu cần thiết đối với ông về các hòn đảo Haoai. Đôrôti là một cô gái dịu dàng, không hề khó tính hoặc làm nũng người bạn mới của mình. Mặc dù vậy anh bao giờ cũng tỏ ra sẵn sàng nghe và thực hiện mọi mong muốn của cô, và chỉ những lúc cưỡi ngựa hoặc bơi thuyền, anh mới là người chủ động và cô phải nghe anh.

Nhưng bây giờ, khi neo đã được nhô và con tàu to lớn bắt đầu chậm chạp rời bến, lắng nghe bài hát buồn tiễn biệt "Alôha ôe", Đôrôti mới hiểu rằng Xtiv đối với cô không chỉ đơn thuần là một người bạn vui vẻ.

Bây giờ cả năm ngàn giọng hát cùng hát vang bài "Alôha ôe":

Dù chia ly, tình yêu của anh

Vẫn ở bên em, vẫn chờ gặp lại...

Cũng đứng vào giây phút ấy, sau cái phát hiện kia của mình, rằng cô đã yêu và được yêu lại, cô chợt có ý nghĩ rằng người ta đang chia ly, tách cô và Xtiv ra mỗi người một ngả. Bao giờ hai người sẽ lại gặp nhau? Và liệu có được gặp không? Ba chữ *Chờ gặp lại* kia của bài hát cô được nghe lần đầu từ miệng anh, Xtiv. Cô nhớ anh đã hát đi hát lại nhiều lần câu ấy cho cô nghe dưới bóng cây mãng gấu ở Vaikiki. Có phải đó là điềm báo trước không? Còn cô thì lúc ấy hết sức sung sướng khi nghe anh hát, và luôn miệng khen là anh hát hay và diễn cảm... Bây giờ nhớ lại, Đôrôti bỗng cười to một cách hồn nhiên. "Diễn cảm!" Còn phải nói, một khi người hát gửi cả tâm hồn mình vào bài ca! Giờ thì cô hiểu nhưng đã muộn. Sao Xtiv không nói gì với cô nhỉ?

Nhưng cô chợt nhớ là ở tuổi cô, các cô gái chưa ai đi lấy chồng. Rồi cô lại tự bảo mình: "Nhưng ở Haoai thì khác". Ở Haoai, nơi con người có nước da vàng bóng và những cái hôn của mặt trời, phụ nữ sớm trưởng thành hơn các nơi khác, Đôrôti cũng vậy. Chỉ trong vòng một tháng cô đã thành người lớn.

Đôrôti uống công tìm kiếm trong đám đông trên bờ. Xtiv biến đi đâu rồi nhỉ? Cô sẵn sàng đánh đổi hết mọi cái trên đời để được nhìn anh, dù chỉ một vài giây. Thậm chí suýt nữa thì cô cầu mong một thứ

bệnh nào đó thật nguy hiểm bỗng đến với ông thuyền trưởng đang đứng trên cầu tàu, vì lúc ấy con tàu sẽ không rời bến nữa! Lần đầu tiên trong đời cô ngược nhìn bố cô một cách chăm chú và thử thách - và cô hoảng sợ nhận thấy trên khuôn mặt bố cô một sự buồn bã, một ý chí có thể nói là độc ác. Chống lại ý chí ấy thật là đáng sợ. Và chắc chắn trong cuộc đấu tranh này cô không thể là người chiến thắng.

Nhưng tại sao, tại sao mãi tới nay Xtiv vẫn im lặng? Còn bây giờ thì đã muộn. Tại sao lúc ấy, dưới bóng cây măng gấu ở Vaikiki anh không nói với cô điều gì?

Đến đây thì cô chịu không giải thích nổi. Và tìm cô như lặng đi vì thất vọng. Vâng, vâng, có lẽ bây giờ cô đã bắt đầu lơ mờ hiểu được vì sao Xtiv im lặng. Gần đây cô có loáng thoáng nghe một điều gì đó. A, ở nhà bà Xtêutôn. Hôm ấy vợ của các nhà truyền giáo trong hạt có mở tiệc trà mời vợ và con gái các nghị sĩ đến. Một bà tóc đen cao to, tên là Hôtkinzơ có nêu một câu hỏi... Đôrôti nhớ rõ tất cả: một hành lang rộng, những bông hoa nhiệt đới, những người hầu bản xứ luôn lặng lẽ đi lại, tiếng thì thầm to nhỏ của các giọng nói phụ nữ, và câu hỏi kia của bà Hôtkinzơ người ngồi không xa giữa một tốp các phu nhân khác. - Bà Hôtkinzơ vừa từ Mỹ trở lại đảo. Bà sống khá nhiều năm ở Mỹ và lúc này chắc đang hỏi thăm về các bạn gái thời thơ ấu của mình.

- A, cô Xudi Mêduen bây giờ thế nào nhỉ? - bà hỏi.

- Bây giờ chúng tôi không đi lại, không chơi thân với cô ấy nữa! Cô ấy lấy Vili Quilen, - một bà đáp.

Còn vợ của nghị sĩ Bơrenđơ thì vừa cười vừa hỏi tại sao việc Xudi Mêduen lấy chồng lại làm bà bạn khó chịu như vậy.

- Vì chồng cô ta là một 'hapa-haôle'', một người lai, - có tiếng trả lời. - Còn chúng ta những người Mỹ sống trên đảo, chúng ta phải nghĩ đến tương lai con cái và nòi giống.

Đôrôti quay về phía bố, quyết định kiểm tra lại phỏng đoán của mình.

- Bố ơi, nếu có ngày nào đấy Xtiv tới Mỹ, anh ấy có được tới nhà ta không?

- Xtiv? Xtiv nào?

- Anh Xtiven Nait ấy! Bố biết anh ta mà, bố chẳng vừa chia tay với anh ta năm phút trước đây đấy ư? Nếu có dịp tới Mỹ, con có được mời anh ta đến nhà chơi không?

- Tất nhiên là không, - nghị sĩ Giêrêmi Xembrúc cộc lốc cắt ngang. - Cái anh chàng Xtiven Nait kia là một 'hapa-haôle''. Con biết điều ấy nghĩa là gì rồi chứ?

- Ô... - Đôrôti thở dài thành tiếng. Cô cảm thấy một

nỗi thất vọng mơ hồ nào đấy đang dâng lên trong lòng.

Xtiv không phải là 'hapa-haôle', cô tin chắc như thế. Cô không biết rằng trong máu anh có lẫn một vài giọt máu nóng của mặt trời nhiệt đới, và như thế nghĩa là hoàn toàn không thể nghĩ tới việc hôn nhân với anh. Thế giới này lạ lùng thật! Trong khi Đức cha Clegon đã cưới một công chúa da đen làm vợ, mà người ta vẫn lấy làm vinh dự được làm quen với ngài, và các phu nhân thượng lưu, các giới truyền đạo kiêu kỳ vẫn năng lại chơi với ngài! Còn Xtiv thì... Còn việc anh dạy cô tập bơi hay cầm tay dắt leo qua những chỗ nguy hiểm khi thám hiểm đỉnh núi lửa Kalaue thì lại được mọi người xem là bình thường. Anh có thể ăn cơm với cô và bố cô, nhảy cùng cô, có thể trở thành thành viên của ban giải trí, vân vân, nhưng lấy cô làm vợ thì không được, bởi vì trong tim anh có lẫn vài giọt máu nóng của mặt trời nhiệt đới.

Mà điều ấy có bộc lộ ra ngoài đâu! Người ngoài không ai dám nghĩ là thế. Xtiv thật là đẹp trai... Hình ảnh của anh đã in sâu trong tâm trí cô, và với một sự thích thú vô ý thức, cô hình dung thấy một cơ thể uyển chuyển tuyệt đẹp, đôi vai khỏe, đôi tay đầy tin cậy có thể nhẹ nhàng bế cô lên yên ngựa, dắt cô bơi qua các ngọn sóng dữ hay dìu cô lên tận đỉnh núi cao ngắt gọi là "Đền thờ Mặt trời"! Và thêm vào đó, Đôrôti còn cảm thấy một cái gì đó mới mẻ, huyền bí, khó nắm bắt, một cái gì đó mà mãi tận bây giờ cô vẫn

chưa tự giải thích nổi - đó là cái cảm giác xuất hiện khi được gần một người đàn ông, một người đàn ông thực thụ như Xtiv...

Cô bỗng giật mình xấu hổ với ý nghĩ ấy. Máu dồn lên hai má cô làm thành hai chấm đỏ mờ mờ. Nhưng cũng ngay lúc ấy cô lại bàng hoàng, tái mặt khi sực nhớ rằng từ nay cô sẽ không bao giờ còn được thấy lại người cô yêu nữa.

Con tàu tách khỏi bờ.

- Xtiv đang đứng kia, - ông nghị sĩ bảo con gái, - vẫy tay từ biệt anh ta đi, Đôrôti!

Xtiv vẫn không rời mắt khỏi cô, và đã nhìn thấy trên mặt cô điều trước đây anh chưa hề thấy. Mặt anh rạng rỡ, và Đôrôti hiểu là bây giờ anh *đã biết*. Trên không, bài hát buồn tiễn biệt vẫn tiếp tục ngân vang:

Anh yêu, và tình yêu của anh

Vẫn ở bên em, vẫn chờ gặp lại...

Những lời kia của bài hát không cần nữa, vì bây giờ thiếu chúng, hai người cũng hiểu nhau. Xung quanh Đôrôti, hành khách đang cởi những còng hoa, và ném chúng cho bạn bè đang đứng trên bờ. Xtiv chìa tay về phía trước, đôi mắt cầu khẩn. Cô gỡ vòng hoa từ cổ ra, nhưng hoa vướng vào vòng ngọc trai ông lão Mécvin, vua đường Haoai, tặng cô khi tiễn hai bố con ra bến.

Cô giật giật viên ngọc dính vào hoa. Con tàu tiếp tục quay mũi, đưa cô gần hơn với Xtiv một tí. Không thể chậm trễ - chỉ một phút nữa là cô sẽ vượt qua anh.

Đôrôti khê khóc. Nghị sĩ Xembruc nhìn con gái vẻ dò xét.

- Rôt roti! - ông khó chịu gọi con gái.

Cô giật mạnh vòng hoa, và cùng với những bông hoa, một chuỗi các viên ngọc lấp lánh rơi xuống đầu Xtiv đang đứng phía dưới chờ cô.

Cô nhìn anh, chừng nào nước mắt không làm mờ đục tất cả. Rồi cô giấu mặt mình vào vai bố. Còn ông bố nghị sĩ Xembruc thì trong giây lát, tạm thời quên các con số của mình, ngạc nhiên tự hỏi tại sao ngày nay các cô bé chóng muốn trưởng thành đến thế.

Dám đông trên bờ vẫn tiếp tục hát. Bài hát loảng ra, tan dần trong không khí, nhưng như trước, nó vẫn đem vẻ dịu ngọt của tình yêu. Và lời của nó vẫn tiếp tục cào xé trái tim như một thứ dung dịch axít, vì trong những lời hát ấy chẳng có gì ngoài giả dối.

Alôha ôe, Alôha oe, e ke, onaonu no hojika lipo...

Lần cuối cùng, hãy lại đây với anh!

Vì tình yêu của anh vẫn ở bên em, vẫn chờ gặp lại.

THÁI BÁ TÂN

Dịch từ tiếng Anh

NGƯỜI ĐÀN BÀ SINH BAN ĐÊM

uối tối hôm đó thật oi bức. Ngay ở Xan
*B*Phranxixco cũng ít khi có những đêm oi
bức như vậy. Tiếng ồn xa xa từ đường phố
lọt vào căn phòng của câu lạc bộ Antainhtô cổ kính
qua những ô cửa sổ mở rộng. Câu chuyện của chúng
tôi hôm đó đề cập tới những biện pháp chống nạn ăn
hối lộ, và xoay quanh ý kiến cho rằng nếu không ngăn
chặn ngay tệ nạn đó, thì cứ qua mọi dấu hiệu, chẳng
bao lâu thành phố sẽ tràn ngập kẻ tội phạm. Người ta
đưa ra đủ mọi dẫn chứng để chứng minh cho sự hèn
hạ, đê tiện, độc ác, đồi bại của con người. Cuối cùng,
có người nhắc đến tai nạn mới xảy ra hôm qua và tên
tuổi của Ôbraion, một võ sĩ Quyền anh trẻ nổi tiếng
mới bị đánh chết trên vũ đài tối hôm qua. Tên của võ
sĩ được nhắc tới tựa như một làn gió mát làm tan bớt
bầu không khí ngột ngạt trong phòng. Ôbraion là một
chàng trai kiểu mẫu về đức hạnh. Chàng không uống
rượu, không hút thuốc, không nói tục, và đẹp như một

vị thiên thần trẻ tuổi. Thậm chí lên võ đài chàng cũng mang theo một cuốn kinh nhỏ. Cuốn kinh này người ta tìm thấy ở buồng thay đồ của chàng, trong túi áo măng tô... sau khi chàng chết.

Chàng là hiện thân của tuổi thanh xuân, cái tuổi thanh xuân trong trắng, sung sức và không hề bị hoen ố, tuổi thanh xuân mà con người ta, khi về già, lúc đã để mất nó đi rồi, thường hay hồi tưởng lại với niềm luyến tiếc. Chính trong buổi tối hôm đó, chúng tôi đã nhớ lại tuổi thanh xuân với niềm tiếc nuối da diết, đến độ ai nấy đều chìm vào mơ mộng, và Nàng Mơ trong một lúc, đã đưa chúng tôi đến xứ sở của lãng mạn, cách biệt hẳn với thành phố đang ồn ào giận dữ ngoài cửa sổ. Một nguyên nhân khác khiến chúng tôi có tâm trạng như vậy là những câu thơ Tô rô mà Barduen bỗng cao hứng đọc to cho chúng tôi nghe. Nhưng trước con mắt chúng tôi, nhân vật lãng mạn của buổi tối hôm đó không phải là người đọc thơ Tô rô, mà là anh chàng Trifden béo phì đầu hói. Thoạt tiên, khi anh ta mới bắt đầu kể chuyện, chúng tôi tự hỏi không biết từ sau bữa trưa đến giờ anh ta đã nốc hết bao nhiêu ly urytki, nhưng rồi dần dần chẳng ai thắc mắc đến chuyện đó nữa.

- Bấy giờ là năm một ngàn tám trăm chín mươi tám. Năm đó tôi ba mươi lăm tuổi, - Trifden mở đầu.
- Tôi biết các bạn đang nhăm tính trong đầu, thì các bạn cứ việc tính, sự thật thế nào thì nó vẫn thế. Bây

giờ tôi bốn mươi bảy, nhưng trông bề ngoài thì có thể đoán già hơn đến chục tuổi, các ông đốc tờ bảo là... mà thôi, quý bắt tất cả các lão đốc tờ ấy đi!

Anh ta đưa cốc rượu lên môi và chậm rãi nhấp một ngụm để lấy lại bình tĩnh.

- Nhưng có một thời tôi trai tráng lắm. Phải, cách đây mười hai năm, tôi đâu có hói như thế này, tóc tôi dày và đen mượt, thân hình tôi nở nang cân đối như một nhà thể thao vậy, ngày dù dài đến đâu đối với tôi cũng vẫn là quá ngắn. Cậu chắc còn nhớ chú, Minno, vì cậu biết mình đã lâu. Cậu nói đi, có đúng hồi đó mình là một chàng trai cường tráng không?

Minno gật đầu. Anh ta cũng là một kỹ sư mỏ giống như Trifden, và cũng lập nghiệp ở Clônđaik.

- Cậu nói đúng - Minno lên tiếng, - mình không bao giờ quên được cái lần cậu trị cho tụi thợ rừng một mẻ nên thân vào tối hôm thằng cha đặc phái viên của hãng buôn giở trò gây sự. Hôm đó, Xlêvin đi vắng - anh ta giải thích cho chúng tôi, - tên quản lý của ông ta xúi bẩy bọn tay chân gây gổ với Trifden.

- Vậy mà bây giờ các anh thử ngắm tôi xem, - Trifden chua xót bảo, - cái bệnh sốt vàng da chết tiệt đã làm thân hình tôi thành thế này đây. Tiền bạc thì tôi nhiều vô kể, nhưng trong lòng vẫn cảm thấy trống rỗng - các huyết quản như không còn lấy một giọt

máu hồng nào. Bây giờ tôi thật chẳng khác nào một con sứa, một mớ nguyên sinh chất đông lạnh. Hừm!

Giọng Trifden dứt quãng, và để nén xúc động, anh ta lại tợp một ngụm rượu nữa.

- Hồi đó đi ngoài phố, phụ nữ ai cũng phải nhìn tôi. Thậm chí đi qua rồi họ vẫn còn ngoái lại để nhìn thêm một lần nữa. Có điều lạ là đến bây giờ tôi vẫn không lấy vợ. Nguyên do chỉ vì một người con gái... Chính người con gái mà tôi muốn kể cho các bạn nghe. Tôi gặp cô ta ở một nơi cách xa tất cả những vùng có người da trắng phải đến một ngàn dặm, có khi còn xa hơn, vì chính cô ta đã đọc cho tôi nghe những câu thơ của *Tóró* mà anh bạn Barduen vừa đọc, những câu thơ nói về các vị thần sinh ban ngày và các vị thần sinh ban đêm.

Chuyện đó xảy ra sau khi tôi đến định cư ở Hônsted, bên cạnh con suối mà lúc đầu tôi không ngờ dưới đáy có nhiều vàng đến thế. Rồi tôi đi sang phương Đông, vượt qua dãy núi đá Hiểm Trở, tiến về vùng Hồ Lớn. Từ Hăm. Những vùng núi phía Bắc không phải là những quả núi thấp. Đó là cả những bức tường núi đá lởm chởm cao sừng sững, không thể nào vượt qua nổi. Thời xưa bọn người đi săn du cư thỉnh thoảng tìm cách vượt qua những dãy núi đó, nhưng phần lớn những con người dũng cảm ấy đều bị

chết dọc đường. Và sở dĩ tôi có ý muốn vượt qua những dãy núi đó chính vì biết đó là một công việc cực kỳ gian nan, khó nhọc. Bất kỳ người nào cũng đều có quyền tự hào về chuyến vượt núi như thế. Đến bây giờ tôi vẫn còn tự hào về chuyện đó hơn bất cứ chiến công nào trong đời tôi...

Vậy là tôi rơi vào một xứ sở hoàn toàn xa lạ, với những khoảng không bao la vô tận chưa ai từng khám phá. Nơi đây chưa hề có dấu chân người da trắng nào, còn các bộ lạc người da đỏ thì sống trong tình trạng gần như nguyên thủy, như cách đây hàng chục nghìn năm. Tôi nói gần như nguyên thủy, vì khi đó dân bản xứ ở đây thỉnh thoảng cũng có quan hệ buôn bán với người da trắng. Thỉnh hoặc có những nhóm lẻ tẻ người da đỏ vượt núi vì mục đích đó. Nhưng ngay đến hàng buôn ở vịnh Côtdônôp cũng chưa làm sao đặt chân được đến xứ sở của họ và thu phục được họ.

Bây giờ tôi xin kể về người con gái. Tôi cứ đi ngược theo con suối mà ở Caliphornia có lẽ phải gọi là con sông, một con suối không tên và chưa hề được ghi trên một bản đồ nào. Hai bên bờ là những thung lũng tuyệt đẹp, lúc thì mở ra bát ngát, lúc thì bị khép lại bởi các vách đá rất cao - Có những bãi cỏ mọc cao ngút đầu người, với những cánh đồng hoa đại sắc sỡ

đủ màu. Đây đó sừng sững những cây thông già cao vút, tán lá xum xuê rất đẹp. Đàn chó của tôi phải mang toàn bộ hành lý trên lưng nên chẳng bao lâu đã kiệt sức, chân sây da, bê bết máu. Tôi đưa mắt nhìn quanh cố tìm lấy một túp lều của người da đỏ, để thuê xe trượt tuyết và dẫn đường, rồi khi bắt đầu có tuyết rơi là có thể tiếp tục cuộc hành trình.

Mùa thu năm đó kéo dài khá lâu, và tôi thấy kinh ngạc trước sự rần rỗi cứng cáp của các loài hoa ở đây. Chắc hẳn tôi đang ở vào một vùng rất cao trên dãy núi đá Hiêm Trở. Vậy mà khắp mặt đất bao phủ một tấm thảm hoa dày đặc - sẽ có lúc những người da trắng tới đây và biến các cánh đồng hoa này thành ruộng lúa mì.

Mãi sau tôi mới nhìn thấy một làn khói và nghe thấy tiếng chó sủa - giống chó người da đỏ - và tìm cách đến được một khu trại. Có ánh chùng bầy trăm người da đỏ sống ở đó, và cứ nhìn vào số lượng các tấm mái để phơi thịt thì biết mùa săn đó rất tốt đẹp. Chính ở đây tôi đã gặp nàng, Liuxi, họ gọi nàng như vậy. Suốt dọc đường về đến một túp nhà lớn, kiểu như một cái lều, mà phía trong ra đông lửa được mở ra, tôi chỉ có thể nói chuyện với người da đỏ bằng cách ra hiệu - toàn bộ túp lều làm bằng da nai màu nâu vàng. Bên trong lều mọi thứ đều ngăn nắp và sạch sẽ, điều

mà tôi chưa từng thấy trong túp lều của người da đỏ nào. Một tấm nệm được trải trên những cành thông tươi, trên là một lớp dày các bộ lông thú xếp chồng lên nhau, trên cùng là một cái đệm bằng lông thiên nga. Trong đời tôi chưa hề được nhìn thấy một tấm đệm nào như thế. Và trên tấm đệm đó, ngồi sấp chân bằng tròn, là nàng Liuxi, da nàng hơi rám, như màu hạt dẻ. Vừa nãy tôi gọi nàng là cô gái. Không, nàng là một phụ nữ, một người đàn bà Amazôn có nước da ngăm ngăm, với một vẻ đẹp đang ở độ huy hoàng nhất. Đôi mắt nàng màu xanh nước biển. Phải, cái làm tôi ngây ngất nhất chính là đôi mắt của nàng, đôi mắt màu xanh thắm - như pha trộn giữa màu xanh của nước biển và màu xanh của da trời - và rất đổi thông minh. Không những thế, trong đôi mắt ấy còn ánh lên một nụ cười nóng bỏng và chan chứa ánh mặt trời, nó toát ra một vẻ gì vừa rất con người, lại vừa... biết nói thế nào nhỉ? Và trong đôi mắt sâu thẳm đó tôi đọc thấy cả niềm khát vọng thắm kín, cả nỗi u buồn, cả sự bình thản, sự bình thản hoàn toàn, giống như vẻ thanh thản trầm tĩnh của nhà hiền triết.

Kể đến đây Trifden bỗng ngừng lại.

- Chắc các bạn cho rằng tôi đã chệnh choáng hơi men. Không cốc này mới là cốc thứ năm sau bữa ăn. Tôi vẫn hoàn toàn tỉnh táo và hết sức nghiêm trang.

Vì lúc này là tuổi trẻ oanh liệt thời dĩ vãng đang nói với tôi. Không phải "lão Trifden", như người ta gọi tôi bây giờ, mà là tuổi thanh xuân của tôi quả quyết rằng, đó là đôi mắt kỳ lạ nhất trong đời tôi được thấy: Chúng vừa bình thản, lại vừa hơi buồn, vừa thông minh lại vừa kiêu kỳ, vừa từng trải lại vừa trẻ thơ, vừa thoả mãn lại vừa như thèm muốn. Không, các bạn ạ, tôi không có đủ lời để diễn tả đôi mắt ấy. Để tôi kể tiếp về nàng, các bạn sẽ tự hiểu...

Nàng cứ ngồi nguyên, không đứng dậy, chìa tay cho tôi "Chào người khách lạ - nàng nói. - Rất sung sướng được gặp ông".

Chắc các bạn đã từng được nghe cái thổ ngữ của miền Tây Bắc ? Vậy các bạn hãy hình dung cảm tưởng của tôi khi nghe nàng nói. Tôi được gặp một người phụ nữ, người phụ nữ da trắng, nhưng cái thổ ngữ của nàng! Được gặp ở nơi tận cùng của thế giới một người phụ nữ da trắng như thế thật là một điều hiếm tuyệt, nhưng cái thổ ngữ của nàng thì... trời ơi, nó làm tôi đau đớn biết bao! Nó chói tai như một nốt đàn sai điệu. Nhưng dù sao cũng phải nói, người đàn bà có một tâm hồn rất thơ mộng, các bạn cứ nghe tôi kể tiếp thì sẽ hiểu.

Nàng chỉ cần ra hiệu một cái, và các bạn có tin không, đám người da đỏ đang ở trong lều lập tức đi ra

hết. Họ ngoan ngoãn tuân lệnh nàng như tuân lệnh người thủ lĩnh. Nàng ra lệnh cho mấy người đàn ông dựng cho tôi một túp lều và chăm sóc mấy con chó của tôi. Mấy người này lập tức thi hành ngay. Trong đám đồ đạc của tôi họ không dám động đến một thứ gì, dù là sợi dây buộc. Họ xem nàng như một người đàn bà mà họ có nghĩa vụ Phải Thân Phục. Thú thực với các bạn, tôi cảm thấy người nổi gai khi nghĩ rằng ở một nơi cách xa mảnh đất vô chủ hàng nghìn dặm, một người đàn bà da trắng có thể khuất phục cả một bộ lạc man rợ như thế.

"Này người khách lạ, - nàng nói, - tôi cho rằng ông là người da trắng đầu tiên tới được thung lũng này. Xin mời ông ngồi, chúng tôi sẽ nói chuyện, sau đó sẽ cùng ăn với nhau. Cuộc hành trình của ông nhằm hướng nào vậy?"

Cái thổ ngữ của nàng một lần nữa lại làm tôi khó chịu. Nhưng thôi các bạn đừng để ý đến chuyện đó. Tôi thể với các bạn, chính tôi cũng không hề nghĩ đến điều đó, khi được ngồi trong túp lều của nàng, trên tấm đệm ấm, và được nghe chuyện của người phụ nữ kiều diễm, người phụ nữ như hiện ra từ cái trang sách của Tô-rô hay một nhà thơ nào đó.

Tôi sống một tuần ở thung lũng đó, chính nàng mời tôi ở lại. Nàng hứa sẽ cho tôi một cỗ xe trượt

tuyết, mấy con chó và những người dẫn đường có nhiệm vụ chỉ cho tôi con đường thuận tiện để vượt qua các đèo cách khu trại của họ khoảng năm trăm dặm. Túp lều của nàng đứng riêng ở một phía so với các lều khác, bên bờ cao của con sông, có mấy người con gái da đỏ chuyên nấu nướng và hầu hạ nàng. Tôi và nàng trò chuyện với nhau suốt ngày không biết chán, cho mãi đến khi tuyết bắt đầu rơi, và con đường cho xe đi đã hình thành. Đến lúc đó Liuxi mới bảo tôi rằng nàng sinh ở miền biên giới, trong gia đình những người da trắng di cư đến đó, các bạn có biết cuộc sống của họ như thế nào không? Làm việc, làm việc, làm việc không bao giờ ngơi tay.

"Tôi không biết gì đến cảnh đẹp của thế giới bên ngoài, - nàng nói. - Tôi không có thời gian. - Tôi biết rằng cái thế giới tươi đẹp đó ở ngay bên cạnh, xung quanh ngôi nhà của chúng tôi, nhưng tôi còn phải nướng bánh, dọn dẹp, giặt giũ và làm tất cả mọi thứ việc. Đôi lúc tôi muốn điên lên vì thèm khát được thoát khỏi cảnh tù túng, nhất là khi mùa xuân đến, tiếng chim hót líu lo làm tôi đứng ngồi không yên. Tôi thèm được chạy thật xa trong cánh đồng cỏ cao ngút cho đến khi nhân ướt đầm sương mai, tôi muốn leo qua hàng rào, bỏ trốn vào mãi tít trong rừng, leo tới tận đỉnh đèo - mà từ đó có thể ngắm nhìn tất cả - tôi muốn du ngoạn trên các sườn núi, ven các bờ hồ, kết

bạn với những con rái cá và cá hồi có chấm hoa, lén bò tới thật gần để quan sát những con sóc, con thỏ rừng và bất cứ loài thú nào, xem chúng làm gì, khám phá ra những điều bí mật của chúng. Tôi có cảm tưởng rằng, nếu có thời gian, tôi có thể nằm suốt ngày trên bãi cỏ, giữa những cụm hoa rừng và có thể hiểu được chúng thì thậm chí với nhau điều gì, khi chúng kể cho nhau nghe những chuyện mà chỉ loài người như chúng ta là không hiểu.

Trifden ngừng lại chờ người ta rót thêm rượu vào cốc.

Một lần khác nàng kể với tôi:

"Tôi luôn bị dẫn vật bởi khát vọng muốn dạo chơi lang thang vào ban đêm, như những con thú hoang dạo chơi dưới bầu trời đầy sao, muốn cởi bỏ hết quần áo rồi cứ thế chạy, để cái làn không khí mát dịu và mịn màng của bóng đêm mơn trớn da thịt, chạy một mạch, không ngoái đầu lại. Có một đêm, sau một ngày làm việc nặng nhọc và trời nóng bức vô cùng - ngày hôm đó tôi làm việc gì cũng hỏng, đánh bô cũng không xong, - tôi thấy người mệt rã rời, trong lòng bức bối, tôi nói với cha tôi rằng thỉnh thoảng tôi muốn được đi dạo ban đêm. Cha tôi nhìn tôi kinh ngạc và hốt hoảng, ông đưa tôi hai viên thuốc rồi bắt tôi lên giường ngay, bảo tôi cố ngủ cho thật đấy giấc thì sáng

hôm sau sẽ cảm thấy hết mệt và vui vẻ lại. Từ đó tôi không hề cho ai biết những ước mơ thầm kín của mình nữa."

Sau đó ít lâu gia sản của họ bị khánh kiệt, cả nhà bị đói và phải di cư về Xietton. Ở đó Liuxi vào làm cho một công xưởng, công việc rất nặng nhọc và ngày làm việc quá dài. Một năm sau nàng bỏ nhà máy xin vào làm hầu bàn cho một tiệm ăn rẻ tiền, mà nàng gọi là quán rượu. Tôi cảm thấy lúc nào tôi cũng thêm khát cuộc sống lãng mạn, - một lần Liuxi bảo tôi. - Nhưng cứ suốt ngày quanh quẩn với mấy cái chảo và chậu giặt hay dầu tắt mặt tối trong nhà máy và các quán rượu tồi tàn thì còn gì là lãng mạn?"

Khi nàng tròn mười tám, nàng lấy một người có ý định mở một tiệm ăn ở Giunô. Gã này có dành dụm được một số vốn nhỏ, nhưng dưới con mắt nàng hẳn vẫn là một kẻ giàu có. Liuxi không yêu hẳn ta - khi nói chuyện với tôi lúc nào nàng cũng nhấn mạnh điều đó - nhưng vì nàng đã quá mệt mỏi, và chán ngấy cảnh nai lưng ra làm suốt ngày này sang ngày khác. Thêm vào đó, thị trấn Giunô lại nằm ở vùng Alaxca, mà Liuxi thì đang khao khát muốn nhìn thấy miền đất tuyết vời vợi đó. Nhưng nàng không được nhìn thấy bao nhiêu. Tay chồng nàng mở một tiệm ăn bình dân, và chỉ ít lâu sau nàng hiểu ra nguyên nhân vì

sao hấn lấy nàng: chẳng qua hấn muốn có một người đây tớ không công. Về ở với hấn ít lâu, nàng đã phải trông nom mọi thứ và làm không thiếu việc gì, kể từ việc mang thức ăn cho khách đến việc rửa bát đĩa. Ngoài ra nàng còn phải nấu ăn suốt ngày. Nàng sống như vậy chừng bốn năm.

Chắc các bạn cũng hình dung được cảnh một sinh vật vốn quen với chốn sơn lâm hoang dã, với những bản năng nguyên thủy, với khát vọng tự do đến điên cuồng, mà bị giam cầm trong một quán rượu bẩn thỉu và phải làm những công việc có tính chất cực hình trong suốt bốn năm trời đây ải như thế là như thế nào rồi.

"Tôi thấy sống như vậy vô lý quá, - nàng nói. - Sống như vậy có ích lợi cho ai? Tôi sinh ra để làm gì? Chẳng lẽ toàn bộ ý nghĩa của cuộc sống chỉ là ở chỗ làm việc, làm việc, làm việc và lúc nào cũng thấy mệt mỏi, rã rời hay sao? Khi ngả lưng cảm thấy rã rời, lúc ngủ dậy cũng thấy người rời rã. Ngày nào cũng giống hết ngày nào như hai giọt nước, có khi còn nặng nề hơn thế!" Nàng được nghe nhiều kẻ đạo đức giả thuyết giáo về cái bất tử, nhưng nàng hoài nghi rằng cuộc sống trần tục như nàng lẽ nào có thể là bảo đảm cho cuộc sống bất tử sau này.

Những ước mơ về một cuộc sống khác không

ngọt thối thúc nàng, mặc dù chúng đến với nàng ngày càng ít hơn. Nàng có đọc được vài cuốn sách - tôi không biết cụ thể là những cuốn nào, có lẽ là những tiểu thuyết trong bộ sách "Tủ sách, vùng biển", nhưng dù sao chúng cũng kích thích trí tưởng tượng của nàng.

"Đôi khi, - nàng kể tiếp, - hơi bế và hơi người làm tôi vâng vất đến độ tôi cảm thấy không được hấp ngay một ngụm không khí trong lành, tôi có thể ngất ngay tại chỗ. Tôi phải thò đầu ra cửa sổ, nhắm mắt lại, và lập tức trước mắt tôi hiện ra những cảnh sắc kỳ diệu nhất. Tôi mơ thấy mình đang đi dạo trên đường xung quanh thanh vắng và trong sạch, không một hạt bụi, không một vết bẩn - những con suối róc rách trên những đồng cỏ thơm ngát, bây giờ non đang chơi đùa thanh thảo, gió đưa tới mùi hương ngào ngạt của hoa lá, và tất cả tràn ngập một thứ ánh nắng mặt trời dịu ngọt. Những con bò cái lười biếng đi lại trong nước ngập đến cẳng chân, những cô gái thân hình trắng nõn, khỏe mạnh đang tắm dưới suối. Tôi cảm thấy như mình đang sống ở vùng Ackadi. Tôi có đọc trong một cuốn sách kể về miền đất ấy, và biết đâu, tôi thầm ước, từ sau chỗ ngoặt kia bỗng xuất hiện một đoàn kỵ sĩ khoác trên mình những bộ giáp ngời sáng ánh mặt trời, hay những tiểu thư cười những con bạch mã tuần tú và phía xa

xa lấp lánh các ngọn tháp của lâu đài. Hoặc giả tôi mơ thấy đằng sau khúc đường ngoặt bỗng hiện ra một cung điện nguy nga tráng lệ, trong suốt như được dệt bằng không khí, xung quanh có những đài phun nước, cùng những bồn hoa và một đàn công múa lượn trên thảm cỏ... Đến khi mở mắt ra, hơi bếp nóng lại phả vào mặt tôi và tôi nghe thấy giọng Giêcơ, chồng tôi: "Tại sao cô không mang đậu lên? Cô định bắt tôi suốt ngày phải ngồi chờ chắc?"

Chao ôi! Còn đâu là lãng mạn! Có lẽ tôi tiến đến gần lãng mạn nhất là vào hôm anh đầu bếp người Acmenia say rượu bỗng sinh sự, định cầm dao thái thịt cắt cổ tôi, nhưng tôi đã kịp lấy cái cối sắt dùng để nghiền khoai tây hất anh ta ngã lăn xuống đất, nhưng tôi cũng bị bỏng tay vì chạm phải bếp lò.

Tôi ước mơ một cuộc sống vui vẻ, vô tư lự, mơ có những đồ vật đẹp... Nhưng tôi thường hay nghĩ thầm rằng cái kiếp tôi không được hạnh phúc, và cái phận của tôi là chỉ làm bếp và rửa bát đĩa. Trong khi đó ở Giunô người ta vẫn sống ồn ào, phóng túng. Tôi được nhìn thấy những người phụ nữ khác sống ra sao, nhưng cách sống của họ cũng chẳng hấp dẫn tôi mấy. Tôi muốn sống trong sạch, không biết tại sao, nhưng tôi vẫn muốn thế. Chết vì rửa bát đĩa, hay chết như những người đàn bà nọ có gì khác nhau?"

Trifden im lặng một lát, như muốn tập trung suy nghĩ.

- Phải, tóm lại tôi đã gặp ở đó người đàn bà như thế này: nàng là thủ lĩnh của một bộ lạc da đỏ man rợ và cai quản cả một vùng rộng hàng mấy nghìn dặm vuông. Và mọi việc xảy ra khá đơn giản, mặc dù đã có lúc nàng cảm thấy số phận của nàng là sống và chết giữa những cái chấu giạt và đồng xoong chảo. Mơ ước của nàng đã thành hiện thực.

"Rồi đến một ngày kia tôi bỗng bừng tỉnh, - nàng kể, - hôm đó tình cờ tôi nhặt được một mẫu báo có đăng những lời mà đến nay tôi vẫn còn nhớ. Đoạn nàng đọc cho tôi nghe những lời trong cuốn "Con người gào thét" của Tô-rô.

"Những cây thông non lớn dần năm này qua năm khác giữa cánh đồng ngô, tôi vui mừng trước cảnh tượng đó. Chúng ta thường nói là phải khai hoá cho người da đỏ, nhưng điều đó không làm cho họ tốt hơn. Vẫn là con người hiếu chiến và độc lập sống ẩn náu trong rừng sâu, người da đỏ vẫn không chịu ly khai những thần linh của họ, và thắng hoặc họ có may mắn được tiếp xúc với thiên nhiên theo kiểu rất kỳ lạ, họ gần với các vì sao và xa lạ với các quán rượu của chúng ta. Thứ ánh sáng không bao giờ tắt trong tâm hồn họ có vẻ như yếu ớt, vì nó xa với chúng ta. Nó

tựa như thứ ánh sáng của các vì sao, mờ nhạt nhưng rất tốt lành, đối lập với thứ ánh sáng của đèn nèn, trông rực rỡ chói loà nhưng lại có hại và sớm tắt.

Những người thổ dân ở đảo Bằng Hữu, thờ các vị thần sinh ban ngày, nhưng các vị thần này không được kính trọng bằng các vị thần sinh ban đêm..."

Liuxi đọc nguyên văn những câu đó không sót lời nào, và từ miệng nàng thốt ra, chúng có một âm hưởng trang nghiêm, như một thứ tín giáo, - tuy là thứ ngẫu tượng giáo, nhưng nó nói lên tất cả sức mạnh sinh động của ước mơ của nàng.

"Tất cả chỉ có bấy nhiêu, còn thì bị xé mất rồi, Liuxi nói tiếp, giọng đượm buồn, - vì đó chỉ là một mẫu báo. Tô rô là người thông thái. Tôi muốn biết nhiều hơn về ông ta".

Nàng im lặng và tôi thể với các bạn, khuôn mặt nàng bỗng toát lên một vẻ gì vừa quyến rũ, vừa trẻ thơ rất khó tả, như khuôn mặt của thiên thần, khi sau đó một phút nàng thốt lên: "Tôi làm vợ ông ta thì rất hợp".

Sau đó nàng kể tiếp.

"Sau khi đọc những dòng chữ đó, tôi chợt hiểu ra số phận của tôi. Đúng là tôi đã sinh vào ban đêm. Suốt đời tôi phải sống giữa những người sinh ban ngày, trong khi bản thân tôi sinh vào ban đêm. Vì thế

tôi không thể nào quen được với cuộc sống những toàn là nấu ăn với rửa bát, vì thế tôi chỉ muốn để trần thân thể chạy nhảy dưới ánh trăng. Tôi hiểu ra rằng, các quán rượu uế tạp ở Giunô không phải là chỗ của tôi. Và thế là tôi bảo "Thôi đủ rồi". Đoạn tôi gói ghém lại mớ quần áo thảm hại, bước ra khỏi nhà. Giêcơ chạy theo giữ tôi lại.

- Cô định đi đâu vậy? - Gã hỏi.

- Vào rừng. Đó là chỗ của tôi.

- Cô không đi đâu cả, - gã nói thế và nắm lấy vai tôi. - Chắc cô bị hơi bếp nóng làm quần trí đầy thôi. Cô hãy nghe tôi nói trước khi định làm trò rồ dại.

Nhưng tôi chĩa khẩu súng lục, kiểu súng côn nhỏ 44 ly vào người gã và bảo: "Đây là câu trả lời của tôi", rồi bỏ đi.

Trifden uống nốt chỗ rượu và yêu cầu rót cốc nữa.

- Các bạn có biết người con gái đó đã làm gì không? Lúc đó nàng mới hăm hai tuổi. Suốt đời nàng chúi đầu trong xó bếp và hiểu biết thế giới bên ngoài không nhiều hơn tôi viết về bằng cửu chương thứ tư hay thứ năm. Trước mắt nàng, đã mở ra mọi con đường, nhưng nàng không bước vào quán rượu. Nàng đi thẳng ra bờ sông, vì ở Alaxca người ta thích đi du lịch bằng đường sông hơn. Vừa lúc đó có một chiếc

thuyền của người da đỏ đi về hướng Daiu - chắc các bạn biết loại thuyền đó, nó được khoét từ một thân cây, hẹp và sâu, dài độ năm mươi fut⁽¹⁾. Liuxi trả cho bọn người da đỏ mấy đôla rồi bước lên thuyền.

"Lãng mạn không? - nàng bảo tôi. - Lãng mạn ngay từ phút đầu tiên. Trong thuyền, ngoài tôi, còn có ba gia đình nữa. Vì thế không có chỗ nào mà cựa quậy. Chó và những đứa trẻ con nằm lăn lóc dưới chân, mọi người ai cũng phải chèo để cho thuyền đi được. Hai bên bờ sông là những dãy núi cao chót vót, các đám mây trên đỉnh núi chốc chốc lại che khuất mặt trời. Bốn bề im vắng làm sao! Cái im vắng hoang dại! Đây đó, giữa các lùm cây, thỉnh thoảng lại loé lên ánh lửa từ các túp lều của người đi săn. Cuộc du ngoạn đó làm tôi liên tưởng đến một cuộc pich-nich, một cuộc pich-nich vui vẻ, và tôi đã tin chắc rằng ước mơ của tôi sẽ biến thành hiện thực. Từ đó lúc nào tôi cũng chờ đợi một điều phi thường sẽ xảy ra. Và điều đó đã xảy ra.

Chao ôi, cái bến đỗ đầu tiên trên đảo! Những chú bé đâm cá bằng đinh ba! Một con hươu cao lớn bị một người da đỏ quật ngã quay tại chỗ! Xung quanh chỗ nào cũng thấy hoa, cách xa bờ sông một chút là

(1) Fut; Đơn vị đo lường cổ của người Anh-Mỹ = 30,5cm.

những bãi cỏ rậm rạp, tươi mơn mớn, cao bằng đầu người. Tôi cùng mấy cô gái leo lên đồi hái quả và rẽ cây, tuy hơi chua nhưng ăn rất ngon. Đến một chỗ kia chúng tôi bỗng chạm trán với một con gấu lớn đang ăn quả dại. Thấy chúng tôi, nó cầm đầu bỏ chạy. Nó cũng sợ hãi không kém gì chúng tôi. Rồi thì cuộc sống trong lều trại, khói của những đồng lửa, và mùi thơm của thịt nai nướng. Tất cả đều quyến rũ và hấp dẫn làm sao! Vậy là cuối cùng tôi đã được sống giữa những người sinh ban đêm và cảm thấy chỗ của tôi chính là được ở cùng với họ. Đêm hôm đó, tôi vén một góc lều và ngó nhìn lên các vì sao đang lấp lánh sau những đường nét đen sẫm của các ngọn núi, nghe giọng nói của đêm tối và lần đầu tiên trong đời tôi cảm thấy hạnh phúc vì biết rằng ngày mai, ngày hôm sau, rồi hôm sau nữa, mãi mãi tôi sẽ được sống như thế, bởi tôi đã thề không quay trở lại cuộc sống cũ. Và quả thực tôi đã không quay lại.

"Ồi lãng mạn! Ngày hôm sau tôi đã được biết nó. Hôm đó chúng tôi phải vượt qua nhánh sông lớn ăn ra biển, bề rộng ít nhất phải mười hai, mười lăm dặm. Khi chúng tôi ra đến giữa dòng thì bão nổi lên. Đêm đó tôi đã phải thao thức suốt đêm một mình trên bờ sông, vì trừ tôi, không ai còn sống sót".

Các bạn thử tưởng tượng xem, - Trifden ngừng

câu chuyện, bảo chúng tôi, - thuyền bị lật nghiêng rồi đắm, mọi người bị va vào đá chết hết. Chỉ có Liuxi may mắn được đuôi một con chó, thoát được tới bờ mà không bị va vào đá. Nàng rơi vào một khoảnh đất cạn nhỏ xíu, mảnh đất duy nhất trong cả một vùng mây dậm toàn sông nước.

"May sao nơi tôi dạt vào chính là đất liền, - nàng nói, - thế là tôi cứ đi sâu mãi, xuyên hết rừng rậm đến núi cao, cứ nhắm mắt mà đi, không biết đâu phương hướng. Tôi cứ bình tĩnh đi như người đang săn tìm cái gì đó. Tôi không hề thấy sợ hãi. Vì tôi sinh ban đêm, và rừng rậm không thể sát hại tôi. Đến ngày thứ hai thì tôi tìm thấy cái cần tìm. Tôi nhìn thấy một túp lều xơ xác trên một con đường nhỏ cát ngang. Túp lều bị bỏ hoang có lẽ đã nhiều năm, mái bị xiêu vẹo và rách nát. Trên mấy chiếc chõng là những tấm chăn đã mủn, còn trên bếp lò chõng chơ vài cái niêu đất và chảo. Nhưng cái đó cũng chưa phải là cái thú vị nhất. Ông không thể đoán nổi tôi đã tìm thấy cái gì bên các gốc cây dâu. Đó là tám bộ xương ngựa bị cột vào đấy đã lâu. Có lẽ chúng đã chết vì đói, chỉ còn lại những đồng xương nhỏ. Trên lưng mỗi con ngựa đều có một gói hành lý. Giữa đồng xương tôi còn tìm thấy những cái bao làm bằng thứ vải gai nhiều màu sắc sỡ, trong các bao ấy lại có các bao khác, bằng da nai, còn trong các túi da nai có cái gì, ông biết

không?"

Liuxi cúi xuống, lôi từ trong đồng cảnh thông dùng làm đệm nằm của nàng ra một cái túi da. Nàng cởi dây buộc, và từ trong túi chạy vào tay tôi một đồng vàng mà tôi chưa bao giờ được nhìn thấy: đó là cả một túi cát vàng, mà phần lớn là những thỏi vàng tự nhiên, cứ nhìn màu của nó thì biết tất cả chỗ vàng đó chưa hề được đãi.

"Ông bảo ông là một kỹ sư mỏ, - nàng nói với tôi, - và ông biết rõ vùng này. Vậy ông có thể nói tên con suối có thứ vàng màu như vậy không?"

Tôi không biết nói gì, vì thứ vàng đó gần như là vàng nguyên chất, không lẫn chút bạc nào. Tôi nói điều đó cho Liuxi biết.

"Đúng, - nàng tán thành, - loại vàng này tôi bán được mười chín đôla một unxia⁽¹⁾, còn vàng của vùng Endôradô thì người ta không thể trả quá mười bảy đôla, còn giá vàng... là khoảng mười tám đôla. Trong đám xương ngựa tôi tìm được tám túi vàng, mỗi túi có chừng một trăm năm mươi phun-tơ⁽²⁾ vàng.

- Túc là một phần tư triệu đôla! - tôi thốt lên.

(1) Unxia: đơn vị đo lường của người Anh = 29,86 gam

(2) Phun-tơ: đơn vị đo lường Anh = 453,6 gam

- Chính thế. Theo cách tính thô thiển của tôi thì con số cũng đúng như vậy, - nàng nói, - ông đã thấy lãng mạn chưa! Tôi làm quần quật suốt bao nhiêu năm, mà vẫn sống khổ như một con chó vậy mà chỉ cần thoát khỏi cảnh tù ngục ấy có ba ngày mà đã xảy ra biết bao chuyện ly kỳ! Còn số phận những người kiếm được chỗ vàng ấy ra sao? Tôi thường hay tự hỏi. Họ để lại những con ngựa bị trói cùng những túi vàng của mình, còn bản thân thì biến mất không để lại dấu tích gì? Dân ở đây không ai nghe nói gì về họ, không ai biết số phận họ ra sao. Nhưng tôi, sinh vào ban đêm, tôi tự cho mình quyền là người thừa kế của họ?"

Trifden im lặng, rít một hơi thuốc.

- Các bạn có biết sau đó người đàn bà ấy đã làm gì không? Nàng giấu tất cả số vàng đi, chỉ mang theo người ba mươi phun-tơ, rồi đi về phía bờ sông. Đến sông nàng ra hiệu gọi một chiếc thuyền đang đi ngang, và nhờ đó đến được đại lý của Công ty Ret Hili ở Daio - tại đây nàng mua sắm một số vật dụng cần thiết rồi lên đường vượt qua đèo Trintout. Đó là vào năm một ngàn tám trăm mười tám, tám năm trước khi người ta tìm thấy vàng ở Clônđaik, thời kỳ mà vùng ven bờ sông Incôn vẫn còn là một vùng sa mạc chết. Liuxi sợ người da đỏ, nhưng nàng có mang theo hai thổ dân Sô vô trẻ tuổi, vượt hồ và đi xuôi theo

dòng sông đến những khu lều trại đầu tiên ở vùng hạ Incôn. Nàng lang thang ở đây vài năm, sau đó chuyển đến nơi mà tôi đã gặp nàng. Theo nàng nói, nàng thích nơi này vì nàng nhìn thấy "một chàng hươu đực ở mãi tít thung lũng, giữa đám rẻ quạt màu huyết dụ cao đến cẳng chân". Nàng ở lại đó sống với những người da đỏ, chữa bệnh cho họ, chinh phục được lòng tin của họ và dần dần sai khiến được họ. Từ đó đến nay nàng chỉ đi khỏi nơi đó có một lần: đó là lần đầu nàng mang theo một nhóm thanh niên da đỏ vượt qua đèo Trincut, đào lấy số vàng nàng cất giấu tại một nơi bí mật, rồi đem về.

Và thế là tôi sống ở đây, người khách lạ ạ, - Liu xi kết thúc câu chuyện. - Và đây là cái quý báu nhất trong số tất cả những gì tôi có!".

Nói đoạn nàng lôi ra cái bao nhỏ bằng da hươu mà nàng vẫn đeo ở cổ như một cái mặt dây chuyền, và cổ nức. Bên trong là một mẫu báo được gói cẩn thận trong một mảnh lụa tẩm mỡ, đã ngả vàng vì thời gian, sờn rách và lấm bẩn. Đó là mẫu báo đang một đoạn thơ của Tô-rô.

- Và cô có hạnh phúc không? Có hài lòng không?

- Tôi hỏi - Có một phần tư triệu đôla, cô có thể sống không cần phải làm gì, ngay cả ở các Bang. Chứ sống ở đây chắc có nhiều thiếu thốn lắm.

- Cũng không thiếu nhiều lắm, - nàng đáp. - Tôi không muốn đổi lấy cuộc sống của bất kỳ người đàn bà nào ở các Bang. Chỗ của tôi là ở đây, giữa những người cũng như tôi. Tuy vậy, cũng có những phút, - và trong ánh mắt nàng, tôi đọc được một nỗi buồn thêm khát, cái nỗi buồn mà tôi đã nói với các bạn, - cũng có những phút tôi cảm thấy khao khát được có Tô rô ở đây.

- Để làm gì? - Tôi hỏi.

- Để tôi lấy ông ta làm chồng. Đôi lúc tôi cảm thấy cô đơn quá. Vì dù sao tôi cũng chỉ là một người đàn bà, một người đàn bà bình thường nhất. Tôi có nghe nói đến một loại đàn bà khác, cũng như tôi bỏ trốn khỏi nhà, và làm đủ mọi chuyện chẳng hạn đi lính hay lính thủy. Nhưng đó là những người đàn bà kỳ quặc. Loại đàn bà đó trông bề ngoài cũng giống đàn ông hơn phụ nữ, họ không có những nhu cầu của một người phụ nữ thực sự. Họ không khao khát tình yêu, không muốn có con để ôm ấp chúng, để ghì chặt lấy chúng vào cặp đùi mình. Còn tôi, tôi lại chính là người phụ nữ như vậy. Ông cứ xét xem, chả lẽ tôi lại giống đàn ông sao?

- Chả lẽ tôi không phải là đàn bà? - Nàng hỏi lại. - Phải, một người đàn bà như những người đàn bà khác. Nhưng có một điều lạ, là trong khi vẫn hoàn

toàn là một người đàn bà sinh ban đêm, nhưng hễ động chạm đến tình yêu, thì tôi lại không còn là người đàn bà như thế nữa. Tôi cho rằng chẳng qua vì con người ta bao giờ cũng yêu những người giống mình. Tôi cũng vậy, ít ra là trong suốt những năm qua.

- Chẳng lẽ cô... - Tôi thốt lên.

- Không bao giờ, - nàng ngắt lời tôi, vì qua mắt nàng tội hiểu nàng nói thật. - Tôi chỉ có một người chồng. Trong ý nghĩ bây giờ tôi vẫn gọi hắn ta là "Bò đực". Có lẽ bây giờ hắn vẫn còn mở quán rượu ở Giunô. Ông hãy đến thăm hắn, nếu có đạo qua vùng đó, và ông sẽ thấy hắn xứng đáng với biệt hiệu đó.

Hai năm sau, quả thực tôi có tìm gặp con người đó. Anh ta đúng là con người như Liuxi tả - đứng vững, béo tốt, hết như một con bò đực. Anh ta chậm chạp đi lại giữa các bàn trong tiệm ăn của mình để mang thức ăn cho khách.

- Ông cần có một người vợ để giúp đỡ, - tôi bảo anh ta.

- Trước đây tôi đã có, - anh ta đáp.

- Vậy ông góa vợ sao?

- Phải, con vợ tôi đã chết. Lúc nào y cũng kêu ca là hơi bếp làm y phát điên. Mà đúng như vậy. Một lần y chìa súng lục vào tôi, rồi bỏ trốn với một bọn thổ dân trên một chiếc thuyền độc mộc. Dọc đường

thuyền bị bão đắm và tất cả chết hết.

Trifden lại rút dây cộc và im lặng một lúc lâu.

- Còn người đàn bà ? - Mincơ nhắc - Anh ngừng đúng chỗ lý thú nhất. Sau đó thế nào?

- Sau đó, - Trifden kể tiếp, - như thế này: theo lời nàng, thì tuy vẫn thích tiếp tục cuộc sống man rợ như thế, nhưng nàng vẫn muốn có một người chồng cùng chủng tộc. Rồi với giọng rất dễ thương, nàng nói thẳng cho tôi biết nàng muốn làm vợ tôi.

- Người khách lạ ơi, - nàng nói. - Tôi thực lòng quý mến ông. Nếu như mùa thu mà ông dám vượt qua dãy núi hiểm trở để đến đây, có nghĩa là ông thích cuộc sống chúng tôi đang sống. Ở đây có nhiều cảnh đẹp mà không nơi nào có thể có. Vậy sao ông không ở lại luôn đây? Tôi sẽ là người vợ tốt của ông.

Nàng chờ tôi trả lời. Phải thú thật rằng lời mời của nàng đầy sức quyến rũ, - lúc đó tôi gần như bị nàng mê hoặc. Nhưng rồi các bạn biết đấy, đến nay tôi vẫn chưa lấy vợ. Bây giờ, nhìn lại quá khứ, tôi có thể nói rằng Liuxi là người đàn bà duy nhất có sức hấp dẫn tôi. Nhưng tất cả chuyện đó tôi thấy có cái gì quá phi lý.

Vì thế tôi đã nói dối nàng, nói dối như một tên đàn ông đứng đắn: Tôi bảo nàng tôi đã có vợ.

- Vợ ông có chờ ông không? - nàng hỏi.

- Có, - tôi đáp.

- Và nàng yêu ông?

- Phải.

Thế là hết! Liuxi không lần nào trở lại đề tài ấy nữa... trừ có một lần, khi nỗi khao khát của nàng bộc lộ ra ngoài.

- Tôi chỉ cần ra lệnh, - nàng nói, - là ông sẽ không thể đi khỏi đây được... Phải, tôi chỉ cần nói một tiếng là ông sẽ phải ở lại luôn đây. Nhưng tôi sẽ không nói. Tôi không muốn ông, một khi ông không muốn tôi, và một khi ông không cần đến tình yêu của tôi.

- Tôi rất buồn vì phải xa ông - Nàng nói khi chúng tôi chia tay. - Tôi thấy thích ông, tôi yêu ông. Nếu có lúc nào đó ông nghĩ lại, hãy quay về đây.

Giây phút đó tôi bỗng muốn được hôn nàng, vì tôi cũng đã bắt đầu thấy yêu nàng, nhưng tôi e ngại, vả lại tôi cũng không biết thái độ của nàng ra sao. Nhưng chính nàng đã gỡ cho tôi khỏi sự lúng túng.

- Ông hôn em đi, - nàng nói. - Hôn để có cái mà nhớ. - Và chúng tôi hôn nhau ở đó, trong thung lũng phủ tuyết dưới chân núi Hiểm Trở. Tôi để Liuxi đứng lại một mình bên đường và đi theo những con chó của tôi. Phải một tháng rưỡi sau tôi mới vượt qua hết con đèo, đến được trạm gác đầu tiên trên vùng hồ lớn Tù

Hăm.

Thành phố vẫn ì ầm sau cửa sổ như tiếng sóng vỗ xa xa. Người hầu bàn lặng lẽ mang cho chúng tôi những cái ống xi phong. Giữa không khí im lặng, giọng Trifden vang lên như tiếng chuông đưa đám.

- Lẽ ra tôi nên ở lại đó thì hơn. Các bạn cứ nhìn tôi bây giờ thì thấy.

Chúng tôi nhìn bộ ria của anh, cùng chiếc đầu hói, hai múi thịt dưới mắt, đôi má chảy xệ, và cái cằm hai ngấn. Đó là toàn bộ bức tranh tàn tạ của người đàn ông đã có thời trẻ trung cường tráng, nhưng giờ đây đã mệt mỏi, suy yếu, béo phì ra bởi cuộc sống quá nhàn hạ và no đủ.

- Chưa muộn đâu, anh bạn già ạ - Bacduen nói khẽ.

- Thế có Chúa, tôi tiếc vì tôi rất hèn nhát! - Trifden bỗng kêu lên. - Bây giờ tôi vẫn có thể trở lại với nàng, tôi tin nàng vẫn còn ở đó. Tôi có thể thay đổi cách sống và sống thêm được nhiều năm nữa... bên cạnh nàng... trên vùng núi đó. Ở lại đây là tự sát! Nhưng các bạn hãy nhìn tôi xem, tôi đã là một ông già, mặc dù tôi mới bốn mươi tám tuổi. Khốn một nỗi là, - anh ta giơ cao chiếc cốc lên và ngắm nghía nó. - Khốn một nỗi là tự sát như thế này không đòi hỏi phải có can đảm. Tôi đã hư hỏng mất rồi. Chỉ nghĩ

đến cuộc hành trình đường trường bằng xe chó kéo là tôi đã sẵn gai ốc rồi. Bây giờ tôi thấy sợ cả giá lạnh buổi sáng, cả những cỗ xe phủ đầy băng tuyết.

Bằng một động tác quen thuộc, Trifden lại đưa cốc lên môi. Rồi thốt nhiên anh giận dữ làm một cử chỉ như muốn đập mạnh nó xuống sàn, nhưng rồi cơn giận nguôi đi ngay, để nhường chỗ cho vẻ lưỡng lự sau đó là dăm chiêu. Chiếc cốc lại đưa lên cao và dừng lại ở nơi môi. Trifden cất tiếng cười khàn và cay đắng, nhưng giọng nói của anh nghe rất trang nghiêm.

- Chúng ta hãy uống vì người đàn bà sinh ban đêm, ban đêm! Nàng đúng là một người đàn bà phi thường.

THÁI HÀ

dịch từ tiếng Nga

MỤC LỤC

	Trang
1. Sóng lớn Canaca	5
2. Khe núi toàn vàng	59
3. Tình yêu cuộc sống	95
4. Cậu thủy thủ thiếu niên đáng yêu	129
5. Những người thích đùa ở Niu - Hibôn ...	141
6. Xolomông, quần đảo khủng khiếp	169
7. Con trai của chó Sói	197
8. Ngôi nhà của Mapuhi	227
9. Hướng theo những mặt trời giả tạo	267
10. A! A! A!	309
11. "Alôhaóc!"	331
12. Tiếng gọi nơi hoang dã	345
13. Người đàn bà sinh ban đêm	513

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội

JACK LONDON

Tác phẩm chọn lọc

Chịu trách nhiệm xuất bản:

VŨ AN CHUONG

Chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM-NGOC LUẬT

Biên tập: THANH VIỆT

Sửa bản in: THẢO LINH

Vẽ bìa: **Đại Thắng**

In 800^c, khổ 13 x 19cm. Tại XN in Á Phi
Số XB : 1207-CXB/03 -VHTT
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2001

Jack London

TÁC PHẨM CHỌN LỌC



NHÀ SÁCH
30 HẠN THUYỀN
QUẬN HAI BÀ TRUNG - HÀ NỘI
ĐT: (04)8.246272

Giá : 16.000